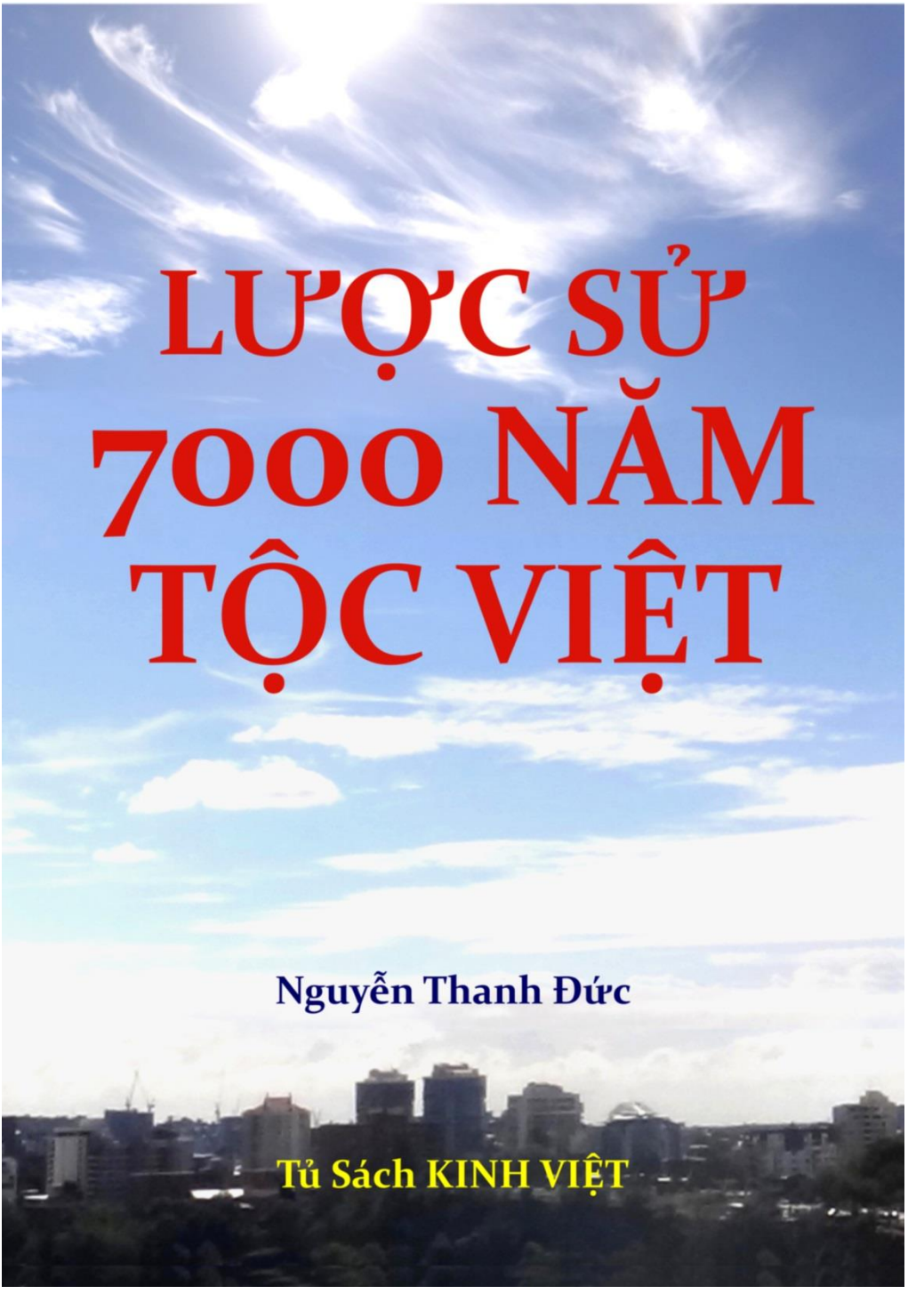
LƯỢC SỬ
7000 NĂM
TỘC VIỆT
Nguyễn Thanh Đức
Tủ Sách KINH VIỆT

LƯỢC SỬ 7000 NĂM TỘC VIỆT

Lịch Sử của hơn **1.184.000.000** Người
hiện đang ở vùng Đất trên **4.600.000** cây số vuông.
Sự Thực Lịch Sử xuyên qua hơn 2000 năm
bị gian tặc Hoa lạm nhận.

Tộc Việt khởi nguyên trước tộc Hoa hơn 4000 năm.

Hơn 300 năm trước khi tộc Hoa thành hình,
Tộc Việt đã kiện toàn nền Văn hóa Nhân Bản trỗi vượt,
và đã có nền Văn minh với hơn 5000 chữ viết.

Đồng thời với tộc Hoa thành hình,
Việt Lạc đã đúc những tuyệt tác bằng đồng, khắc ghi
Bốn Học Thuyết tinh hoa của Cuộc sống Con Người.

ISBN 978-1-875413-09-6

LƯỢC SỬ 7000 NĂM TỘC VIỆT

(Khổ giấy 14x20 cm)

NGUYỄN THANH ĐỨC

LƯỢC SỬ 7000 NĂM TỘC VIỆT

2021
Tủ Sách KINH VIỆT

Cùng Tác giả

Đã và sắp xuất bản

- Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông
- Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam
- Nếp Sống Tâm Linh Việt Nam
- Việt Nam thời Bảo Bình
- 7000 Years of Ethnic Việt History
- Việt Nam Origins of Four East Asian Theories
- Việt Nam Culture and Humanity
- Việt Nam Culture and Spirituality
- Việt Nam in the Age of Aquarius

ISBN : 978-1-875413-09-6

© Nguyễn Thanh Đức 2021

Tác giả giữ bản quyền.

Theo Luật Bản Quyền quốc tế.

Liên lạc : 8thanhduc@gmail.com.

Xin kính dâng Lời Cảm Tạ lên

Hai Ngài Tộc Tổ, Mười Tám Ngài Quốc Tổ, các Đấng Thánh, Thần, Anh Linh Việt. Các Ngài đã ưu ái chỉ dạy, chứng giám, và cho con chan chứa hạnh phúc suốt hơn 40 năm tìm về Cội Nguồn, gặp lại Tổ Tiên siêu việt.

Mến tặng

Các Cô Thầy, những Vị đào tạo Tương lai của Dân tộc. Bộ sách nầy được viết riêng cho các Cô Thầy. Cách trình bày và những tóm lược, những sơ đồ, danh mục, cũng để các Thầy Cô dọn bài dễ dàng hơn.

Xin thành kính Cảm Tạ

Tổ Tiên, Ôn Mệ Nội, Ôn Mệ Ngoại, và Cha Mạ. Các Ngài là những Vị Thần đã tiếp ứng Đức Trời Cao cho con được diễm phúc Làm Người. Các Chị, Anh, Em, đã cùng nhau chung hưởng cuộc sống trọn vẹn thâm tình.

Các Tôn Sư ở Chủng viện Kontum, Chủng viện Thánh Giuse Sàigòn, Giáo Hoàng Học Viện Piô X Đà Lạt. Các Thầy đã ưu đãi dạy dỗ và khuyến khích cho con được như hôm nay.

Thân mến Cảm Tạ

Từng Người và Đất Nước Úc. Từ ngày trở thành Thuyền nhân Tỵ nạn năm 1975, tôi đã được hưởng một Nếp sống Úc an hòa và thịnh vượng, với mọi ưu ái, biệt đãi, cơ hội, và phương tiện vào bậc nhất của Thế giới.

Đặc biệt Cám Ơn

Hoàng nị Triều Linh Hồ Thanh Sử, Ba Mẹ, và các con Bích Thùy, Văn Hùng, Đoan Trang, Thùy Trinh, Ngọc Tuyết, các cháu Thiên Tâm, Thiên An, Thiên Trang Monique, Thiên Huy Sebastian.

Nhờ lòng yêu quý và hy sinh vượt bực của Em và của các Con các Cháu, Kỳ tích tim óc nầy của chúng ta mới có thể góp mặt với Đời.

NỘI DUNG

LƯỢC SỬ
7000 NĂM TỘC VIỆT

Lời mở 11
Trích dẫn 13

Phần 1 : LƯỢC SỬ

1. Dẫn nhập : Nền Tảng Khác Biệt
giữa Tộc Việt và Tộc Hoa 19
2. Vài Minh Định
về Lịch Sử Văn Hóa Địa Lý 27
3. Tộc Việt Thời Khởi Nguyên
2121 ttH - 1 tH, 5000-2879 ttl 47
4. Tộc Việt Thời Hùng 1,
1-809 Thời Hùng (tH), 2879-2070 ttl 71
5. Tộc Việt Thời Hùng 2,
809-1279 tH, 2070-1600 ttl 97
6. Tộc Việt Thời Hùng 3,
1279-1833 tH, 1600-1046 ttl 117
7. Việt và Hoa Thời Hùng 4A,
1833-2108 tH, 1046-771 ttl 145
8. Việt và Hoa Thời Hùng 4B và 4C,
2108-2699 tH, 771-180 ttl 163

9. Việt Lạc Cuối Thời Hùng và Thời
Nhà Trưng, 2665-2922 tH, 214 ttl-43 dl 183
10. Tóm gọn 5000 năm Sử Việt Xưa 195

Phần 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ, VĂN HÓA

11. Bốn Chữ Việt Linh Thiêng 225
12. Nguồn gốc Tiên Rồng - Lạc Long Quân
và Âu Cơ : Mưu đồ Đồng hóa Tộc Việt
vào Tộc Hoa 233
13. 18 Vua Hùng : 9 Vua Hùng Bà -
9 Vua Hùng Ông 257
14. Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam - Lãnh Thổ
và Sức Sống của Việt Lạc 2909-2922 tH,
30-43 dl 275
15. Đã 13 lần Việt Nam
Đại thắng Giặc Phương Bắc 307
16. Nguy cơ Đại Họa
và Tử Huyệt của Trung Hoa 323
17. Nam Hải : Biển của Nước Nam 337

Sách Tham Khảo 345
Bản Đồ 351
Chữ Tắt 352

LỜI MỞ

Dầu Tộc Việt khởi nguyên ở vùng Hồ Đồng Đình và đã tỏa lan ra khắp các vùng chung quanh trong hơn 7000 năm qua, và mặc dầu hiện nay dân số mang dòng máu Việt đã vượt quá 1.184.000.000 người, cho tới hiện nay, chưa có một tài liệu nào đặc biệt đề cập tới Lịch Sử Tộc Việt.

Sở dĩ có tình trạng nầy là vì trong suốt 3000 năm qua, người tộc Hoa không chỉ dùng bạo lực thống trị, đàn áp, và dùng mọi phương cách để hủy diệt dấu tích của Tộc Việt, mà còn dùng độc quyền ghi chép để tiếm nhận, cưỡng chiếm, hoặc xuyên tạc lịch sử và mọi hay tốt của Tộc Việt.

Người tộc Hoa đã tiếm nhận Quá khứ của Tộc Việt để làm tiền sử linh thiêng của chúng.

Người tộc Hoa đã tiếm nhận Danh nhân và Truyền thuyết Việt để làm lịch sử thần thánh của chúng.

Người tộc Hoa đã tiếm nhận Văn minh và Kỹ thuật của Tộc Việt làm thiên tài của chúng.

Người tộc Hoa đã tiếm nhận Chữ viết của Tộc Việt làm đặc điểm ưu việt của chúng.

Người tộc Hoa đã tiếm nhận các Học thuyết Việt để minh chứng trí thức siêu phàm của chúng.

Người tộc Hoa đã chiếm đoạt phần Đất của Tộc Việt

làm tài sản thiên định của chúng.

Người tộc Hoa còn áp đặt nhiều định kiến ngụy tạo, không chỉ nhằm thủ tiêu tinh thần tộc dân, hủy hoại xã hội và văn hóa Việt, mà còn luôn dùng mọi thủ đoạn hiểm độc để che giấu sự hiện hữu của Tộc Việt.

Cũng trong suốt 3000 năm qua, nhất là hiện nay, giới thống trị Hoa đã ngông nghênh miệt thị dân Việt, và dùng chính những Di sản quí báu của Tộc Việt để kênh kiệu và hống hách với thế giới.

Vì vậy, cần nhìn lại toàn bộ Lịch sử cổ xưa của Tộc Việt,

1. Để trả lại Sự Thực cho Lịch sử.

2. Để trả lại 5000 năm Tiền sử Việt cho Tộc Việt.

3. Để trả lại Đất nước Việt cho Tộc Việt.

4. Để trả lại Truyền thuyết Việt cho Tộc Việt.

5. Để trả lại Danh nhân Việt cho Tộc Việt.

6. Để trả lại Chữ viết Việt cho Tộc Việt.

7. Để trả lại các Học thuyết Việt cho Tộc Việt.

8. Để trả lại Văn minh, Văn hóa Việt cho Tộc Việt.

9. Để trả lại toàn thể Gia sản Việt cho Tộc Việt.

10. Để trả lại trọn vẹn cho Tộc Việt, danh dự, niềm tự hào, hùng tâm dũng khí, và vinh quang mà 'thiên triều' Trung Hoa đã mưu đồ tước đoạt trong hơn 3000 năm qua.

TRÍCH DẪN

a. Tộc Dân và Vùng Đất Trung Hoa

"Sắc dân, mà ngày nay tự nhận là *dân Hoa*, đã có nguồn gốc từ thượng lưu Hoàng Hà trong khoảng từ *3000 tới 4000 năm* trước."

The Chinese Mosaic, do Leo J. Moser, Westview Press, London 1985, tr 10.

"Vùng lịch sử xưa nhất của Trung Hoa là Trung Nguyên, *ở* khoản giữa *lưu vực Hoàng Hà*, gồm một phần của các tỉnh Hà Nam, Hà Bắc và Sơn Tây hiện nay. Đó là lãnh vực của các vua nhà Thương, mà sau nầy, thời nhà Chu, xưng là Trung Hoa."

Introduction to Chinese History, do Bodo Wiethoff, Thames and Hudson, London 1975, tr 38.

*

b. Nền Văn hóa Trung Hoa

"Trong việc thành hình nền văn hóa Trung Hoa, thiết tưởng ảnh hưởng của những sắc dân thiểu số đã to lớn hơn là những sử gia truyền thống người Hoa công nhận. Sử gia Trung Hoa đã có khuynh

hướng *lạm nhận* rằng dân Hoa đã khởi nguồn từ thung lũng Hoàng Hà, vùng Trung Nguyên, rồi tỏa lan và hấp thụ các dân 'mọi rợ' bằng việc ban phát cho họ những hồng ân của nền văn minh Hoa."

"Thay vì ước định có một sắc dân chủ yếu tỏa lan và hấp thụ các sắc dân khác, có lẽ ta nên nhìn thấy những *ảnh hưởng văn hóa* hỗ tương đưa đến những dị biệt trong nền văn minh Trung Hoa. Tại một số nơi, nền văn minh nầy mang dấu vết của địa phương và của những sắc dân đã bị đồng hóa vào dân Trung Hoa."

Portraits of China, do Lunda H. Gill, Univ. of Hawaii Press, Honolulu 1990, tr 2.

*

c. Cuộc gặp gỡ Việt Hoa

"Người Hoa tiến về phía Nam không phải là đi vào hoang địa không người... Khi nền văn minh đặc thù của người Hoa phát khởi ở đồng bằng *miền Bắc*, thì những vùng đất *miền Nam* đã được chiếm cứ bởi những giống dân... đã phát triển về văn hóa không quá thấp so với Hoa."

China's Imperial Past, do Charles O. Hucker, Duckworth, London 1975, tr 14.

"Phản kháng lớn nhất chống đối sự xâm lấn của người Hoa được biểu lộ nơi dân Việt. *Dân Việt* đã là giống dân có *tổ chức vững chải*... Và vì ở dọc theo bờ biển đông nam nên họ là *chủ tể về hàng hải*... Sự trỗi vượt của dân Việt trên vùng nước ven biển kết hợp với núi non hiểm trở bao quanh, đã tăng phần bảo vệ các tiểu quốc đó khỏi sự thống trị của người Hoa."

China, an Integrated Study, do Arthur Cotterel và David Morgan, Harrap, London 1975, tr 62.

"Không phải tất cả dân bản xứ đều bị người Hoa chinh phục và đồng hóa. Để khỏi bị trở thành người Trung Hoa, những tộc dân chống đối mạnh mẽ nhất đã di tản khỏi vùng bị nền văn minh Hoa xâm lấn. Họ đã cương quyết phát triển *những nền văn hóa riêng*, dầu có liên hệ nhưng độc lập, như dân Việt Nam và dân Thái Lan."

China's Imperial Past, do Charles O. Hucker, Duckworth, London 1975, tr 14.

PHẦN 1
LƯỢC SỬ

1

DẪN NHẬP

NỀN TẢNG KHÁC BIỆT GIỮA TỘC VIỆT VÀ TỘC HOA

1. Sách vở Trung Hoa

Việc tìm hiểu và xác định quá khứ Tộc Việt, cũng như phân biệt giữa Tộc Việt và tộc Hoa, phần lớn đã căn cứ trên sách vở Trung Hoa.

Tuy nhiên, lịch sử cổ xưa của vùng Đông Á Châu đã bị giới thống trị Hoa liên tục sửa đổi nhiều lần, đặc biệt ở các triều đại Hán, Đường, Tống, Thanh và Cộng sản hiện nay.

Lần sửa đổi tận gốc xảy ra ở thời Càn Long. Năm 1793 dl Càn Long hoàn thành việc sửa đổi với bộ *Tứ Khố Toàn Thư* gồm 36.275 quyển, sau khi đã thiêu hủy hơn 6 vạn quyển bị coi là bất lợi cho 'thiên triều'.

Tất cả đều để áp đặt chủ trương tộc Hoa là ưu vượt xuyên suốt lịch sử, đặc biệt với chủ thuyết 'Thiên Tử Thế Thiên hành đạo', vua Trung Hoa là Con Trời, thay Trời trị

Dân. Với chủ thuyết nầy, Trung Hoa tự nhận 'sứ mạng tối cao' là cướp đoạt mọi tài sản dưới bầu trời và thôn tính mọi dân tộc trên trái đất thành nô lệ của dân Hoa.

Họ đã dùng độc quyền ghi chép để sửa đổi, xuyên tạc, khỏa lấp lịch sử, và áp đặt thiên kiến lên các thực trạng đương thời, kể cả lên các thời điểm và địa điểm.

Tuy nhiên, dầu liên tục sửa đổi, giới thống trị Hoa vẫn không thể che giấu hoàn toàn mọi sự thực lịch sử. Ta vẫn nhìn thấy nhiều chứng tích của Tộc Việt trong sách vở Trung Hoa.

* *

2. Khác biệt Nền tảng giữa Tộc Việt và Tộc Hoa

Những phát hiện của khảo cổ hiện nay cũng là những dấu tích của sự khác biệt giữa 2 tộc dân, giữa 2 thời điểm khởi nguyên, giữa 2 vùng đất phát xuất, giữa 2 văn minh, và giữa 2 nền văn hóa Việt và Hoa.

Tuy vậy ngày nay, dầu trái ngược với chứng tích và luận cứ của nhiều nhà khảo cổ Âu Mỹ, giới học giả Trung Hoa vẫn cố bám víu vào những truyền thuyết và thiên kiến ngụy tạo của thời trước mà biện giải các chứng cứ của quá khứ.

* *

3. Thời điểm Thành hình của 2 tộc dân Việt và Hoa

Tộc Việt thành hình trước Tộc Hoa 4000 năm.

Tộc Việt phát xuất từ năm *5000 ttl*. Tộc Hoa thành hình khi bộ tộc Chu kết hợp các bộ tộc du mục trong vùng

Thiểm Tây, và thành lập Nhà Chu năm *1046 ttl*.

* *

4. Vùng Đất Tổ của Việt và Hoa

Những đặc tính và hệ quả của vùng Đất Tổ của một tộc dân cũng ảnh hưởng sâu đậm trên nếp sống truyền thống của dân tộc đó.

Tộc Việt phát xuất từ vùng Hồ Đồng Đình ở trung lưu Sông Dương Tử. Hồ Đồng Đình là một hồ lớn, nơi hợp lưu của 5 dòng sông. Mùa nước lớn, Hồ rộng thêm gấp 10 lần. Vùng ruộng đất phì nhiêu nầy không chỉ giúp phát triển Tộc Việt, mà còn là gốc của nền Văn hóa Lúa Nước trong vùng.

Đang khi đó, sau Tộc Việt gần 4000 năm, tộc Hoa được thành hình ở Sông Vị, thuộc Thiểm tây, phía tây lưu vực Hoàng Hà, là vùng đất khô cằn giá lạnh, nơi phát sinh nếp sống và nền văn hóa Du Mục.

* *

5. Đường Ranh Thiên Nhiên giữa các Vùng

Thời giao thông còn sơ khai, núi cao sông sâu cũng là những đường ranh thiên nhiên chia cách các tộc dân.

Trên vùng đất nay thuộc Trung Hoa, đường ranh thiên nhiên Sông Hoài-Tần Lĩnh đã và đang chia 2 phần Bắc Nam. Phía Nam nhiều sông hồ, nhiều nắng ấm, thuận lợi lúa nước, cách biệt với phía Bắc khô cằn giá lạnh, thích hợp với nếp sống du mục. Dầu đã được phát triển với nhiều kỹ thuật tân tiến, cho tới hiện nay, ranh giới

thiên nhiên nầy vẫn còn ảnh hưởng quan trọng.

Ngoài ra, ở thời chưa có phân định ranh giới rõ rệt, nơi nào có đông người của tộc dân sinh sống lâu đời thì vùng đó được coi thuộc quyền sở hữu của tộc dân đó.

* *

6. Đặc tính Văn hóa khác biệt giữa Việt và Hoa

Do vùng đất phát xuất, nền Văn hóa gốc Lúa Nước của Tộc Việt và nền văn hóa gốc Du mục của tộc Hoa có những đặc tính hoàn toàn khác biệt.

Dân Việt trồng Lúa Nước phát triển ở các đồng bằng nhiều nước, nhiều mưa, nhiều nắng ấm. Họ định cư lâu dài, ít chuyển dịch, và di chuyển bằng thuyền. Do đó, họ có cuộc sống cộng đoàn, nương tựa nhau, hòa hợp với thiên nhiên, ôn hòa, thích nghệ thuật... và thiên về mẫu hệ.

Đang khi đó, dân Hoa Du Mục sống vùng đồng cỏ khô cằn, với nghề chăn nuôi luôn chuyển dịch theo đoàn súc vật, di chuyển bằng ngựa. Họ coi trọng sức mạnh, trọng phái nam, trọng cá nhân, hiếu thắng, trọng võ nghệ... Vì vậy, họ thiên về độc lập, độc tôn, chuyên chế... và trọng phụ hệ.

* *

7. Cấu trúc Khác biệt giữa 2 Ngôn ngữ Việt và Hoa

Cấu tạo ngôn ngữ của dân Việt và dân Hoa không chỉ có nhiều khác biệt, mà ngôn ngữ Việt còn súc tích và tinh tế hơn nhiều. Đây cũng là đặc tính của một cộng đoàn gốc

Lúa nước lâu đời trỗi vượt trên một cộng đoàn gốc Du mục mới thành hình.

Cùng với việc phát triển sớm hơn tộc Hoa 4000 năm, Tộc Việt còn có cả một hệ thống 5000 chữ viết với hơn 3000 chữ chuẩn xác, trước khi tộc Hoa thành hình.

Hiện nay, loại chữ tượng hình vẫn lưu truyền hình ảnh, dấu tích, và nội dung của thời hơn 4000 năm trước.

8. Thạp đồng và Trống đồng Đông Sơn

Thạp đồng và Trống đồng thuộc lò đúc ở Đông Sơn, trên bờ Sông Mạ, Thanh Hóa, thời cách đây hơn 3000 năm, đã ghi nhận nhiều chứng tích hiển nhiên của nền văn minh và văn hóa Việt đương thời. Tổ Tiên Việt Lạc Sông Hồng, Việt Nam ngày nay, đã dùng hoa văn, trang trí và hình dạng độc đáo của Thạp đồng và Trống đồng Đông Sơn, đặc biệt Thạp Đào Thịnh và Trống Ngọc Lũ, mà mã hóa và lưu truyền toàn bộ những ý niệm và học thuyết Việt đương thời. Những học thuyết nầy gồm học thuyết *Âm Dương Hoán Dịch*, học thuyết *Đất Trời Năm Hành*, học thuyết *Tiên Rồng Song Hiệp*, và học thuyết *Đạo Đức Tuệ Linh*.

Những ý niệm và học thuyết được Tổ tiên Việt Nam ký thác lên Thạp Đào Thịnh và Trống Ngọc Lũ có những lợi điểm mà chữ viết và sách vở không thể có.

Khác với chữ viết và sách vở, hình dạng và hoa văn khắc trên đồ đồng không biến đổi với thời gian. Cũng khác với chữ viết và sách vở, ngày nay ta có thể biết địa điểm và thời điểm phát xuất của đồ đồng, dựa trên hợp

kim, hình dạng, trang trí, kỹ thuật đúc, và những di vật cùng thời. Những hình ảnh được khắc trên đồ đồng, gốc của chữ tượng hình, cũng có nhiều chi tiết súc tích và nhiều ý nghĩa chính xác hơn chữ viết.

* *

9. Tộc Việt

Cách đây 7000 năm, người Tộc Việt đã từ vùng Hồ Động Đình tỏa lan ra khắp bốn phương.

Nhánh Tây tiến về phía rừng núi Tứ Xuyên. Nhánh Đông theo dòng Dương Tử ra biển. Nhánh Bắc lên tới vùng sau nầy được gọi là Trung Nguyên. Nhánh Việt phương Nam đã có mặt khắp Lĩnh Nam xuống tới vùng Bắc Trung phần Việt Nam ngày nay.

a. Việt và Hoa

Cách đây 3000 năm, một nhóm bộ lạc du mục vùng Thiểm Tây tụ họp và thành lập Nhà Chu. Sau nầy họ được coi là Tộc Hoa. Theo sách vở Trung Hoa, từ đó họ trở thành giai cấp thống trị và tự nhận mình là 'thần thánh', là 'con Trời'.

Từ thời Hán, cách đây 2000 năm, giới thống trị Trung Hoa lại chia giang sơn Tộc Việt theo đường ranh Sông Dương Tử. Vùng Bắc Dương Tử bị cho là đã trở thành Trung Hoa. Vì chưa biết gì về vùng Nam Dương Tử, sách vở Trung Hoa coi đây là vùng Bách Việt sơ khai lạc hậu, cần được 'thiên triều' tiếp thu và

khai hóa.

b. Dấu tích Việt

Trước khi tiếp xúc với Tộc Hoa, Tộc Việt đã có hơn bốn ngàn năm phát triển về nhân số, và tiến bộ vượt bực về văn hóa và về nếp sống xã hội canh nông và ngư nghiệp.

Chỉ sau năm *1046 ttl*, người Tộc Việt phương Bắc mới phải đương đầu với người Tộc Hoa du mục hiếu chiến đến từ phương tây.

Từ đó, với bạo lực thống trị và với mặc cảm hiếu chiến cao ngạo, giới thống trị người Hoa đã tiếm nhận mọi điều hay tốt của Tộc Việt làm độc quyền của họ. Đồng thời, họ đã quyết tâm xóa bỏ mọi chứng tích Việt tại địa phương, cũng như trong tài liệu, và trong tâm hồn người dân.

Tuy nhiên, vì nhân số Tộc Việt đã đông đảo, vì văn minh và Văn hóa Việt đã phát triển lâu đời, và vì dân Việt luôn quyết tâm lưu truyền nền Văn hóa ơn ích của Tổ Tiên, nên dầu bị người Hoa thống trị, Văn hóa Việt vẫn tồn tại nơi nếp sống của đại chúng Việt và ảnh hưởng tới người Hoa.

Cũng nhờ vậy, ngày nay ta có thể tìm gặp dấu tích Việt trong tài liệu, truyền thuyết, sách vở, và lịch sử... của Trung Hoa.

* *

10. Lược Sử Tộc Việt

Dấu ấn của Tộc Việt vẫn hiển hiện nơi nhiều di sản, trong mọi lãnh vực, trên một vùng đất mênh mông, từ ranh Sông Hoài Tần Lĩnh tới tận Hải Vân, trong suốt 7000 năm và với hơn một tỷ người đang sống.

Lược Sử 7000 Năm Tộc Việt tìm hiểu từ Thời Khởi Nguyên của Tộc Việt, qua suốt Thời Hùng 2.699 năm, tới hết Thời Nhà Trưng, tức là từ năm *5000 ttl* tới năm *33 dl*.

Cho các thời đại sau, hiện đã có nhiều tài liệu. Chỉ cần theo các cứ điểm và những tiêu chuẩn đang có, mà hiệu chính, và ghi nhận những sự thực lịch sử.

2

VÀI MINH ĐỊNH
VỀ LỊCH SỬ VĂN HÓA ĐỊA LÝ

1. NHÌN CHUNG

1.1 Việt và Hoa

Hai tộc dân Việt và Hoa phát xuất từ hai vùng đất khác nhau, ở hai thời điểm cách nhau gần 4000 năm, và thuộc hai khối văn hóa khác nhau là gốc nông nghiệp lúa nước và gốc du mục.

Tuy nhiên, trong hơn 3000 năm qua, lãnh thổ, lịch sử, văn minh, văn hóa, chủng tộc, và tất cả những gì hay tốt của Tộc Việt... không chỉ đã bị Trung Hoa xâm lấn, tiếm nhận, chuyển đổi... mà dân Việt còn bị Trung Hoa áp đặt nhiều định kiến sai lạc.

Những thiên kiến tệ hại nầy đã phổ biến sâu rộng suốt mấy ngàn năm, và hiện nay vẫn còn được giới thống trị và học thức Trung Hoa nhắm mắt hỗ trợ, dầu là trái ngược chứng cứ lịch sử và cổ học.

* *

1.2 Vấn Đề Chính Yếu

a. Tìm lại Thực Trạng Đương Thời

Tất cả vấn đề là tìm lại Thực trạng Đương thời, xác định nhân sự, thời gian và địa điểm của các sự kiện, mà sách vở Trung Hoa đã cố đánh lận, xáo trộn, thay đổi cho phù hợp với chủ trương thống trị của tộc Hoa.

b. Tài Liệu dồi dào

Việc tìm hiểu quá khứ, đặc biệt những thời kỳ tiền sử, không chỉ qua những tài liệu sách vở thời trước, mà còn được hỗ trợ bằng nhiều ngành khảo cứu khác.

Ngoài ngành khảo cổ và lịch sử tân tiến, còn có các ngành nhân chủng, nhân văn, lịch trình và điều kiện phát triển văn hóa, văn minh, chữ viết, tiếng nói... các ngành địa lý hình thể, sông núi, phong thổ, khí hậu... Tất cả đều tiếp tay cho việc tìm lại sự thực về Tộc Việt, đã mấy ngàn năm bị xuyên tạc và hủy hoại.

c. Vấn đề Niên biểu

Trước đây đã có nhiều ước tính và tranh cải về niên biểu của những triều đại cổ xưa.

Tuy nhiên từ năm 1996 tới năm 2000 dl, đã có 200 chuyên gia Trung Hoa thuộc 7 ngành nghiên cứu, đã hiệu chính niên biểu thời Hạ Thương Chu, và đã xuất bản quyển *Hạ Thương Chu niên biểu*, do Hạ Thương Chu đoạn Đại Công Trình, 2000.

Đây là niên biểu chính thức của Trung Hoa hiện nay, và cũng là niên biểu được dùng trong sách nầy.

1.3 Minh Định

Để việc tìm hiểu thêm dễ dàng và chính xác, cần minh định một số điểm liên quan đến Lịch sử :

- Giá trị và tầm độ của các loại tài liệu, đặc biệt các tài liệu liên quan tới Văn hóa.

- Tài liệu qua Chữ viết và Tiếng nói thời xưa.

- Đặc tính của Văn hóa, và của các Nền Văn hóa.

- Vấn đề Địa lý, hình thể, các đường ranh thiên nhiên và lịch sử.

- Đặc biệt về chủ thuyết đã chi phối toàn bộ lịch sử Á Đông.

* * * *

2. VẤN ĐỀ TÀI LIỆU

2.1 Các Loại Tài Liệu

Ngày nay ta có nhiều tài liệu để tìm lại thực trạng đương thời của quá khứ mấy ngàn năm.

Tuy nhiên, các tài liệu có nhiều nguồn gốc, nhiều thứ loại, với nhiều hạn hẹp về giá trị, quan điểm, trương độ, và mức độ ứng dụng khác nhau.

* *

2.2 Di Tích, Khảo cổ

Di tích xưa, đặc biệt của thời chưa có chữ viết, là nguồn tài liệu quan trọng.

Tuy nhiên, ngoài hạn hẹp do hiếm ít và ngẫu nhiên, di

tích là những hiện vật không hồn, không tiếng nói. Do đó, cần quan tâm tới giới hạn của các giả thuyết căn cứ trên di vật, đặc biệt về văn hóa, nhân văn.

Ngoài việc nhận định niên đại, còn cần cứu xét tầm ảnh hưởng thực tại và hợp lý của chúng.

* *

2.3 Khoa Học

Tài liệu khoa học có giá trị thực tiễn, nhờ phương pháp thực nghiệm.

Vào thời khoa học mới bộc phát, giới nghiên cứu đã bị các khám phá mê hoặc, đến nỗi đã tin rằng khoa học giải quyết thích đáng mọi khúc mắc của cuộc sống con người.

Càng phát triển, khoa học càng nhận ra giới hạn của mình. Những khám phá, những kết luận, lý thuyết khoa học ngày càng bộc lộ tính cách tạm thời, bất toàn, và hạn hẹp... Chúng luôn được thay thế bằng những khám phá mới, những lý thuyết mới.

Ngoài ra, vì chỉ căn cứ trên vật chất, khoa học không thể đơn giản khẳng định những vấn đề vượt ngoài vật chất, như tinh thần, văn hóa, tín ngưỡng, thần linh...

* *

2.4 Truyện Tích Tiền Sử

Các truyện tích về thời tiền sử đã được truyền miệng và cô đọng. Tuy nhiên, các giải thích về truyện tích tiền sử đều do suy đoán của nhiều ngàn năm sau. Vì vậy, nhiều

chi tiết của bản văn không thể là những di chứng lịch sử của nhiều ngàn năm trước.

Cùng với suy diễn và tưởng tượng, bản văn cũng còn chịu ảnh hưởng của những định kiến, những áp đặt của các trào lưu đương thời.

Ngoài ra, đối với tài liệu Trung Hoa, toàn bộ các bản văn đều bị các đời sau, đặc biệt thời Hán, Đường, Tống, Thanh, sửa đổi và thêm bớt.[1]

* *

2.5 Truyền thuyết

Truyền thuyết là những chuyện tích được truyền miệng nhiều đời và phổ biến trong đại chúng.

Do truyền miệng, các truyền thuyết chỉ còn giữ lại một số điểm đại cương, và mang nhiều đặc tính văn hóa hơn là lịch sử.

Dầu truyền thuyết luôn gây tranh cải, nhưng trước khi có các bản văn, truyền thuyết không thể tồn tại ba bốn ngàn năm, nếu không có những cứ điểm ở quá khứ.

Hơn nữa, đặc tính liên tục và thống hợp của một nền

---

[1] Năm 1793 dl Càn Long hoàn thành bộ *Tứ Khố Toàn Thư* gồm 36.275 quyển, sau khi thiêu hủy 6 vạn quyển bị coi là bất lợi cho 'thiên triều'.

Đốt 6 vạn quyển đã nói lên tính cách chủ quan cực đoan trong việc 'san định', sửa chữa, 36.275 quyển còn lại. - Đọc www /*Tứ Khố Toàn Thư*.

văn hóa có thể giúp nối kết và gia tăng giá trị của truyền thuyết, và loại bỏ những thêm thắt, gán ghép.

* *

2.6 Truyền kỳ

Truyền kỳ là những truyện tích với nhiều biểu tượng văn hóa.

Để lưu truyền kinh nghiệm sống, người xưa đã để lại nhiều biểu tượng. Tính cách không thiết thực của biểu tượng nhắc nhớ Truyền kỳ không phải là những truyện tích bình thường, mà là những bài học tiềm ẩn.

Vì lẫn lộn biểu tượng văn hóa với tài liệu lịch sử, nên đã có nhiều suy luận sai lầm, hàm hồ và xuyên tạc.

* *

2.7 Tài liệu Tôn giáo

Tài liệu của tôn giáo chủ tâm dẫn đưa cuộc sống con người hướng về thế giới thần linh. Vì vậy tài liệu tôn giáo tuy có phần hiện thực, nhưng chủ đích xa khác, và nhiều khi được coi có nguồn gốc siêu phàm.

Sự lẫn lộn giữa tài liệu tôn giáo với tài liệu lịch sử, khoa học, đã gây nhiều tranh cải tai hại.

* *

2.8 Thần thoại

Thần thoại bao gồm những chuyện tích về thế giới thần thánh hoặc đã xảy ra trước khi có con người.

Vấn đề là làm sao con người có thể có kiến thức về thế

giới thần linh, hoặc về những chuyện đã xảy ra trước khi có con người trên mặt đất.[2]

Nếu không hàm chứa những bài học tiềm ẩn, thần thoại chỉ là những suy đoán, những phỏng định, những dự phóng được gán ghép cho quá khứ.[3]

* * * *

3. TÀI LIỆU QUA CHỮ VIẾT VÀ TIẾNG NÓI

3.1 Chữ và Tiếng thời xưa

Theo khảo cổ hiện nay, từ thời *1300 ttl*, cách đây hơn 3300 năm, đã có hơn 3000 chữ chuẩn xác, ở vùng cố đô An Dương, vùng Hà Nam hiện nay.

Dầu có thay đổi theo thời gian, tiếng nói hiện nay vẫn lưu giữ âm thanh và nhiều ý nghĩa của thời xưa. Một số từ ngữ cổ càng có vai trò quan trọng.

Vì vậy, tiếng nói và chữ viết xưa cũng là nguồn phong phú cho việc khảo cứu.

* *

---

[2] Như việc tạo thành trời đất, việc tạo dựng núi sông, tạo dựng con người...

[3] Tưởng tượng thời thanh bình thịnh vượng cổ đại, những vị 'Vua Vĩ Đại và Thánh Đức'... đều trái ngược với tiến trình tăng triển tự nhiên của con người và của xã hội loài người.

3.2 Chữ Tượng hình

a. Do Hình Vẽ

Chữ viết vùng Á Đông Xưa căn cứ trên loại chữ tượng hình. Người xưa dùng hình vẽ để liên lạc và ghi nhớ. Qua thời gian, hình vẽ được đơn giản hóa thành những đường nét chính, rồi trở thành chữ viết.

Vì nét chữ chỉ giữ lại những đường chính của hình vẽ, nên hình vẽ nguyên thủy đã chứa đựng nội dung đầy đủ hơn nét chữ.

Nhờ vậy, tìm hiểu hình vẽ nguyên thủy của nét chữ tượng hình cũng là tài liệu súc tích giúp khám phá một số di sản và quan niệm của người xưa.[4]

b. Đặc tính Chữ Tượng Hình

Khác với loại chữ phiên âm, chữ tượng hình là những nét chính của hình vẽ, nên *chữ không cố kết với âm*.

Vì vậy, một chữ tượng hình có nhiều cách đọc, và thường có nhiều âm, nhiều thanh.

Một *chữ* nhưng các cách *phát âm* khác nhau giữa Việt, Hoa, Hàn, Nhật...

Một *chữ* có thể có *nhiều âm*. Ví dụ : 貉 Lạc, mạch, 夏 Hạ, giá...

---

[4] Nhiều dân tộc khác cũng đã khởi sự chữ viết bằng hình vẽ. Nhưng hầu hết đã không phát triển đúng mức, hoặc bị mai một dưới ảnh hưởng của loại chữ phiên âm.

Một *âm*, một tiếng, có thể có *nhiều chữ, nhiều nghĩa*. Ví dụ : Hồng : 洚 nước tràn, nước lụt; 紅 màu đỏ; 洪 lớn; 鴻 loại chim...

Một *âm* nhưng có *nhiều thanh, biến thanh*. Ví dụ : 常 Thường - Thượng, 王 Vương - Vượng, 同 Động - Đồng, hoặc Trị - Trì, Nai - Nãi - Nái, Mê - Mẹ - Mệ...

Một *âm*, được viết bằng *Chữ với Âm tương tự* : sông Mạ - sông Mã.[5]

c. Một số thông lệ

Do đó, chữ tượng hình có một số thông lệ :

1. Các chữ được sắp thứ tự *theo bộ và theo số nét*, chứ không theo âm, không theo nghĩa.

2. Những chữ đồng âm có thể được *xử dụng lẫn lộn*, 'đồng âm thông giả'. Ví dụ : - Sông 'Hồng' có thể dùng lẫn lộn các *chữ* 洚, 紅, 洪, 鴻 dầu các Chữ có Nghĩa khác nhau. - Âm 'Phúc' dùng lẫn lộn các *nghĩa* điều tốt lành, cái bụng, con dơi... dầu các Nghĩa có Chữ khác nhau.

3. Một chữ có thể có những *bộ được ghép thêm* để diễn giải hàm ý mới. Cũng vì vậy, nhiều bộ không thuộc về hình vẽ nguyên thủy.

* * * *

---

[5] Sông Mạ ở Thanh Hóa. Mạ là âm Việt : Mẹ. Từ khi giặc Tàu cấm dùng chữ Việt, chữ Mạ của Việt bị viết thành chữ Mã.

Những ví dụ về chữ, nét, nghĩa, âm, và thanh, theo *Hán Việt Từ Điển Trích Dẫn*, Paris 2006-2011. Đọc www.

4. VẤN ĐỀ VĂN HÓA

4.1 Văn hóa và Văn minh

Văn minh chủ yếu về tiện nghi, phương tiện, hoặc thành tích của một thời kỳ. Văn hóa chú trọng cách sống, nếp sống, tinh thần sống.

Văn minh giúp con người dễ sống. Văn hóa làm con người vui sống hoặc sống vô vị, đau khổ.

Dầu thêm tiện nghi, thêm văn minh, mà không có nền văn hóa thích đáng, con người sẽ không hưởng được niềm hạnh phúc làm người toàn vẹn.

* *

4.2 Đặc tính Hai Tầng của Văn hóa

Các nền văn hóa đều có 2 tầng : tầng văn hóa cai trị và tầng văn hóa đại chúng.

Tầng văn hóa cai trị, tối đa là 5% dân số, gồm nếp sống của tầng lớp lãnh đạo, chỉ huy. Thông thường, họ là tầng lớp có học, có quyền lực, có tổ chức chặt chẽ, có phương tiện, có khả năng ghi chép và phổ biến. Vì vậy, tầng văn hóa cai trị được nhiều người biết tới.

Đặc biệt thời trước, dầu chiếm 95% dân số, tầng văn hóa đại chúng âm thầm sống cuộc sống thường ngày, theo nề nếp lưu truyền từ đời nầy qua đời khác. Vì đại chúng thời xưa ít có phương tiện và khả năng viết lách, nên tầng văn hóa nầy ít có tài liệu, ít được biết tới.

Ngoài di tích, tài liệu của nếp sống đại chúng thời trước là truyền thuyết, phong tục, lễ hội.

Tuy nhiên, dưới khía cạnh con người, nền văn hóa đích thực của một dân tộc chính là nền văn hóa truyền miệng và nếp sống truyền đời của tuyệt đại đa số dân nước.

* *

4.3 Đặc Tính Liên Tục và Thống Hợp của Văn hóa

Văn hóa là kết tinh của một nếp sống truyền đời qua nhiều thế hệ. Vì vậy, đặc tính của một nền văn hóa là sự liên tục và thống hợp.

Cũng như cuộc sống con người, dòng văn hóa có thể qua những khúc quanh quan trọng.

Tuy nhiên, các biến chuyển văn hóa của một cộng đoàn luôn tiệm tiến và hình thành qua nhiều thế hệ nối tiếp. Ở thời xa xưa, thời chưa có chữ viết, thời đa số dân chúng không biết đọc viết, thời chưa có những phương tiện di chuyển và truyền thông phổ biến toàn diện như hiện nay... biến chuyển văn hóa càng cần nhiều thời gian.

Những nét liên tục và thống hợp nầy là sợi dây nối kết truyền thuyết thời khuyết sử với những truyện tích thời hữu sử.

Đây là mấu chốt của việc tìm hiểu những nét đặc thù của một nền văn hóa, và giúp phát hiện những sửa đổi, lạm nhận, hoặc áp đặt ngoại lai.

* *

4.4 Văn hóa gốc Du mục và gốc Lúa Nước

Các nền văn hóa được chia thành hai khối chính: văn

hóa gốc Du Mục và văn hóa gốc nông nghiệp Lúa Nước.

Văn hóa gốc Du Mục do những giống dân sống vùng đồng cỏ khô cằn, với nghề chăn nuôi di chuyển theo đoàn súc vật. Văn hóa gốc du mục coi trọng sức mạnh, trọng phái nam, thích động, hiếu thắng, trọng cá nhân, trọng võ nghệ... Vì vậy, đưa tới trọng phụ hệ, chuyên chế... với lối suy tư thiên về độc lập, độc tôn, đưa tới các lý thuyết 'duy'...[6]

Đang khi đó, dân trồng Lúa Nước phát triển ở các đồng bằng nhiều nước, nhiều mưa, nhiều nắng ấm. Họ định cư lâu dài, ít di chuyển. Do đó, họ có cuộc sống cộng đoàn, nương tựa nhau, hòa hợp với thiên nhiên, ôn hòa, thích nghệ thuật... và thiên về mẫu hệ.[7]

* *

4.5 Văn hóa Việt

Văn hóa Việt phát xuất từ vùng Hồ Đồng Đình, với đặc tính rõ rệt của nông nghiệp lúa nước. Theo thời gian, tộc dân và nền văn hóa Việt tăng triển tới các vùng chung quanh.

Cũng nông nghiệp lúa nước, nhưng trong lịch sử nhân

---

[6] Hiện nay, thế giới có nhiều nền văn hóa gốc du mục. Tuy nhiên, từ gần 200 năm qua, nhiều nhóm văn hóa lớn đang được biến cải, với ý thức tự do, dân chủ, nam nữ bình quyền, nhân quyền...

[7] Với sự phát triển cuộc sống thành thị, đông đúc, các xã hội mẫu hệ dần dần đổi thành phụ hệ.

loại không có nền văn hóa Lúa Nước nào trổi vượt, trọn vẹn, với một tộc dân đông đúc, và lưu truyền lâu đời như nền Văn hóa Việt.

Được vậy, là nhờ Tộc Việt đã khởi nguyên ở một vùng đất nước thích hợp và rộng lớn, xa cách các bộ tộc du mục hiếu chiến, được nhiều thời gian tăng triển đông đúc, để kiện toàn và lưu truyền nếp sống với nhiều cơ chế vững chắc.[8]

* *

4.6 Văn hóa Hoa

Tộc Hoa là giống dân phát xuất từ sự kết hợp của nhiều bộ lạc du mục ở vùng sa mạc và lúa khô Thiểm Tây. Vào thế kỷ *11 ttl*, họ tiến về sinh sống ở vùng thung lũng Sông Vị. Năm *1046 ttl*, cách đây 3050 năm, họ thành lập Nhà Chu.

Từ năm *771 ttl*, một nhóm du mục khác chiếm đóng vùng thung lũng Sông Vị, thành lập Nhà Tần.

Từ Chu qua Tần, tới Hán, giới thống trị Trung Hoa đã biến đặc tính chuyên chế độc tôn của văn hóa du mục thành chủ thuyết Thiên tử thế Thiên hành Đạo : Vua là Con Trời thay Trời trị dân.

Trong hơn 2000 năm qua, chủ thuyết nầy chi phối toàn bộ chính trị, xã hội, văn hóa Trung Hoa.

Có thời, Khổng tử, *551 - 479 ttl*, đã cố công cải hóa nền

---

[8] *Xem* tr 52 : 3.3.2.

văn hóa gốc Du Mục bằng những hay tốt của nền văn hóa gốc Lúa Nước.

Tuy nhiên, các triều đại Trung Hoa đã nối tiếp nhau cắt xén và sửa đổi, biến Khổng học thành phương tiện phục vụ cho triều đình và cho chủ thuyết Thiên tử Thế Thiên một cách cực đoan.[9]

* * * *

5. VẤN ĐỀ ĐỊA LÝ

5.1 Vùng Á Đông Xưa

Vùng Á Đông Xưa là phần đất trải dài từ Bắc Kinh tới Huế, với các lưu vực Hoàng Hà, Sông Hoài, Sông Dương Tử, Tây Giang, Sông Hồng, Sông Mạ và Sông Hương. Tây giáp Sông Cửu Long, Đông giáp biển cả.

Trong 7000 năm qua, Tộc Việt đã sinh sống và phát triển trên vùng đất mênh mông từ Sông Hoài tới Hải Vân. Tuy nhiên, từ 3000 năm gần đây, vùng lưu vực Sông Vị ở Thiểm Tây còn có thêm người Tộc Hoa.

Trong nhiều ngàn năm trước đó, trên vùng đất nầy cũng đã có nhiều nhóm người sống rải rác. Tuy nhiên, về văn hóa và huyết thống, hiện nay ảnh hưởng của những nhóm Thổ dân nầy đã không còn đáng kể.

---

[9] *Xem* tr 321 : bài 16.

5.2 Năm Đường Ranh thiên nhiên

a. Ranh Núi Sông

Thời xưa, khi giao thông chưa thuận tiện, chưa có đường đi xe cộ thuyền bè, thì sông ngăn núi chận, và thời tiết, khí hậu, là đường phân chia các vùng đất, các bộ tộc. (bản đồ).

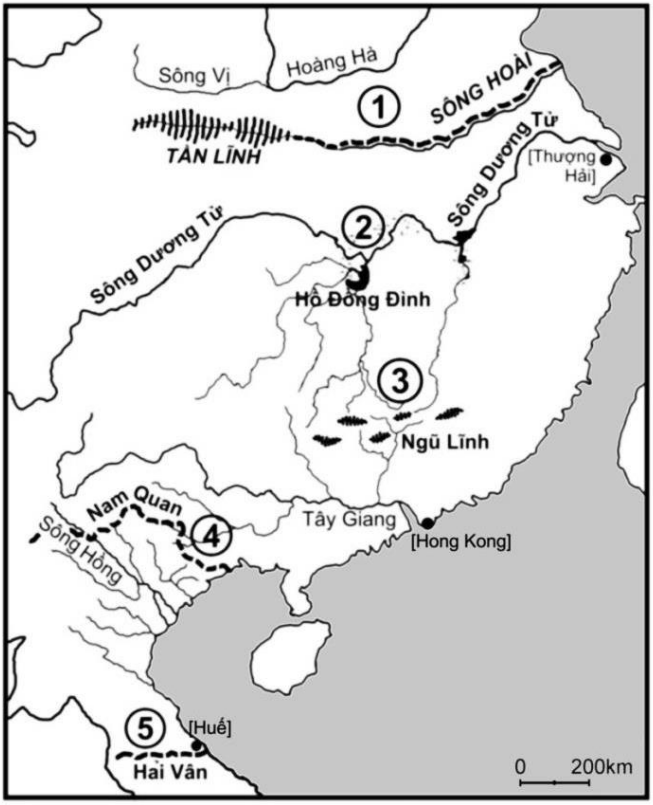

Năm Đường Ranh vùng Á Đông xưa

Khi chưa có phương tiện canh tác, chưa có kỹ thuật trồng tưới, thì vùng đồng cỏ khô cằn lạnh giá và vùng sông hồ phì nhiêu nắng ấm là những phân biệt quan trọng giữa các nền văn hóa.

Từ Bắc xuống Nam, vùng Á Đông có 5 đường ranh thiên nhiên.

b. Đường ranh Sông Hoài Tần Lĩnh

Đường nối dài Sông Hoài với dãy Tần Lĩnh là đường ranh thiên nhiên phân chia hai vùng đất, hai nhóm tộc dân, và hai nền văn hóa khác biệt.

Phía Bắc Sông Hoài Tần Lĩnh nhiều sa mạc, đồng cỏ, khí hậu lạnh giá, ít sông hồ, đất cằn cỗi, chỉ thuận lợi cho việc trồng lúa mì, miến, bắp, và kê... Những bộ tộc vùng nầy thường sống đời du mục, chăn nuôi và trồng lúa khô, di chuyển bằng ngựa.

Phía Nam Sông Hoài Tần Lĩnh nhiều đồng bằng, nhiều nắng ấm, nhiều nước, ruộng đất màu mỡ. Do đó, người dân vùng nầy canh tác lúa nước, gạo, và có nếp sống định cư thành xóm làng, di chuyển bằng thuyền.

Hai bên ranh Sông Hoài Tần Lĩnh đã thành hình những nhóm tộc dân với nhiều đặc tính khác nhau rõ rệt. Nam và Bắc khác nhau từ hình dạng, tướng cách, tiếng nói, đến phong tục, thức ăn, nghệ thuật, tư tưởng, tính tình... với hai nền Văn hóa Lúa Nước và Du Mục.

Đây là đường ranh địa lý quan trọng nhất cho việc tìm hiểu thời kỳ hình thành, tầm độ phát triển, và đặc tính của hai tộc dân Việt và Hoa. (bản đồ).

Hai Vùng NAM BẮC Trung Hoa
với đường ranh thiên nhiên SÔNG HOÀI-TẦN LĨNH

c. Đường ranh Dương Tử

Sông Dương Tử dài, và nhiều nước, đã giữ vai trò quan trọng trong lịch sử Tộc Việt. Dân Việt đã sinh sống và phát triển ở hai vùng Nam Bắc Dương Tử, từ nhiều ngàn năm trước khi Tộc Hoa thành hình ở Thiểm Tây.

Tuy nhiên, cách đây trên dưới 2000 năm, áp đặt chủ thuyết Thiên tử Thế Thiên, 'thiên triều' Hán, *206 ttl - 220 dl*, ấn định rằng dân phía Bắc Dương Tử là Trung Hoa văn minh tiên tiến, và phía Nam Dương Tử là Bách Việt, Trăm Việt, man di lạc hậu.

d. Đường ranh Ngũ Lĩnh

Ngũ Lĩnh, còn gọi là Nam Lĩnh, hiện nay gần như là đường ranh phía Bắc của Quảng Tây, Quảng Đông.

Vào thời Khởi Nguyên của Tộc Việt, từ *5000 ttl*, vì hạ lưu Dương Tử còn ngập nước, và thượng lưu núi non hiểm trở, Dân Việt tỏa lan theo hướng Nam.

Từ Hồ Đồng Đình, Dân Việt ngược Sông Tương, vào Sông Lỗi, qua Sông Bắc, Tây Giang, theo đường biển về Vịnh Bắc Việt, và phát triển ở trung lưu Sông Hồng và Sông Mạ.[10]

Đường phía Tây vượt thượng nguồn Sông Tương qua Sông Quế, theo Tây Giang xuôi ra biển, hoặc ngược Sông Tả vào Bắc Phần Việt Nam.[11]

Từ thời Đế Nghiêu, cách đây 4200 năm, đã có truyền thuyết về việc phát triển tiền tiến của nhánh Việt Sông Hồng Sông Mạ.[12]

---

[10] *Xem* tr 61 : 3.5.2 và bản đồ.

[11] *Xem* tr 64 : 3.5.3.

[12] Sứ giả Việt Thượng dâng Đế Nghiêu Rùa ngàn năm có khắc chữ viết... *Xem* tr 88 : 4.4.3e, và tr 92 : 4.5.4.

e. Đường ranh Nam Quan

Từ năm 906 dl, dân Lạc Hồng giành lại độc lập cho quận Giao Châu và các quận phía nam.

Vì vậy, ranh giới phía bắc quận Giao Châu trở thành ranh giới giữa Trung Hoa và Đại Việt, tức là đường ranh Nam Quan hiện nay. Phần đất phía Bắc bị coi là thuộc Trung Hoa.

g. Đường ranh Hải Vân

Hải Vân là dãy núi giữa Thừa Thiên và Quảng Nam ngày nay, nổi tiếng với Đèo Hải Vân.

Hải Vân là ranh giới thiên nhiên cực Nam của vùng Á Đông Xưa. Năm 196 dl, cách đây 1800 năm, nước Lâm Ấp được thành lập ở phía Nam Hải Vân. Năm 808 dl Lâm Ấp đổi tên là Chiêm Thành.[12]

---

[12] Năm 433 dl người Lâm Ấp quấy phá rồi chiếm giữ phía Bắc Hải Vân. - Năm 1069 dl vua Chế Củ trả lại 3 châu cho Đại Việt, nay là vùng Quảng Bình, Quảng Trị.

Năm 1306 dl vua Chế Mân trả lại vùng đất nay thuộc Quảng Trị, Thừa Thiên, làm sính lễ cưới công chúa Huyền Trân.

3

TỘC VIỆT THỜI KHỞI NGUYÊN
2121 ttH - 1 tH, *5000-2879 ttl*

1. ĐỊNH KIẾN VÀ KHẢO CỔ

1.1 Định kiến

Trong mấy ngàn năm qua, người Trung Hoa luôn huyênh hoang rằng nền văn minh và văn hóa vùng Á Đông đều phát xuất từ tộc Hoa ở lưu vực Hoàng Hà.

Sách vở Trung Hoa đã áp đặt định kiến tộc Hoa là giống dân cổ xưa và tiền tiến nhất ở vùng Á Đông. Người Trung Hoa là nguồn phát xuất nền văn minh và văn hóa tuyệt vời của Á Đông. Mọi giống dân trong vùng có được như ngày hôm nay là nhờ Trung Hoa ban phát ơn ích, nhờ học hỏi người Trung Hoa.

* *

1.2 Lịch sử

Lịch sử chứng minh *Dân Hoa* đã thành hình trong thung lũng Sông Vị, ở vùng Thiểm Tây, không lâu trước

khi thành lập Nhà Chu, năm *1046 ttl*, cách đây gần 3100 năm. Các khoa địa lý hình thể, khí hậu, môi sinh, nhân văn... lại phát hiện vùng Hoàng Hà *khô cằn lạnh giá* chỉ có thể là cái nôi của nền văn minh và văn hóa *gốc du mục*.

Đang khi đó, *Tộc Việt* đã phát xuất từ vùng *Hồ Đồng Đình* cách đây 7000 năm, tức là trước tộc Hoa gần *4000 năm*. Vùng Hồ Đồng Đình và phụ cận lại là vùng đã phát triển ngành Nông nghiệp *Lúa Nước* từ hơn 6000 năm qua.

* *

1.3 Nông Nghiệp Lúa Nước và trước *1046 ttl*

Về thời điểm lẫn địa điểm, lịch sử hiện nay đã minh xác những sự kiện trái ngược với những gì Trung Hoa tuyên truyền và áp đặt trong suốt 3000 năm qua.

Những gì mang vết tích và đặc tính *Nông nghiệp Lúa Nước* trong lịch sử, văn minh và văn hóa của vùng Á Đông, đều không phát xuất từ vùng du mục Thiểm Tây, đều không có nguồn gốc Hoa.

Tất cả những gì xảy ra *ngoài* vùng thung lũng Sông Vị, và *trước* năm *1046 ttl*, đều không có sự tham dự của tộc Hoa, đều không có nguồn gốc Hoa.[1]

* *

[1] Sách vở Trung Hoa có nhiều truyện tích về thời khai thiên lập địa, và nhiều trận đánh giữa các vị 'thần' đương thời. Nhưng tất cả đều do tưởng tượng và suy đoán, không có giá trị thực tế. - Bàn Cổ để ra 18.000 năm để tạo ra trời đất (!). - Làm

1.4 Đặt lại toàn bộ vấn đề Nguồn gốc

Với phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu ngày một tinh vi và chính xác hơn, những nhà **khảo cứu vô tư** đều phải đặt lại toàn bộ nguồn gốc đích thực của nền văn minh và văn hóa Á Đông.

* * * *

2. TỘC VIỆT KHỞI NGUYÊN, NĂM *5000 ttl*

2.1 Vùng Hồ Đồng Đình

Tộc Việt khởi nguyên ở vùng Hồ Đồng Đình khoảng năm *5000 ttl*, cách đây 7000 năm.[2]

Cũng như nhiều tộc dân khác trong lịch sử nhân loại, Tộc Việt và Văn hóa Việt khởi nguyên từ khi một cộng đoàn thể hiện và kiện toàn một nếp sống cá nhân và xã hội với những nét đặc trưng Việt.[3]

α ———————

sao con người có thể biết tới những chuyện xảy ra trước khi có con người ? và ở 'thế giới của các vị Thần' ? - *Xem* tr 32 : 2.2.8.

[2] Thói quen hiện nay dùng lẫn lộn cách nói Việt : Tộc Việt, hoặc cách nói Hán Việt : Việt Tộc. Tuy nhiên, vào thời trước năm *1046 ttl*, thời chỉ có Tộc Việt, chưa có tộc Hoa, thì chỉ có cách nói Việt. Ví dụ : Tộc Việt, Hồ Đồng Đình, Việt Thượng, Việt Lạc.

Dầu khi cách nói Hoa đã phổ biến, Tổ Tiên ta vẫn luôn dùng tên 'Việt Thượng' (theo cách nói Việt) chứ không là 'Thượng Việt' (theo cách Hoa). Vì vậy, 'Việt Thượng' biến âm thành 'Việt Thường'.

[3] So sánh với sự khởi phát tộc dân và văn hóa của Do Thái ở

Theo thời gian và điều kiện sinh sống, dòng tộc Việt dần dần tăng triển, lan rộng và ảnh hưởng tới các vùng chung quanh.

* *

2.2 Cư Dân Địa Phương

Sự khởi nguyên của Tộc Việt và của Văn hóa Việt không có nghĩa là Tổ Tiên ta xuất hiện ở những chỗ không người. Cùng với các Ngài và chung quanh các Ngài, còn có những nhóm người cư dân lâu đời.

Tuy nhiên, theo đà phát triển đông đúc của dân Việt và của Văn hóa Việt, sau một thời gian, những đặc tính văn hóa và huyết thống của cư dân bản địa đã dần dần bị pha loãng, và đã không còn ở một tỷ lệ đáng kể.[4]

* * * *

3. ĐẤT TỔ TỘC VIỆT

3.1 Vùng Đất Đồng Đình

Ngoài những yếu tố chủ quan, việc khởi nguyên và hưng thịnh của một tộc dân còn tùy thuộc vào Vùng Đất Tổ, vào những điều kiện liên hệ mật thiết với cuộc sống Con Người.

Theo Truyền Thuyết, Tộc Việt phát xuất từ vùng *Hồ*

α ———————

thời xưa, và của Hoa Kỳ thời cận đại.

[4] Đặc biệt đối với các di chứng khảo cổ về văn hóa, cần cứu xét tầm ảnh hưởng thực tại và hợp lý của chúng, qua thời gian.

Đồng Đình.

Hồ Đồng Đình ở sát phía nam trung lưu sông Dương Tử, vùng đất nay là tỉnh Hồ Nam. Mùa khô, hồ gồm sáu hồ nhỏ. Mùa nước, diện tích hồ tăng lên tới 20.000 km², tích tụ nhiều *phù sa màu mỡ*. Sáu bảy ngàn năm trước, hồ còn rộng hơn nhiều. (bản đồ).

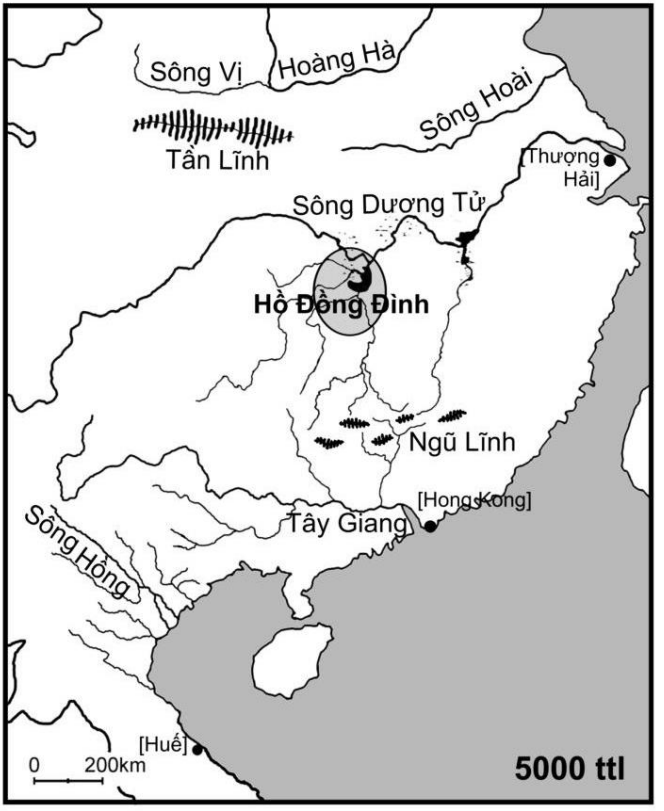

Vùng Đất TỘC VIỆT Khởi Nguyên - năm 5000 ttl

Giữa hồ có hòn đảo lớn với 72 ngọn núi. Đảo thường được coi là nơi ẩn cư của đạo sĩ, nổi tiếng với *phong cảnh thơ mộng*. Nơi đây có thể được coi là tâm điểm khởi nguyên Tộc Việt.[5]

* *

3.2 Đất Tổ ưu ái

Tộc Việt và nền Văn hóa Việt đã khởi nguyên, tăng triển và lưu truyền lâu dài, phần lớn là nhờ những ưu ái Vùng Đất Nước Đồng Đình.

Tuy cũng là nền văn hóa gốc nông nghiệp Lúa nước, nhưng vùng đất Đồng Đình đã giúp cho nền *Văn hóa Việt trở thành đặc biệt* hơn nhiều văn hóa Lúa Nước khác.

Thành quả của Văn Hóa Việt đã giúp nhận ra một số điểm đặc biệt của vùng Đất Tổ.

1. Nơi phát sinh nền Văn hóa Việt đã là một vùng rộng lớn, ruộng đất phì nhiêu, sông hồ thanh khiết, nhiều tôm cá, mưa thuận gió hòa, không khí trong lành... thích hợp cho việc sản xuất thặng dư thực phẩm canh nông và ngư nghiệp, và cho sự sinh sôi nảy nở của Con Người.

Sông nước thanh khiết và khí hậu trong lành đã góp phần giúp con người khỏe mạnh sống lâu, ít bịnh tật, ít nạn trẻ sơ sinh chết sớm và giúp phát triển tài năng, phát

---

[5] Thời xưa, trước khi có tổ chức và có phân định ranh giới rõ ràng, nơi nào một tộc dân tập trung sinh sống thì nơi đó là vùng đất của tộc dân đó.

triển đời sống tri thức và tinh thần.

Vùng đất lại không quá gần rừng núi xích đạo rậm rạp ẩm ướt độc hại, cũng không ở nơi lạnh giá, khô cằn, không sức sống.

2. Việc đồng áng và đánh cá thịnh vượng còn cần sự đóng góp công sức của tất cả mọi người.

Đây là môi trường góp phần *tạo nên quan niệm sống quân bình* giữa nam và nữ, giữa già và trẻ, giữa vợ chồng, giữa cha mẹ con cái, giữa gia đình và cộng đoàn.[6]

3. Cuộc sống định cư sung túc, và bận rộn theo mùa, đã cho mọi người nhiều thời gian rảnh rỗi. Nhờ đó, Tộc Việt đã sớm *phát triển* các ngành *nghệ thuật* như ca ngâm, múa hát, đàn địch, vẽ vời, ghi chép... võ thuật, điêu khắc, kiến trúc...

Cuộc sống thanh bình sung túc và việc phát triển nghệ thuật, lại cũng giúp con người nhận ra sức sống sáng tạo trỗi vượt của mình, và giúp quân bình quan niệm đóng góp công sức giữa *thể chất và tinh thần*.[7]

4. Cuộc sống ít bận tâm tới bon chen, giành xé đã giúp đời sống xã hội phát triển tốt đẹp, với nhiều thăng tiến tinh thần, tương thân tình nghĩa... qua nhiều hội họp vui chơi, hội hè đình đám, tết lễ...

---

[6] Trái lại, cuộc sống du mục lại cần sức mạnh thường trực. Phụ nữ bị yếu thế trong thời thai nghén.

[7] Đang khi đó, đời sống khó khăn ở vùng đất khô cằn đã tạo ra nếp sống du mục thiên về bạo lực.

Đời sống tâm linh của cộng đoàn theo đó mà khởi phát, với lễ nghĩa, với cưới hỏi, mừng sơ sinh, khao vọng, và nhất là với tang chế.

Cũng từ đó, cuộc sống con người và *nhân phẩm được quý trọng* thêm, con người nhận ra vị thế đặc biệt của mình trong trời đất, và thêm xác tín về Thế giới Bên kia, với sự *hiện hữu* và *phù hộ* của Tổ Tiên Ông Bà.

5. Một yếu tố khác cũng góp phần quyết định việc phát triển và lưu truyền. Đó là vùng Đất Tổ đã *không quá gần những tộc dân du mục* hiếu chiến.

Nhờ đó, Tộc Việt đã *có thời gian dài 4000 năm* để tăng nhân số, mở rộng vùng sinh sống, và phát triển vững chắc một nền văn hóa đặc thù, trước khi bị bạo lực du mục từ phương Bắc xâm lăng và cướp phá.[8]

* *

3.3 Nền Văn hóa tôn quý Con Người

Tất cả đều bổ túc và hỗ trợ nhau, tất cả đều góp phần cho việc tăng triển nhân số nhanh chóng, cho việc khởi phát và kiện toàn một *nền văn hóa quân bình* giữa vật chất và tinh thần, giữa nam và nữ, giữa cá nhân và xã hội, giữa gia đình và cộng đoàn, giữa làng và nước, 50/50 trong mọi phương diện.

Cũng nhờ đó, con người được tôn quý đúng mức, mọi

[8] Dân du mục Thiểm Tây tụ tập, rồi trở thành tộc Hoa, nhờ thành lập nhà Chu, từ năm *1046 ttl*.

sức sống của con người được bộc lộ và phát triển toàn vẹn trong một xã hội cũng trọn vẹn là Người.

* * * *

4. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VIỆT

4.1 Tên của Tộc Dân

Từ nhiều ngàn năm trước, người Tộc Việt đã ý thức và hãnh diện về một nền văn hóa đặc thù ơn ích, và một nền văn minh kỹ thuật vượt bực, đặc biệt về canh tác và ngư nghiệp.

Ngay trong thời kỳ đầu, Tổ Tiên ta đã tự xưng là Việt. Việt còn có nghĩa là Vượt lên trước, đi trước, tiên tiến.

Cùng một tên 'Việt', nhưng thời xưa lại có ba chữ để ghi tên 'Việt' 越, 粵, 鉞. Mỗi chữ ghi nhớ một đặc điểm nổi bật của Tộc Việt ở một thời kỳ.[9]

* *

4.2 Tiếng Nói

a. Ngữ pháp

Sánh với tiếng Hoa, tiếng Việt khác tiếng Hoa không những trong từ ngữ, mà cả trong giọng điệu, cấu trúc và cách hành văn. Ngữ pháp Việt cũng tinh tế hơn ngữ pháp Trung Hoa.[10]

---

[9] Thứ chữ nay gọi là chữ nho, cũng là chữ của Tộc Việt. - *Xem* tr 125 : 6.4.1. - Về 3 chữ 'Việt', *xem* tr 226 : 11.2.

[10] Đọc *Nghiên Cứu Chữ Hán*, do Vũ Thế Ngọc, nxb East-west

Khác biệt rõ ràng nhất giữa tiếng nói Việt và Hoa là cách đặt trợ từ. Tiếng Việt đặt trợ từ ở sau tiếng chính, tiếng Hoa đặt trợ từ ở trước.[11]

b. Cách xưng hô

Cách xưng hô bộc lộ mối tương quan giữa con người với con người, và bộc lộ nét đặc thù của một nền văn hóa.

Dân Việt có cách xưng hô và đối đáp khác lạ với nhiều giống dân khác.

Thay vì dùng những từ ngữ tổng quát với người đối diện, như you, vous, nị... dân *Việt dùng* những chữ *xác định rõ tương quan* giữa hai người. Tiếng Việt dùng những tiếng chỉ tương quan thân thích trong gia đình, như ông, bà, cô, bác, anh, chị, con, cháu... với cả những người mới gặp.

Thay vì gọi nhau bằng tên họ, như người Hoa, Pháp, Anh... người Việt luôn gọi nhau bằng *tên riêng*. Tên họ nhắc tới một dòng họ, trong khi tên riêng chỉ chính cá nhân đó, từng người.[12]

Cách trả lời của dân Việt cũng độc đáo. Thay vì trả lời theo câu hỏi, người Việt trả lời theo ý nghĩ của người hỏi.

* *

α ———————

Institute, San Jose, CA 1989, tr 134.

[11] Ví dụ : Việt : áo đỏ, Việt Lạc. Hoa : hồng y, Lạc Việt.

[12] Ví dụ : Nguyễn Du. Thay vì 'Mr Nguyễn, Nguyễn tiên sinh', dân Việt gọi 'Ông Du'.

4.3 Phong Tục

Văn hóa Tộc Việt còn biểu lộ qua nhiều phong tục và tập quán đặc thù... khác hẳn với nhiều định kiến do giới thống trị Trung Hoa áp đặt.

Phong tục Việt vẫn trỗi vượt hơn phong tục Trung Hoa, ở tinh thần quý trọng con người, quý trọng tình người, quý trọng nữ giới, vợ chồng bình đẳng, hạn chế kết hôn trong thân tộc, thể hiện nếp sống dân chủ, tinh thần dân tộc... và đặc biệt sự quân bình trong tâm tư, trong quan niệm sống.

Những phong tục đó vẫn còn tồn tại trong nếp sống hiện nay của đại chúng Việt Nam.[13]

* *

4.4 Biểu Tượng

Tộc Việt có biểu tượng *Tiên và Rồng* với nhiều hàm ý cao siêu tốt đẹp. Tiên Rồng cũng biểu trưng cho hai Ông Bà Khởi Tổ của Tộc Việt. Biểu tượng Tiên Rồng còn có thêm hình ảnh dễ nhớ là *phụng* và *long*.

Các con số và màu sắc cũng có khác biệt. Màu đỏ là màu của Tộc Việt phương Nam. Người Tộc Việt quý thích số 2, 4, 9, mà ghét số 3.[14]

---

[13] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, do Nguyễn Thanh Đức, tr 236 : 9.5. - Kể cả hiện nay, người Hoa chấp nhận hôn nhân giữa anh chị em cô cậu ruột, bạn dì ruột.

[14] Tiếng Việt với số 3 : ba trợn, ba đá, ba kẹo, ba xạo, ba lơn,

Số 9 là số tròn đầy của Tộc Việt. Dân ta luôn tính theo bội số của số 9.[15]

* *

4.5 Niềm tin và Tết Lễ

Thờ Trời và thờ kính Tổ Tiên là đặc trưng của Tộc Việt. Người Việt Lạc chúng ta, nay là Việt Nam, đã liên tục thờ Trời và thờ Tổ Tiên suốt bảy ngàn năm qua. Đang khi đó, ở phía Bắc, giới thống trị Trung Hoa lại giành quyền thờ Trời cho vua chúa, và quyền thờ Tổ Tiên cho giới quý tộc.[16]

Nếp sống Việt lại còn lưu truyền và nổi bật nơi tinh thần và phương thức giáo dục mọi người qua các nghi thức và tục lệ của các ngày Tết Lễ.

Từ mấy ngàn năm trước, dân Việt đã chú trọng đến các Tết lễ Tạ Ơn Trời, Tết lễ Mẹ Tiên và Mừng Trăng, Tết lễ Cha Rồng và Mặt Trời, Tết lễ Quốc Tổ, Tết lễ Tổ Tiên và Đầu Năm, Tết Văn Hóa Việt, Tết Xá Tội, Tết Tảo Mộ, Lễ các Vị Anh Hùng...[17]

* *

α ———————

ba nhe, ba hoa, ba tàu... Trong khi đó người Hoa thích số 3, số 8 và sợ số 4 (vì họ phát âm chữ tứ như chữ tử, chết).

[15] Từ thời Hán, *206 ttl*, số 9 và hình ảnh Phụng Long, đã bị giới thống trị Trung Hoa độc chiếm để dùng cho vua chúa, hoàng tộc.

[16] Hầu hết những gia đình Trung Hoa có thờ kính Tổ Tiên đều là người gốc Tộc Việt.

4.6 Thiên về Mẫu Hệ

Từ Thời Khởi Nguyên, trong suốt Thời Hùng, và cho đến thế kỷ *6 dl*, tức là trong hơn 5500 năm, dân Việt thiên về mẫu hệ,

Trên Thạp Đào Thịnh, cách đây 3000 năm, có hình vị Thủ Lãnh là một Bà.[18]

Mãi tới 220 năm sau Thời Hùng, năm *40 dl*, trong số các anh hùng tái chiếm toàn thể vùng đất Việt Lạc, vẫn có nhiều đội nữ binh, và số nữ tướng nhiều hơn nam tướng. Lại nữa, người nhận trách nhiệm lãnh đạo toàn dân, cũng lại là một nữ nhân, Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam Trưng Trắc.[19]

Sau Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam hơn 200 năm, năm 248 dl, khi sử Trung Hoa phải ghi nhận thêm một cuộc khởi nghĩa khác của dân Nam, thì cuộc khởi nghĩa nầy cũng lại do một nữ nhân lãnh đạo. Vị lãnh tụ đó là Cô thanh nữ 23 tuổi, Bà Vua Triệu.[20]

---

[17] Giới thống trị Hoa đã xuyên tạc bằng đủ cách, đặc biệt bằng cách tạo ra những truyền thuyết quái đản về nguồn gốc các Tết, Lễ. - Đọc *Nếp Sống Tâm Linh Việt Nam*, bài 9 và bài 10.

[18] Hình thủ lãnh, đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 39 : 3.2.3b.

Trong mấy ngàn năm, trống đồng luôn là hiệu lịnh, là biểu hiệu của uy quyền. Cho tới ngày nay, dân ta vẫn còn tập tục để một Bà đánh tiếng trống khai trương trống đồng mới đúc.

[19] *Xem* tr 285 : 14.4.2.

Mãi đến năm 541 dl, gần 300 năm sau Bà Vua Triệu, và cách đây chưa được 1500 năm, sử Trung Hoa mới để lại cho chúng ta tên một nam nhân làm thủ lãnh dân Việt Lạc, Đức Nam Việt Đế / Lý Nam Đế.[21]

* *

4.7 Nghề Nông và Nghề Cá, Nghề Biển

Kỹ thuật trồng lúa nước của Tộc Việt đã phát triển tinh xảo. Dân Việt đã sáng tác lịch chỉ dẫn việc cày cấy, và đã phát minh ra kỹ thuật dùng trâu cày ruộng.[22]

Chính cuộc sống thịnh vượng, hồn nhiên, hiền hòa, và đầy tình người, đã giúp Tộc Việt hình thành một nền văn hóa xứng đáng và trọn vẹn Con Người, cho mọi con

---

[20] Về Bà Vua Triệu, đọc *Việt Nam Sử Lược*, do Trần Trọng Kim, nxb Trung Tâm Học Liệu, Sàigòn 1971, q1, tr 44.

[21] Theo *Hậu Hán Thư*, q 116 : 'Người Giao Chỉ không phân biệt trưởng ấu... không biết tình cha con... không tổ chức gia tộc theo chế độ phụ hệ...' - Theo *Tam Quốc Chí*, q 9 : 'Người Giao Chỉ còn nhiều phong tục theo mẫu hệ'.

Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, do Phạm văn Sơn, nxb Thư Lâm, Sàigòn 1960, tr 34.

* Gần đây, với nếp sống thành thị, với nền kinh tế phát triển đa dạng, xã hội lần lần chuyển qua phụ hệ.

* Năm *203 dl* Giao Chỉ đổi tên thành Giao Châu.

[22] Truyền thuyết Sứ thần Việt Thượng tặng Đế Nghiêu Rùa ngàn năm có ghi lịch, *xem* tr 92 : 4.5.4b. - Về kỹ thuật Trâu kéo cày, *xem* tr 114 : 5.6.2b.

người.[23]

Ngoài ra, trên vùng sông nước mênh mông, nghề đánh cá và ghe thuyền của dân Việt cũng đã phát triển tột bực. Cho đến hiện nay, người miền biển vùng Tộc Việt, như dân Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, và Việt Nam, luôn nổi tiếng thành thạo, và là chủ tể về hàng hải quanh vùng.

* *

4.8 Tài Bắn Cung

Tài bắn cung cũng đã là một đặc điểm của dân Việt Lạc, vùng Việt Thượng. Thời trước, dân Việt Lạc đã có thể bắn tên vào búi tóc của nhau để truyền tin.[24]

Thiên tài nầy đã thành truyền thuyết nỏ thần, bắn một phát giết 'vạn' quân giặc.

* * * *

5. BA GIAI ĐOẠN THỜI KHỞI NGUYÊN

Thời Khởi Nguyên của Tộc Việt, 5000-2879 ttl, có thể chia thành 3 giai đoạn, phát triển ở 3 Vùng chính.

5.1 Giai đoạn I : Lưu vực Đồng Đình Sông Tương

Đất Tổ Đồng Đình ưu ái cho Tộc Việt phát triển

---

[23] Nên so sánh với mọi nền văn hóa trên toàn thế giới, đương thời và hiện nay.

[24] Cho tới gần đây, Dân Việt, cả bà lẫn ông, đều để tóc dài và cuộn thành một búi lớn sau đầu.

nhanh chóng. Sông hồ mênh mông lại tăng trưởng tài nghệ đánh bắt cá tôm và xử dụng ghe thuyền.

Từ vùng Hồ Đồng Đình, Tộc Việt tỏa lan ra các vùng chung quanh. Hình thể địa lý, sông núi, phong thổ, đã tác động thành nhiều vùng dân cư với nhiều đặc tính khác nhau.

Vùng thượng lưu Dương Tử nhiều núi rừng hiểm trở, gây khó khăn cho việc sinh sống đông đúc. Nhiều nhóm người sống rải rác.

Trái lại, thời đó vùng hạ lưu Dương Tử còn sình lầy, úng nước, chưa thể khai khẩn trồng trọt. Dân chúng tập trung thành những xóm ghe thuyền.[25]

Vì vậy, ở giai đoạn nầy, vùng phát triển chính của Tộc Việt là Hồ Đồng Đình và lưu vực *Sông Tương*. Sông Tương có nhiều đồng ruộng thuận hợp cho việc phát triển nghề trồng Lúa Nước.

* *

5.2 Giai đoạn 2 : Lưu vực Tây Giang

a. Việt Thượng

Khi đã thêm đông đúc, vì hạ lưu Sông Dương Tử còn úng nước, và vì thượng lưu lại nhiều núi rừng hiểm trở, Dân Việt đã phát triển ngược lên vùng Thượng lưu Sông

---

[25] Gần 3000 năm sau, 2070 ttl, với việc Đại Vũ trị thủy, vùng nầy mới bắt đầu phát triển, và trở thành vùng đất Nhà Hạ, vùng Việt Hạ. - *Xem* tr 100 : 5.3.1.

Tương. Cũng vì vậy, vùng nầy được gọi là *Việt Thượng*. (bản đồ).

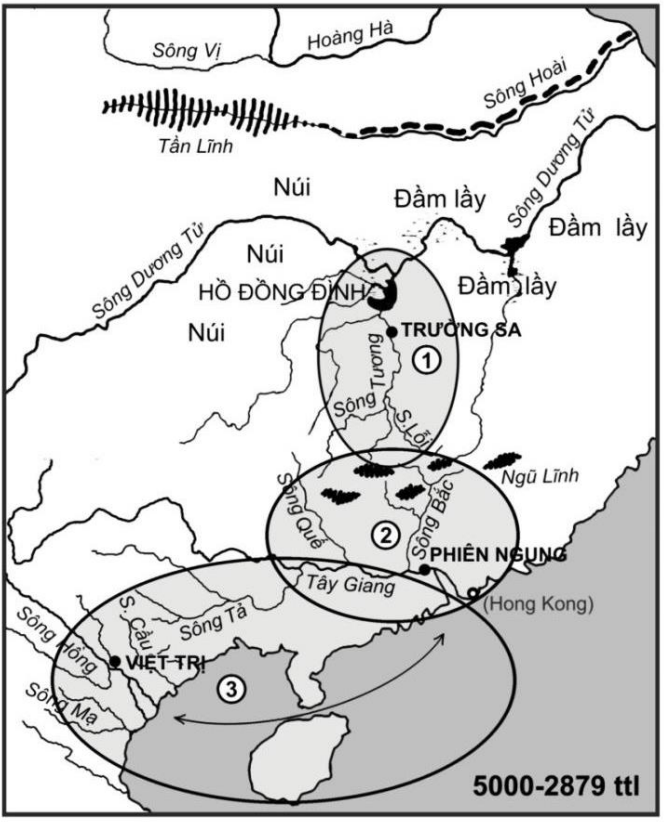

TỘC VIỆT Thời Khởi Nguyên - năm 5000-2879 ttl
3 Giai Đoạn - 3 Vùng Phát Triển chính

b. Vùng Tây Giang

Theo đường sông và thung lũng, vượt thượng nguồn Sông Tương, dân Việt qua Sông Quế xuôi về nam, tới

vùng sông lớn Tây Giang. Từ khi có lịch sử, đây là những con đường nổi tiếng, nối liền Trường Sa, Hàng Dương, Quế Lâm, Liễu Châu.

Con đường khác là Trường Sa, Hàng Dương, Liễu Châu.

Thượng nguồn Sông Tương còn có nhánh Sông Lỗi, qua Sông Bắc, dẫn tới cửa biển Tây Giang. Hiện nay là con đường Trường Sa, Hàng Dương, Thiều Quan, Quảng Châu.

Tuy nhiên, lưu vực Tây Giang không đủ thuận hợp cho việc phát triển lớn của Tộc Việt chuyên nghề Lúa Nước và sông hồ.

* *

5.3 Giai đoạn 3 : Lưu vực Sông Hồng Sông Mạ

a. Đường Sông

Vì châu thổ Tây Giang không đủ điều kiện thuận hợp, dân Việt đã từ Tây Giang ngược thung lũng và giòng Sông Tả, vô Bắc Phần Việt Nam. Hiện nay là đường Quảng Châu, Nam Ninh, Lạng Sơn.

Vào các thời kỳ sau, các sứ đoàn Đại Việt thường theo con đường nầy, ngang qua vùng Đồng Đình, lên phía Bắc.

b. Đường Biển

Dân Việt còn theo Tây Giang ra biển, rồi ven theo biển vào Vịnh Bắc Phần, tới vùng Sông Hồng và Sông Mạ, trong lành phì nhiêu.

Với thời gian, nhờ vùng đất thuận hợp và phì nhiêu,

Dân Việt vùng Sông Hồng Sông Mạ đã trỗi vượt.[26]

c. Tuyệt nghệ Vượt Biển

Việc đi về trên đoạn biển Tây Giang - Sông Hồng đã giúp tài điều khiển ghe thuyền, (phát triển từ vùng Đất Tổ Hồ Đồng Đình), trở thành tuyệt nghệ vượt biển.

Hình vẽ chiếc *thuyền vượt biển* đã trở thành biểu hiệu của dân Việt, và sau đó trở thành chữ *Việt* 越.

d. Chữ VIỆT Vượt Biển 越

Trên đồ đồng Đông Sơn thời tuyệt kỹ, *1000 ttl*, Chữ Việt 越 được khắc thành hình ảnh của vị Thủ lãnh tay cầm cờ hiệu, đứng trên Thuyền chỉ huy đoàn tàu vượt biển.

Hình thuyền trên Thạp Đào Thịnh có chữ Việt 越. (hình).

Chữ Việt 越 gồm 2 phần :

1. Phần 走 có :

---

[26] Vào thời nầy, hạ lưu Sông Hồng còn sũng nước, biển còn ăn sâu vô đất liền. - Gần cửa Sông Mạ, ở Thanh Hóa, là vùng di chỉ đúc đồ đồng Đông Sơn.

Sông Mạ (sông mẹ, sông cái), tên tiếng Việt địa phương, nhưng khi ghi lại theo chữ hán, vì chữ hán không có âm Mạ, nên ghi thành chữ Mã. - *Xem* tr 34 : 2.3.2b.

Đuôi thuyền và Tay lái thành nét 人—.

Người cầm lái và 4 Chim trời cùng bay là nét 丰.

2. Phần 戉 có :

Vị thủ lãnh đang đứng戈, tay cầm cờ cao 丶, (để hiệu lệnh cho các thuyền khác), thành nét 戈.[27]

Mặt la bàn 丨, dựng trên cái đế 𠂉 là nét 𠂇.

* Cờ cao 丶 và La bàn 丨 là biểu hiệu quyền hành của vị Thủ Lãnh 戉.

Trong hình, vị Thủ Lãnh là một Bà, ngực cao, mông lớn. (hình trên).[28]

Giữa vị Thủ Lãnh và người Cầm Lái có Người ngồi điều khiển mặt la bàn (trên đế dễ xoay, cho hợp với hướng nhìn của vị Thủ Lãnh). Người nầy không đội mũ cao, tránh che mắt người cầm lái.

Đây là đoàn Thuyền vượt biển, với loại thuyền mũi cao, có hải âu hộ tống, có la bàn, có cờ cao điều động.

* Đây là chữ 'Việt 越' đầu tiên và phổ quát nhất, và đã được *dùng để chỉ toàn thể Dân Việt* từ thời Khởi nguyên, năm 5000 ttl, cách đây 7000 năm.

---

[27] Về La bàn, đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 56 : 3.3.2.

[28] Thời đó, Dân Việt theo mẫu hệ.

e. Chữ LẠC Rùa Thần 幺白幺

Chữ Lạc 樂 với nghĩa là vui, yêu thích, vui sướng.[29]

Chữ Lạc đơn là hình Rùa Thần với Đầu, Mu hình chữ nhật, và 4 chân ngắn và to.

Mu Rùa hình chữ Nhật để phân biệt với thân mình thon và dài của các loài 4 chân khác. Rùa có 4 chân to và ngắn, trong khi các loài 4 chân khác có chân nhỏ và dài.

Trên đường Nam tiến, tới Sông Hồng, gặp được nhiều Rùa 'Thần' khổng lồ, Tổ Tiên vui sướng, hãnh diện, và tin tưởng vào tương lai, nên đã lấy *hình Rùa Thần* làm Biểu Hiệu và *tên Lạc* để diễn tả và lưu truyền *Niềm Vui Sướng trước Tương Lai huy hoàng* của Dòng Tộc.

Từ đó, nhóm Việt vùng Sông Hồng tự xưng là *Lạc*, *Việt Lạc*, với chữ Lạc Rùa Thần.[30]

* *

5.4 Tỏa lan toàn miền

Như vậy, trong hơn 2000 năm thời Khởi Nguyên*, từ 5000 tới 2879 ttl*, Tộc Việt đã phát triển đông đúc, với 3 Vùng Phát Triển chính, là lưu vực Đồng Đình Sông Tương, lưu vực Tây Giang, và lưu vực Sông Hồng Sông Mạ.

---

[29] Cũng đọc là Nhạc, âm nhạc.

[30] Về Rùa Thần, *xem* tr 92 : 4.5.4b.

Tuy nhiên, ngoài 3 vùng chính, Tộc Việt cũng đã có mặt trên khắp miền, từ Hồ Đồng Đình, rải rác dọc theo Sông Dương Tử ra tới Biển, lên phía Bắc tới ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh, về miền rừng núi phía Tây tới sông Cửu Long, và xuống phương Nam tới vùng đường ranh Hải Vân.

Từ *2879 ttl*, dân Việt Lạc Sông Hồng đã phát triển trỗi vượt, và được coi là khởi đầu *Thời Hùng* (tH).

* * * *

6. NĂM KHỞI NGUYÊN CỦA TỘC VIỆT VÀ VIỆT LẠC

6.1 Ước định Năm Tộc Việt Khởi Nguyên : Năm 2121 ttH, 5000 ttl

Không thể có vết tích gì giúp xác định khởi điểm của Thời Khởi Nguyên, của Ông Bà Khởi Tổ Tộc Việt.

Tuy nhiên, trong khi ở hầu hết mọi Tộc Dân, truyền thuyết về Nguồn gốc chỉ chú trọng tới Một Vị Khởi Tổ, thì Tộc Việt có tới Hai Vị Khởi Tổ. Hai Ngài trở thành biểu tượng linh thiêng Mẹ Tiên và Cha Rồng.

Đặc điểm nầy nhắc nhớ khoa Chiêm tinh. Theo Khoa Chiêm Tinh, hình dạng của các Tinh Hệ cũng đã có một số ảnh hưởng tiêu biểu trên các nền văn hóa lớn đương thời, và thời kỳ thịnh vượng tiêu biểu của một Kỷ nguyên ở vào khoảng giữa kỷ nguyên.[31]

---

[31] Đọc *Việt Nam thời Bảo Bình*, do Nguyễn Thanh Đức, bài 11, các đoạn 4.1, 5.1, 6.1, và 8.1.

Hơn nữa, trong những Kỷ nguyên gần đây, Kỷ nguyên Song Sinh lại có hình dạng Hai Người nắm tay nhau. (hình).[32]

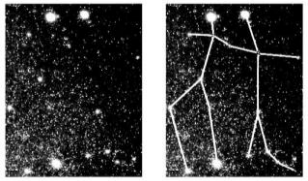

Như vậy, có thể ước định Thời Khởi Nguyên của Tộc Việt, với Hai Ông Bà Khởi Tổ, ở Kỷ Nguyên Song Sinh, vào thời kỳ thịnh vượng nhất.

Kỷ nguyên Song Sinh ở thời *6000-4000 ttl*, và thời kỳ thịnh vượng nhất là những năm *5000 ttl*.

Lấy *Thời Hùng* (*tH*) làm chuẩn, năm Khởi Đầu Tộc Việt, năm *5000 ttl*, là năm 2121 *trước Thời Hùng* (*ttH*). Thời gian dài 2121 năm cũng đủ để Con Cháu hai Ông Bà Tổ tăng triển thành một Tộc Dân đông đúc, tỏa lan khắp miền, với 3 vùng phát triển chính.

* *

6.2 Việt Lạc Sông Hồng khởi nguyên : Năm 1121 ttH, 4000 ttl

Vùng Sông Hồng Sông Mạ đã là vùng phát triển chính thứ 3 và là vùng thuận hợp nhất.

---

[32] Đọc *nt*, bài 11, đoạn 3.1. - Truyền thuyết Do Thái cũng có Hai Ông Bà Tổ, Adam và Eva.

Theo phát triển bình thường, việc Tổ Tiên Việt Lạc tới định cư và phát triển ở vùng Sông Hồng Sông Mạ có thể khởi đầu khoảng 1000 năm sau khi Tộc Việt Khởi Nguyên, tức năm 1121 trước Thời Hùng (ttH*)*, năm *4000 ttl*, cách đây 6000 năm.

Thời đó, vì hạ lưu Sông Hồng còn ngập nước, vùng định cư chính đã là vùng trung lưu Sông Hồng và vùng Sông Mạ. Trị sở là Việt Trị, nay là Việt Trì.

Trong 1121 năm từ định cư tới đầu Thời Hùng, từ *4000 tới 2879 ttl*, Dân Việt Lạc Sông Hồng Sông Mạ phát triển trỗi vượt hơn các nhóm dân chung quanh, như được ghi nhận trong Thời Hùng.

4

TỘC VIỆT THỜI HÙNG 1
1-809 Thời Hùng (tH), *2879-2070 ttl*
TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ LÀ DÂN VIỆT

1. DẪN NHẬP

1.1 Việt và Hoa

Theo truyền thuyết Việt, Tộc Việt khởi nguyên từ vùng Hồ Đồng Đình. Theo khảo cổ hiện nay, từ hơn 6000 năm trước, vùng Hồ Đồng Đình đã phát triển nghề trồng lúa nước.

Theo lịch sử hiện nay, tộc Hoa thành hình do bộ tộc Chu gom góp một số bộ lạc du mục ở vùng Thiểm Tây. Sau đó họ kéo về thung lũng Sông Vị, và thành lập Nhà Chu năm *1046 ttl*, cách đây 3000 năm.

Tuy vậy, theo sách vở Trung Hoa, tộc Hoa có một tiền sử dài mấy ngàn năm trước khi tộc Hoa thành hình. Đang khi đó, sách vở Trung Hoa lại ghi là dân Việt, Trăm Việt,

từ sông Dương Tử xuống phía Nam, là tộc dân sơ khai mọi rợ, không có quá khứ, không có truyền thuyết thời tiền sử.

Điều trái khuấy là tộc Hoa du mục mới tụ tập cách đây 3000 năm thì có truyền thuyết lâu dài mấy ngàn năm của thời tiền sử. Còn dân Việt với hơn 6000 năm phát triển ở vùng lúa nước Hồ Đồng Đình lại không có truyền thuyết hoặc tài liệu gì đáng kể.

* *

1.2 Hoa cưỡng chiếm

Đây chẳng qua là kết quả của vụ cướp đoạt lớn nhất lịch sử nhân loại. Tộc Hoa đã cướp đoạt, và lạm nhận thành của họ, tất cả mọi hay tốt, cả quá khứ, tiền sử, lịch sử, cả những truyền thuyết, phát minh, kỹ thuật, chữ viết, học thuyết, sách vở... của Dân Việt, đặc biệt của dân Việt Lạc vùng Sông Hồng.

Trong suốt thời Bắc thuộc, 2922-3785 tH, *43-906 dl*, Giặc Tàu cũng đã cướp đoạt, sửa đổi và hủy hoại mọi tài liệu của Dân Việt.

Ngày nay, dựa vào khảo cổ cũng như chính sách vở Trung Hoa, chúng ta tìm lại dấu vết của Tổ Tiên Việt, không chỉ trên đất nước Việt Nam, mà còn trên toàn vùng đất Tộc Việt, lên tới trên đường ranh thiên nhiên ở Sông Hoài và Tần Lĩnh.

* *

1.3 Hai Tộc Dân

Ngoài những tài liệu khác, cần phân biệt :

a. Hai thời điểm

Tộc Việt khởi nguyên từ 7000 năm trước. Tộc Hoa thành hình từ 3000 năm trước.

b. Hai Vùng Đất Tổ

Tộc Việt phát triển vùng Hồ Đồng Đình, Lúa Nước, gạo, nhiều mưa, nhiều sông, nắng ấm... ở phương Nam.

Tộc Hoa phát nguyên từ vùng Thiểm Tây, khô cằn, giá lạnh, vùng lúa khô, lúa mì, miến, kê... ở phương Tây Bắc.

Đường ranh thiên nhiên giữa hai vùng, thời xưa cũng như hiện nay, là đường nối Sông Hoài - Tần Lĩnh.[1]

c. Hai nền văn hóa

Tộc Việt với nền văn hóa gốc Nông nghiệp Lúa nước : định cư lâu dài, ít di chuyển, có cuộc sống cộng đoàn, hòa hợp với thiên nhiên, hiếu hòa, trọng nghệ thuật, thiên về mẫu hệ...

Tộc Hoa có nền văn hóa gốc Du Mục : trọng sức mạnh, trọng phái nam, hiếu thắng, trọng võ nghệ, thiên về phụ hệ...

* Những phân biệt trên sẽ giúp nhận ra nguồn gốc đích thực của truyền thuyết và di tích cổ xưa.

---

[1] *Xem* bản đồ ở tr 43 : 2.5.2b.

2. THỜI HÙNG

2.1 Hai nguồn Truyền thuyết Việt, Hoa

a. Thời Hùng *2879-180 ttl*

Theo truyền thuyết Việt Lạc, Thời Hùng khởi đầu từ năm *2879 ttl* và kéo dài tới năm *180 ttl*.

Năm *2879 ttl* đánh dấu sự kiện Tộc Việt đã tỏa lan trên khắp vùng đất rộng lớn từ Đồng Đình ra tới biển, Bắc giáp ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh, miền rừng núi phía Tây tới Sông Cửu Long, và phía Nam tới vùng đường ranh Hải Vân.

Thời Hùng chấm dứt năm *180 ttl*, khi đoàn quân của Triệu Đà chiếm đóng Cổ Loa, trị sở của Việt Lạc.

b. Sách vở Trung Hoa

Theo sách vở Trung Hoa, thời Tam Hoàng khởi đầu năm *2852 ttl*.

Như vậy, Thời Hùng của Việt Lạc gồm trọn các thời Tam Hoàng, Ngũ Đế, Hạ, Thương, Chu, Tần và 26 năm đầu Nhà Hán của sách vở Trung Hoa.

c. Tộc Hoa

Ngày nay, lịch sử đã xác định Tộc Hoa thành hình do việc tập họp nhiều bộ lạc du mục vùng Thiểm Tây, phía tây bắc đường ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh.

Họ thành lập Nhà Chu từ năm *1046 ttl*, tức là 1800 năm sau các truyền thuyết Thời Hùng và thời Tam Hoàng Ngũ Đế.

Trước khi tụ họp và thành hình Nhà Chu năm *1046 ttl*, tộc Hoa chỉ là những bộ lạc du mục lạc hậu sơ khai. Họ chưa có những tập họp đông đúc, chưa có hình dạng tổ chức xã hội phức tạp, chưa thể chiếm lĩnh những vùng đất có biên cương cố định và rộng lớn. Về phương diện văn hóa, họ chưa tới thời kỳ ghi nhận và sáng tạo những truyền thuyết súc tích, mạch lạc, và có hệ thống.

d. Tộc Việt

Tộc Việt phát xuất từ vùng Hồ Đồng Đình từ *5000 ttl*, gần 4000 năm trước khi tộc Hoa thành hình.

Như nhiều vùng khác trên thế giới, vùng nông nghiệp lúa nước cũng là nguồn phát xuất những truyền thuyết súc tích, thâm thúy, và xa xưa nhất của nhân loại hiện nay.[2]

e. Thực tế Lịch sử

Theo thực tế lịch sử, Nhà Chu, *1046 ttl*, chỉ là tổ xa của tộc Hoa. Tổ gần của tộc Hoa là nhóm du mục Khuyển Nhung.

Nhà Chu chiếm cứ vùng thung lũng Sông Vị từ năm *1046 tới 771 ttl*, thường gọi là Tây Chu.

Năm *771 ttl*, cách đây chưa đầy 2800 năm, nhóm du mục Khuyển Nhung từ phương Bắc tràn xuống xâm chiếm vùng Sông Vị và đuổi Nhà Chu chạy về vùng Lạc

---

[2] Như vùng Lưỡng Hà nay thuộc Iraq, và vùng sông Nile ở Ai Cập.

Dương. Nhà Chu trở thành Đông Chu.

Nhóm du mục Khuyển Nhung nầy thành lập Nhà Tần, và ngày càng thêm hùng mạnh. Nhà Tần lên tới tuyệt đỉnh khi Tần Thủy Hoàng thôn tính các nước trong vùng, và thành lập nước Trung Hoa năm *221 ttl*.

Năm *206 ttl* Hán lật đổ Tần. Vì vậy, Nhà Hán, *206 ttl - 220 dl*, đã xuyên tạc và tuyên truyền giảm thiểu quyền lực và ảnh hưởng Nhà Tần.

Cũng do đó, tất cả sách vở Trung Hoa đều tôn vinh Nhà Chu làm mẫu mực thần thánh cho 'Thiên triều', cho quyền thống trị của vương triều Hán, và của tất cả các triều đại trong suốt lịch sử Trung Hoa. Chủ trương nầy đã tạo thành chủ thuyết 'Thiên tử thế Thiên hành Đạo'.[3]

* *

2.2 Điều kiện Địa Lý thiên nhiên Thời Hùng

a. Vùng Hoàng Hà sơ khai

Vùng Hoàng Hà, ở phía Bắc của đường ranh giới thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh, chỉ thực sự phát triển từ thời Nhà Thương, *1600-1046 ttl*.

Vùng thung lũng Sông Vị ở Thiểm Tây lại chỉ khởi phát thời gian ngắn trước Nhà Chu, *1046 ttl*.

Ngoài ra, vùng Sông Vị, Hoàng Hà là vùng đồng cỏ khô cằn cóng lạnh, chỉ thích hợp với nghề chăn nuôi du mục,

---

[3] *Xem* tr 321 : bài 16.

trồng lúa khô, lúa mạch, bo bo... và phát sinh ra nền văn hóa gốc du mục.[4]

b. Vùng Lúa nước Đồng Đình và Sông Hồng

Theo điều kiện địa lý và khí hậu, theo di tích của thời cách đây 5000 năm, vùng Đồng Đình và vùng Sông Hồng Sông Mạ là 2 trung tâm phát triển nông nghiệp Lúa Nước của vùng Á Đông Xưa.

Vùng nông nghiệp Lúa Nước phát triển ở những đồng bằng nhiều nước, nhiều mưa, nhiều nắng ấm. Do đó, có nhiều thổ sản, thủy sản, phương tiện... khác hẳn vùng khô cằn cóng lạnh.

Cũng do đó, vùng đồng ruộng lúa nước tăng trưởng một nền văn hóa với nhiều đặc tính khác hẳn vùng du mục khô cằn.

Đây cũng là thời kỳ Dân Việt Lạc vùng Sông Hồng khởi đầu Thời Hùng.[5]

c. Ngày nay

căn cứ trên khảo cổ,

căn cứ trên cấu trúc dị biệt giữa tiếng Việt và tiếng Hoa,

căn cứ trên những đặc tính trái ngược giữa hai nền

---

[4] *Xem* tr 37 : 2.4.4 và tr 39 : 2.4.6.

[5] Hiện nay ta có câu : "*Dân Việt có 5000 năm lịch sử*". (2879 +2013 = 4892 tH).

văn hóa gốc nông nghiệp lúa nước và gốc du mục,

và căn cứ trên những khác biệt về thổ ngơi, khí hậu, hình thể địa lý, thổ sản... giữa hai vùng Nam và Bắc đường ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh...

ta có thể tìm gặp nhiều chứng tích về đặc tính Việt nông nghiệp Lúa Nước... nơi tất cả những nhân vật truyền thuyết sinh sống thời trước khi Tộc Hoa thành hình.

* *

2.3 Bốn Thời Kỳ Thời Hùng

a. Niên đại Việt

Ở thời kỳ chưa có tộc Hoa, tất cả truyền thuyết là của Tộc Việt.

Các triều đại truyền thuyết trong sách vở Trung Hoa, chỉ là một phần nhỏ của di tích Tộc Việt đã bị dân Hoa lạm nhận. Sách vở Trung Hoa cũng không đề cập đến nhiều phần đất rộng lớn khác của Tộc Việt.

Với niên đại gần giống nhau giữa 2 truyền thuyết Việt - Hoa, thời Hùng có thể được chia theo *4 thời kỳ* sẵn có. Mỗi Thời lại có 2 hoặc 3 giai đoạn.

Thời Hùng dài từ năm *2879 ttl tới năm 180 ttl*, tức là từ năm 1 Thời Hùng (tH) tới năm 2699 tH.

b. Bốn Thời Hùng

1. Thời Hùng 1 : 1-809 Thời Hùng (tH*), 2879-2070 ttl, gồm cả* thời Tam Hoàng Ngũ Đế. Thời nầy có 2 giai đoạn :

Thời Hùng 1A : 1-179 tH, *2879-2700 ttl*, gồm cả thời Tam Hoàng.

Thời Hùng 1B : 179-809 tH, *2700-2070 ttl*, gồm cả thời Ngũ Đế.

2. Thời Hùng 2 : 809-1279 tH, *2070-1600 ttl*, gồm cả thời Hạ :

Thời Hùng 2A : 809-1079 tH, *2070-1800 ttl*, gồm cả Tiền Hạ.

Thời Hùng 2B : 1079-1279 tH, *1800-1600 ttl*, gồm cả Hậu Hạ.

3. Thời Hùng 3 : 1279-1833 tH, *1600-1046 ttl*, gồm cả thời Thương :

Thời Hùng 3A : 1279-1579 tH, *1600-1300 ttl*, gồm cả Tiền Thương.

Thời Hùng 3B : 1579-1833 tH, *1300-1046 ttl*, gồm cả Hậu Thương / Ân.

4. Thời Hùng 4 : 1833-2699 tH, *1046-180 ttl*, đồng thời với Tây Chu / Sở, và Đông Chu / Tần, gồm :

Thời Hùng 4A : 1833-2108 tH, *1046-771 ttl*, đồng thời với Tây Chu / Sở.

Thời Hùng 4B : 2108-2672 tH, *771-207 ttl*, đồng thời với Đông Chu / Tần.

Thời Hùng 4C : 2672-2699 tH, *207-180 ttl*, Việt Lạc với Triệu Đà.

c. Sơ đồ

THỜI HÙNG
1-2699 tH / 2879-180 ttl

THỜI HÙNG 1 : 1-809 tH / 2879-2070 ttl		
Thời Hùng 1A	**1-179 tH** 2879-2700 ttl	Tam Hoàng
Thời Hùng 1B	**179-809 tH** 2700-2070 ttl	Ngũ Đế
THỜI HÙNG 2 : 809-1279 tH / 2070-1600 ttl		
Thời Hùng 2A	**809-1079 tH** 2070-1800 ttl	Tiền Hạ
Thời Hùng 2B	**1079-1279 tH** 1800-1600 ttl	Hậu Hạ
THỜI HÙNG 3 : 1279-1833 tH / 1600-1046 ttl		
Thời Hùng 3A	**1279-1579 tH** 1600-1300 ttl	Tiền Thương
Thời Hùng 3B	**1579-1833 tH** 1300-1046 ttl	Hậu Thương - Ân
THỜI HÙNG 4 : 1833-2699 tH / 1046-180 ttl		
Thời Hùng 4A	**1833-2108 tH** 1046-771 ttl	Tây Chu / Sở
Thời Hùng 4B	**2108-2672 tH** 771-207 ttl	Đông Chu / Tần
Thời Hùng 4C	**2672-2699 tH** 207-180 ttl	Việt Lạc / Triệu Đà

* * * *

3. TRUYỀN THUYẾT THỜI HÙNG 1, 1-809 THỜI HÙNG (tH), *2879-2070 ttl*

3.1 Thời Hùng 1 và Tam Hoàng Ngũ Đế

Theo truyền thuyết, Thời Hùng 1, 1-809 tH (Thời Hùng), *2879-2070 ttl*, cũng là thời Tam Hoàng Ngũ Đế, tức là từ hơn 1800 tới 1000 năm trước khi Tộc thành hình ở vùng thung lũng Sông Vị, phía Tây Hoàng Hà.[6]

Tuy nhiên, trong 3000 năm qua, Trung Hoa đã lạm nhận mọi truyền thuyết xa xưa, và biến tất cả truyền thuyết và danh nhân của thời chưa có Tộc Hoa trở thành tiền sử của Tộc Hoa.

Do đó, sách vở Trung Hoa đã chuyển dời tất cả từ Hồ Đồng Đình lên vùng Hoàng Hà, Sông Vị.

Tuy nhiên, dầu giới thống trị Trung Hoa cố gắng cải sửa, thì cũng không thể đánh lận mọi chi tiết được truyền tụng trong đại chúng.

Vì vậy, nhìn vào tiểu sử của các Vị, cũng có thể tìm lại nguồn gốc Việt đích thực của những truyền thuyết thời Tam Hoàng Ngũ Đế.

* *

[6] 3000 năm trước khi Chiêm Thành thành hình ở nam Hải Vân. 4200 năm trước khi Lào thành hình ở Trấn Nam. - *Xem* bản đồ tr 90 : 4.5.2.

3.2 Tam Hoàng

a. Thời chưa có Chữ Viết

Theo sách vở Trung Hoa, đây là thời tiên khởi của lịch sử Trung Hoa. Trung Hoa cũng coi các Ngài là người Tộc Hoa, và do đó, quê hương các Ngài ở vùng Hoàng Hà. Đây lại là thời kỳ *chưa có* chữ viết, chưa có tài liệu ghi chép. Tất cả đều chỉ là truyền thuyết, hoặc di cốt, dụng cụ.

b. Nhiều Danh sách

Danh sách các Ngài, dĩ nhiên, không đồng nhất. Có ít nhất là 6 dị bản.

Vận Đẩu Xu và Nguyên Mệnh Bao cho rằng ba vị là Phục Hy, Nữ Oa và Thần Nông.

Sử Ký do Tư Mã Thiên, quyển 'sử' được tín nhiệm nhất của Trung Hoa, cho rằng Tam Hoàng gồm có 'Thiên Hoàng cai trị 18.000 năm, Địa Hoàng cai trị 11.000 năm, Nhân Hoàng cai trị 45.600 năm'. (!)[7]

c. Tiểu sử phỏng định

Tiểu sử của Tam Hoàng lại càng mơ hồ, quái dị. Các Ngài được coi là những vị thần tiên, đã hóa phép để giúp dân.

Nếu các Ngài có thật, thì các Ngài đã sống vào thời chưa có chữ viết và những người viết tiểu sử các Ngài đã sống sau các Ngài hai ba ngàn năm. Ngoài vài nét khái

---

[7] *Sử Ký* do Tư Mã Thiên, viết năm *109-91 ttl.*

quát của truyền thuyết, người viết tiểu sử không có bất cứ tài liệu, chứng tích nào.

Vì vậy, họ theo trí tưởng tượng, thiên kiến, và nhất là theo những tuyên truyền cưỡng định của giới thống trị Trung Hoa đương thời, mà phỏng định và thay đổi.[8]

* *

3.3 Thời Ngũ Đế

Ngũ Đế cũng có nhiều giả thuyết. Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên, Ngũ Đế gồm Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Đế Nghiêu, và Đế Thuấn.[9]

Theo đó, năm vị Đế đã khai hóa người dân, chế ra lửa, dạy làm nhà, dạy mặc quần áo, dạy trồng ngũ cốc, chài lưới... dạy chữ viết, dạy lễ nhạc, lễ nghĩa.

Thời kỳ các Ngài biểu trưng cho thời thái bình thịnh vượng, an cư lạc nghiệp.[10]

* * * *

[8] Đọc Tiểu Sử của tất cả các Vị trên Mạng. Phần tiếng Anh có nhiều chi tiết hơn. www.

[9] Sách *Kinh Lễ* ghi Ngũ Đế là 5 họ : họ Hữu Sào, họ Toại Nhân, họ Phục Hy, họ Nữ Oa, và họ Thần Nông.

[10] Khổng tử nhận Đế Nghiêu, Đế Thuấn (và Đại Vũ) là thánh vương, là những vị vua gương mẫu.

4. YẾU TỐ VIỆT NƠI TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ

4.1 Tên Việt

Tên của 5 trong số 8 Vị thời Tam Hoàng Ngũ Đế hiện nay vẫn được sách vở Trung Hoa ghi tên theo cấu trúc Tiếng Việt, ngược với ngữ pháp Hoa : Nữ Oa, Thần Nông, Đế Khốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn. Theo cách người Hoa, tên các Ngài phải là Oa Nữ, Nông Thần, Khốc Đế, Nghiêu Đế, Thuấn Đế.

Điểm đặc biệt là trong hơn 3000 năm qua, trong khi giới thống trị Trung Hoa đã làm đủ cách để xóa bỏ mọi vết tích Việt, tên các Ngài vẫn tồn tại theo cách nói Việt.

Như vậy, mặc dầu giới thống trị Trung Hoa kiên quyết xuyên tạc, đại chúng Tộc Việt vẫn kính nhớ và truyền tụng danh hiệu thần thánh của Tổ Tiên.

* *

4.2 Tiểu sử Tam Hoàng : văn hóa Việt, ở vùng Lúa Nước

Ngoài tên bằng tiếng Việt, tiểu sử của Tam Hoàng còn có những *yếu tố Việt* khác :

Nữ Oa mặc lông chim, *Phục Hy* được Tám Quẻ trên sông Lạc. Phục Hy và Nữ Oa có đuôi như đuôi rắn quấn vào nhau. (hình).

Nữ Oa

Nữ Oa và Phục Hy

Thần Nông

Rắn là Long của thời khởi thủy, chim là hiện biểu của Tiên... Tiên Rồng là biểu tượng của Tộc Việt phương Nam.

Thần Nông là Vị Thần của nông nghiệp. Chỉ có Dân vùng lúa nước ở phương Nam mới thờ Thần Nông. Phương Bắc là vùng khô cằn giá lạnh, du mục chăn nuôi, không quí trọng nghề nông, và không thờ thần Nông nghiệp.

Thần Nông còn là con của Thần Long. Mà Long lại là biểu tượng của dân Việt.

Ông cũng có tên là Viêm Đế, vua xứ nóng, ở phương Nam.

* Đang khi đó, vật tổ của vùng Hoàng Hà là gấu, vật tổ của dân du mục Thiểm Tây là chồn, chó sói.

* *

4.3 Tiểu sử Ngũ Đế

Ngũ Đế đều thuộc nền văn minh và văn hóa Việt, ở vùng nắng ấm và nông nghiệp lúa nước.

a. Hoàng Đế

Hoàng Đế, còn gọi là Hiên Viên, dạy làm nhà, đóng xe thuyền, chế kim chỉ nam, dạy y thuật, dạy nuôi tằm dệt lụa... rồi được Rồng vàng rước về trời.[11]

---

[11] Dầu là hiện nay, nghề nuôi tằm dệ lụa vẫn phát triển mạnh ở phương Nam.

Tất cả đều thuộc nền văn minh lúa nước, sông hồ, phương Nam. Rồng vàng lại là biểu tượng của Tộc Việt.[12]

b. Chuyên Húc

Chuyên Húc được một số sách ghi là nữ giới. Theo một số sách khác thì sau khi chết Chuyên Húc biến thành Bà Tiên Cá.[13]

Nữ giới làm 'Đế', hoặc thành Bà Tiên, cũng đều ghi nhận chế độ mẫu hệ nông nghiệp của Tộc Việt đương thời.[14]

c. Đế Khốc

Đế Khốc dạy cách trồng trọt, theo luật vận động của mặt trời, mặt trăng mà đặt ra lịch, thành kính lo cúng tế...

Theo nhiều truyền thuyết khác, và theo lý lịch của 2 vị Đế sau, lịch là thành quả của nếp sống nông nghiệp lúa nước. Cúng tế là đặc điểm của dân Việt phương Nam.[15]

d. Đế Thuấn

Trong Ngũ Đế, hai Vị cuối cùng có tiểu sử với nhiều chi tiết hơn, và gần thực tế nhất.

---

[12] Phải hơn 1.000 năm sau, vận chuyển đường thủy mới phát triển ở vùng Hoàng Hà.

[13] Theo *Sơn Hải Kinh* và *Đại Hoang Tây Kinh*.

[14] Đời sống du mục không thích hợp với chế độ mẫu hệ.

[15] Đây có thể chỉ sao chép truyền thuyết phổ thông về Đế Nghiêu.

Vị cuối cùng là Đế Thuấn, v. 762-809 tH, *2117-2070 ttl*.

Truyền thuyết Trung Hoa đã dời thủ đô của Đế Thuấn lên Bồ Phản, thuộc Sơn Tây. Tuy nhiên, tất cả mọi chi tiết về tiểu sử Đế Thuấn lại hoàn toàn ở vùng phía Nam sông Dương Tử.

Trước khi gặp Đế Nghiêu, Đế Thuấn đi cày và được voi ra cày giúp. Voi là con thú ở phương Nam nắng ấm, không hề sống ở vùng Bắc Sông Hoài Tần Lĩnh. Cày ruộng là kỹ thuật của vùng lúa nước.

Trong khi Đế Thuấn theo giúp Đế Nghiêu, Đế Nghiêu cử Đế Thuấn đi khai khẩn ruộng đất ở Nam Giao, phía Nam sông Dương Tử.

Đế Nghiêu gả cho Thuấn hai cô con gái, là Nga Hoàng và Nữ Anh.

Năm 762 tH, *2117 ttl*, Thuấn nối quyền Đế Nghiêu.

Đế Thuấn chết ở Thương Ngô, vùng Quảng Tây ngày nay, năm 809 tH, *2070 ttl*.

Hai bà vợ của Đế Thuấn thương khóc Đế Thuấn và tự trầm ở dòng sông Tương. Cho đến hiện nay, hai Bà vẫn được dân vùng sông Tương thờ kính. Sông Tương là sông lớn nhất trong 4 phụ lưu từ phía Nam chảy vào Hồ Đồng Đình. Trên sông Tương có Trường Sa, thủ phủ nổi tiếng từ thời xa xưa.

Như vậy, thời hàn vi Đế Thuấn cày ruộng ở phương Nam. Đế Thuấn làm quan, cưới vợ, cai trị, và chết cũng ở phương Nam, vùng Đồng Đình.

e. Đế Nghiêu

Theo sách vở Trung Hoa, Đế Nghiêu, v. 683-762 tH, *2196-2117 ttl*, *ở* vùng Hoàng Hà.

Theo truyền thuyết, năm Đế Nghiêu thứ 5, 688 tH, *2191 ttl*, Sứ giả Việt Thượng dâng Rùa Thần ngàn năm, trên mu có khắc chữ về chuyện *đất trời vận chuyển và lịch trình cày cấy*. Đế Nghiêu sai chép lại và gọi là Lịch Rùa, quy lịch.[16]

Ngoài ra, từ các truyền thuyết về Đế Thuấn sống ở vùng sông Tương, ta có thể tìm ra tông tích Đế Nghiêu. Đế Nghiêu đã là vua và là cha vợ của Đế Thuấn.

Nếu Đế Nghiêu ở vùng Hoàng Hà du mục khô cằn lúa khô, thì

- Ông không thể áp dụng lịch trình cày cấy lúa nước của lịch rùa,

- Ông phải đi mấy trăm cây số, dẫn theo hai cô công chúa,

- tìm chàng nông dân cày ruộng ở phương Nam, gả hai con gái,

- và cho Thuấn cai trị phương Nam, tức là vùng đất không thuộc quyền cai trị ông.

Tất cả đều không thuận hợp cho việc di chuyển Ông lên vùng Hoàng Hà. Tất cả trở thành tự nhiên khi Ông và

---

[16] Theo *Thông Chí* do Trịnh Tiều, 1104-1162 dl, và *Cương Mục Tiền Biên* do Kim Lý Tường.

gia đình Ông sống tại vùng Sông Tương, Đồng Đình.

* *

4.4 Dân vùng Lúa nước Đồng Đình

Liên tục từ Tam Hoàng tới hết Ngũ Đế, tất cả 8 Vị đều sống và chết ở tại vùng lúa nước Đồng Đình. Không Vị nào ở vùng Hoàng Hà du mục khô cằn giá lạnh.

Đây cũng là chuyện đương nhiên, vì truyền thuyết về tất cả các Vị đều đã hơn 1000 năm trước khi vùng Hoàng Hà hưng phát, trước khi Tộc Hoa thành hình. Tiểu sử của tất cả các Vị đều là truyền thuyết của dân Việt, đều phát xuất từ vùng Đồng Đình.

Từ sau năm 1833 tH, *1046 ttl*, các Vị mới bị giới thống trị Trung Hoa lạm nhận, và chuyển đổi nơi sinh, và một số điểm trong tiểu sử, lên vùng Hoàng Hà.

* * * *

5. Ba TRUNG TÂM VIỆT THỜI HÙNG 1

5.1 Tiếp tục Phát Triển

Nối tiếp Thời Khởi Nguyên, ở Thời Hùng 1, Tộc Việt tiếp tục phát triển vững mạnh ở 3 vùng chính, là Đồng Đình Sông Tương, Tây Giang, và Sông Hồng, với nền văn minh và văn hóa Nông nghiệp Lúa nước.

Đang khi đó, ở thời kỳ nầy, ở Bắc Tần Lĩnh, vùng Hoàng Hà Sông Vị, chưa có dấu hiệu phát triển. Dân trong vùng chỉ là những bộ lạc du mục sơ khai.

* *

5.2 Vùng Đồng Đình Thời Hùng 1

Tất cả mọi truyền thuyết về Tam Hoàng Ngũ Đế, thuộc Thời Hùng 1, đều phát xuất từ vùng Đồng Đình.

Đây cũng là chuyện đương nhiên, vì Tộc Việt khởi nguyên ngay tại trong vùng. (bản đồ).

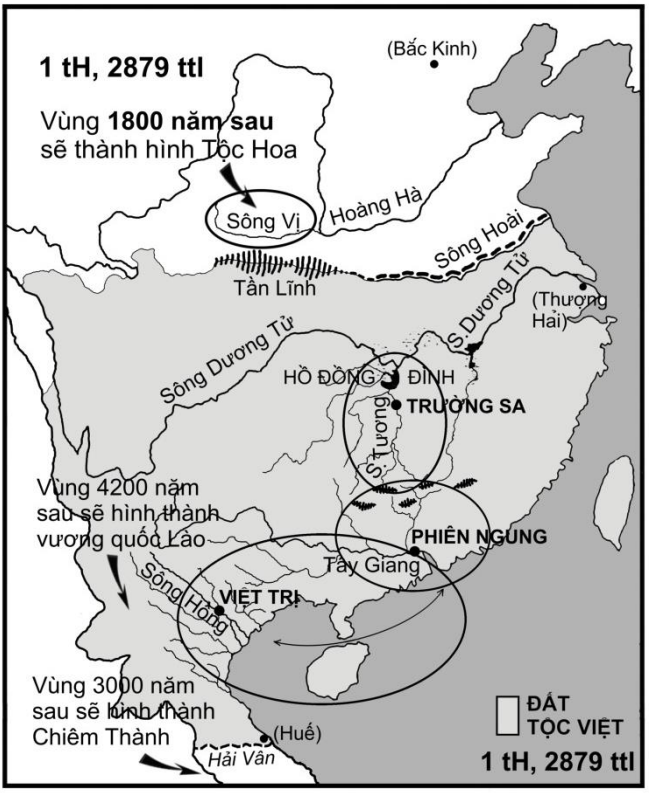

Đất TỘC VIỆT đầu Thời Hùng, năm 1tH, 2879 ttl

Cho đến hiện nay, sự phồn thịnh và quan trọng của vùng nầy vẫn âm hưởng trong chữ viết và ý nghĩa của tên

Đồng Đình 同 廷.

Chữ Đình 廷 trước đây gồm chữ Vương 王. Nay viết thành chữ Nhâm 壬.

Chữ Đình 廷 với chữ Vương 王 đứng trên Thuyền 𠂤, nhắc nhớ chữ Việt 越 với vị Thủ Lãnh 戉 đứng trên Thuyền vượt biển 𠂤.(hình).[16]

Chữ Đình 廷 có nghĩa trong chữ 'Triều Đình', nơi vua quan làm việc Nước. Chữ Đồng 同 có nghĩa là 'cùng chung, tụ họp'.

Hai chữ Đồng Đình 同 廷 được dùng để chỉ nơi tụ họp của sinh hoạt đầu não của Tộc Việt từ thời Khởi Nguyên qua Thời Hùng 1.[18]

* *

5.3 Vùng Tây Giang Thời Hùng 1

Trong thời kỳ nầy, vùng phát triển Tây Giang, thủ phủ là Phiên Ngung, chỉ còn lại truyền thuyết Đế Thuấn chết ở Thương Ngô năm 809 tH, *2070 ttl*, kết thúc Thời Hùng 1.

Đây là dấu chỉ trong suốt Thời Hùng 1, ngoài việc sách vở Trung Hoa đã gian lận và không ghi chép, vùng Tây

---

[17] Về chữ Việt 越, *xem* tr 65 : 3.5.3d.

[18] Đọc thêm *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 68 : 3.4.8-9.

Giang đã không có những tiến triển đặc biệt.

* *

5.4 Vùng Sông Hồng Thời Hùng 1

a. Nhiều thuận hợp

Với nhiều thuận hợp về thủy thổ, đồng ruộng, sông hồ, và khí hậu, vùng Sông Hồng Sông Mạ đã phát triển mạnh, và trở thành trung tâm của Việt Thượng. Cũng do đó, những kỳ tích của vùng Sông Hồng được coi là truyền thuyết của Việt Thượng.

Trị sở của Dân Việt Sông Hồng là Việt Trị.[19]

b. Rùa Thần Sông Hồng

Chủ trương và sách vở Trung Hoa đã đánh lận, di chuyển thời tiền sử của Tộc Việt vùng Đồng Đình trở thành nguồn gốc tộc Hoa ở vùng Hoàng Hà. Dầu vậy, truyền thuyết Sứ giả Việt Thượng dâng Rùa Thần ngàn năm cho Đế Nghiêu, năm 688 tH, *2191 ttl*, (Đế Nghiêu năm thứ 5), cũng được lặp đi lặp lại nhiều lần.[20]

Rùa khổng lồ ngàn năm là loại ba ba đặc biệt của vùng Sông Hồng. Hiện nay ba ba khổng lồ vẫn còn sinh sống ở nhiều nơi trong lưu vực Sông Hồng và Sông Mạ. Hồ Hoàn

---

[19] Trị sở nay gọi là thủ phủ, thủ đô. Cũng như Việt Thượng thành Việt Thường, Việt Trị biến âm thành Việt Trì. - *Xem* tr 34 : 2.3.2b.

[20] Về Đường giao thông giữa vùng Sông Hồng và Đồng Đình, *xem* tr 62 : 3.5.2, và bản đồ.

Kiếm và Tháp Rùa đã nổi tiếng nhờ loại ba ba nầy. Con ba ba hiện chưng ở đền Ngọc Sơn dài 2,1 m, ngang 1,2 m, nặng 250 kg.

Năm 2013 dl, ngoài lưu vực Sông Hồng Sông Mạ, chỉ còn 2 con ba ba loại nầy ở sở thú Tô Châu. Tên khoa học của loại ba ba nầy là *Rafetus Swinhoei*. (hình).

Ở Đền Ngọc Sơn (2011)
2,1m x 1,2m. 250kg

Rùa Hoàn Kiếm
(2011)

Ở khắp vùng Việt Thượng, không có loại rùa hoặc ba ba khổng lồ nào khác.[21]

c. Sông Hồng trỗi vượt

Theo điều kiện địa lý và khí hậu, theo di tích của thời cách đây 5000 năm, vùng Đồng Đình và Sông Hồng đã là 2 trung tâm phát triển nông nghiệp lúa nước của Á Đông Xưa.

Truyền thuyết Đế Nghiêu lại ghi nhận trên mu Rùa Thần Việt Thượng có khắc chữ ghi việc trời đất vận chuyển, và lịch chỉ dẫn thời tiết trồng cấy. Đế Nghiêu chép lấy, gọi là lịch Rùa.

Như vậy, vào thời Đế Nghiêu, cách đây 4200 năm, Dân Việt vùng Sông Hồng đã vượt trỗi hơn vùng Đồng Đình,

[21] Đọc www. Rafetus Swinhoei. 2013.

của Đế Nghiêu, về kỹ thuật và kinh nghiệm nông nghiệp Lúa Nước, về chữ viết, về thời tiết, về đất trời vận chuyển, về thiên văn.

Đây là chứng cứ súc tích ghi nhận sự phát triển tiên tiến vừa về văn minh, vừa về văn hóa, văn học của Dân Việt Sông Hồng. Vùng Sông Hồng trở thành Trung tâm Phát triển bậc nhất của Tộc Việt và của toàn vùng Á Đông cách đây hơn 4000 năm.

Dân Việt Sông Hồng ghi nhớ và lưu truyền giai đoạn đặc biệt nầy với truyền thuyết : '*Việt Nam có 4000 năm văn hiến*'. Hiện nay, đích xác là 4200 năm.[22]

d. Chữ Thượng Nhà sàn 常

Theo sách vở thời xưa và khảo cổ hiện nay, đặc điểm của Việt Thượng thời trước là nhà sàn mái cong.

Trên mặt trống Ngọc Lũ, và trên nhiều trống đồng Đông Sơn khác, có hình nhà sàn mái cong. Các đường nét của ngôi nhà sàn mái cong đã trở thành chữ Thượng 常. (hình).[23]

Hình 2 đầu nóc nhà cong lên trở thành hai nét 丶丿.

---

[22] 2191 ttl + 2013 dl = 4204 năm.

[23] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 37 : 3.2.2.

Hình vẽ mái nhà, con chim đậu trên nóc, và 2 đầu hồi nhà, trở thành nét .

Hình khuôn nhà, (trong có người ngồi), trở thành nét 冂.

Ba chân của sàn nhà là nét 巾.

Nhà sàn là đặc điểm kiến trúc bảo đảm an toàn cho sức khỏe con người ở miền Thượng, giảm bớt tiếp xúc trực tiếp với khí độc do lá cây ấp ủ nhiều ngàn năm.

Hình ảnh nhà sàn là chứng cứ nhánh Việt Lạc vùng lúa nước Sông Hồng đã có cuộc sống phát triển mạnh, đã tăng triển đông đúc và tiến bộ hơn những vùng Việt ở phương Bắc.

e. Việt Lạc Việt Thượng - Lĩnh Nam

Theo địa lý, chủng tộc, và lịch sử, vào Thời Hùng 1, 1-809 tH, *2879-2070 ttl*, toàn vùng đất rộng lớn, từ thượng lưu Sông Tương xuống phía Nam, là vùng Việt Thượng của dân Việt Lạc, với trung tâm là lưu vực Sông Hồng, trị sở là Việt Trị.

Ngày nay, Việt Thượng của Việt Lạc bao gồm Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, một phần Phúc Kiến, một phần Vân Nam, Lào, và phía Bắc Việt Nam, xuống tới Hải Vân.[22]

Đây cũng là vùng đất mà từ thời Hán, hơn 2000 năm qua, đã được sách vở Trung Hoa gọi là Lĩnh Nam, tức là phía nam Ngũ Lĩnh.[23]

* *

5.5 Vùng Hạ lưu Sông Dương Tử

Vào cuối Thời Hùng 1, tức là gần 2000 năm sau Thời Khởi Nguyên, vùng hạ lưu Sông Dương Tử đã được dòng nước bồi đắp phù sa, nhiều nơi cao đã có thể được khai thác rộng lớn hơn, dân cư đông đúc hơn.

---

[22] Đây chỉ là vùng Việt Thượng. Việt Lạc còn bao trùm cả Quí Châu, Hồ Nam, và một phần Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Giang Tây, lên tới Hồ Đồng Đình.

[23] Ngũ Lĩnh còn được gọi là Nam Lĩnh. - *Xem* bản đồ tr 41.

5

TỘC VIỆT THỜI HÙNG 2
809-1279 tH, *2070-1600 ttl*
NHÀ HẠ ĐẤT HẠ LÀ CỦA TỘC VIỆT

1. DẪN NHẬP

Suốt mấy ngàn năm qua, Trung Hoa luôn coi *Đại Vũ*, người sáng lập Nhà Hạ, là một trong ba Thánh Vương của Trung Hoa, ở vùng Hoàng Hà, và là người được khắp 'thiên hạ' thần phục...

Hiện nay, dầu trái ngược với nhận định của các nhà khảo cổ Âu Mỹ, Trung Hoa cũng đang cố gắng dựa vào khảo cổ để giải thích vùng đất Nhà Hạ nằm trong lưu vực Hoàng Hà, nơi phát sinh tộc Hoa.

Tuy nhiên, sách vở Trung Hoa thời Chu, cách đây 3000 năm, đã ghi nhận con cháu Nhà Hạ không phải người Hoa, và cũng không ở vùng Hoàng Hà. Họ là những dân nước hùng mạnh ở hai bên bờ sông Dương Tử, nơi có Hồ Đồng Đình, và là người Tộc Việt.

Trước khi so sánh tiểu sử Đại Vũ, cũng do sách vở Trung Hoa ghi chép, để tìm ra quê hương đích thực của Đại Vũ, và của vùng Đất Hạ, cần phân biệt 2 vùng đất, với những đặc tính khác biệt nhau, ở 2 bên Bắc và Nam đường ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh.

Vùng Thiểm Tây phía Bắc Tần Lĩnh, nơi phát xuất tộc Hoa, là vùng khô cằn giá lạnh, và phát sinh nền văn hóa gốc du mục.

Vùng đất Tộc Việt ở phía Nam ranh Sông Hoài Tần Lĩnh là vùng nhiều nước và nắng ấm, và phát sinh nền văn hóa nông nghiệp Lúa nước. ở phương Nam.[1]

* * * *

2. VIỆT HẠ VÀ NHÀ HẠ

2.1 Tài liệu về Nhà Hạ

Theo sách vở Trung Hoa, Nhà Hạ ở vào thời 809-1279 tH, *2070-1600 ttl.*

Theo nhiều nhà sử học hiện nay, Nhà Hạ được coi là truyền thuyết, chưa đủ dữ kiện để xác định tính cách lịch sử.

Không có tài liệu và di tích đương thời về các vị vua Nhà Hạ, trừ một số cốt lõi của truyền thuyết. Thời Nhà Hạ, chữ viết chưa phổ biến. Tất cả mọi sách vở về Nhà Hạ

---

[1] Về Đường Ranh, *xem* tr 41 : 2.5.2, và bản đồ. - Về đặc tính Văn hóa gốc trồng Lúa nước và văn hóa gốc Du mục, *xem* tr 37 : 2.4.4-6.

đều được sáng tác sau Nhà Hạ cả ngàn năm.

Sách vở Trung Hoa, kể cả khảo cổ hiện nay, không ghi nhận rõ rệt biên cương của vùng đất được coi là thuộc Nhà Hạ.

Dầu vậy, Trung Hoa luôn quả quyết vùng đất Nhà Hạ ở lưu vực Hoàng Hà gần sông Vị, và tất cả mọi sắc dân xa gần đều là chư hầu của Nhà Hạ.[2]

* *

2.2 Việt Hạ và Nhà Hạ

Căn cứ vào truyền thuyết cổ xưa, - căn cứ vào chiều hướng phát triển của các tộc dân, - căn cứ vào tài liệu khảo cổ hiện đại, nhất là - căn cứ vào khí hậu, phong thổ thời xưa, - vào sông nước, thổ sản, - vào các thành tố văn minh, văn hóa, chủng tộc, ngôn ngữ, văn tự... thì đất Nhà Hạ ở vùng Việt Hạ của Tộc Việt, và ở hai bên bờ Hạ lưu sông Dương Tử.

Cũng vào thời kỳ nầy, ngoài vùng Đất Hạ của Nhà Hạ, *Tộc Việt* còn những trung tâm rộng lớn Đồng Đình, Việt Thượng và các vùng liên hệ. (bản đồ).

---

[2] Niên biểu ghi theo *Hạ Thương Chu niên biểu*, do Hạ Thương Chu đoạn Đại Công Trình, 2000.

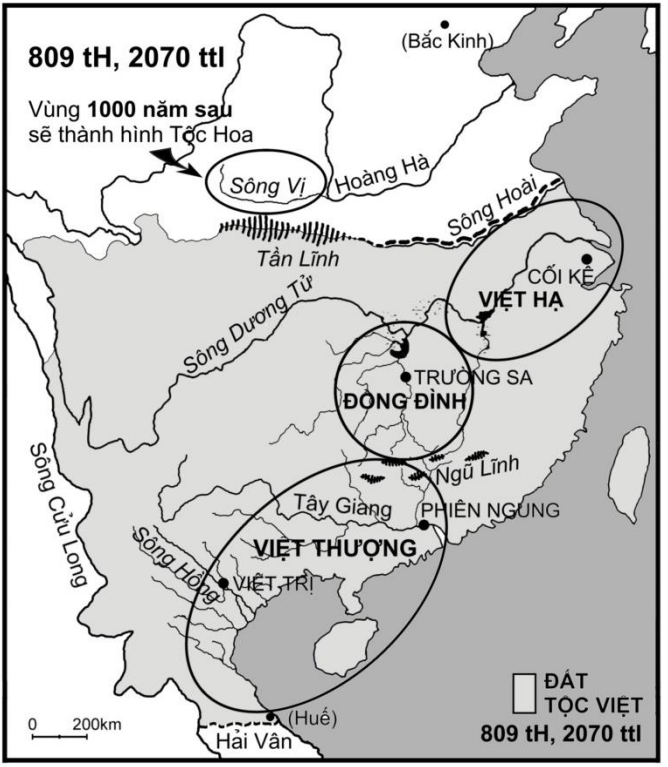

Ba Vùng VIỆT đầu Thời Hùng 2A - 809 tH, 2070 ttl

* * * *

3. ĐẠI VŨ : ÔNG TỔ NHÀ HẠ

3.1 Đại Vũ trị thủy

a. Mười Ba Năm

Theo truyền thuyết, thời đó vùng Đất Hạ là vùng úng nước, chưa thích hợp với việc phát triển lớn. Cha của Đại Vũ đã thất bại trong việc đào kinh thoát nước, trị thủy.

Đại Vũ cũng chỉ thành công sau 13 năm bỏ ăn bỏ ngủ, đi ngang nhà 3 lần mà không kịp ghé thăm.[3]

Nhờ đó, Đế Thuấn cho Đại Vũ cai trị đất Hạ.

Năm 809 th, *2070 ttl*, khi Đế Thuấn chết, Đại Vũ lập Nhà Hạ. Vì Đại Vũ kế nghiệp Đế Thuấn, nên vùng Đồng Đình cũng thuộc quyền của Đại Vũ.

b. Đất Hạ sình lầy

Công cuộc trị thủy khó khăn và lâu dài chứng tỏ vùng đất nầy còn nhiều sình lầy, lụt lội. Như vậy, đây không thể là vùng đồng cỏ khô cằn ở phía Tây Bắc đường ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh.

Việc Đại Vũ trị thủy và thành lập Nhà Hạ cũng chứng tỏ vùng Đất Hạ, ở hạ lưu Dương Tử, bắt đầu trở thành một trung tâm phát triển mới của Tộc Việt.

Như vậy, từ đầu Thời Hùng 2, với Nhà Hạ, năm *809* tH, *2070 ttl*, ngoài 2 Trung Tâm Phát triển lớn là Đồng Đình, Việt Thượng, Tộc Việt còn có thêm vùng Việt Hạ.

* *

3.2 Đại Vũ không ở vùng Hoàng Hà

Dựa vào định kiến Trung Hoa về Nhà Hạ, khảo cổ hiện nay coi cương vực Nhà Hạ là vùng đất ở góc Hoàng

---

[3] Thời Đại Vũ chưa có chữ viết hoàn chỉnh để có thể ghi chép chi tiết những kỳ công của Đại Vũ, như sách vở Trung Hoa đã bịa đặt sau nầy.

Hà gần sông Vị. Thực ra, đây chỉ là phần đất phía Bắc Sông Hoài thời Hậu Hạ, sau Đại Vũ hơn 200 năm.

Cho tới hiện nay, trí thức Trung Hoa vẫn cố khẳng định di chỉ khảo cổ Nhị Lý Đầu ở nam Uyển Sư, Hà Nam, là nơi phát xuất Nhà Hạ.

Tuy nhiên, các nhà khảo cổ khách quan, Âu Mỹ, không đồng ý. Lý do là nghiên cứu cho thấy vào thời Đại Vũ, năm 809 tH, *2070 ttl*, thủy vận không phát triển ở vùng Hoàng Hà, phía Bắc ranh giới thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh. Thời Hạ, 809-1279 tH, *2070-1600 ttl*, cũng chưa có dụng cụ bằng đồng thau như ở Nhị Lý Đầu, và một số vấn đề khác. (bản đồ).[4]

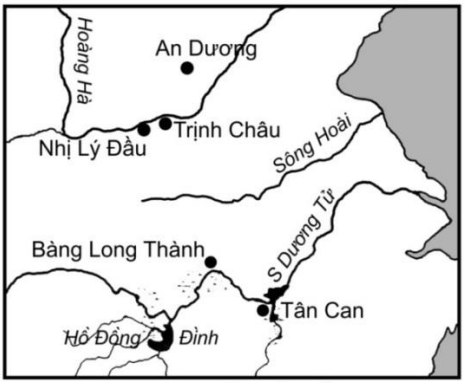

Các Di chỉ Khảo cổ

* *

[4] Đọc thêm Allan, Sarah, "Erlitou and the Formation of Chinese Civilization : Toward a New Paradigm". *The Journal of Asian Studies*, Cambridge Univ. Press 66 (2), 2007, tt 461–496.

3.3 Đại Vũ học Sách Lạc

a. Chín Nhóm Đốm

Theo truyền thuyết, trong khi *trị thủy ở* đất Hạ, Đại Vũ được Rùa Thần cho Sách Lạc. Sách Lạc, Lạc Thư, được *biểu trưng* bằng 9 nhóm đốm trên lưng Rùa Thần, từ 1 tới 9. (hình).

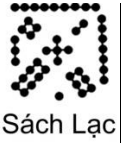
Sách Lạc

Nhờ Sách Lạc, Đại Vũ thông suốt việc đất trời, biết cách trị thủy, biết cách trị dân. Nhờ đó, Đại Vũ cũng đã đào 9 con sông, khai thông 9 đường núi, chia nước làm 9 châu và phân chia trời đất vạn vật thành 9 loại, 9 nhóm...

b. Rùa Thần Việt Lạc

Thực ra, truyền thuyết Đại Vũ được Rùa Thần tặng Sách Lạc cũng chỉ là lặp lại truyền thuyết sứ giả Việt Thượng tặng Rùa Thần cho Đế Nghiêu năm 688 tH, *2191 ttl.*

Cho đến hiện nay, ngoài vùng châu thổ Sông Hồng Sông Mạ, trong vùng không nơi nào khác có Rùa khổng lồ ngàn năm.[5]

Về nội dung của 2 truyền thuyết, nội dung của Rùa Thần thời Đế Nghiêu ghi chuyện cao siêu đất trời vận

[5] *Xem* tr 92 : 4.5.4b.

chuyển và lịch cày cấy. Hơn 100 năm sau, 'Rùa thần mang Sách Lạc' thời Đại Vũ đã có sự khai triển rộng rãi hơn. Tuy nhiên, cả hai đều biểu trưng cho nền văn minh và văn hóa của Việt Lạc Sông Hồng.[6]

c. Chữ Việt Sách Lạc 粵

Hãnh diện về Sách Lạc, hãnh diện với trình độ văn minh và văn hóa tiên tiến, cũng như để lưu truyền cho con cháu những bài học ngàn đời, Việt Lạc Sông Hồng đã dùng chính hình ảnh 'Rùa Thần mang Sách Lạc' làm biểu hiệu của mình.

Từ đó 'Sách Lạc trên lưng Rùa Thần' trở thành chữ '*Việt*' 粵 của Việt Thượng, chữ '*Việt Sách Lạc*'.[7]

Các nét ở chữ Việt Sách Lạc 粵 gồm :

Hình Rùa trở thành khuôn ngoài , với đầu, thân, chân và đuôi Rùa.

9 nhóm chấm thành các nét trong, với đủ mọi nét, , của chữ 粵. (hình).

* Chữ Việt, với Rùa thần chỉ có ở vùng Sông Hồng, chứng tỏ Sách Lạc là của Dân Việt Sông Hồng. Dân Việt

---

[6] *Xem* tr 92 : 4.5.4b-c.

[7] Đây là chữ Việt thứ hai. Thời trước, có 3 chữ để viết tên Việt : 越, 粵, 鉞.

Sông Hồng cũng đã tự xưng là Lạc, Việt Lạc.

Cho tới hiện nay, những vùng đất của Việt Lạc vừa bị sáp nhập vào đất Trung Hoa, như Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, và Hải Nam, vẫn còn dùng chữ Việt Sách Lạc nầy 粵 làm tên của mình.[8]

Cùng với lịch sử, đây cũng là dấu chứng dân vùng Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, và Hải Nam, cũng thuộc dân Việt Lạc.

* *

3.4 Chư hầu của Đại Vũ

Theo sách vở Trung Hoa, sáng tác sau Đại Vũ hơn 1000 năm, Đại Vũ có hàng vạn chư hầu, và nhiều lần hội họp.

Vào thời đó, tuy là có nhiều bộ tộc nhỏ trong vùng, nhưng cũng không quá con số hàng trăm.

Hơn nữa, dầu Đại Vũ có nổi tiếng, cũng không thể có

---

[8] Cho tới hiện nay, những vùng đất của Việt Lạc vừa bị sáp nhập vào đất Trung Hoa, như Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, và Hải Nam, vẫn còn dùng chữ Việt Sách Lạc nầy 粵 làm tên của mình. Hiện nay, sách vở Trung Hoa vẫn gọi các tỉnh nầy là vùng Việt : Việt Tây, Việt Đông, Lưỡng Việt thay vì Quảng Tây, Quảng Đông, Lưỡng Quảng.

Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, và Hải Nam, vừa bị chia ranh khỏi Đại Việt từ năm *906 dl*, cách đây 1100 năm. Từ sau *906 dl*, Đại Việt chỉ học chữ nho trong sách vở, nên dùng chữ Việt cổ điển 越.

uy danh và phương tiện lôi cuốn sự thần phục và tụ tập của hàng vạn thủ lãnh từ các vùng xa xôi hẻo lánh.

Đó là chưa kể thời Đại Vũ, cách đây hơn 4000 năm, giao thông trong vùng chưa phát triển, phương tiện truyền thông còn sơ khai.

Đây chỉ là hoang tưởng tuyên truyền của chủ thuyết Thiên Tử Thế Thiên, chủ trương thiên hạ đều phải tùng phục vua chúa Trung Hoa. Chủ thuyết nầy thịnh hành từ thời Nhà Hán, sau năm 2673 tH, *206 ttl*.

Họ dụng tâm trình diễn Đại Vũ, mà họ đánh tráo thành người Hoa, như một vị Thần Linh cao cả xuất hiện giữa không trung, và mọi lãnh tụ dưới bầu trời, đều phải thần phục, tôn sùng.

* *

3.5 Đại Vũ cai trị vùng Nam Sông Hoài

Thiên *Vũ Cống* của Kinh Thư có danh sách các phẩm vật của 9 châu triều cống cho Đại Vũ. Cống phẩm có ngà voi, đồ bằng tre, thẻ tre để viết sách, tơ tằm dệt lụa, đá làm khánh, đá làm mũi tên...

Tất cả cống phẩm dâng Đại Vũ đều là sản phẩm miền nắng ấm sông hồ, đều từ vùng nông nghiệp lúa nước, ở phía Nam Sông Hoài. Khánh và mũi tên bằng đá cũng là di vật cổ xưa của miền Nam.

* *

3.6 Đại Vũ sống và chết ở vùng Dương Tử

Đại Vũ chết và được chôn tại Cối Kê, nay là Tô Châu,

gần Thượng Hải, cửa biển của sông Dương Tử.

Như vậy,

- Đại Vũ đã theo Sách Lạc của Việt Thượng phương Nam mà trị thủy, mà khai phá ruộng đất, mà hệ thống hóa vạn vật, mà thi hành chính sách cai trị.

- Khi làm quan, Đại Vũ trị thủy vùng ngập nước, làm việc tại Việt Hạ, vùng hạ lưu Dương Tử.

- Khi làm vua, Đại Vũ cai trị vùng đất của dân trồng lúa nước Đồng Đình và Dương Tử.

- Khi chết, Đại Vũ được chôn tại phía Nam sông Dương Tử.

Trọn cuộc đời của Đại Vũ chỉ ở vùng Dương Tử và phương Nam. Đại Vũ không hề ở vùng Hoàng Hà.

Hơn nữa, Đại Vũ, 809 tH, *2070 ttl*, đã sống ở vùng sông nước lầy lội từ hơn 1000 năm trước khi dân du mục tây Hoàng Hà tụ tập và thành hình Tộc Hoa, 1833 tH, *1046 ttl*. Vì vậy, Đại Vũ cũng không thể là Tổ của Tộc Hoa.[9]

* * * *

[9] Đại Vũ, cũng như Đế Thuấn, đã bị giới thống trị Trung Hoa chuyển lên vùng Hoàng Hà. Vì vậy, việc Đế Thuấn và Đại Vũ được chôn tại phía Nam Dương Tử đều bị Trung Hoa ghi là do Đế Thuấn tuần du, do Đại Vũ đi họp chư hầu.

4. NHÀ HẠ Ở VIỆT HẠ

4.1 Đất Hạ trong sách vở Trung Hoa

a. Nước Sở, Nước Việt

Theo sách vở Trung Hoa, năm 1849 tH, *1030 ttl*, 'Thiên tử Nhà Chu' thành lập nước Sở ở vùng đất giữa Sông Hoài và Dương Tử (nay là Hồ Bắc, An Huy), và cho vua Nước Sở được thờ kính tổ tiên là Nhà Hạ.[10]

Cũng theo sách vở Trung Hoa về thời Chu, vùng Nam Dương Tử có Nước Việt ở Chiết Giang, Giang Tô, từ 2383 tH, *496 ttl*. Cũng như vua nước Sở, vua Nước Việt cũng được thờ kính tổ tiên là Nhà Hạ.[11]

Nước Sở và Nước Việt đã là những nước rộng lớn, đông đúc, và có thời đã cường thịnh nhất trong vùng. Sở Trang Vương và Việt Câu Tiễn là 2 trong Ngũ Bá thời Xuân Thu, 2109-2476 tH, *770-403 ttl*.

b. Dân Hạ Việt Hạ

Tộc Hoa luôn cưỡng định, và hiện nay đang cố gắng giải thích xuyên tạc các di chỉ khảo cổ, để chứng minh Đại Vũ, người sáng lập Nhà Hạ, và Nhà Hạ, Đất Hạ, đều ở vùng Hoàng Hà, và là thủy tổ tộc Hoa.

Thực ra, 'cho phép vua Nước Sở và vua Nước Việt được thờ kính Tổ tiên là Nhà Hạ' chỉ là cách nói trịch

---

[10] *Xem* tr 154: 7.3.1.

[11] *Xem* tr 175 : 8.3.2b.

thượng của Trung Hoa khi phải ghi nhận dân Nước Sở và dân Nước Việt đều là dân Nhà Hạ, đất Nước Sở và đất Nước Việt cũng đều là đất Nhà Hạ.

Sách vở Trung Hoa cũng nhấn mạnh rằng Con Cháu Nhà Hạ ở Nước Sở và Nước Việt đều có những phong tục quái dị, có tiếng nói, phục sức, nhạc cụ, và tính khí, hình dạng khác hẳn dân Hoa. (bản đồ).[12]

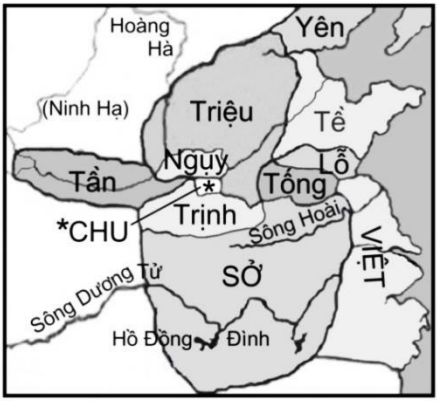

Chu, Sở, Việt năm 2406 tH, 473 ttl

Hơn nữa, Đất Nước Sở và Đất Nước Việt đều ở hai bên sông Dương Tử, ở phía nam đường ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh, chứ họ không ở vùng phát xuất tộc Hoa ở phía bắc.[13]

Đại Vũ, và Nhà Hạ, dân Nhà Hạ, đất Nhà Hạ, đều là

[12] Đọc thêm phần tiếng Anh : www / Chu State (Sở).

[13] Ở vùng bắc Sông Hoài, không có dân nước nào được ghi α

dân Việt, tự xưng là Việt, Nước Việt, và đều ở vùng Việt Hạ của Tộc Việt, hai bên bờ hạ lưu sông Dương Tử phì nhiêu nắng ấm. Ngày nay là các tỉnh Hồ Bắc, An Huy, Chiết Giang, và Giang Tô.

Họ cũng đã đông đúc cường thịnh từ hơn 1000 năm trước khi bộ tộc Chu tụ tập các bộ lạc du mục vùng Thiểm Tây khô cằn giá lạnh, để thành hình tộc Hoa, năm 1833 tH, *1046 ttl*.

c. Thủ đô Cối Kê

Cối Kê ở Chiết Giang, nay là Tô Châu, đã được sách vở Trung Hoa coi là nơi Đại Vũ, vị sáng lập Nhà Hạ, tụ họp chư hầu.

Cối Kê còn có ngôi mộ của Đại Vũ. Nhiều vua chúa thời sau, đặc biệt Tần Thủy Hoàng, đều tới Cối Kê để cúng tế trọng thể nơi mộ của Đại Vũ.

Sau đó, dầu sách vở Trung Hoa đã chuyển dời tất cả truyền thuyết Việt lên vùng Hoàng Hà, vào thời Câu Tiển, v. 2383-2414 tH, *496-465 ttl*, Cối Kê lại được sách vở Trung Hoa ghi nhận là thủ đô của Nước Việt hùng mạnh nhất đương thời.

Như vậy, từ Đại Vũ, 809 tH, *2070 ttl*, tới 2414 tH, *465 ttl*, và về sau, Cối Kê đã liên tục là thủ phủ của Nhà Hạ và Việt Hạ.

* Dầu tộc Hoa gian manh soán đoạt và chuyển dời Đại

α ——————
nhận là con cháu Nhà Hạ.

Vũ và Nhà Hạ lên vùng Hoàng Hà, thì sách vở của họ cũng không thể giấu nhẹm những sự thật lịch sử.

* *

4.2 Chữ Hạ 夏

Đặc điểm và cũng là niềm hãnh diện của Tộc Việt là phát minh chiếc cày cho trâu kéo. Nhờ đó, nền văn minh và văn hóa Lúa Nước Á Đông đã vươn lên tuyệt đỉnh. Phát minh nầy được ghi nhớ với truyền thuyết Đế Thuấn thời hàn vi đã được voi rừng ra giúp cày ruộng.

Nhờ phát minh nầy, vùng Sông Hồng Việt Thượng và vùng Việt Hạ Dương Tử đã phát triển mạnh về kinh tế, về cuộc sống, cũng như về nhân số. Nhờ đó, hơn 200 năm sau, từ 1079 tH, *1800 ttl*, người Việt Hạ đã có thể vượt lên phía Bắc của đường ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh.

Vì vậy, biểu hiệu đương thời của Việt Hạ là hình vẽ con trâu kéo cày. Thời gian sau, hình vẽ trở thành chữ Hạ 夏.

Chữ Hạ 夏 gồm :

hình con trâu, với 2 sừng 4 chân, trở thành ,

hình cái cày thành . (hình).

* * * *

5. HẬU HẠ VƯỢT RANH SÔNG HOÀI, 1079 tH, *1800 ttl*

Theo sách vở Trung Hoa, Nhà Hạ kéo dài 470 năm, có 17 đời vua. (bản đồ).

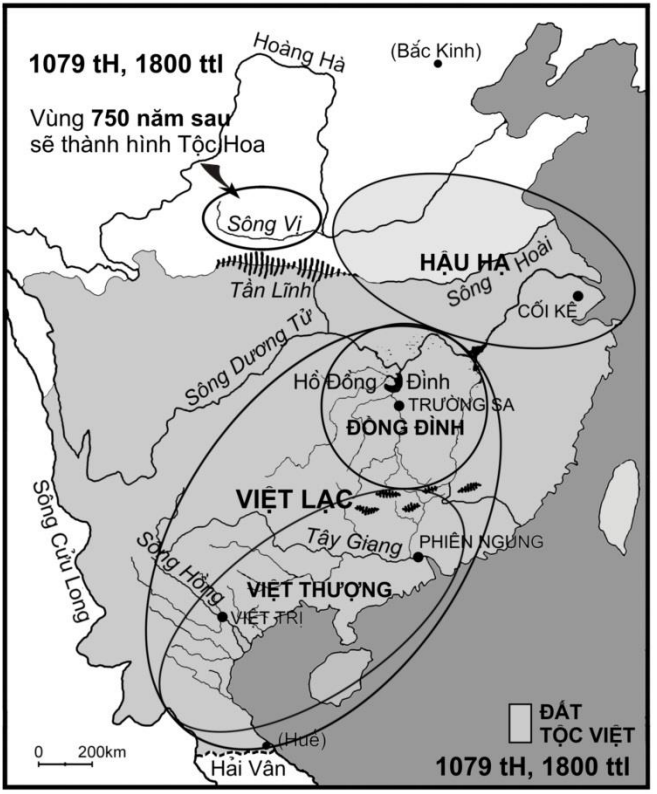

Thời Hùng 2B : VIỆT LẠC và HẬU HẠ - 1079 tH, 1800 ttl

Những di chỉ thuộc thời Hạ ở góc Sông Vị và Hoàng Hà chứng tỏ vào thời cực thịnh, khoảng từ 1079 tH, *1800 ttl*, dân Việt Nhà Hạ đã vượt lên khỏi ranh giới thiên

nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh.

Đây cũng là vùng mà các nhà khảo cứu hiện nay cho là đất Nhà Hạ, nhưng không định rõ ở thời kỳ nào.

Có thể gọi đây là thời Hậu Hạ, cũng là Thời Hùng 2B, 1079-1279 tH, *1800-1600 ttl*.

* * * *

6. CÁC VÙNG ĐẤT VIỆT KHÁC CÙNG VỚI NHÀ HẠ, 809-1279 tH, *2070-1600 ttl*

6.1 Tiếp tục phát triển

Ngoài Nhà Hạ ở Đất Hạ, Tộc Việt còn có những vùng đất khác, đặc biệt với 2 Trung tâm phát triển lớn, là Trung tâm Đồng Đình, gồm vùng Hồ Đồng Đình Sông Tương, và Trung tâm Việt Thượng ở Sông Hồng Sông Mạ.

Tất cả mọi vùng Đất Tộc Việt vẫn tiếp tục phát triển.

Tuy nhiên, vì đã chuyển đổi tất cả quá khứ của Tộc Việt thành của tộc Hoa, và di dời tất cả tài liệu và truyền thuyết của phương Nam lên vùng Hoàng Hà, sách vở Trung Hoa không còn gì để nói về các vùng đất phương Nam.

* *

6.2 Lạc Hồng trỗi vượt

a. Lạc Hồng phát triển

Truyền thuyết Rùa Thần Việt Thượng thời Đế Nghiêu, 688 tH, *2191 ttl*, chứng tỏ Việt Lạc ở Sông Hồng, Lạc Hồng, đã phát triển mạnh hơn vùng Đồng Đình.

Truyền thuyết Rùa Thần Sách Lạc thời Đại Vũ 809 tH, *2070 ttl*, lại chứng tỏ Việt Lạc đã phồn thịnh trước Việt Hạ.

Hơn nữa, kỹ thuật và tri thức của Việt Lạc Sông Hồng cũng tiến mau trong 100 năm giữa Đế Nghiêu và Đại Vũ. Kinh nghiệm lịch cày cấy của 100 năm trước, trở thành kỹ thuật trị thủy, đào kinh, đắp đê, khai thông đường núi. Chữ viết ghi chuyện trời đất trên mu Rùa thời Đế Nghiêu, đã trở thành Sách Lạc với phương thức hệ thống hóa trời đất và vạn vật thành 9 loại, với chính sách cai trị, hành chánh, phân chia lãnh thổ...

b. Kỹ thuật Trâu Kéo Cày : Phát minh của Việt Lạc Sông Hồng

Kỹ thuật dùng Trâu Kéo Cày là phát minh quan trọng đáng nhớ của Tộc Việt nông nghiệp lúa nước. Theo truyền thuyết voi rừng giúp Đế Thuấn cày ruộng, trước năm 762 tH, *2117 ttl*, thì kỹ thuật nầy được phát minh hơn 50 năm trước khi vùng Việt Hạ được Đại Vũ khai thác.

Cũng là 'Trâu kéo cày', nhưng tinh xảo hơn, thay vì dùng hình vẽ như chữ Hạ 夏, người Việt Lạc Sông Hồng đã viết chữ Hồng 洚 bằng các chữ Thuỷ 氵, Ngưu 牛, và hình cái cày 夂. Ngưu là Bò, thủy ngưu là Trâu. (hình).

洚 HỒNG

Đã có nhiều chữ để ghép chứng tỏ đã phát triển hơn dùng hình vẽ. Đây cũng là dấu chứng sáng kiến Trâu Kéo Cày là của Sông Hồng.[14]

* *

6.3 Văn minh và Văn hóa Toàn Vùng do Sông Hồng

Việc sách vở Trung Hoa nhiều lần xưng tụng Rùa Thần và Sách Lạc đến từ Việt Thượng, đã chứng tỏ ít nhất cách đây hai ba ngàn năm, thời các sách vở Trung Hoa được sáng tác, mọi người đều công nhận Sách Lạc là biểu tượng của văn minh và văn hóa toàn vùng, và là tuyệt tác của dân Sông Hồng.

Tuy nhiên, cũng chính sự khâm phục nầy đã khiến giới thống trị Trung Hoa tiếm nhận tất cả tiền sử của Tộc Việt thành tiền sử của tộc Hoa, và di dời tất cả lên vùng Hoàng Hà.

Ngoài ra, trong thời Bắc thuộc, 2922-3785 tH, *43-906 dl*, giới thống trị Trung Hoa đã tận lực cướp phá và hủy hoại mọi di tích văn minh, văn hóa của Lạc Hồng.

---

[14] Cách viết 'ghép chữ' nầy cũng được dùng cho chữ Đức 德, chữ Việt 鉞. - Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 47 : 3.2.9 và tr 64 : 3.4.4.

6

TỘC VIỆT THỜI HÙNG 3
1279-1833 tH, *1600-1046 ttl*
TỘC VIỆT VÀ NHÀ THƯƠNG

1. THỜI HÙNG 3 VÀ NHÀ THƯƠNG

1.1 Sách vở Trung Hoa

Cũng như đối với các Thời trước, ở Thời Hùng 3, sách vở Trung Hoa chỉ chú trọng tới Nhà Thương và đánh lận rằng khi dân vùng Bắc Sông Hoài lập ra Nhà Thương, họ đã thống trị toàn thể thiên hạ.

Tuy nhiên, theo khảo cứu hiện nay, trong thời kỳ đầu, cương vực Nhà Thương hoàn toàn nằm trong phần đất phía Bắc Sông Hoài, vùng hạ lưu Hoàng Hà.

Chỉ từ thời Hậu Thương, cũng gọi là Ân, từ 1579 tH, *1300 ttl*, đất Nhà Thương mới lấn qua bờ phía Nam sông Hoài.

* *

1.2 Tính cách Lịch sử

Theo khảo cứu hiện nay, chỉ từ thời Hậu Thương, từ 1579 tH, *1300 ttl*, mới được coi là có chứng cứ lịch sử.

Sách vở Trung Hoa, kể cả khảo cổ hiện nay, thường chỉ chú trọng tới vùng đất được coi là thuộc Nhà Thương ở thời cường thịnh nhất.

Trung Hoa cũng không phân định rõ ràng ranh giới giữa vùng đất của Nhà Thương với các vùng chung quanh. Tất cả đều được coi như là chư hầu của Nhà Thương.

Đối với Trung Hoa, dầu trái ngược với lịch sử và thực tế, tất cả quyền hành và tất cả những gì hay tốt, đều thuộc về tộc Hoa, và đều ở vùng Hoàng Hà, sông Vị.

* *

1.3 Nhà Thương

a. Sách vở Trung Hoa

Năm 1279 tH, *1600 ttl*, Thành Thang liên kết các bộ lạc ở hạ lưu Hoàng Hà và chiếm giữ vùng đất ở phía Bắc Sông Hoài. Thành Thang đóng đô tại đất Bạc, phía bắc huyện Thương Khâu, Hà Nam ngày nay.

Nhà Thương kéo dài 554 năm, với 30 đời vua, và được chia thành 2 thời kỳ : Tiền Thương, 1279-1579 tH, *1600-1300 ttl*, và Hậu Thương, cũng gọi là Ân, 1579 -1833 tH, *1300-1046 ttl*.

b. Nhà Thương với tộc Hoa

Trong mấy ngàn năm qua, Trung Hoa luôn đánh lận là

Nhà Thương cũng là tiền sử của Trung Hoa, và đã thống trị thiên hạ. Tuy nhiên, mọi sách vở Trung Hoa đều ghi Thành Thang, người sáng lập Nhà Thương, là người Đông di.

Như vậy, đối với người Hoa, Nhà Thương chỉ là bọn người ngoại tộc sơ khai lạc hậu ở phía Đông. (bản đồ).

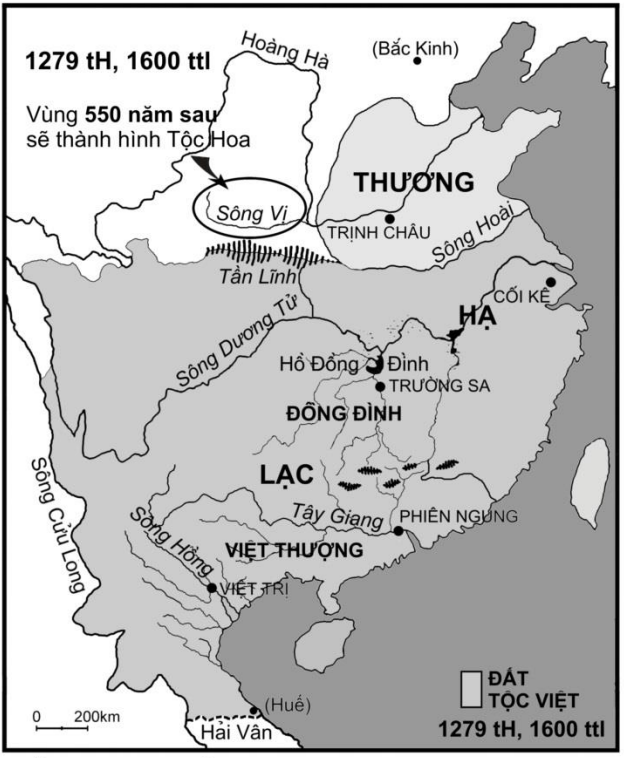

Đất TỘC VIỆT đầu Thời Hùng 3A - 1279 tH, 1600 ttl

Đông di là một trong bốn ngoại tộc man di mọi rợ ở quanh Trung Hoa, tứ di. Nhà Thương không dính dấp tới

tộc Hoa.

Thực vậy, Nhà Thương là dân ở phía Đông, còn tộc Hoa lại thành hình từ một số bộ lạc du mục vùng Thiểm Tây khô cằn ở phía Tây.[1]

* *

1.4 Dân Việt và Cư Dân

Thực ra, vào thời Hậu Hạ, trước Nhà Thương 200 năm, người dân Việt Hạ đã từ phương Nam vượt lên vùng Bắc Sông Hoài, và ở vùng đất mà khảo cổ hiện nay coi là đất Nhà Hạ.[2]

Từ đó, dân Việt và các bộ tộc cư dân trong vùng đã cùng nhau phát triển.

Với kỹ thuật canh tác mới của di dân phương Nam, với nhân số tăng triển nhanh, với nếp sống sung túc hơn, thích hợp hơn... sau 200 năm, Thành Thang đã có thể tụ tập các bộ tộc trong vùng để cùng nhau thành lập Nhà Thương.

Đang khi đó, các bộ tộc du mục vùng phía Tây, nay là Thiểm Tây, vẫn còn rời rạc, nhỏ yếu, lạc hậu. Hơn 550 năm sau, bộ tộc Chu mới tụ tập họ lại, lập ra Nhà Chu, và hình thành tộc Hoa.

* * * *

---

[1] Theo dân Hoa, từ thời Đông Chu, tứ di gồm : bắc Địch, đông Di, tây Nhung, nam Man.

[2] *Xem* tr 112 : 5.5 và bản đồ.

2. VÙNG DƯƠNG TỬ VÀ VIỆT LẠC THỜI HÙNG 3A, 1279-1579 tH, *1600-1300 ttl*

2.1 Tiếp tục phát triển

Trong khi Nhà Thương thành hình ở Bắc Sông Hoài, toàn thể vùng đất Tộc Việt phía Nam Sông Hoài vẫn yên lành tiếp tục đà phát triển về mọi mặt, và tiến bộ hơn Nhà Thương. Đất Tộc Việt gồm hai vùng lớn là vùng Đất Nhà Hạ ở 2 bên bờ hạ lưu sông Dương Tử, và vùng Đất Việt Lạc ở Đồng Đình và Việt Thượng.

* Tìm hiểu một cách độc lập về các vùng nầy, không chỉ thích đáng với việc khảo cứu trung thực của lịch sử, mà còn đưa tới nhiều khám phá mới lạ.

* *

2.2 Đất Hạ cường thịnh

a. Nước Sở, nước Việt

Tài liệu về thời Chu, 1833-2623 tH, *1046-256 ttl*, ghi nhận sự phát triển liên tục của vùng Việt Hạ, từ thời Hạ, qua thời Thương, tới thời Chu.

Theo sách vở Trung Hoa, năm 1849 tH, *1030 ttl*, thiên tử Nhà Chu cho dòng dõi Nhà Hạ thành lập nước Sở ở Bắc Dương Tử. Chỉ sau thời gian ngắn, Sở trở thành hùng cường nhất, chiếm cứ vùng đất rộng lớn nhất đương thời.

Cũng theo sách vở Trung Hoa về thời Chu, vùng Chiết Giang, ở Nam Dương Tử, có nước Việt. Năm 2406 tH, *473 ttl*, sau khi diệt nước Ngô, nước Việt thần phục thiên tử Nhà Chu và trở thành hùng cường nhất. Thủ đô của nước

Việt là Cối Kê. Cối Kê đã là thủ phủ của Đại Vũ, vị sáng lập Nhà Hạ, từ hơn 1500 năm trước.[3]

Nếu loại bỏ sự gán ghép trơ trẻn với thiên tử Nhà Chu, nước Sở ở Bắc Dương Tử và nước Việt ở Nam Dương Tử là những tộc dân liên tục tiếp nối từ Nhà Hạ, qua hơn 1000 năm trước khi Nhà Chu được thành lập.

Sánh với Chu, Sở và Việt đã và đang trỗi vượt hơn Chu về rộng lớn, đông đúc, hùng mạnh, văn minh, văn hóa... và tiếp tục phát triển trên vùng đất của Tổ Tiên Việt Hạ.

b. Đồ đồng Dương Tử

Thời đồ đồng Á Đông khởi phát từ khoảng năm 2000 ttl. Theo khảo cổ hiện nay, vào Thời Hùng 3A, 1279-1579 tH, 1600-1300 ttl, dân Việt vùng Đồng Đình và Dương Tử đã phát triển ngành đúc đỉnh đồng, vạc đồng, và chuông đồng.

Hoa văn trang trí trên đồ đồng Dương Tử là những phụng long cách điệu. Trên các đỉnh đồng còn có nhiều chữ ghi nhớ lý do đúc đỉnh và việc thờ kính Tổ Tiên. Phụng, long, và thờ kính Tổ Tiên là những đặc điểm của Tộc Việt.

Hiện nay, các di chỉ Tân Can ở Giang Tây và Bàng Long Thành, ở Vũ Hán, Hồ Bắc, thuộc 2 bên bờ Dương

---

[3] Sở Trang Vương và Việt Câu Tiễn là 2 trong Ngũ Bá thời Xuân Thu, 2108-2476 tH, *771-403 ttl*.

Tử, là những nơi có nhiều đồ đồng được phát hiện nhất.[4]

* *

2.3 Việt Lạc Thời Hùng 3A, 1279-1579 tH, *1600-1300 ttl*

Trong 300 năm Thời Hùng 3A, 1279-1579 tH, *1600-1300 ttl*, vùng đất mênh mông còn lại của Tộc Việt, đặc biệt những vùng Đồng Đình, Việt Thượng, và Sông Hồng của Việt Lạc, không những không bị ảnh hưởng Nhà Thương, mà ngược lại, còn tiếp tục phát triển vượt bực về nhiều phương diện.

* *

3. THỜI HÙNG 3B VÀ NHÀ ÂN, 1579-1833 tH, *1300-1046 ttl*

3.1 Nhà Ân

Năm 1579 tH, *1300 ttl*, Bàn Canh lên ngôi, rồi dời đô về An Dương. Vì An Dương thuộc đất Ân, nên còn được gọi là Nhà Ân, hoặc Nhà Hậu Thương.

Yếu tố du mục trọng vũ lực đã giúp Nhà Thương ngày thêm hùng mạnh, và bắt đầu xâm lấn các vùng Tộc Việt phía Nam Sông Hoài.

Theo ranh giới Nhà Thương của khảo cổ hiện nay, họ đã chiếm đóng một phần vùng phía Nam sông Hoài.

Đối với các vùng xa hơn về phương Nam, tuy quân Ân

---

[4] *Xem* bản đồ tr 101 : 5.3.2.

đã thất bại sau những cuộc xâm lăng ngắn ngủi, nhưng đã đủ thời gian để chúng tàn phá và cướp đoạt tài sản trong vùng. (bản đồ).

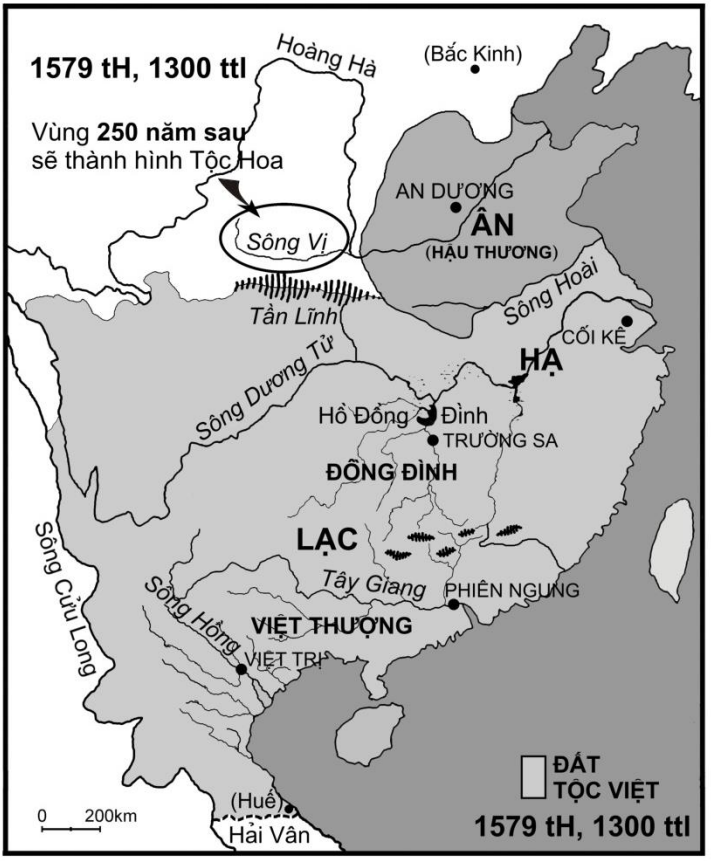

Đất TỘC VIỆT Đầu Thời Hùng 3B - 1579 tH, 1300 ttl

* *

3.2 Ân Cao Tôn xâm lăng Việt Lạc - Truyền kỳ Phù Đổng

a. Phù Đổng và Ân Cao Tôn

Theo sách vở Trung Hoa, năm 1661 tH, *1218 ttl*, Ân Cao Tôn đã đánh Quỉ Phương, vùng Đồng Đình. Ông đóng quân tại đất Kinh, phía tả ngạn Dương Tử, gần Hồ Đồng Đình. Sau 3 năm, Ân Cao Tôn không thắng.[5]

Theo Truyền kỳ Phù Đổng của Việt Lạc, Ân Cao Tôn đã xâm lấn nước ta 3 năm và đã bị đánh bại. (bản đồ).[6]

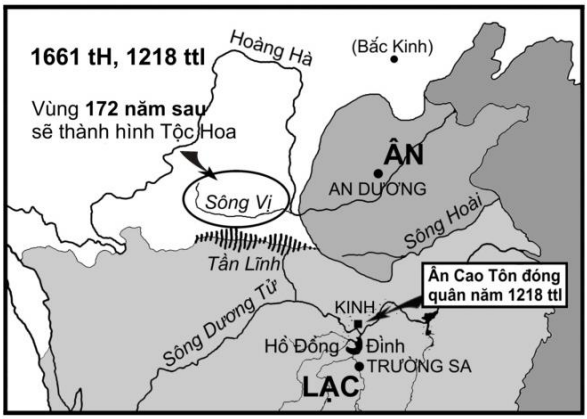

Ân Cao Tôn xâm lăng Việt Lạc - 1661 tH, 1218 ttl

---

[5] Theo *Trúc Thư Kỷ Niên*, Ân Cao Tôn 'Tam thập nhị niên, phạt Quỷ Phương, thứ vu Kinh' : năm thứ 32, đánh Quỷ Phương, đóng quân tại đất Kinh. - Theo *Hạ Thương Chu niên biểu*, năm Ân Cao Tôn 32 là *1218 ttl*.

[6] Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 10, phần 2, và đoạn 4.1.

b. Việt Lạc năm 1661 tH, *1218 ttl*

Như vậy, cách đây 3200 năm, dân Việt Lạc đã là một quốc gia vững mạnh ở vùng Đồng Đình.

Nước nầy đã có tổ chức chặt chẽ, có vua quan, có làng xã, có cúng tế, có lúa gạo, có vải áo, có lũy tre... đã đúc đồ sắt, đã có tinh thần dân tộc cao độ... và, theo sách vở Trung Hoa, đã chiến thắng giặc Ân vào thời kỳ hùng mạnh nhất của chúng.[7]

* * * *

4. VẤN ĐỀ DI VẬT THỜI ÂN

4.1 Di Vật tại cố đô An Dương

a. Đồ đồng và Chữ Viết

Hai di sản hiện thực quan trọng của thời xưa là đồ đồng và chữ viết.

Đồ đồng thời Thương, 1279-1833 tH, *1600-1046 ttl*, đã được phát hiện nhiều nhất ở các di chỉ Tân Can, Bàng Long Thành, thuộc 2 bên bờ Sông Dương Tử, ở Trịnh Châu thuộc Hà Nam, và ở cố đô An Dương.[8]

---

[7] Các *địa danh* ở Bắc Phần Việt Nam không nhất thiết phải là những chứng tích địa điểm của lịch sử. Bất cứ đi đâu, dân Việt cũng luôn có bên mình ấn tích của Tổ Tiên.

Với cuộc di cư 1954 từ Bắc vào Nam, và từ năm 1975 tỏa khắp thế giới, dân Việt không những đã đem theo địa danh, ấn tích lịch sử, văn hóa, mà cả cỏ cây rau trái.

[8] Đọc www/tên các *Di chỉ*. - *Xem* bản đồ tr 102 : 5.3.2.

Đã phát hiện hàng ngàn đỉnh đồng, vạc đồng tinh xảo... tại cố đô An Dương của Nhà Ân. Ở vùng nầy, hiện nay cũng đã phát hiện hơn một trăm ngàn mảnh xương có khắc chữ. Tổng số chữ trên các mảnh xương nầy lên tới khoảng 5000, trong đó có hơn 3000 chữ đã chuẩn xác, đã có hệ thống.[9]

Tuy nhiên, tại An Dương không có dấu vết giai đoạn sơ khai của kỹ nghệ đúc đồng. An Dương cũng không có dấu vết của chữ viết thời sơ khai. Tất cả đều đột hiện ở An Dương, từ 1579-1833 tH, *1300-1046 ttl.* (hình).

b. Thành hình Đồ đồng và Chữ viết

Thời xưa, kỹ nghệ luyện kim và đúc đồ đồng đã phải mất mấy trăm năm mới có thể tiến từ giai đoạn sơ khai tới giai đoạn tinh vi như đồ đồng Thời Thương.[10]

Về chữ viết, loại chữ phát xuất từ hình vẽ cũng phải mất thời gian dài để từ một vài hình vẽ sơ khai, tới chỗ ghi nhận, biến cải, hoán chuyển, gia giảm hàm ý trừu tượng... Vì vậy, cũng cần nhiều trăm năm để thành hình

---

[9] *Chinese writing* (*Wenzi-xue-gaiyao*), do Qiu Xigui, Socie-ty for the Study of Early China, Univ. of California, Berkeley, 2000, tt 49-50.

[10] Ở nhiều nơi trên thế giới, kỹ nghệ đồ đồng đã không hề tới được giai đoạn tinh vi nầy.

một hệ thống hơn 3000 chữ chuẩn xác, được mọi người cùng theo.

c. Cướp về từ phương Nam

Hiện tượng báu vật bằng đồng và chữ viết đột hiện ở An Dương nhắc nhớ nhiều vấn đề :

1. Việc đột nhiên xuất hiện hàng ngàn đồ đồng tinh xảo, và hàng vạn mảnh xương có ghi hơn 3000 chữ chuẩn xác, đã xảy ra cùng lúc với việc Nhà Ân khởi sự xâm lấn và cướp phá vùng đất Tộc Việt phương Nam, năm 1661 tH, *1218 ttl*.

2. Trước Nhà Ân 1500 năm, Tộc Việt đã phát triển đông đúc và trỗi vượt trong nghề trồng lúa nước, nghề đánh cá, và ghe thuyền, ở vùng Đồng Đình và Dương Tử.

3. Trước Nhà Ân hơn 800 năm, thời Đế Nghiêu, dân Việt Lạc ở Sông Hồng Việt Thượng đã có chữ viết, và đã truyền cho vùng Đồng Đình.[11]

4. Trước Nhà Ân 700 năm, vùng Việt Hạ, Đồng Đình và Sông Hồng đã vào thời kỳ đồ đồng.[12]

5. Trước khi bị Nhà Ân xâm phạm, vùng Dương Tử đã sản xuất nhiều đỉnh và vạc đồng tinh xảo. Dân Việt miền Nam đã có di chỉ Đông Sơn.

6. Ngay trong Thời Tiền Thương, 1279-1579 tH, *1600-*

---

[11] *Xem* tr 93 : 4.5.4c.

[12] Thời đồ đồng của tộc Việt khởi đầu khoảng năm 879 tH, *2000 ttl*.

1300 ttl, trước khi An Dương trở thành thủ đô, vùng đất Nhà Thương, ở Bắc Sông Hoài, cũng không có dấu vết của kỹ nghệ đồ đồng tinh xảo, cũng không có dấu vết của loại chữ viết sơ khai.

7. Như vậy, cố đô An Dương chỉ là nơi chất chứa chiến lợi phẩm từ phương Nam. Những báu vật đó không chứng tỏ trình độ kỹ thuật, văn minh, văn hóa của vùng đất Hoàng Hà.

* *

4.2 Di Tích Văn Minh, Văn Hóa Việt

a. 3000 năm Trung Hoa tiếm đoạt

Những phát hiện ở An Dương là đòn chí tử đánh vào hệ thống tuyên truyền xảo quyệt của Trung Hoa trong suốt 3000 năm qua và hiện nay.

Kỹ thuật và tuyệt tác đồ đồng mà Trung Hoa đang huyênh hoang, đều là do tiếm đoạt từ Dân Việt.

Toàn bộ chữ hán hiện nay có nguồn gốc Việt, với hơn 3000 chữ đã chuẩn xác từ hơn 200 năm trước khi tộc Hoa thành hình.

Đặc biệt, những Chữ khắc ghi trên Thạp Đào Thịnh và Trống Ngọc Lũ thời đồ đồng Đông Sơn tuyệt kỹ là chứng cứ hiển nhiên của hệ thống Chữ Viết và Tư tưởng Việt từ hơn 3000 năm trước.

Cùng với việc kiện toàn hệ thống hơn 3000 chữ viết hoàn chỉnh, Tộc Việt, đặc biệt vùng Việt Lạc Sông Hồng, chắc chắn đã có nhiều tác phẩm văn học và tri thức đáng

kể. Chính những tác phẩm nầy cũng đã góp phần hệ thống hóa và phát triển chữ viết. Nhưng tất cả đều bị Trung Hoa tiếm đoạt.

b. Nghiên cứu Tác phẩm Việt

Việc khảo cứu hàng ngàn chữ Việt nguyên thủy, cùng với việc tìm hiểu và so sánh những tác phẩm cổ xưa, sẽ là nguồn phát hiện dồi dào của nhiều chứng tích lịch sử đích thực của Tộc Việt, về mọi phương diện.[13]

Việc tìm hiểu tuyệt tác đồ đồng, đặc biệt Thạp và Trống Đông Sơn, cũng sẽ là những đóng góp và chứng cứ không thể thiếu cho việc xác định nguồn gốc của những tác phẩm kỹ thuật, mỹ thuật, văn học, lịch sử, văn hóa, và tri thức của thời kỳ trước khi nhóm dân du mục vùng Thiểm Tây thành hình Tộc Hoa.[14]

* *

4.3 Thực Trạng các Thủ Đô Trung Hoa

a. Do cướp đoạt

Việc thủ đô An Dương, và các thủ đô khác của Trung Hoa, chất chứa nhiều tuyệt tác, không phải là dấu chỉ đương nhiên về tài trí và trình độ của dân địa phương. Đó

---

[13] Đặc biệt dấu vết trong những tác phẩm có trước Khổng Tử (một số đã 'được' Khổng tử 'san định'), như Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ... - *Xem* tr 170 : 8.2.4.

[14] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của các Học thuyết Á Đông*, do Nguyễn Thanh Đức.

là do cướp đoạt.

Việc cướp đoạt của Trung Hoa không chỉ xảy ra trong các cuộc xâm lăng, mà còn là chính sách thường trực trường kỳ của chế độ triều cống, trong suốt lịch sử Trung Hoa.

Cống phẩm không chỉ là những sản phẩm quí giá nhất, mà còn là những nhân tài, những thợ lành nghề nhất.[15]

b. Dấu chứng Văn minh Việt

Đã không ngừng cướp đoạt tài vật quí hiếm, thì lạ gì thủ đô chất chứa nhiều phẩm vật tinh xảo, thượng hạng.

Đã không ngừng lùng bắt thợ giỏi, cướp đoạt tri thức và tài khéo, thì thủ đô cũng phải lập những cơ sở thích đáng cho các kỳ tài xử dụng, thì lạ gì thủ đô có cơ xưởng và chất chứa nhiều tác phẩm tuyệt trần.

Tuy nhiên, tất cả đều không phải là dấu chứng tài trí của dân thủ đô, càng không phải của người tộc Hoa du mục sơ khai lạc hậu, chỉ trọng bạo lực.

Trái lại, đó là chứng cứ cho trình độ văn minh tiên tiến của Tộc Việt, và của các dân tộc mà Trung Hoa áp đặt định kiến là man di mọi rợ, cần được họ khai hóa.[16]

* * * *

[15] Thời Tam Quốc, hàng ngàn thợ khéo Việt Lạc bị đưa đi xây dựng thủ đô Kiến Nghiệp, Nam Kinh ngày nay.

5. VIỆT LẠC THỜI HÙNG 3B, 1579-1833 tH, *1300-1046 ttl*

5.1 Nền Văn hóa kiện toàn

Vào Thời Hùng 3B, Việt Lạc đã kiện toàn một nếp sống đem lại thịnh vượng, thanh bình, hạnh phúc đích thực.

Nền Văn hóa nầy không chỉ phổ biến rộng rãi trong toàn dân, mà còn được lưu truyền qua hàng trăm đời. Tất cả đều được truyền lại qua nếp sống từng ngày, qua thuần phong mỹ tục, qua các định chế, qua tục ngữ ca dao, và nhất là bằng lời truyền dạy, bằng những Truyền kỳ, những truyện tích hàm chứa biểu tượng trong từng câu, từng chữ.

Nhờ vậy, đồng thời với nếp sống đại chúng, ngày nay chúng ta còn có được Bộ Truyền Kỳ Tộc Việt, gồm tóm toàn bộ những kinh nghiệm Làm Người, những nguyên tắc sống, và tâm huyết của Tổ Tiên.[17]

* *

5.2 Thạp và Trống Đông Sơn

a. Tuyệt kỹ Việt Lạc

Nghề đồng của Việt Lạc Sông Hồng cũng phát triển đồng thời với đồ đồng Việt Hạ ở Dương Tử. Tuy nhiên,

---

[16] Thực ra, ngoài Tộc Việt, các dân tộc chung quanh không có gì đáng kể.

[17] Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt* Nam, do Nguyễn Thanh Đức.

trong khi dân Việt Dương Tử có những vạc, đỉnh, và chuông đồng tinh vi, Việt Lạc Sông Hồng lại xuất sắc trong việc đúc trống đồng.

Vào cuối thời Hùng 3B, hơn 3000 năm trước, trung tâm sản xuất đồ đồng Đông Sơn, ở Thanh Hóa, đã phát minh cách pha chế đồng thau đặc biệt và đúc nhiều thạp và trống đồng tuyệt kỹ. Kỹ thuật luyện kim và đúc trống đồng cần tinh tế hơn, để tạo tiếng trống trầm hùng và vang vọng.

Thạp và trống Đông Sơn không chỉ đặc biệt ở hợp chất, ở tiếng vang, mà còn độc đáo ở hình dạng và ở cách trang trí.

b. Kho tàng Văn hóa

Tuyệt diệu hơn nữa, qua hoa văn và hình dạng độc đáo của Thạp và Trống Đông Sơn, Tổ Tiên Việt Lạc Sông Hồng đã mã hóa toàn bộ những ý niệm và học thuyết đã khởi phát từ trước thời Đế Nghiêu, cách đây hơn 4200 năm.

Nhờ đó, sau hơn 3000 năm, ngày nay chúng ta còn có những Thạp và Trống chất chứa những bảo chứng của Học thuyết Việt cổ đại, hoàn thiện trước cả sự thành hình của Tộc Hoa.[18]

* *

[18] Về Thạp và Trống, đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 17 : 2.1.1.

5.3 Trống đồng Việt Lạc

Cho đến hiện nay, sau hàng ngàn năm bị Trung Hoa cướp phá, vùng đất Việt Lạc, - nay gồm Việt Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, Quí Châu, Hải Nam và một phần Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Giang Tây, Phúc Kiến - vẫn là vùng còn nhiều trống đồng cổ xưa.

Theo Trung Quốc Cổ đại Đồng Cổ Nghiên cứu Hội, năm 1988, Trung Quốc đã tìm được 1460 trống đồng cổ ở : Quảng Tây: 560, Quảng Đông: 230 trống, Vân Nam: 160, Quí Châu: 88, Tứ Xuyên: 51, Hồ Nam: 27, Hồ Bắc: 6, Chiết Giang: 6, Sơn Đông: 8, Liêu Ninh: 4, và Thượng Hải: 230, Bắc Kinh: 84 trống.[19]

Ở Việt Nam, cho đến năm 1980, số trống đồng cổ tìm được là 360 trống, trong đó có 140 trống thuộc loại Đông Sơn. Từ đó tới nay, đã phát hiện thêm nhiều trống đồng khác. (bản đồ).[20]

---

[19] Theo *Trung Quốc Cổ Đại Đồng Cổ*, do Trung Quốc Cổ đại Đồng cổ Nghiên cứu hội, Bắc Kinh, Wenwu Press, 1988. Trích dẫn ở Han Xiaorong, The present Echoes of the Ancient Bronze Drum: Nationalism and Archeology in Modern Việt Nam and China, Explorations in Southeast Asian Studies, Vol. 2, No. 2, Fall 1998, Hawaii University.

- Bắc Kinh và Thượng Hải có nhiều trống, vì là trung tâm chính trị và kinh tế thời gần đây.

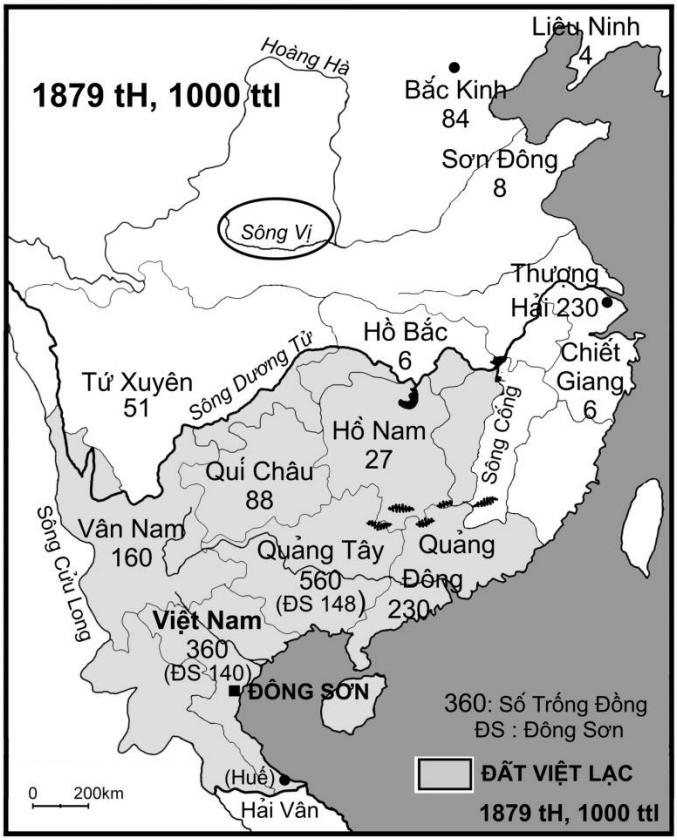

Văn Minh Trống Đồng Việt Lạc - từ 1879 tH, 1000 ttl

* *

[20] *Bronze Drums in Vietnam*, do Nguyễn Duy Hinh, The Vietnam Forum 9, 1987, tr 4-5. - Đọc thêm *Dong Son Drums in Vietnam*, do Phạm Huy Thông, nxb Khoa học Xã Hội, Hà Nội, 1990, tr 275, 282.

α

5.4 Chữ Việt Đồ Đồng 鉞

Ý thức những kỳ diệu trong nghệ thuật đúc đồng, và nhất là ghi nhớ công trình tác tạo và những ký thác tuyệt vời vào Thạp và Trống, Tổ tiên Lạc Hồng đã tạo thêm một chữ 'Việt' mới, xứng với tâm huyết và niềm hãnh diện của mình.

Thay vì dùng chữ Việt 越 gồm hình ảnh vị Thủ Lãnh 戉 trên Thuyền vượt biển , Tổ Tiên dùng chữ Việt 鉞 gồm vị Thủ Lãnh 戉 và chữ Kim 金. (hình).[21]

* *

5.5 Gia sản Tổ Tiên

Ngoài ra, ròng rã trong suốt mấy ngàn năm qua, Tổ Tiên Việt Lạc Sông Hồng, còn để lại biết bao sản nghiệp, di vật, tài liệu và tác phẩm quý giá ở mọi phương diện.

Tiếc thay, trong thời Trung Hoa xâm lấn và hơn 800

α ———————

Sách Trung Hoa ghi : Mã Viện gom góp và phá hủy nhiều trống đồng của Lĩnh Nam, để đúc ngựa đồng và cột đồng. Sau Mã Viện là Khổng Minh, Lan Khâm, Âu Dương Ngỗi, Lưu Hiểu... đều nổi tiếng vì đã cướp nhiều trống đồng của Việt Lạc. Có tài liệu còn cho rằng Mã Viện là ông tổ nghề đúc đồ đồng.

[21] Về chi tiết hình vẽ và các nét của chữ Việt 越, *xem* tr 65 : 3.5.3d.

năm Bắc thuộc, tất cả đã bị người Trung Hoa soán đoạt, xuyên tạc, khỏa lấp hoặc hủy hoại.

Dầu vậy, xuyên qua những soán đoạt, xuyên tạc, và khỏa lấp đó, nhiều di sản của Tổ Tiên vẫn còn kiên trì tồn tại, đang chờ đợi chúng ta khám phá, thu thập, và trân quý.

* * * *

6. VẤN ĐỀ VIỆT LẠC VÀ ĐỒNG ĐÌNH

6.1 Tên Lạc

a. Chữ LẠC Rùa Thần 幺白幺

Trên đường Nam tiến, khoảng năm *4000 ttl*, tới Sông Hồng, gặp được nhiều Rùa 'Thần' khổng lồ, Tổ Tiên vui mừng nên đã lấy *hình Rùa Thần* làm Biểu Hiệu và *tên Lạc*.[22]

幺白幺 LẠC

b. Việt Thượng, Rùa Thần, và Sách Lạc

Sách vở Trung Hoa ghi vào khoảng đầu Thời Hùng, *2879 ttl*, Phục Hy đã được Rùa Thần ở Lạc Hà cho đồ biểu Âm Dương. Nhờ đó, ông tính ra Tám Quẻ tiên thiên.[23]

---

[22] *Xem* tr 67: 3.5.3e.

[23] Nên gọi là Hà Đồ. Một số sách giải thích Hà Đồ là do long mã từ Hoàng Hà. Hà Đồ chỉ là Sách Lạc biến dạng. - Thực ra, cũng chỉ là Truyền thuyết *Rùa Thần Việt Thượng*. Sông Lạc chỉ để tránh né nguồn phát xuất từ Dân Lạc. Long Mã là để né

Gần 700 năm sau, năm Đế Nghiêu thứ 5, 688 tH, *2191 ttl*, Đế Nghiêu cũng được sứ giả vùng Sông Hồng của Việt Thượng dâng Rùa Thần, trên lưng Rùa có chữ viết, có lịch.[24]

Cũng theo sách vở Trung Hoa, Đại Vũ, 809 tH, *2070 ttl*, cũng được Rùa Thần cho Sách Lạc.[25]

Thời khai sáng Nhà Chu, 1833 tH, *1046 ttl*, Chu Văn Vương cũng học Sách Lạc, viết Kinh Dịch. Con ông là Chu Công Đán lại tiếp sứ giả Việt Thượng, và viết Chu Lễ.[26]

* Như vậy, theo sách vở Trung Hoa, từ Phục Hy, Đế Nghiêu, Đại Vũ, tới Chu Văn Vương, Chu Công Đán, truyền thuyết về Âm Dương, Kinh Dịch, đều đi chung với Rùa Thần, với đồ biểu, với chữ viết trên lưng Rùa, với Sách Lạc, và với Việt Thượng.

Hơn nữa, chữ Việt Sách Lạc 粵 lại là chứng cứ Tổ Tiên Việt Lạc khôn thiêng đã dùng chính hình ảnh 'Rùa Thần mang Sách Lạc' ghi lại danh xưng và dấu ấn của riêng mình.[27]

c. Dân Lạc

Như vậy, với chữ Lạc Rùa Thần 絡 từ Sông Hồng

α ————————
tránh Rùa Thần.

[24] *Xem* tr 92 : 4.5.4.

[25] *Xem* tr 103 : 5.3.3.

[26] *Xem* tr 160 : 7.5.

[27] *Xem* tr 104 : 5.3.3c.

Việt Thượng từ 6000 năm trước, với đồ biểu trên lưng Rùa Thần có tên là Sách Lạc 𝌆, với chữ Việt là hình Rùa Thần mang Sách Lạc 粵 từ 4200 năm trước, tên của Dân Việt vùng Sông Hồng Việt Thượng là Lạc.

Như vậy, cho đến hiện nay, toàn thể dân vùng Việt Thượng đang mang tên Việt Sách Lạc 粵 cũng là dân Lạc.[28]

* *

6.2 Ảnh Hưởng của Dân Lạc

1. Với truyền thuyết Phục Hy gặp Rùa Thần, ảnh hưởng của dân Lạc đã xuất hiện ở Đồng Đình từ đầu Thời Hùng.

Tuy nhiên, hành trạng Phục Hy có nhiều huyền thoại hơn là truyền thuyết. Vì vậy, Phục Hy gặp Rùa Thần có thể là do gán ghép của thời sau.[29]

2. Việc Đế Nghiêu được Sứ giả Việt Thượng dâng Rùa Thần, năm 688 tH, *2191 ttl*, gần với hiện thực hơn. Điểm hiện thực nhất là đã ghi nhận nguồn gốc Việt Thượng của Rùa Thần, vì đây là nguồn gốc mà truyền thống tiếm đoạt của Trung Hoa không muốn nhắc tới.

Hơn nữa, ngoài truyền thuyết của Trung Hoa, chính

---

[28] Tên của Dân Việt vùng Việt Thượng là Lạc. Tuy nhiên, khi nhấn mạnh đặc tính Việt, khác với Hoa, thì dùng tên Việt Lạc.

[29] Các bản văn về Phục Hy được sáng tác sớm nhất cũng sau Phục Hy hơn 2000 năm.

dân Việt Lạc cũng có truyền thuyết đặc biệt nhắc nhớ sự kiện nầy. Dân Việt Lạc đã lấy năm 688 tH, *2191 ttl* làm cứ điểm đánh dấu sự trỗi vượt của mình. Từ lâu, mọi người Việt Nam đều hãnh diện '*Việt Nam có 4000 năm văn hiến*', trỗi vượt về văn học và chính trị. Hiện nay là '4200 năm văn hiến'.[30]

Ngoài ra, việc 'Đế Nghiêu chép lại lịch' cũng chứng tỏ ở thời điểm nầy, nền Văn minh và Văn hóa Lúa Nước của Dân Lạc Sông Hồng không chỉ trỗi vượt mà còn ảnh hưởng tới vùng Đồng Đình.

3. Truyền thuyết Đại Vũ học Sách Lạc mà biết cách trị thủy và trị dân, không chỉ ghi nhận Dân Lạc Sông Hồng đã tăng triển mau chóng về kỹ thuật và tri thức, mà còn ảnh hưởng tới toàn bộ việc phát triển của vùng Việt Hạ.

4. Việc Chu Văn Vương và Chu Công Đán học Sách Lạc để viết Kinh Dịch và Chu Lễ, lại một lần nữa xác chứng sự tăng triển liên tục và ảnh hưởng của Dân Lạc Sông Hồng trên toàn thể Tộc Việt và trên toàn bộ cơ cấu tổ chức, học thuật, và xã hội của nhóm bộ tộc du mục vừa thành lập Nhà Chu ở vùng thung lũng Sông Vị.

5. Như vậy, từ hơn 4200 năm qua, học thuật và văn hóa của Dân Lạc Sông Hồng đã trỗi vượt và ảnh hưởng tới toàn bộ lịch sử vùng Á Đông.[31]

* *

[30] 2191 ttl + 2013 dl = 4204 năm.

6.3 Dân Lạc và vùng Đồng Đình

a. Thời Đế Nghiêu

Văn minh và văn hóa của Dân Lạc Sông Hồng đã ảnh hưởng tới vùng Đồng Đình từ đời Đế Nghiêu, 688 tH, *2191 ttl*.

Tuy nhiên, từ đó tới thời Ân Cao Tôn, chưa thấy chứng cứ lúc nào vùng Đồng Đình được kể là đất Lạc.

Lý do thiếu vắng truyền thuyết của thời kỳ nầy là vì tộc Hoa đã tiếm nhận tất cả quá khứ của Tộc Việt, đã chuyển đổi và di dời tất cả lên vùng Hoàng Hà.

b. Thời Ân Cao Tôn

Sở dĩ chúng ta có di chứng thời Ân Cao Tôn, là vì Nhà Ân ở vùng Bắc Sông Hoài, và được sách vở Trung Hoa thời sau ghi nhận như là lịch sử của họ.

Theo sách vở Trung Hoa, năm 1661 tH, *1218 ttl*, Ân Cao Tôn đem quân đánh chiếm vùng Đồng Đình gần sông Dương Tử. Sau 3 năm, thất bại.[32]

Đang khi đó, Việt Lạc cũng có Truyền Kỳ Phù Đổng với mọi chi tiết của việc Ân Cao Tôn xâm lấn và bị tướng Phù Đổng đánh bại.[33]

---

[31] Qua Thạp và Trống đồng Đông Sơn, những ý niệm và học thuyết Âm Dương Hoán Dịch, Đất Trời Năm Hành, Tiên Rồng Song Hiệp, Đạo Đức Tuệ Linh... cũng có nguồn gốc Việt Lạc.

[32] Theo *Trúc Thư Kỷ Niên*.

[33] Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 10, α

Như vậy, ngoài những chi tiết khác, điều đáng ghi nhận là vào thời kỳ đó, vùng Đồng Đình đã là đất của Việt Lạc.

Sự kiện nầy còn được xác chứng bởi những biến cố ở các thời sau.

c. Thời Tần - Triệu Đà

Năm 2665 tH, *214 ttl*, Nhà Tần khởi sự xâm lăng vùng đất Việt Lạc ở Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông. Nhưng thất bại.[34]

Năm 2872 tH, *207 ttl*, tướng Triệu Đà chiếm phần đất nay là Quảng Tây Quảng Đông, và tiếp tục đánh Hồ Nam, vùng Đồng Đình của Việt Lạc.

d. Thời Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam

Năm 2919 tH, *40 dl*, trong mấy tháng, quân khởi nghĩa do Đức Trưng Trắc lãnh đạo, đã chiếm lại 65 thành.

Tuy nhiên, trong suốt 2000 năm qua, sách vở Trung Hoa đã giảm thiểu và xuyên tạc chiến công hiển hách nầy.

Hiện nay đã có khảo cứu về địa bàn hoạt động của quân khởi nghĩa đương thời. Việc khảo cứu căn cứ trên những dấu vết trong sách vở Trung Hoa, dấu tích tại hiện trường, và đặc biệt qua nhiều đền thờ, thần tích của các Vị Anh Hùng ở vùng đất đã xảy ra chiến trận.

α ——————
đoạn 4.1.

[34] *Xem* tr 178 : 8.4.3.

Kết quả xác chứng nghĩa quân Việt Lạc đã chiếm lại toàn thể đất Việt Lạc, gồm cả vùng Lĩnh Nam và vùng Đồng Đình.[35]

e. Truyện Hồng Bàng

Năm 3414 tH, 535 *dl*, vị quan Trung Hoa là Lịch Đạo Nguyên đã viết Truyện Hồng Bàng trong quyển *Thủy Kinh Chú*.

Dầu nhiều chi tiết đã bị sửa đổi do mưu đồ đồng hóa dân Việt vào tộc Hoa, Truyện Hồng Bàng cũng đã ghi nhận bờ cõi của Hùng Vương (Vua Hùng), Việt Lạc, "Đông giáp Nam Hải, tây đến Ba Thục, Bắc đến Hồ Đồng Đình, Nam đến nước Hồ Tôn Tinh (Chiêm Thành)".[36]

Như vậy, hơn 600 năm sau khi vùng Đồng Đình bị Nhà Hán tách ra khỏi đất Việt Lạc, không chỉ người Tộc Việt, mà cả quan lại Trung Hoa cũng còn ghi nhận đất Việt Lạc 'Bắc đến Hồ Đồng Đình'.

---

[35] *Xem* tr 292 : 14.6.3 và bản đồ.

[36] *Xem* tr 241 : 12.2, câu 85.

7

VIỆT VÀ HOA THỜI HÙNG 4A
1833-2108 tH, *1046-771 ttl*

1. VẤN ĐỀ TỘC HOA

1.1 Tộc Hoa

a. Du mục Thiểm Tây

Bộ tộc Chu khởi phát ở vùng đồng cỏ khô cằn giá lạnh Thiểm Tây, vùng phía Bắc Tần Lĩnh.

Qua nhiều đời và nhiều thay đổi chỗ ở, bộ tộc Chu phát triển thành một bộ lạc lớn. Họ liên minh với các bộ lạc khác thành một tiểu quốc và dời đô về phía đông, vùng Sông Vị. Chung quanh thung lũng Sông Vị là vùng đồng cỏ khô cằn rộng lớn.

Năm 1833 tH, *1046 ttl*, Chu Vũ Vương thành lập Nhà Chu. Nhóm người nầy trở thành tộc Hoa.

Như vậy, Tộc Hoa được thành hình do bộ tộc Chu tụ tập nhiều nhóm dân du mục, rồi nhờ Nhà Chu mà trở thành một tộc dân. Khi đó, tộc Hoa chỉ là một đám du mục sơ khai, bạo động... không những họ chưa có một Hệ

thống Tư Tưởng, mà cả Ngôn từ và Chữ viết cũng đều sơ đẳng.

b. Nhà Chu

Nhà Chu được chia thành 2 thời kỳ :

Thời đóng đô tại đất Cảo, gần Tây An, tỉnh Thiểm Tây ngày nay, nên được gọi là Tây Chu, từ năm 1833 tới 2108 tH, *1046-771 ttl*.

Thời kỳ chạy về Lạc Dương, 2108-2623 tH, *771-256 ttl*, được gọi là Đông Chu.

c. Nước Tần

Năm 2108 tH, *771 ttl*, vùng Sông Vị của Nhà Chu bị nhóm du mục Khuyển Nhung xâm chiếm, thành lập Nhà Tần. Nhà Chu dời đô về phía đông, gần Lạc Dương.

Năm 2623 tH, *256 ttl* Tần diệt Chu. Năm 2658 tH, *221 ttl*, Tần Doanh Chính thành lập nước Trung Hoa, và tự xưng là Tần Thủy Hoàng, vua đầu tiên của tộc Hoa.[1]

d. Thuyết Thiên Tử Thế Thiên

Với di sản độc tôn độc tài của nền văn hóa gốc du mục, với âm mưu thần thánh hóa giai cấp thống trị, nhà Hán đã tận lực khai thác thuyết 'Thiên tử thế Thiên hành Đạo', vua Hán là 'con Trời, thay Trời trị dân'.

Từ đó, 'thiên tử Nhà Chu' đã trở thành vị Hoàng đế

[1] *Xem* tr 75 : 4.2.1e.

Trung Hoa thống trị và ban phát quyền lực cho mọi sắc tộc, mọi dân nước ở khắp thiên hạ.

Cũng vậy, trong hơn 2000 năm qua, tộc Hoa luôn tự tuyên dương là tộc dân văn minh, tiền tiến, tinh tuyền, thần thánh, và là tầng lớp thống trị cao cả đầy ơn ích cho toàn thể mọi tộc dân trong vùng.

* *

1.2 Những Sự Thực Lịch Sử

1. Sự thực lịch sử là một nhóm dân du mục lạc hậu ở vùng lạnh giá khô cằn Thiểm Tây đã được bộ tộc Chu gom góp. Năm 1833 tH, *1046 ttl*, họ thành lập Nhà Chu ở thung lũng Sông Vị. Sau nầy họ được gọi là tộc Hoa.

2. Sự thực là trước tộc Hoa hơn 4000 năm, Tộc Việt đã khởi nguyên ở vùng Lúa Nước phì nhiêu trong lành quanh Hồ Đồng Đình.

3. Trước tộc Hoa 2000 năm, Tộc Việt đã sinh sống trên khắp vùng Á Đông, từ Sông Hoài Tần Lĩnh tới Hải Vân. Tộc Việt đã phát triển nền Văn minh và Văn hóa Lúa Nước trỗi vượt.

4. Trước tộc Hoa 1100 năm, và 1000 năm, Việt Lạc Sông Hồng đã nhiều lần phổ biến kiến thức và kỹ thuật tiên tiến lên vùng Đồng Đình và Việt Hạ.[2]

5. Trước tộc Hoa hơn 300 năm, Tộc Việt đã kiện toàn nền Văn hóa nhân bản cao, đã có hệ thống chữ viết với

---

[2] *Xem* tr 88 : 4.4.3e và tr 103 : 5.3.3.

hơn 5000 chữ, trong số có 3000 chữ chuẩn xác,

6. Năm *1046 ttl*, dân Hoa thành hình, với nhóm bộ lạc du mục sơ khai, không thể lưu lại truyền thuyết hoặc tiền sử nào.

7. Gần như đồng thời với việc thành hình của tộc Hoa du mục ở Thiểm Tây, Việt Lạc Sông Hồng đã đúc những tuyệt tác bằng đồng và đã ghi lại toàn bộ Hệ thống Tư Tưởng Á Đông trên Thạp và Trống đồng Đông Sơn.

8. Ngay lúc nhà Chu được thành lập, đoàn Sứ giả Việt Lạc Sông Hồng đã tới tận thủ đô Cảo Kinh để phổ biến chính sách cai trị, học thuyết, lễ nghĩa, học thuật, kể cả la bàn, cho triều đình Chu du mục lạc hậu.[3]

9. Vào thời Chu, 1833-2623 tH, *1046-256 ttl*, chưa có nước Trung Hoa. Nhà Chu đã chỉ là một nước nhỏ trong một vùng có nhiều nước rộng lớn, đông đúc, và cường thịnh hơn.

10. Thời Tây Chu, 1833-2108 tH, *1046-771 ttl*, nước hùng mạnh nhất trong vùng là Nước Sở, dân Việt, ở vùng đất giữa Sông Dương Tử và Sông Hoài.

11. Năm 2108 tH, *771 ttl*, triều Chu bị nhóm du mục Khuyển Nhung đuổi khỏi vùng thung lũng Sông Vị, và trở thành Đông Chu. Vùng Sông Vị bị Khuyển Nhung chiếm cứ và trở thành Tần. Tần dần dần trở thành hùng mạnh. Năm 2623 tH, *256 ttl*, Tần diệt Chu.

---

[3] *Xem* tr 157 : 7.4.1a. - Về Mặt La bàn, đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 57 : 3.3.2b.

12. Tổ tiên gần của tộc Hoa là nhóm du mục Khuyển Nhung nhà Tần, 2108 tH, *771 ttl*. Chúng sơ khai, lạc hậu và tham tàn hơn nhóm nhà Chu.[4]

13. Năm 2658 tH, *221 ttl*, mới bắt đầu có nước Trung Hoa, khi Tần Doanh Chính thôn tính toàn vùng Trung Nguyên. Doanh Chính cũng đã ý thức rõ ràng sự thực nầy, nên tự xưng là Thủy Hoàng, Vua Đầu Tiên của Trung Hoa.

14. Năm 2672 tH, *207 ttl*, phần đất Quảng Tây Quảng Đông của Việt Lạc bị Triệu Đà chiếm đóng. Đây là tiếp xúc đầu tiên của Việt Lạc với Trung Hoa. Nhưng Triệu Đà lại tự sửa đổi theo phong hóa Việt.[5]

15. Những oai phong và quyền thế của 'thiên tử Nhà Chu' chỉ có trong sách vở tuyên truyền của giới thống trị Trung Hoa. Cắt bỏ những thêm thắt vô vị và gượng ép về vai trò của thiên tử Nhà Chu, và của tộc Hoa, lịch sử sẽ rõ nét và trung thực hơn.

* * * *

2. THỜI HÙNG 4A VÀ TÂY CHU, 1833-2108 tH, *1046-771 ttl*

2.1 Thời Hùng 4 và Nhà Chu

Thời Hùng 4 khởi đầu cùng với năm thành lập Nhà

---

[4] Nhà Chu coi chúng là rợ Tây Nhung.

[5] *Xem* tr 184 : 9.1.2a. - Dầu Triệu Đà là người Hoa, việc Triệu Đà cai trị không có nghĩa là toàn dân trong vùng đột nhiên bị đồng hóa thành Hoa.

Chu, 1833 tH, *1046 ttl*.

Tuy nhiên, trái ngược với tuyên truyền xảo trá của Trung Hoa, đối với Tộc Việt, Chu chỉ là một nước nhỏ bé mới thành lập ở thung lũng Sông Vị xa xôi trên phương Bắc.

Toàn thể Tộc Việt, đặc biệt vùng rộng lớn từ phía Nam Sông Dương Tử tới Hải Vân, đã có nếp sống phát triển, và đã không hề chịu ảnh hưởng gì của Nhà Chu.

* *

2.2 Thực lực Tây Chu

a. Tây Chu sông Vị

Từ năm 1833 tới 2108 tH, *1046-771 ttl*, Nhà Chu vẫn ở tại Cảo Kinh, gần Tây An, vùng Thiểm Tây, và đã không mở rộng thêm lãnh thổ.

Trong suốt 275 năm đó, Nhà Chu chỉ là một đất nước vừa đủ sức mạnh hùng cứ vùng thung lũng Sông Vị. Sau đó, bị đuổi chạy.

Chung quanh Nhà Chu, chỉ riêng ở phía Bắc Sông Hoài, là những thành phần của Nhà Thương, là nhiều sắc dân đông đảo và cường thịnh hơn Nhà Chu.

Những nước bị sách vở Trung Hoa coi là phụ dung của Nhà Chu, nếu có, cũng chỉ là những liên minh lỏng lẻo. (bản đồ).

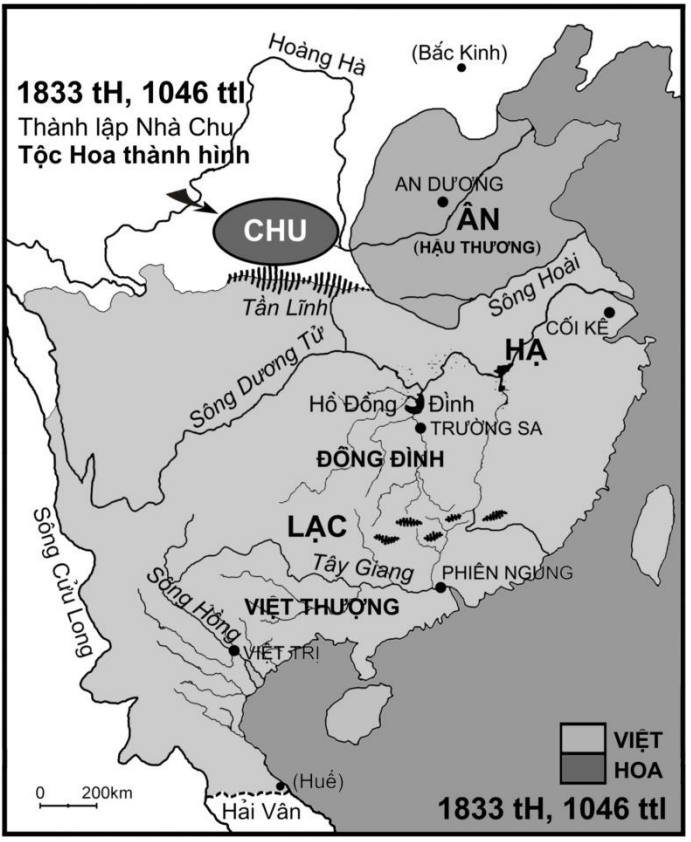

VIỆT và HOA đầu Thời Hùng 4A - 1833 tH, 1046 ttl

b. Tuyên truyền xảo trá

Do đó, những đặc ân, những khai hóa, những tiên tiến của 'thiên triều Chu' du mục lạc hậu, của tộc Hoa... đã chỉ là những bịa đặt bất lương của bọn phục vụ chủ nghĩa 'Thiên Tử Thế Thiên', nô hóa thiên hạ, để trấn áp tinh thần của mọi sắc dân khác.[6]

Do đó, những uy thế của Chu Vũ Vương tụ tập 800 chư hầu, những quyền lực thành lập các chư hầu vĩ đại, như nước Sở ở Nam Sông Hoài... đều là những hoang tưởng, những gán ghép của thời sau.

Do đó, những nhà bác học thần thánh như Chu Văn Vương học Sách Lạc, viết Kinh Dịch, những vị thánh đức như Chu Công Đán viết Chu Lễ... cũng chỉ là những soán đoạt tác phẩm, những gán ghép của giới thống trị Trung Hoa, để thần thánh hóa vua chúa Trung Hoa.

* *

2.3 Hoa và Việt thời Tây Chu

a. Hoa và vùng Bắc Sông Hoài

Sinh sống ở vùng du mục khô cằn giá lạnh Thiểm Tây, người Tộc Hoa đã phát triển cuộc sống dựa vào vũ lực, phát triển những đặc tính của du mục là coi trọng sức mạnh, trọng võ nghệ, trọng phái nam, hiếu thắng, tàn bạo, áp bức.

Đang khi đó, từ thời Hậu Hạ, qua thời Thương, dân vùng Bắc Sông Hoài và hạ lưu Hoàng Hà đã có thêm yếu tố văn hóa lúa nước của người Tộc Việt. Nhờ đó, cuộc sống con người đã tốt đẹp hơn, thêm hòa hợp với thiên nhiên, thêm hiếu hòa.[7]

---

[6] Về chủ nghĩa Nô hóa Thiên hạ, *xem* tr 328 : 16.2.4 và 16.3.

[7] Về Văn hóa Du mục và Lúa nước, *xem* tr 37 : 2.4.4.

b. Lãnh thổ và Dân số

Nơi phát xuất Nhà Chu là vùng thung lũng Sông Vị ở Thiểm Tây, phía Bắc Tần Lĩnh. Vì vậy, vùng đất Chu Vũ Vương ảnh hưởng, nếu có, cũng chỉ là vùng đất tiếp giáp với thung lũng Sông Vị.

Như vậy, trong thời gian đầu, lãnh thổ Nhà Chu tối đa cũng không bằng 5% toàn thể Đất Tộc Việt.

Ngoài ra, vì mới tụ tập từ các bộ lạc du mục, dân số Tộc Hoa cũng không thể hơn 5% toàn thể dân Tộc Việt đã có hơn 4000 năm phát triển ở khắp vùng Á Đông.

c. Văn minh và Văn hóa

Việt và Hoa lại càng xa cách nhau về văn minh và văn hóa.

Dù cùng là du mục, giữa các bộ tộc Hoa cũng có nhiều điểm khác biệt. Việc tụ tập càng chứng tỏ họ chưa có thời gian để phát triển những đặc điểm của một nền văn minh và văn hóa lớn. Họ còn là những bộ tộc du mục với nền văn hóa du mục sơ khai.

Đang khi đó, Tộc Việt đã có mấy ngàn năm phát triển nền văn minh và văn hóa Lúa Nước, với nhiều tấn phát mọi mặt, như được ghi nhận trong truyền thuyết suốt mấy ngàn năm trước tộc Hoa.

d. Dòng Máu Hoa

Qua thời gian dài chung sống, máu Hoa, chỉ với 5% dân số, đã bị hòa loãng dần trong máu của 95% dân chúng Việt. Càng xuống miền Nam, càng tiếp xúc với đông đảo

người Tộc Việt thuần chủng, dòng máu Hoa đã trở thành không đáng kể.

Tuy vậy, chủ nghĩa 'Thiên tử thế Thiên' cực đoan của tộc Hoa ngày càng được giới thống trị Trung Hoa khai thác và tận dụng. Chủ nghĩa quái đản nầy ngày càng tạo ảo tưởng rằng tộc Hoa chính là tầng lớp thống trị toàn quyền, cao cả, đang ngự trị toàn thể thiên hạ.

* * * *

3. VIỆT HẠ THỜI HÙNG 4A, 1833-2108 tH, *1046-771 ttl*

3.1 Nước Sở vùng Bắc Dương Tử

a. Trung Hoa Xuyên tạc

Theo sách vở Trung Hoa, năm 1849 tH, *1030 ttl*, Chu Thành Vương phong cho Hùng Dịch thành lập Nước Sở ở vùng giữa Sông Hoài và Sông Dương Tử. Vua Nước Sở còn được Chu Thành Vương cho thờ cúng Tổ tiên của họ là Nhà Hạ.[8]

Thực ra, việc Chu Thành Vương 'phong cho' Hùng Dịch 'thành lập' Nước Sở, chỉ là kiểu nói xuyên tạc của chủ thuyết 'vua Trung Hoa là con Trời', khi phải đề cập tới một Nước khác trong vùng.

Trên bản đồ thời Chu, lãnh thổ nước Sở rộng gấp mấy

---

[8] Theo cưỡng định Trung Hoa, các nước chung quanh đều do các quí tộc Trung Hoa thành lập, cũng như trước đó các nhóm du mục đã được bộ tộc Chu tụ tập để thành hình Nhà Chu và tộc Hoa.

lần đất Nhà Chu. Văn minh và văn hóa Nước Sở cũng phát triển vượt xa Nhà Chu.[9]

b. Văn minh Nước Sở

Sách vở Trung Hoa cũng ghi dân Sở là người Tộc Việt, dân Sở có tiếng nói, phục sức, nhạc cụ, âm nhạc, và tính khí, hình dạng... đều khác với dân Hoa.

Khảo cổ hiện nay ghi nhận Nước Sở có nhiều nét văn hóa 'thời Thương'. Di vật Sở gồm nhiều đồ đồng, đồ sắt, sơn mài, tơ lụa... với nhiều nét đặc thù, nhiều hình rắn, long, chim Việt... Dân Nước Sở cũng đã truyền đời thờ cúng Tổ Tiên.[10]

Tất cả đều là dấu chỉ Nước Sở nối tiếp thời Hạ, vào Thời Hùng 2, từ 809 tới 1833 tH, *2070–1046 ttl*, ở vùng đất nhà Hạ, giữa Sông Dương Tử và Sông Hoài.

c. Thực lực Nước Sở

Theo sách vở Trung Hoa, ngay khi vừa thành lập, nước Sở đã hùng mạnh, mở rộng lãnh thổ, liên minh với nhiều nước khác. Từ Bắc Sông Dương Tử, Sở đã mở rộng lãnh thổ lên phía Bắc Sông Hoài, khiến nhiều nước trong vùng phải liên minh chống Sở.

Sở hùng mạnh hơn 800 năm, từ 1849 tới 2656 tH,

---

[9] *Xem* bản đồ ở tr 108 : 5.4.1b.

[10] Đọc thêm www.*Chu State (Sở)/Culture*. - Từ thời Hán, Trung Hoa gán cho Sở là sơ khai man rợ, văn hóa Sở, Việt, không thích hợp với Hán khổng.

1030-223 ttl, với nhiều thời kỳ làm bá chủ toàn vùng.[11]

Thực ra, sự kiện Sở hùng mạnh ngay khi vừa được 'thiên tử Nhà Chu' cho thành lập, chứng tỏ sức mạnh của Sở đã có trước khi Nhà Chu thành hình. Sức mạnh nầy phát sinh do việc liên tục phát triển từ thời Hạ, qua thời Thương, kéo dài tới thời Đông Chu.

d. Thời Sở

Dầu với luận điệu đè bẹp mọi dân nước dưới uy quyền 'thiên tử Nhà Chu', sách vở Trung Hoa cũng không thể giấu được sự thực là dân nước rộng lớn và hùng cường nhất trong thời Tây Chu là Sở.

Tìm hiểu một cách khách quan về tình hình đương thời trong vùng, thời kỳ nầy phải được gọi là Thời Sở.

* *

3.2 Vùng Nam Dương Tử

Trong khi Nước Sở nối tiếp Thời Hùng 2 qua Thời Hùng 3, liên tục phát triển ở vùng Bắc Dương Tử, và mở rộng lãnh thổ lên đồng bằng Hoàng Hà, dân Việt Hạ ở Nam Dương Tử cũng lớn mạnh và thành lập Nước Việt vùng Chiết Giang. Sở và Việt cũng có liên lạc thường xuyên.

Tuy nhiên, đối với Trung Hoa, vùng Nam Dương Tử

---

[11] Nước Sở cường thịnh nhất vào thời Sở Trang Vương, v. 2266-2288 tH, *613-591 ttl*. Ông là một trong Ngũ Bá.

quá xa xôi, và chỉ được nói tới khi Nước Việt vượt Sông Hoài, ở thời kỳ sau.

* * * *

4. VIỆT THƯỢNG THỜI HÙNG 4A, 1833-2108 tH, *1046-771 ttl*

4.1 Liên tục Phát triển

a. Chim trĩ

Đối với Trung Hoa, vùng Việt Thượng càng xa lạ hơn Nam Dương Tử. Tuy vậy, có vài sự kiện được ghi nhận trong sách vở Trung Hoa về thời Chu.

Theo sách vở Trung Hoa, đời Chu Thành Vương, v. 1837-1858 tH, *1042-1021 ttl*, có sứ của Việt Thượng tới dâng chim trĩ trắng. Nhiếp chính Chu công Đán nói : 'Chính lệnh không ban đến thì người quân tử không coi người ta là bề tôi của mình.' Rồi sai làm xe chỉ nam đưa sứ giả về nước bằng đường biển.[12]

Như vậy, dầu áp đặt chủ thuyết Thiên tử thế Thiên, dầu áp đặt thiên tử Nhà Chu thống trị thiên hạ, sách vở Trung Hoa cũng phải ghi nhận Việt Thượng 'không phải là bề tôi' của thiên tử Chu.

---

[12] *Kinh thư*, phần Đại truyện; và *Hậu Hán Thư*, Nam Man truyện.

Về Xe chỉ nam, đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 57 : 3.3.2c.

b. Sông Hồng Việt Thượng tiến bộ

Theo Kinh Lễ, chim trĩ gáy theo đúng thời tiết. Vì vậy, truyền thuyết nầy có thể sao lặp truyền thuyết Đế Nghiêu nhận lịch chỉ dẫn thời tiết của Sứ giả Việt Thượng.[13]

Tuy vậy, việc sách vở Trung Hoa ghi nhận và sửa đổi truyền thuyết trên, đã chứng tỏ thời đó Trung Hoa phải công nhận Sông Hồng Việt Thượng là một nước có quy củ, có văn hiến, và đã có thể gởi sứ ngoại giao đến các vùng xa xôi... và không thuộc 'bề tôi' của Nhà Chu.[14]

Thực vậy, 200 năm trước khi Nhà Chu thành hình, dân Việt Lạc đã đánh bại Ân Cao Tôn.[15]

* *

4.2 Sông Hồng phồn thịnh

a. Đông đúc trù phú

Từ những năm 1879 tH, *1000 ttl*, đồng thời với Nhà Chu lập nghiệp, vùng Đông Sơn trên bờ Sông Mạ, Thanh Hóa, đã để lại nhiều Thạp và Trống đồng, lưu lại dấu tích

---

[13] Sứ giả Việt Thượng dâng Rùa thần Sông Hồng cho Đế Nghiêu năm 688 tH, *2191 ttl*. – *Xem* tr 92 : 4.5.4.

[14] Sau những thay đổi danh xưng thời Tiền Hán, sách vở Trung Hoa lẫn lộn vùng Việt Thượng (đổi tên thành Lĩnh Nam, và chia ra thành 14 hoặc 15 bộ) với 'bộ Việt Thượng' vùng Quảng Trị, Thừa Thiên ngày nay. - Đây cũng là dấu chỉ dân Hoa không biết gì nhiều về Việt Thượng.

[15] *Xem* tr 124 : 6.3.2.

của nền kỹ nghệ phồn thịnh, với những tuyệt tác vượt thời gian.

Những tài liệu về thời cách đây 2000 năm cũng đã chứng tỏ sự phát triển trỗi vượt, đông đúc và trù phú của vùng Sông Hồng Sông Mạ.

Theo Từ Tùng Thạch trong *Việt Giang Lưu Vực Nhân Dân Sử*, so sánh dân số thời đó đã cho thấy Giao Chỉ, tức là vùng Sông Hồng Sông Mạ, có đông người nhất, số người trong mỗi gia đình cũng đông nhất.[16]

Theo *Quảng Đông Tân Ngữ* của Khuất đại Quân : "Giao Chỉ mỗi năm nộp thóc cho quan tư nông hơn 1360 vạn hộc, (13.600.000). Tính ra tất cả thuế các châu Mân (Phúc Kiến), Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây), Điền (Vân Nam), Kiềm (Quí Châu) cũng không bằng."[17]

b. Thanh bình thịnh vượng

Một đặc điểm quan trọng khác là trong hơn 800 năm thời Chu, trong khi phương Bắc luôn chiến tranh hỗn loạn xâu xé, Việt Lạc lại phát triển trong thanh bình thịnh vượng.

Chính cuộc sống thịnh vượng và thanh bình nầy đã là dấu chứng cho những phát triển về mọi mặt, không chỉ kỹ

---

[16] *Việt Giang Lưu Vực Nhân Dân Sử*, do Từ Tùng Thạch, Nxb Thượng Hải, 1947.

[17] Đọc *Vân Đài Loại Ngữ*, do Lê Quí Đôn, 1772, bản dịch Phạm Vũ, nxb Tự Lực, Sàigòn 1974, tr 149.

thuật trồng cấy, kim loại... mà nhất là về văn hóa, văn học, và học thuyết...[18]

Tất cả đều trỗi vượt hơn nhóm dân Việt ở vùng Dương Tử, vượt xa dân vùng Bắc Sông Hoài chậm tiến, nói chi tới dân du mục Hoa Nhà Chu lạc hậu sơ khai.

* * * *

5. VẤN ĐỀ CHU DỊCH VÀ CHU LỄ

5.1 Vấn đề Chu Dịch

a. Theo sách vở Trung Hoa

Theo sách vở Trung Hoa, Chu Vũ Vương sáng lập Nhà Chu. Nhưng cha của ông, Chu Văn Vương, là người đặt nền móng cho mọi sự. Vì khởi tạo biến động lật đổ Nhà Thương, Văn Vương bị giam. Trong thời gian ngồi tù, Ông đã nghiên cứu Sách Lạc mà viết quyển Kinh Dịch.[19]

Cũng theo sách vở Trung Hoa, trước Chu Văn Vương hơn 1800 năm, Phục Hy đã từ ý niệm và ký hiệu Âm Dương lập ra Bát quái Tiên thiên.

Trước Chu Văn Vương 1000 năm, Đại Vũ cũng đã được Sách Lạc và biết phân loại vũ trụ.

---

[18] Nhưng về sau, Trung Hoa đã soán đoạt, tiếm nhận, hủy hoại, chuyển đổi, xuyên tạc.

[19] *Sách Lạc*, Lạc Thư, là đồ biểu trên lưng Rùa Thần, từ đó tính ra Dịch. *Kinh Dịch* là sách bàn luận về Âm Dương. - Quyển Kinh Dịch được cho là do Chu Văn Vương viết, nên gọi là Chu Dịch.

Điều trắc tréo là trong vòng hơn 800 năm giữa Phục Hy và Đại Vũ, rồi trong hơn 1000 năm giữa Đại Vũ và Chu Văn Vương, không có dấu vết của việc khai triển thuyết Âm Dương.

b. Khảo cổ hiện nay

Khảo cổ hiện nay cho thấy trong hơn 5000 chữ tìm thấy ở thủ đô An Dương của thời Ân, 1579-1833 tH, *1300–1046 ttl*, không hề có dấu vết của Âm Dương Tám Quẻ. An Dương ở vùng Hoàng Hà, Bắc Sông Hoài.

Theo các học giả Trung Hoa hiện đại, thuyết Âm Dương chỉ xuất hiện vào cuối thời Thương hoặc đầu thời Chu, khoảng 1779-1879 tH, *1100-1000 ttl*.[20]

Đang khi đó, cũng vào thời cuối Thương đầu Chu, qua hoa văn, trang trí, và hình dạng của Thạp và Trống Đông Sơn, dân Việt Lạc Sông Hồng đã để lại chứng cứ không chỉ nguồn gốc của chữ Âm chữ Dương, và nội hàm của ý niệm Âm Dương, mà còn cả ký hiệu và hàm ý của Tám Quẻ.[21]

* *

[20] *Trung Quốc Triết Học Sử*, do Phùng Hữu Lan, xb Hồng Kông 1950, tr 457. Phùng Hữu Lan là triết gia thời danh của Trung Hoa hiện nay.

[21] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 75 : 4.2.

5.2 Vấn đề Chu Lễ

a. Học Sách Lạc viết Chu Lễ

Cũng theo sách vở Trung Hoa, sự nghiệp quân sự của Chu Văn Vương được Chu Vũ Vương nối tiếp. Người con khác của Chu Văn Vương là Cơ Đán, tức Chu công Đán, tiếp tục công trình văn hóa.

Chu công Đán học Sách Lạc và viết quyển Chu Lễ, đặt nền móng chính sách 'Nhân trị' cho thời Chu. Khổng tử và nhà nho mọi thời đều tôn Chu công Đán là Ông Tổ của văn hóa Trung Hoa.[22]

b. Soán đoạt trơ trẻn

Cũng như Chu Văn Vương, Chu công Đán phát xuất từ tộc dân du mục kém lễ nghĩa thừa tàn bạo. Đột nhiên ông trở thành vị 'Đại thánh' phát khởi việc dạy lễ nghĩa và chính sách 'Nhân trị' cho người dân trong vùng. Dân trong vùng lại là những người vốn đã có truyền thống ít nhất là hơn 500 năm sống trong lễ nghĩa và hòa hiếu của nền văn hóa Nông nghiệp Lúa nước.

Việc trái khoáy nầy, lại một lần nữa, là dấu chỉ việc soán đoạt trơ trẻn, để tôn vinh 'thiên triều' và các vị Tổ của tộc Hoa.

---

[22] Gọi là Chu Lễ vì Chu công Đán được cho là tác giả.

8

VIỆT VÀ HOA
THỜI HÙNG 4B VÀ 4C
2108-2699 tH, *771-180 ttl*

1. PHƯƠNG BẮC THỜI HÙNG 4B : ĐÔNG CHU VÀ TẦN

1.1 Đông Chu

a. Xuân Thu và Chiến Quốc

Theo sách vở Trung Hoa, năm 2108 tH, *771 ttl*, sau 275 năm ở vùng thung lũng Sông Vị, triều đình Nhà Chu đã bị nhóm du mục Khuyển Nhung đuổi chạy. Bộ lạc Khuyển Nhung gốc vùng Ninh Hạ, thờ chó sói trắng.

Năm 2108 tH, *771 ttl*, Chu Bình Vương dời đô tới vùng Lạc Dương, thuộc Hà Nam hiện nay. Từ đó gọi là Đông Chu. Đông Chu chia thành hai thời kỳ : Xuân Thu, 2108-2476 tH, *771-403 ttl*, và Chiến Quốc, 2476-2623 tH, *403-256 ttl*.

Sách vở Trung Hoa đã mô tả 515 năm thời Đông Chu như là thời nội chiến của Trung Hoa, trong khi mọi tộc dân đều thần phục thiên tử Nhà Chu của tộc Hoa. 'Thiên tử Nhà Chu' luôn được trình bày như là trung tâm quyền lực của toàn 'thiên hạ'.

Dầu vậy, dầu triệt để khai thác chủ trương Nô hóa Thiên hạ, sách vở Trung Hoa cũng chỉ có thể tạo cho 'thiên tử Nhà Chu' một vai trò bù nhìn trong suốt mấy trăm năm. Ở thời Chiến Quốc, 2476-2623 tH, *403-256 ttl*, vai trò bù nhìn cũng đã mất hẳn. Vua các nước cũng lần lược tự coi mình là thiên tử.

b. Thực tế Đông Chu

Trên thực tế, lãnh thổ Đông Chu chỉ là mảnh đất nhỏ quanh Lạc Dương, ở giữa 'thiên hạ' rộng lớn, đông đúc, và cường thịnh.

Thời kỳ nầy chưa có nước Trung Hoa. Triều đình Nhà Chu không ảnh hưởng gì trong các cuộc giao tranh giữa các nhóm quyền lực hùng mạnh trong vùng.[1]

* *

1.2 Nước Tần

a. Theo sách vở Trung Hoa

Năm 2108 tH, *771 ttl*, khi Chu Bình Vương bị nhóm du mục Khuyển Nhung từ Ninh Hạ tấn công và bỏ vùng Sông

[1] *Xem* bản đồ tr 109 : 5.4.1b.

Vị chạy tới gần Lạc Dương, thì nước Tần được 'thiên tử Nhà Chu' cho thành lập ngay trên vùng Sông Vị.

Nhóm du mục Tần nầy bị các nước trong vùng đố kỵ, chống đối. Nhưng Tần đã trở nên hùng mạnh trong suốt hơn 500 năm. Nhiều liên minh được thành lập cùng với Sở để chống Tần.

Năm 2623 tH, *256 ttl*, Tần diệt Chu. Năm 2656 tH, *223 ttl*, Tần diệt Sở. Năm 2658 tH, *221 ttl*, Tần Doanh Chính xâm chiếm tất cả các nước trong vùng, thành lập Nước Trung Hoa. Doanh Chính tự xưng là Tần Thủy Hoàng, vua đầu tiên của Trung Hoa.

Tần đạt tuyệt đỉnh với Tần Thủy Hoàng, nhưng lại bị Nhà Hán chấm dứt 15 năm sau đó, 2673 tH, *206 ttl*.

b. Thời Tần, 2108-2673 tH, *771-206 ttl*

Tuy sách vở Trung Hoa cố tình đề cao vai trò 'thiên tử' của Nhà Chu, tình hình thời Đông Chu vẫn quay quanh hai nước hùng mạnh nhất là Sở và Tần.

Chính nhóm du mục Tần đánh chiếm vùng Sông Vị của Chu. Với văn hóa du mục trọng võ nghệ, hung bạo, hiếu chiến, Tần đã hùng mạnh với đội quân đông đảo, được huấn luyện chặt chẽ và khắc khe. Sự tàn ác của Tần đã góp phần đem lại chiến thắng. Tần hùng mạnh trong suốt thời Đông Chu.[2]

---

[2] Tần giết tất cả thanh niên của nước đối thủ. Sau trận Trường Bình, năm 2619 tH, *260 ttl*, Tần giết 40 vạn tù binh.

Cũng như với nước Sở ở thời Tây Chu, theo thực tế lịch sử, thời Đông Chu phải được gọi là Thời Tần, 2108-2673 tH, *771-206 ttl*.

c. Tần với tộc Hoa

Nhóm du mục Tần là những vị tổ nối tiếp dòng văn hóa du mục của tộc Hoa, khi nhóm du mục Chu bị tàn rụi.

Nhóm du mục Tần nầy quá khích và tàn bạo hơn du mục Chu, và đã để lại nhiều hậu quả tai hại trên đại chúng Trung Hoa và trên các dân nước trong vùng.

* * * *

2. TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA THỜI HÙNG 4B

2.1 Phát triển

Thời Đông Chu được coi là giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất của tư tưởng và văn hóa ở vùng bắc Sông Hoài, Hoàng Hà. Đây là thời của Lão tử, Khổng tử, Mạnh tử, Trang tử, Hàn phi tử, Mặc tử...

Trong các học thuyết đương thời, Khổng học và Lão giáo có nhiều truyền nhân và ảnh hưởng sâu rộng nhất.

Ở thời kỳ nầy, thương mại cũng trở nên quan trọng, chiến thuật quân sự cũng thay đổi.

Tuy nhiên, đây không phải là kết quả của chính sách cai trị của Nhà Chu, hoặc Nhà Tần, mà do xu thế tự phát vì thời cuộc của các dân, các nước trong vùng.

* *

2.2 Lão giáo

a. Lão Tử

Lão Tử được coi là người viết quyển Kinh Đạo Đức. Tuy nhiên, tên và nhiều điểm trong tiểu sử của Ông đã được sáng tác sau ảnh hưởng của Kinh Đạo Đức, và của phong trào thờ kính Ông.

Lão Tử được thờ kính như vị Sáng Tổ của Đạo giáo, được tôn là Thái Thượng Lão Quân, với nhiều quyền uy siêu phàm. Ông cũng được tôn làm tổ tiên của Nhà Đường, (618-907 dl).

b. Kinh Đạo Đức

Kinh Đạo Đức gồm 37 chương luận về chữ Đạo, và 41 chương luận về chữ Đức, với lời lẽ khúc chiết, uyên thâm. Tổng cộng khoảng 5000 chữ.

Theo sách vở Trung Hoa, Kinh Đạo Đức xuất hiện khoảng năm 2339 tH, *540 ttl*.

Kinh Đạo Đức hướng dẫn con người chấp nhận hiện trạng, sống hòa hợp với thiên nhiên và tuân theo quy luật của thiên nhiên để sống gần với Đạo.

Kinh Đạo Đức còn được coi là quyển sách hướng dẫn vua chúa cách cai trị đất nước theo cách thức tự nhiên.

Quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của Kinh Đạo Đức về cơ trời, vạn vật sinh hóa... đã được coi là phương pháp tu luyện huyền bí để được trường sinh.

c. Kinh Đạo Đức với truyền thống Việt Lạc

Kinh Đạo Đức đã luôn là những tư tưởng khó thấu triệt đối với Trung Hoa. Kinh Đạo Đức xuất hiện giữa nền văn hóa Trung Hoa như một tuyệt tác lạ thường, nằm ngoài trào lưu tư tưởng của Trung Hoa.

Hành tung của Lão Tử cũng bất thường giữa thế giới quan lại trọng quyền chức tiền tài của Trung Hoa. Lão Tử còn là vị thần độc nhất được Trung Hoa thờ kính với hình ảnh một nông dân cởi trâu của người dân vùng nông nghiệp lúa nước.

Mọi vị thần thánh khác của Trung Hoa đều là các quan lại lớn nhỏ. Ông nào cũng mập mạp, phè phỡn, ăn no mặc đẹp. Ba ông Phúc Lộc Thọ là 3 ông thủ tướng 3 triều. (hình).

Niềm tin, các vị thần, và nghi thức của Đạo giáo cũng thuộc nền văn hóa gốc nông nghiệp lúa nước.

Ngoài ra, trước Kinh Đạo Đức hơn 400 năm, Thạp đồng Đào Thịnh và Trống đồng Ngọc Lũ đã đúc những ký hiệu mã hóa và diễn tả ý nghĩa chữ Đạo, chữ Đức mà Kinh Đạo Đức khai triển. (hình).[3]

---

[3] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 46 : 3.2.8-9, và tr : 152 : 7.2 và 7.3.

Kinh Đạo Đức còn xác quyết : "Đạo trụ Nam Thiên", Đạo ở tại Phương Nam.

Tất cả đều nằm trong truyền thống xuyên suốt tư tưởng và văn hóa Việt Lạc.

* *

2.3 Khổng Tử, Khổng học

Khổng Tử, 2328-2400 tH, *551-479 ttl*, người Sơn Đông, vùng đất Nhà Thương. Đây là vùng đất đã hơn ngàn năm kết hợp ảnh hưởng nền văn hóa gốc du mục của cư dân địa phương với nền văn hóa gốc lúa nước của dân Việt.[4]

Nhờ vậy, Khổng Tử đã cố gắng gạn lọc và tổng hợp hai nền văn hóa nông nghiệp lúa nước của Tộc Việt và nền văn hóa du mục của tộc Hoa. Công tác của Khổng Tử là san định lại những sách cũ thành bộ Lục Kinh : Thư, Thi, Lễ, Dịch, Xuân Thu, Nhạc. Qua đó, ông nêu rõ nhiều điểm trước đây chỉ tiềm tàng.

Trong các tác phẩm của Khổng Tử, những yếu tố thuộc Tộc Việt, tức là thuộc nền văn hóa gốc nông nghiệp lúa nước, thiên về tình người, đã chiếm ưu thế hơn các yếu tố khác.

* *

---

[4] Dân Việt vượt Sông Hoài vào thời Hậu Hạ, từ 1079 tH, *1800 ttl*. *Xem* tr 112 : 5.5.

2.4 Nguồn gốc các Kinh và Khổng Tử

a. Thuật nhi bất tác

Khổng Tử có câu nói nổi tiếng : "Thuật nhi bất tác". Ông chỉ kể lại, diễn giải, chứ không sáng tác. Như vậy, Khổng Tử xác định những sách của Ông, hoặc ít nhất là nội dung của sách, đã có trước khi Ông san định.

Điều đáng nói là ngoài ba quyển Kinh Đạo Đức, Chu Dịch và Chu Lễ, không nơi nào nhắc tới Tác giả của những quyển có trước Khổng Tử. Theo thói tự gán cho tộc Hoa mọi điều hay tốt, đây cũng là dấu chỉ những Tác giả bị bỏ quên nầy không phải người tộc Hoa.

Ngày nay, những sách Khổng Tử san định đều chỉ mang tên Khổng Tử.[5]

b. Lý lịch của Kinh Dịch

Trước Khổng Tử, Kinh Dịch đã có một lý lịch dài từ Phục Hy (thời *2879 ttl* ?) qua Đại Vũ, (thời *2070 ttl*), và trở thành Chu Dịch với Chu Văn Vương (thời *1046 ttl*).

Tuy nhiên, tất cả lý lịch đó chỉ là ngụy trang việc thoán đoạt Kinh Hoán Dịch từ Dân Việt Lạc Sông Hồng.[6]

---

[5] Các Kinh không chỉ đã 'được' Khổng Tử sửa đổi, mà sau Khổng Tử, đặc biệt thời các triều Hán, Đường, Tống, Thanh, tất cả đều đã được diễn dịch, sửa đổi, thêm, bớt... cho hợp với chủ đích chính trị của triều đại đương thời. - Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 220 : 9.1.3.

[6] Chính Phục Hy và Đại Vũ cũng là dân Việt. - *Xem* tr 84 : α

Khổng Tử chỉ giảng giải rộng thêm về 8 quẻ và về từng hào trong mỗi quẻ.[7]

c. Kinh Dịch của Việt Lạc Sông Hồng

Kinh Dịch dựa vào 2 ý niệm Âm Dương mà suy luận và diễn dịch mọi hiện tượng trong trời đất.

Tiếng Âm và Dương và cả chữ Âm chữ Dương, có gốc từ tên gọi và hình dạng của Om và Rưng của dân Việt Lạc Sông Hồng, Việt Nam ngày nay. Om là cái Thạp, Rưng là cái Trống. (hình).[8]

Cách đây hơn 3000 năm, dân Việt vùng Sông Hồng Sông Mạ đã ký thác không chỉ tên gọi, chữ viết và đồ biểu, mà còn nội dung súc tích của nhận thức, ý niệm và cách diễn giải Âm Dương và Tám Quẻ vào *cấu trúc*, *trang trí*, *đặc tính* và *công dụng* của Thạp và Trống đồng, đặc biệt Thạp Đào Thịnh và Trống Ngọc Lũ. (hình).[9]

α ———————

4.4.2, và tr 100 : 5.3.

[7] Về Chu Dịch, *xem* tr 160 : 7.5.1.

[8] Cho đến hiện nay, chưa hề có một học giả Hoa nào có thể tìm ra nguồn gốc và ý nghĩa nguyên thủy của tên gọi, của ý nghĩa, cũng như hình dạng nguyên thủy của chữ viết và ký hiệu của Âm, của Dương, của từng quẻ trong 8 quẻ, và cả của các tên Dịch, quái, quẻ, hào... Chỉ có những suy đoán mông lung rời rạc.

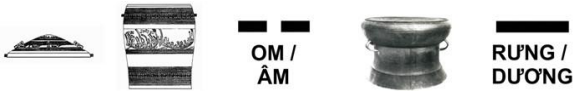

d. Kinh Thư của Dân Việt

Kinh Thư còn gọi là Thượng Thư, ghi lại các truyền thuyết, biến cố, kể cả lời nói của các vua quan từ thời Đế Nghiêu, Đế Thuấn cho đến thời Nhà Hạ, Nhà Thương, và Tây Chu.

Kinh Thư ghi chép những chuyện trong vòng hơn 1150 năm trước khi tộc Hoa thành hình (năm *1046 ttl*) thì chỉ có thể là truyện tích của Dân Việt, không thể của dân Hoa.[10]

e. Kinh Thi của Dân Việt

Kinh Thi, gồm 305 bài thơ, đã được Khổng Tử san định trong số hơn 3000 bài. Kinh Thi của Khổng Tử có 3 phần : 160 bài ca dao, 105 bài hát nơi triều đình, 40 bài ca tụng các vua thời trước.

Nhiều bài trong Kinh Thi có những điểm giống ca dao Việt Nam. Có nhiều bài diễn tả tình yêu trai gái, tình chung thủy vợ chồng, cảnh sinh hoạt của nông dân, và cả

---

[9] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 74 : 4.2, và tr 81 : 4.4.

[10] Thời Tam Hoàng Ngũ Đế, chữ viết, nếu có, cũng chưa thịnh hành nên không thể ghi lại từng lời nói. Nhiều chi tiết do thời sau diễn dịch hoặc gán ghép.

những bài tả nỗi thống hận của người dân đối với vua quan. Cũng vì vậy, nhiều tác giả coi Kinh Thi là chứng cứ cho cuộc sống nông dân thời cổ.

Các điểm trên nhắc nhớ những đặc điểm của cuộc sống nông nghiệp lúa nước, của Dân Việt, của những tác giả Việt.

g. Kinh Nhạc của Dân Việt

Kinh Nhạc bị Tần Thủy Hoàng thiêu hủy năm *221 ttl*. Một ít bài sót lại đã trở thành thiên Nhạc ký trong Kinh Lễ.

Sau khi bị Tần Thủy Hoàng đốt, nhiều sách được ghi lại nhờ nhiều người đã thuộc lòng. Tuy nhiên, Kinh Nhạc chỉ còn lại ít bài. Như vậy, chứng tỏ giới học giả thời Tần, hầu hết là dân Hoa, không mấy yêu thích nhạc. Thực vậy, dân Hoa du mục đã không say mê thơ nhạc bằng dân Việt với nền văn hóa nông nghiệp lúa nước định cư.

Phần mất mát, kể cả về Nhạc, cũng là của dân Việt.

h. Kinh Lễ

Kinh Lễ, còn gọi là Lễ Ký, tương truyền do môn đồ của Khổng Tử ghi chép các lễ nghi thời trước. Kinh Lễ không chỉ miêu tả các nghi thức mà còn dạy về nhân nghĩa đạo đức.

Kinh Lễ cùng với *Chu Lễ* và *Nghi Lễ* được gọi chung là Tam Lễ.[11]

i. Kinh Xuân Thu

Kinh Xuân Thu là bộ sử biên niên của nước Lỗ trong giai đoạn từ *722 ttl* tới *481 ttl*.

Theo Mạnh Tử, sách nầy do Khổng Tử biên soạn, dựa trên tài liệu cũ.

* * * *

3. VÙNG DƯƠNG TỬ THỜI HÙNG 4B, 2108-2672 tH, *771-207 ttl* - ĐỒNG THỜI VỚI ĐÔNG CHU, TẦN

3.1 Bắc Dương Tử

Trong Thời Hùng 4, từ 1833 tH, *1046 ttl*, vùng đất Bắc Dương Tử đã có nhiều liên hệ với các nước vùng Hoàng Hà.

Trong thời hỗn loạn tranh giành, lần lần vùng đất giữa Dương Tử và Sông Hoài bị kết chung với vùng phía Bắc Sông Hoài mà Trung Hoa gọi là Trung Nguyên.

Cũng vì vậy, trong hơn 2000 năm qua, di tích, tài liệu, tác phẩm, phong tục, văn minh, văn hóa, kể cả lòng tự hào, và niềm tin... của dân Việt vùng Bắc Dương Tử, đã bị lòng tham tàn và chủ trương đồng hóa của giới thống trị Trung Hoa hủy hoại, tiếm nhận và xuyên tạc.

* *

---

[11] Về Chu Lễ, *xem* tr 162 : 7.5.2.

3.2 Nam Dương Tử

a. Tiếp tục tăng triển

Vì Nam Dương Tử xa cách vùng Hoàng Hà Sông Hoài, nên sách vở Trung Hoa không quan tâm.

Vì ở ngoài vùng rối loạn Hoàng Hà Sông Hoài và Bắc Dương Tử, Tộc Việt vùng Nam Dương Tử vẫn tiếp tục theo đà tăng trưởng dân số, văn minh và văn hóa thuần túy Việt.

b. Nước Việt ở Chiết Giang

Sự việc thay đổi khi Nước Việt, thủ đô là Cối Kê ở Chiết Giang, có Câu Tiển thôn tính Nước Ngô, vượt Sông Hoài, và trở thành hùng mạnh nhất trong vùng, năm 2406 tH, *473 ttl*.

Đây là dấu chỉ sự việc phát triển liên tục của vùng đã được Đại Vũ lập thủ đô Cối Kê từ hơn 1500 năm trước.

Dầu vậy, theo thói ôm đồm trơ trẻn của thiên triều, sách vở Trung Hoa lại ghi rằng Câu Tiển xin thần phục Nhà Chu, và được thiên tử Nhà Chu phong làm bá để ông lo việc phụng thờ tổ tiên ông là Nhà Hạ. Nhờ đó, thiên hạ nể phục ông.

Ngày nay, nhiều tài liệu về sự phát triển của nước Việt Chiết Giang cũng bị sáp nhập vào 'thời Chu', ngoại trừ đoàn chiến thuyền vô địch, kỹ thuật đúc đao kiếm, sự tích nằm gai nếm mật, và những phương thức phục thù cứu nước của Câu Tiển.

* * * *

4. VIỆT LẠC THỜI HÙNG 4B, 2108-2672 tH, *771-207 ttl*

Thời Chu của Trung Hoa kết thúc năm 2623 tH, *256 ttl*, vì bị Tần diệt. Nhà Tần kết thúc năm 2673 tH, *206 ttl*, vì bị Hán diệt. Tuy nhiên, Thời Hùng của Việt Lạc chỉ kết thúc năm 2699 tH, *180 ttl*.

* *

4.1 Tuyệt tác Văn hóa của Việt Lạc

Vào Thời Hùng 4, 1833-2699 tH, *1046-180 ttl*, vùng đất Việt Lạc, gồm Đồng Đình và Việt Thượng, vẫn còn quá xa lạ đối với dân Bắc Sông Hoài, kể cả đối với sách vở Trung Hoa viết về thời Chu.

Tuy nhiên, sau kinh nghiệm bị Ân Cao Tôn xâm lăng, năm 1661 tH, *1218 ttl*, và trước nạn giặc du mục phương Bắc tàn phá xã hội và nền Văn hóa của dân Việt vùng Dương Tử, Tổ Tiên Việt Lạc, đặc biệt vùng Sông Hồng, càng củng cố nền Văn hóa đặc thù của mình.

Thực ra, nếp sống Việt Lạc đã vững mạnh qua mấy ngàn năm, với các định chế, với phong tục, ca dao, với truyện tích, với Tết Lễ, và đặc biệt với Bộ Truyền Kỳ thâm sâu thống hợp.

Nhờ đó, sau hàng ngàn năm bị bạo quyền Trung Hoa phá hoại và áp chế, ngày nay đại chúng Việt Nam vẫn tiếp tục sống trọn vẹn nếp sống truyền đời đầy ơn ích của nền Văn hóa Việt Lạc.[12]

* *

4.2 Tuyệt tác Tri thức và Kỹ thuật

Hơn nữa, ngoài việc phát huy và lưu truyền văn hóa, Tổ Tiên Lạc Hồng còn cất giữ tinh hoa tri thức của mình vào những tuyệt tác bằng đồng ở Đông Sơn, thời 1879 tH, *1000 ttl*. (hình).

Đồ đồng kiên trì với thời gian, giữ nguyên hình dáng, đường nét, và dấu tích qua nhiều ngàn năm.

Tuyệt tác Thạp đồng và Trống đồng quí giá linh thiêng, nên được con cháu cất giữ chôn giấu qua mọi biến cố.

Tuyệt tác bằng đồng khích động lòng tham của giặc. Nhờ vậy, thay vì bị giặc hủy hoại như những sản vật khác, tuyệt tác bằng đồng được chính bọn giặc gian tham gìn giữ và lưu truyền.

Qua những ưu điểm tuyệt vời của tuyệt tác bằng đồng, Tổ Tiên đã ký thác và lưu truyền trọn vẹn ý niệm, học thuyết và tâm huyết của mình vào hoa văn, trang trí, và hình dạng của Thạp và Trống đồng Đông Sơn.

Hoa văn trên đồ đồng tinh vi và hàm súc đến nỗi, không chỉ bọn giặc tộc Hoa lạc hậu không thể nghi ngờ,

---

[12] Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, do Nguyễn Thanh Đức.

mà bất cứ ai không thuộc dòng văn hóa thống hợp và toàn diện của Lạc Hồng, đều không thể thấu triệt.

Ngày nay, sau 2000 năm gia sản Việt Lạc bị Trung Hoa tàn phá và soán đoạt, Thạp và Trống đồng Đông Sơn đã trở thành những chứng cứ sự phát triển vượt bực của Tổ Tiên Lạc Hồng cách đây hơn 3000 năm, và vạch rõ những bạo ngược, gian lận và bất lương của giới thống trị Trung Hoa.[13]

* *

4.3 Việt Lạc hùng mạnh

Năm *221 ttl* Tần Thủy Hoàng xâm chiếm toàn vùng Hoàng Hà, Bắc Dương Tử và thành lập Nước Trung Hoa.

Bảy năm sau, Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư dẫn 50 vạn quân xâm lấn đất Việt Lạc ở vùng Hồ Nam, Quảng Tây và Quảng Đông ngày nay. Đây là đoàn quân tinh nhuệ, vừa chiến thắng và thống nhất toàn thể Trung Nguyên. Nhưng bị đánh tan, Đồ Thư bị giết.[14]

Như vậy, cho đến năm 2665 tH, *214 ttl*, dân Việt Lạc, toàn thể vùng Đồng Đình và Việt Thượng, đã là một dân nước hùng mạnh, và vẫn ở ngoài những biến động vùng

---

[13] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*. - Về Thạp và Trống, đọc *nt*, tr 17 : bài 2.

[14] *Quảng Châu ký* và *Giao Châu ngoại vực ký*. - Sau khi bị Việt Lạc đánh tan, sách vở Trung Hoa ghi là 50 vạn quân du thủ du thực (!), và thất bại vì 'không chịu được thủy thổ'.

Bắc Dương Tử, ngoài ảnh hưởng của Trung Hoa.[15]

* * * *

5. VIỆT LẠC THỜI HÙNG 4C, 2672-2699 tH, *207-180 ttl*

Năm 2672 tH, *207 ttl*, Tần Thủy Hoàng lại sai Triệu Đà dẫn quân xâm lăng Việt Lạc. Triệu Đà chiếm đóng một phần đất nay thuộc Quảng Tây, Quảng Đông.

Tuy nhiên, năm 2673 tH, *206 ttl*, khi Tần bị Hán diệt, Triệu Đà giết tất cả quan chức Nhà Tần, thay đổi nếp sống theo phong tục Việt Lạc, và quyết cùng Việt Lạc thành lập một Đế quốc riêng.

Năm 2699 tH, *180 ttl*, Triệu Đà cũng dùng kế Trọng Thủy ở rể, đánh chiếm Thành Ốc của vua An Dương, trị sở của Việt Lạc, nay là Cổ Loa.

Năm 2699 tH, *180 ttl*, chấm dứt Thời Hùng.[16]

* * * *

---

[15] Lịch sử chỉ còn trận Ân Cao Tôn xâm lăng Việt Lạc năm 1661 tH, *1218 ttl*. Nhưng cuộc xâm lăng nầy đã xảy ra 172 năm trước khi tộc Hoa thành hình. - *Xem* tr 124 : 6.3.2.

[16] Theo *Sử Ký* do Tư Mã Thiên. - Đọc thêm *Việt Sử Toàn Thư*, tr 60, gc 1. - *Xem* tr 185 : 9.1.2b.

Bài học chiến bại đã trở thành Truyền kỳ Mỵ Châu, dạy việc Giữ Nước. - Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 9. - Về Triệu Đà, vua An Dương, và Thành Ốc, đọc phần 10.

6. DI SẢN CHU - TẦN

6.1 Chủ thuyết Thiên Tử Thế Thiên

Tuy văn hóa Trung Hoa cũng gốc du mục như nhiều nền văn hóa khác trên thế giới, nhưng giới thống trị Trung Hoa đã đưa đặc tính trọng vũ lực, độc tôn, độc tài, thành một chủ thuyết. Đó là chủ thuyết Thiên Tử Thế Thiên, vua Trung Hoa là con Trời, thay Trời thống trị mọi dân mọi vật dưới bầu trời.

Chủ thuyết nầy manh nha ở thời du mục Chu, phát triển ở thời du mục Tần, và được Nhà Hán khai thác cùng cực.[17]

Vua Trung Hoa là Con Trời, là Thiên tử, nên các quan chức giúp Vua Trung Hoa thống trị dân là Thần Thánh, là Thiên Triều.

Do đó, thiên hạ, mọi người, mọi vật dưới bầu trời, có nhiệm vụ thiêng liêng là khuất phục mọi ý muốn của Vua chúa và quan lại Trung Hoa, như là thần phục Trời và thần thánh.

Từ đó, phát sinh chủ nghĩa *Nô hóa thiên hạ* : thiên triều Trung Hoa có sứ mạng khuất phục mọi con người thành nô lệ của Trung Hoa.

---

[17] Khi khai thác chủ thuyết nầy, triều Hán tránh tôn vinh triều đại Tần vừa bị họ lật đổ, nên đã tôn vinh triều Chu thành những 'thiên tử' thần kỳ, để 'thiên hạ' theo mẫu mực đó mà khuất phục 'thiên tử Hán'. Mọi tài liệu của các thời trước cũng bị sửa đổi theo. - *Xem* tr 30 : 2.2.4, và gc.

Từ đó, thiên triều Trung Hoa thi hành chính sách *Soán đoạt hủy diệt* : chiếm đoạt mọi hay tốt, và hủy diệt mọi vết tích trỗi vượt của những tộc dân khác.

Để thể hiện, thiên triều Trung Hoa dùng sách lược *Ngoại nho Nội pháp* : bên ngoài, và ngoại giao, thì tuyên truyền chính sách nhân trị, nhưng ngầm bên trong, và đối nội, thì khắc khe, tàn độc, sắt máu.[18]

* *

6.2 Đại họa Trung Hoa

Trong suốt lịch sử Trung Hoa, qua mọi biến cố và mọi thời đại, chủ thuyết nầy đã bị bọn gian tham lợi dụng để tụ tập thành 'thiên triều', áp đặt quyền sinh sát tuyệt đối trên toàn dân Trung Hoa, và nô lệ hóa mọi người bị sa vào móng vuốt của chúng.

Trong suốt lịch sử, Trung Hoa đã xâm lăng nhiều dân nước, đã tàn sát nhiều sắc dân, đã soán đoạt, hủy hoại, sửa đổi, xuyên tạc mọi di tích và tài liệu lịch sử.

Hiện nay, chủ thuyết quái ác nầy đang biến Trung Hoa thành nguy cơ đại họa cho toàn thể Nhân loại.

---

[18] *Xem* tr 321 : bài 16.

9

VIỆT LẠC CUỐI THỜI HÙNG VÀ THỜI NHÀ TRƯNG 2665-2922 tH, *214 ttl-43 dl*

1. VIỆT LẠC CUỐI THỜI HÙNG

1.1 Khởi đầu Áp Lực Trung Hoa trên Việt Lạc

Nhà Chu chấm dứt năm 2623 tH, *256 ttl*, bị Tần diệt. Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa năm 2658 tH, *221 ttl*. Tần bị Hán diệt năm 2673 tH, *206 ttl*.

Năm 2665 tH, *214 ttl*, Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư dẫn 50 vạn quân xâm lấn Việt Lạc, ở vùng Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông. Sau 3 năm Đồ Thư thua trận, bị giết.[1]

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, vùng đất Việt Lạc bị áp lực của Trung Hoa.

---

[1] Theo *Việt Nam Sử Lược*, do Trần Trọng Kim, nxb Trung Tâm Học Liệu, Sàigòn 1971, q1, tr 18 tt. - *Xem* tr 178 : 8.4.3.

(Trước đó, năm 1661 tH, *1218 ttl*, Việt Lạc đã bị Ân Cao Tôn xâm lấn, sau 3 năm, Ân Cao Tôn bị đánh bại. Nhưng Ân Cao Tôn không phải người Hoa. Tộc Hoa chỉ thành hình năm 1833 tH, *1046 ttl*, ở Thiểm Tây, 172 năm sau).[2]

* *

1.2 Việt Lạc với Triệu Đà

a. Nước Nam Việt

Năm 2672 tH, *207 ttl*, Tần Thủy Hoàng lại sai tướng Triệu Đà đánh chiếm một phần đất của Việt Lạc, nay thuộc Quảng Tây, Quảng Đông.

Nhân việc Tần bị Hán diệt năm 2673 tH, *206 ttl*, Triệu Đà giết tất cả quan tướng của Tần, tự xưng Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Nam Việt, đóng đô tại Phiên Ngung, nay là Quảng Châu.

Triệu Đà đã cố gắng thâu phục lòng dân Việt Lạc trong vùng. Triệu Đà cũng đặc biệt phát triển về chính trị, quân sự, và văn hóa bản địa, để trở thành một đế quốc biệt lập với triều Hán. Chính ông đã thay đổi nếp sống riêng, thay đổi trang phục, thay đổi cách xưng hô, theo phong tục Việt Lạc, lấy vợ Việt.

Đang khi đó, vùng Đồng Đình của Việt Lạc có Trường Sa Vương, và Việt Lạc Sông Hồng có Vua An Dương.

Năm 2698 tH, *181 ttl*, triều Hán đưa quân đánh phá Nam Việt, nhưng đại bại.[3]

---

[2] *Xem* tr 124 : 6.3.2.

b. Triệu Đà chiếm Thành Ốc - Kết thúc Thời Hùng

Năm 2699 tH, *180 ttl*, Triệu Đà chiếm đóng Thành Ốc (Loa Thành), trị sở của Việt Lạc Sông Hồng, (nay là Cổ Loa, cách Hà Nội 15 km). Theo truyền kỳ Mỵ Châu, Triệu Đà đã đánh bại Vua An Dương, với kế Trọng Thủy ở rể làm gián điệp.[4]

Năm 2699 tH, *180 ttl* chấm dứt Thời Hùng.

* * * *

2. VIỆT LẠC THỜI SUY VI

2.1 Nước Phụ dung của Nhà Triệu

Tuy Triệu Đà cai trị, nhưng chính Triệu Đà lại tự thay đổi theo Dân Việt để mong thành lập một đế quốc riêng.

Vì vậy, trong 69 năm, 2699-2768 tH, *180-111 ttl*, vùng Sông Hồng (và trong 96 năm, 2672-2768 tH, *207-111 ttl*, các vùng Nam Việt khác), dầu sống dưới triều Nhà Triệu, dân Việt Lạc vẫn tiếp tục sống nếp sống Văn hóa của Tổ Tiên, các Trưởng Lão Việt Lạc tiếp tục cai quản dân theo truyền thống. Lực lượng an ninh cũng tiếp tục được củng cố.

Trên thực tế, Việt Lạc Sông Hồng chỉ là một nước phụ

---

[3] Đọc *Việt Nam Sử Lược*, q1, tr 30.

[4] Năm 2699 tH, *180 ttl*, ghi theo *Sử Ký*, do Tư Mã Thiên, viết năm 2770-2788 tH, *109-91 ttl*. - Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, do Phạm văn Sơn, Sàigòn 1960, tr 60, chú thích 1. - Đọc thêm *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 9.

dung. Thời kỳ nầy không thể coi là thời Bắc thuộc.[5]

* *

2.2 Thời Phụ Dung Tây Hán

a. Phụ dung đóng thuế

Năm 2768 tH, *111 ttl*, Nam Việt bị Hán xâm lăng.

Từ 2768 tới 2909 tH, *111 ttl - 30 dl*, trong suốt 141 năm, tuy danh nghĩa là Nam Việt phụ thuộc Nhà Hán, nhưng, sách vở Trung Hoa không nói tới vùng đất Việt Lạc.[6]

Đây là dấu chỉ vào thời kỳ nầy, Việt Lạc vẫn chưa có liên lạc nhiều với Hán.

Lại nữa, theo cách hành xử của thời Tây Hán, 2673-2887 tH, *206 ttl - 8 dl*, quan thứ sử các vùng đất phụ dung chỉ có nhiệm vụ mỗi năm 3 tháng đi thâu thuế về nộp cho triều đình. Đã không có hệ thống cai trị trực tiếp, không có quân ngoại xâm trên phần đất Việt Lạc.

Từ năm 2887 tới 2904 tH, *8 dl - 25 dl*, là thời loạn lạc của Trung Hoa, việc thu thuế cũng lơ là.

Như vậy, trong suốt thời nầy, Việt Lạc chỉ là một nước phụ dung đóng thuế cho triều Hán, như việc triều cống của các thời sau.[7]

---

[5] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, tr 58, và tr 86-87.

[6] Đọc *Việt Nam Sử Lược*, q1, tr 38; và *Việt Sử Toàn Thư*, tr 105.

[7] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, tr 101-102, 105.

b. Nếp sống Truyền thống

Theo thực trạng đương thời, từ 2768-2909 tH, *111 ttl - 30 dl*, ngoài việc mỗi năm một lần đóng thuế cho thứ sử, đời sống dân Việt Lạc vẫn không thay đổi. Trung Hoa chưa ảnh hưởng trên nếp sống xã hội, văn hóa, chính trị, kể cả quân sự, an ninh... của Việt Lạc.

Trong suốt 141 năm đó, dân Việt Lạc vẫn tiếp tục sống nếp sống truyền đời của Tổ Tiên.

Việc cai trị vẫn ở trong tay các Trưởng Lão Việt Lạc. Thành phần bảo vệ an ninh cho Làng, Nước, vẫn sinh hoạt bình thường.

Đời sống thường ngày của người Dân, nếp sống văn minh Lúa Nước, kỹ thuật trồng cấy, kỹ nghệ đồ đồng đồ gốm, văn học, thơ văn, chữ viết... của Việt Lạc, vẫn tiếp tục phát triển.

Nếp sống Làng thôn, với tất cả đặc tính và sức mạnh của thể chế Làng-Nước Việt Lạc, vẫn sống động và tăng trưởng.

Văn hóa Việt Lạc vẫn ngày một thêm tốt đẹp.[8]

* *

2.3 Hán Quang Vũ xâm lăng

Tình hình thay đổi từ năm 2909 tH, *30 dl*, khi Hán

---

[8] Về tầm quan trọng của định chế Làng-Nước Việt Lạc, đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 6, đb phần 7, và bài 10, đoạn 9.1.

Quang Vũ áp đặt chính sách hà khắc, đưa quan lại tới trực tiếp cai trị các vùng Việt Lạc. Từ đó xuất hiện quan quân trú đóng, chiếm đoạt, tham ô, tàn ác.

Bốn năm sau, 2913 tH, *34 dl*, xuất hiện thái thú Tô Định, thêm khắc nghiệt, thêm nhiều điều luật, nhiều sắc thuế mới.[9]

* * * *

3. VIỆT LẠC THỜI NHÀ TRƯNG

3.1 Việt Lạc kháng chiến

Từ năm 2909 tH, *30 dl*, do việc áp đặt quan lại của Hán Quang Vũ, cuộc sống của Dân Nước khắp toàn vùng Việt Lạc, từ Đồng Đình tới Sông Hồng, bỗng bị xáo trộn.

Do đó, toàn thể Việt Lạc ở khắp nơi đều sẵn sàng đứng lên.

Toàn bộ hệ thống và sức mạnh của xã hội, chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa... đều được vận dụng để đối phó với giặc.

Mọi nơi, mọi đơn vị lớn nhỏ, đều sẵn sàng, với lực lượng, tổ chức, và thủ lãnh sẵn có.

Trong tình trạng sôi động đó, do ưu thế của vùng Sông Hồng, do việc liên kết và chủ động của 2 vùng Mê Linh và Châu Diên, (quê của vợ chồng Trưng Trắc và Thi Sách), qua biến cố Tô Định giết hại Lạc Tướng Thi Sách, và do

---

[9] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, tr 106.

truyền thống mẫu hệ mấy ngàn năm của Việt Lạc, Đức Trưng Trắc đã trở thành Thủ Lãnh kháng chiến của toàn Dân Việt Lạc.

* *

3.2 Thời Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam

a. Tài Liệu

Cho tới gần đây, sử Việt có rất ít tài liệu về cuộc khởi nghĩa của Dân Việt Lạc do Đức Trưng Vương lãnh đạo.

Hầu hết những gì được ghi chép đều đã được trích dẫn từ sách vở Trung Hoa, tức là từ phía đối nghịch. Tài liệu của đối phương luôn thiếu xác thực, nhiều chủ quan.

Gần đây, nhờ những phát hiện ở Việt Nam và trên vùng đất của Việt Lạc xưa, đặc biệt qua các Đền thờ, Thần tích, và di tích, chúng ta có thêm nhiều chi tiết đã không được sách vở Trung Hoa ghi chép chính xác.

b. Theo lịch sử và di tích

Lịch sử Nước Ta đã nhiều lần ghi lại việc các Sứ thần Đại Việt đã kính viếng Đền thờ Đức Trưng Vương và các Danh Tướng của Ngài tại Hồ Đồng Đình, Thẩm Giang, Trường Sa, Phiên Ngung, Khúc Giang, Uất Lâm... hiện nay thuộc các tỉnh Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến và Hải Nam. Nhiều nơi vẫn còn truyện tích và di tích của các trận đánh thời Đức Trưng Vương.[10]

---

[10] *Xem* tr 290 : 14.6.2. - Thần phả là tiểu sử của các Vị được

Căn cứ trên các thần phả và di tích, hiện nay chúng ta có tên tuổi và tiểu sử của 162 vị danh tướng thời Đức Trưng Vương. Các Vị đã được dân Việt Lạc thờ kính trong suốt hai ngàn năm qua. Đền thờ của các Ngài đầy dẫy nhiều nơi khắp vùng nay là Nam Trung Hoa, Bắc Phần và Bắc Trung Phần Việt Nam. Trước năm 4824 tH, *1945 dl*, chỉ vùng ven sông Đáy, đã có Đền thờ của 94 vị. Hiện nay, di tích vẫn còn nhiều.

Tiểu sử của các vị Anh Hùng cộng sự của Đức Trưng Vương càng chứng tỏ tinh thần của Toàn Dân Việt Lạc đương thời. Các Ngài nổi dậy ở khắp nơi, chứ không chỉ ở vùng Sông Hồng. Nhiều vị đã đánh đuổi giặc trước khi liên kết với Đức Trưng Vương.[11]

c. Tiểu sử Mã Viện

Tiểu sử của tướng giặc Mã Viện, qua sách vở Trung Hoa, đặc biệt qua *Mã Viện Truyện* trong *Hậu Hán Thư*, do tên quan lại Trung Hoa Phạm Diệp, viết cách đây hơn 1500 năm, cũng ghi nhận tầm quan trọng, sức mạnh và địa bàn hoạt động của nghĩa quân Việt Lạc thời bấy giờ.

Theo *Mã Viện Truyện*, sau khi tướng tá của 65 thành thua chạy, triều đình Hán hoảng hốt, không một tướng nào dám lãnh nhận quân 'chinh phạt'. Vì vậy, Quang Vũ

α ———————

thờ trong Đền.

[11] Danh sách và tiểu sử của nhiều Vị được ghi nhận ở phần *Di Tích Lịch Sử* trong bộ *Anh Hùng Lĩnh Nam*, do Trần Đại Sỹ, 4q, nxb Nam Á, Paris 1986.

phải phong tước vị tột bực, và toàn quân, cho danh tướng già Mã Viện, để Mã Viện dám liều chết. Trước khi đi, Mã Viện còn để lại thư tuyệt mạng cho gia đình.[12]

Mã Viện kéo theo 2000 chiến thuyền lầu cao, với hơn 10 vạn quân, cũng không phải để chen nhau vào Sông Hồng để diệt 'đám giặc cỏ', mà là trận chiến ở Hồ Đồng Đình...[13]

d. Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam

Như vậy, từ năm 2909 tH, *30 dl*, toàn thể dân Việt Lạc đã vùng lên chống quân ngoại xâm Đông Hán.

Từ năm 2919 tH, *40 dl*, Đức Trưng Vương đã hoàn tất việc tái chiếm toàn thể vùng đất Việt Lạc. Ngày nay, ngoài phần đất Nước ta, còn gồm Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, Vân Nam, Quí Châu, Hồ Nam, phần đất phía nam Dương Tử của Tứ Xuyên và của Hồ Bắc, một phần của Giang Tây và của Phúc Kiến.

Đây là phần đất thuộc hai Vùng Đồng Đình và Lĩnh Nam. Vì vậy, Đức Trưng Vương đáng được tôn hiệu Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

Theo Dư Địa Chí của Đức Nguyễn Trãi, (viết năm 4317

---

[12] *Xem* tr 301 : 14.7.4. - Thực oái oăm và bêu xấu, trong thư tuyệt mạng, một câu đã trở thành danh ngôn của Mã Viện : "Thôi thì (!), làm tướng da ngựa bọc thây, hơn là chết tại xó nhà". (Họ Mã, da ngựa !).

[13] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, tr 109-111.

tH, *1438 dl*), Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam đặt tên nước là Hùng Lạc. (bản đồ).[14]

VIỆT LẠC thời Đức ĐẠI ĐẾ ĐỒNG ĐÌNH LĨNH NAM
2919 tH, 40 dl

Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam về thần ngày 6 tháng 2 năm 2922 tH, *43 dl*, khi mới 31 tuổi.

---

[14] Đọc *Nguyễn Trãi Toàn Tập*, bản dịch Viện Sử Học, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976, tr 215.

Trong suốt lịch sử Nhân loại, cho đến hiện nay, chưa hề có một Nữ Nhân nào tạo chiến công hiển hách, thần tốc, tái chiếm vùng đất mênh mông, như Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

Nam nhân có được mấy người ?

10

TÓM GỌN
5000 NĂM SỬ VIỆT XƯA
2121 ttH-2922 tH, *5000 ttl-43 dl*

1. THỜI KHỞI NGUYÊN : 2121 NĂM, 2121 ttH - 1 tH, *5000-2879 ttl*

1.1 Hai Ông Bà Khởi Tổ và vùng Đất Khởi Nguyên

a. Hồ Đồng Đình, năm *5000 ttl*

Hai Ông Bà Khởi Tổ của Tộc Việt ở vùng Hồ Đồng Đình, phía nam trung lưu sông Dương Tử, khoảng năm 2121 ttH, *5000 ttl*, cách đây 7000 năm.[1]

Từ đó, Dân Việt ngày thêm đông đúc, và tỏa lan khắp các vùng chung quanh. Vùng sông nước Đồng Đình đã giúp Dân Việt thạo nghề đánh cá và nông nghiệp lúa

[1] *Xem* tr 49 : 3.2.

nước.

Nhờ nhiều thuận hợp đặc biệt của vùng Đất Tổ Đồng Đình, dân Việt đã phát triển một nền Văn hóa Nông nghiệp Lúa nước nổi bật hơn những nền văn hóa lúa nước khác.[2]

b. Di tích Tiêu biểu Hai Ông Bà Khởi Tổ

1. *Mấy trăm triệu con cháu*. Ngày nay chúng ta không còn di tích của Hai Ông Bà Khởi Tổ. Tuy nhiên, mấy trăm triệu con cháu Tộc Việt, trên vùng đất mênh mông Á Đông, với một nền Văn hóa Việt đặc biệt, là di tích sống động và trường tồn của Hai Vị Hiển Thánh Khởi Tổ Linh Thiêng.

2. *Mẹ Tiên Cha Rồng*. Dân Việt coi Mẹ mình là Bà Tiên và gọi Cha mình là Ông Rồng. Rồi theo đà phát triển, với tình kính quý và biết ơn sâu xa đối với Hai Vị Tổ Đầu Tiên, Tổ Tiên ta đã *tôn Hai Ngài thành Biểu Tượng Tiên Rồng Linh Thiêng* cao quý nhất của Dân Việt. Dân Việt âu yếm gọi Ông Bà Khởi Tổ là *Mẹ Tiên* và *Cha Rồng*, và tự xưng là *Dòng Giống Tiên Rồng*.

* *

1.2 Ba Giai đoạn Thời Khởi Nguyên

a. Ba Giai đoạn 3 Vùng

Vì hạ lưu sông Dương Tử còn úng nước, và vì thượng

---

[2] *Xem* tr 50 : 3.3 và bản đồ.

lưu Dương Tử núi rừng hiểm trở, Dân Việt đã phát triển về hướng thượng lưu Sông Tương. Vì vậy, vùng nầy được gọi là Việt Thượng.

Với thời gian, Dân Việt vượt thượng lưu Sông Tương, tiến về Nam và phát triển đặc biệt với 3 Trung tâm chính là vùng Đồng Đình Sông Tương, lưu vực Tây Giang, và lưu vực Sông Hồng Sông Mạ.[3]

b. Đặc điểm

Biệt tài trên sông nước là niềm hãnh diện của Tộc Việt từ thời Khởi Nguyên ở vùng Hồ Đồng Đình cho đến hiện nay. Trên đường Nam tiến, đặc biệt với việc vượt biển đi về giữa cửa Tây Giang và Sông Hồng, dân Việt phương Nam đã phát triển tuyệt nghệ vượt biển.

Hơn nữa, từ nhiều ngàn năm trước, nhà sàn mái cong là đặc điểm của vùng Sông Hồng xuôi nam.[4]

c. Di tích Tiêu biểu Thời Khởi Nguyên

1. *Chữ Việt Vượt Biển* 越. Hãnh diện với tuyệt nghệ vượt biển, hình ảnh vị Thủ Lãnh trên Thuyền vượt biển đã trở thành biểu hiệu của dân Việt phương Nam. Từ đó, hình ảnh nầy trở thành chữ Việt 越 cho toàn thể Dân Việt. (hình).[5]

---

[3] *Xem* tr 61 : 3.5 và bản đồ.

[4] Đọc *Mỹ Thuật Cổ Truyền Việt Nam*, do Nguyễn Khắc Ngữ, Nghiên Cứu Sử Địa, Montreal 1981, tr 63.

[5] Về chi tiết chữ Việt 越, *xem* tr 65 : 3.5.3d.

2. Chữ *Lạc Rùa Thần* 𢆶. Trên đường Nam tiến, tới Sông Hồng, gặp được nhiều Rùa 'Thần' khổng lồ, Tổ Tiên đã lấy *hình Rùa Thần* làm Biểu Hiệu và *tên Lạc*.[6]

3. *Chữ Thượng Nhà sàn* 常. Chính hình vẽ nhà sàn mái cong là nguồn gốc của chữ Thượng 常(hình).[7]

Như vậy, chữ *Việt Thượng* 越 常 để chỉ vùng Đất Dân Việt từ thượng lưu Sông Tương xuôi Nam.

* * * *

2. THỜI HÙNG : 2699 NĂM, 1-2699 tH, *2879-180 ttl*

2.1 Khởi đầu Thời Hùng

Thời Hùng khởi đầu năm 1 tH, *2879 ttl*, hơn 2000 năm sau Ông Bà Tổ, khi dân Việt đã tỏa lan khắp vùng Á Đông. Ngoài 3 vùng phát triển chính, Tộc Việt cũng đã có mặt trên khắp vùng từ Hồ Đồng Đình, rải rác dọc theo Sông

---

[6] *Xem* tr 67 : 3.5.3e.

[7] Về chi tiết chữ Thượng 常, đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 37 : 3.2.2

Dương Tử ra tới Biển, lên phía Bắc tới ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh, về miền rừng núi phía Tây tới sông Cửu Long, và xuống phương Nam tới vùng đường ranh Hải Vân.[8]

Những điều kiện địa lý và khí hậu đã biến 2 vùng Đồng Đình và Sông Hồng thành 2 trung tâm Nông nghiệp Lúa nước quan trọng.[9]

* *

2.2 Di tích Tiêu biểu Đầu Thời Hùng

- *5000 năm lịch sử*. Dân Việt ghi nhớ năm Khởi đầu Thời Hùng với việc *liên tục đếm thời gian*. Hiện nay ta có câu : "*Dân Việt có 5000 năm lịch sử*". (2879 +2013 = 4892 tH).

* *

2.3 Kết thúc Thời Hùng

Thời Hùng kết thúc năm 2699 tH, *180 ttl*, khi Thành Ốc của Vua An Dương bị Triệu Đà xâm chiếm. Thành Ốc nay là Cổ Loa, gần Hà Nội.[10]

Thời Hùng từ 1-2699 tH, *2879-180 ttl*, gồm 2699 năm.

* Thời Hùng bao trùm tất cả mọi biến cố của Tộc Việt. Tuy nhiên, sách vở Trung Hoa đã đánh lận một phần lịch

---

[8] *Xem* tr 67 : 3.5.4.

[9] *Xem* tr 77 : 4.2.2b và bản đồ tr 90 : 4.5.2.

[10] *Xem* tr 185 : 9.1.2b.

sử Tộc Việt thành của họ. Dầu vậy, để chia Thời Hùng, ta có thể theo các thời kỳ sẵn có.[11]

* * * *

3. THỜI HÙNG 1 : 809 NĂM, 1-809 tH, *2879-2070 ttl* - Gồm cả THỜI TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ

Thời nầy chia là 2 giai đoạn.

3.1 Thời Hùng 1A : 179 năm, 1-179 tH, *2879-2700 ttl* - Gồm cả thời Tam Hoàng

a. Ba Vị Tam Hoàng

Tam Hoàng là Nữ Oa, Phục Hy, và Thần Nông. Tam Hoàng đã sống trước khi tộc Hoa thành hình hơn 1800 năm. Lại nữa, từ cách gọi tên tới tiểu sử, Tam Hoàng đều thuộc nền văn hóa nông nghiệp lúa nước. Vì vậy, quê hương của các Vị chỉ có thể là vùng Hồ Đồng Đình, và các Vị là Dân Việt.[12]

b. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 1A

Tam Hoàng : *Nữ Oa* mặc áo lông chim, Nữ Oa và *Phục Hy* có đuôi rắn, thuộc văn hóa Tiên Rồng của dân Việt. *Thần Nông* là vị thần của vùng Nông nghiệp lúa nước. (hình).[13]

---

[11] *Xem* tr 78 : 4.2.3a.

[12] *Xem* tr 81 : 4.3.1.

Tộc Hoa thành hình năm 1833 tH, *1046 ttl*, ở vùng Thiểm Tây.

Nữ Oa

Nữ Oa và Phục Hy

Thần Nông

* *

3.2 Thời Hùng 1B : 630 năm, 179-809 tH, *2700-2070 ttl* - Gồm cả thời Ngũ Đế

a. Ngũ Đế - Việt Lạc

Ngũ Đế gồm : Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn. Cũng như đối với Tam Hoàng, sách vở Trung Hoa đã đánh lận Ngũ Đế thành tổ của tộc Hoa. Tuy nhiên, lý lịch của Các Ngài chứng tỏ Các Ngài thuộc nền văn hóa gốc nông nghiệp lúa nước của Tộc Việt, ở vùng Đồng Đình.[14]

Ngoài vùng lúa nước Đồng Đình, *các Trung tâm phát triển khác của Tộc Việt*, là Tây Giang và Sông Hồng, cũng tiếp tục phát triển.[15]

b. Đặc điểm

1. *Rùa Việt Thượng*. Truyền thuyết thời Đế Nghiêu

---

[13] Thần Nông không thể là vị thần của dân sa mạc du mục. *Xem* tr 84 : 4.4.2.

[14] Khác hẳn với tộc Hoa thuộc nền văn hóa gốc du mục. *Xem* tr 85 : 4.4.3.

[15] *Xem* tr 89 : 4.5.1.

năm thứ 5, 688 tH, *2191 ttl*, có Sứ giả *Việt Thượng* dâng *Rùa ngàn năm*, trên mu có ghi chữ... Đế Nghiêu chép lại và gọi là Lịch Rùa.[16]

Cho tới hiện nay, khắp vùng Á Đông, loại Rùa ngàn năm nầy cũng chỉ có ở lưu vực Sông Hồng và Sông Mạ. (Hồ Hoàn Kiếm). Như vậy, vào thời đó, 688 tH, *2191 ttl*, dân Việt Sông Hồng đã có chữ viết, đã có lịch, và đã loan truyền tới các vùng khác.[17]

2. *Rùa thần Sách Lạc*. Cuối Thời Hùng 1B, lại có truyền thuyết Đại Vũ được Rùa thần trên mu ghi Sách Lạc. Sách Lạc được biểu trưng bằng 9 nhóm chấm trên lưng Rùa Thần. Nhờ đó, Đại Vũ học được cách trị thủy và cách trị dân. (hình).[18]

Sách Lạc

Như vậy, truyền thuyết Rùa thần Việt Thượng và Rùa thần Sách Lạc có cùng một nguồn gốc và cùng một nội dung. Chỉ khác ở chỗ nội dung truyện Rùa thần Sách Lạc súc tích và chi tiết hơn. Sách Lạc là của Việt Lạc.

c. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 1B

1. *Rùa thần ngàn năm*. Khắp vùng Á Đông, chỉ có vùng

---

[16] *Xem* tr 88 : 4.4.3e.

[17] *Xem* tr 92 : 4.5.4b.

[18] *Xem* tr 103 : 5.3.3.

Sông Hồng Sông Mạ là có loại Rùa khổng lồ ngàn năm nầy. (hình).

Ở Đền Ngọc Sơn (2011)
2,1m x 1,2m. 250kg

Rùa Hoàn Kiếm
(2011)

2. *Chữ Việt Sách Lạc* 粵. Hơn nữa, dân Việt Sông Hồng còn dùng hình 'Rùa thần mang Sách Lạc' làm biểu hiệu riêng. Hình '*Rùa thần mang Sách Lạc*' đã trở thành chữ Việt 粵 riêng của dân Lạc. (hình).[19]

3. *4200 năm Văn hiến*. Để ghi nhớ thời dân Việt Lạc Sông Hồng đã có thể phổ biến chữ viết và kiến thức của mình, Tổ Tiên ta còn có câu "*Ta có 4000 năm Văn hiến*". Hiện nay đã là 4200 năm.[20]

* * * *

[19] *Xem* tr 95 : 4.5.4e.

[20] 2191+2013 = 4204. *Xem* tr 93 : 4.5.4c.

4. THỜI HÙNG 2 : 470 NĂM, 809-1279 tH, *2070-1600 ttl* - Gồm cả NHÀ HẠ

4.1 Thời Hùng 2A : 270 năm, 809-1079 tH, *2070-1800 ttl* - Gồm cả Tiền Hạ

a. Nhà Hạ - Các vùng Việt khác

Năm 809 tH, *2070 ttl*, sau khi theo Sách Lạc để khai thông đường thủy, thoát nước vùng *hạ lưu* sông Dương Tử, Đại Vũ trở thành người cai trị vùng đất mới khai phá, tức là vùng Đất *Hạ*. Sau đó, Ông thành lập Nhà Hạ.[21]

Tuy sách vở Trung Hoa chỉ chú trọng tới Nhà Hạ, mà họ đánh tráo thành tổ tiên người Hoa, ngoài Việt Hạ, *các vùng Việt khác* vẫn tiếp tục phát triển mạnh. Đặc biệt, vùng Sông Hồng đã ảnh hưởng tới kỹ thuật trị thủy và đường lối cai trị của Đại Vũ.

Nhờ phát minh chiếc cày cho trâu kéo, vùng Sông Hồng Việt Thượng và vùng Việt Hạ đã phát triển mạnh về kinh tế, về cuộc sống, cũng như về nhân số.

b. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 2A

1. *Chữ Hạ Trâu Cày* 夏. Hình vẽ con trâu kéo cày trở thành biểu hiệu của *Việt Hạ* đương thời, và rồi trở thành chữ Hạ 夏. (hình).[22]

---

[21] *Xem* tr 100 : 5.3.1 và bản đồ.

[22] *Xem* tr 111 : 5.4.2.

2. *Chữ Hồng Thủy Ngưu* 洚. Thay vì dùng hình vẽ trâu kéo cày, người Việt Lạc Sông Hồng viết *tên Hồng* 洚 một cách trí thức hơn (vì đã có chữ viết từ lâu), bằng cách ghép các chữ. (hình).[23]

* *

4.2 Thời Hùng 2B : 200 năm, 1079-1279 tH, *1800-1600 ttl* - Gồm cả Hậu Hạ

a. Vượt Sông Hoài

Từ năm 1079 tH, *1800 ttl*, người dân Việt Hạ đã phát triển mạnh, và đã vượt Sông Hoài, lên lưu vực Hoàng Hà.[24]

b. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 2B

Khảo cổ hiện nay coi vùng đất Sông Vị chảy vào Hoàng Hà là đất Nhà Hạ.

* * * *

[23] *Xem* tr 114 : 5.6.2b.

[24] *Xem* tr 112 : 5.5 và bản đồ.

5. THỜI HÙNG 3 : 554 NĂM, 1279-1833 tH, *1600-1046 ttl* - Gồm cả NHÀ THƯƠNG

5.1 Thời Hùng 3A : 300 năm, 1279-1579 tH, *1600-1300 ttl* - Gồm cả Tiền Thương

a. Nhà Thương - Đồ đồng

Năm 1279 tH, *1600 ttl*, sau 200 năm được trợ lực bởi kỹ thuật, văn hóa, và nhân sự của Dân Việt mới nhập cư, dân địa phương vùng đông bắc Sông Hoài đã có thể thành lập Nhà Thương.[25]

Trong thời kỳ nầy, *dân Việt* vùng Dương Tử cũng phát triển mạnh, đặc biệt xuất sắc nghề đúc đỉnh và vạc đồng.[26]

Đang khi đó, dân *Việt Lạc Sông Hồng* trỗi vượt trong nghề đúc *trống* đồng. Cho tới hiện nay, vùng Việt Lạc vẫn là nơi phát hiện nhiều trống đồng cổ nhất.

Cho đến năm *1980 dl*, Việt Nam có 360 trống đồng cổ, trong đó có *140 trống* thuộc loại *Đông Sơn*.[27]

Tới năm *1988*, Trung Quốc đã tìm được *1460 trống đồng cổ*. Hầu hết là ở vùng Việt Lạc xưa.[28]

---

[25] *Xem* tr 117 : 6.1.3 và bản đồ.

[26] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam các Học Thuyết Á Đông*, tr 20 : 2.3.1.

[27] Đọc *nt*, tr 14 : 2.3.2.

[28] Đọc *nt*, tr 14 : 2.3.3 và bản đồ.

b. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 3A

1. *Đông Di*. Dầu lạm nhận Nhà Thương thành tiền sử, dân Hoa vẫn coi Nhà Thương là Đông Di, tức là dân mọi rợ ở phía Đông, không phải tộc Hoa.[29]

2. *Đồ đồng Dương Tử*. Càng ngày càng nhiều phát hiện ở các di chỉ 2 bên bờ Dương Tử.[30]

3. *Văn minh Trống đồng Việt Lạc*. Ngay cả hiện nay, ngoài vùng Việt Lạc, các vùng khác có rất ít trống đồng cổ. (hình).

* *

5.2 Thời Hùng 3B : 254 năm, 1579-1833 tH, *1300-1046 ttl* - Gồm cả Hậu Thương / Ân

a. Nhà Ân

Năm 1579 tH, *1300 ttl*, Nhà Thương dời đô tới An Dương, thuộc vùng đất Ân. Vì vậy, còn gọi là Nhà Ân. Nhà Ân trở thành hùng mạnh, và lấn chiếm vùng phía nam Sông Hoài.[31]

Năm 1661 tH, *1218 ttl*, Ân Cao Tôn xâm lăng vùng Đồng

---

[29] *Xem* tr 117 : 6.1.3b và bản đồ.

[30] *Xem* tr 121 : 6.2.2b.

[31] Đây là vùng đất khảo cổ hiện nay coi là đất Nhà Thương. *Xem* tr 122 : 6.3.1 và bản đồ.

Đình của Việt Lạc. Đây là thời cường thịnh nhất của Nhà Ân. Dầu vậy, 3 năm sau, Ân Cao Tôn bị dân ta đánh bại. Tuy nhiên, thời gian xâm lăng đã đủ để Ân Cao Tôn cướp đoạt Dân Việt ở toàn vùng sông Dương Tử.[32]

Do đó, thủ đô An Dương trở thành kho chứa báu vật, đồ đồng và chữ viết, gia sản của Dân Việt.

Hiện nay đã khám phá tại An Dương hàng ngàn đồ đồng, và khoảng *5000 chữ viết* trên xương, trong đó có hơn 3000 chữ đã chuẩn xác. Tuy nhiên, tại An Dương không có dấu vết thời sơ khai của chữ viết và của kỹ nghệ đúc đồng. Tất cả đều đột hiện ở An Dương từ khi nhà Ân cướp phá dân Việt phương Nam.[33]

Đang khi đó, dân Việt Lạc Sông Hồng đã kiện toàn một nếp sống đem lại thịnh vượng, thanh bình, và hạnh phúc. Vào cuối Thời Hùng 3B, kỹ thuật đúc đồ đồng của Lạc Hồng đã bước vào thời tuyệt kỹ.[34]

b. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 3B

1. *Truyền kỳ Phù Đổng*. Cuộc chiến đấu chống Ân Cao Tôn đã trở thành Truyền kỳ dạy Việc Cứu Nước. (hình).[35]

---

[32] *Xem* tr 124 : 6.3.2 và bản đồ - Vào thời kỳ nầy, vùng Đồng Đình cũng là phần đất Việt Lạc. *Xem* tr 140 : 6.6.3b.

[33] Hơn 170 năm trước khi tộc Hoa thành hình. *Xem* tr 125 : 6.4.1.

[34] *Xem* tr 131 : 6.5.2.

[35] Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 10.

2. *Chữ Viết và Đồ Đồng của Dân Việt*. 5000 chữ viết, hàng ngàn đồ đồng, đặc biệt trống và thạp đồng. (hình).

3. *Tuyệt tác đồ đồng Việt Lạc*, đặc biệt Thạp và Trống. (hình).

* * * *

6. THỜI HÙNG 4 : 866 NĂM, 1833-2699 tH, *1046-180 ttl*

6.1 Thời Hùng 4A : 275 năm, 1833-2108 tH, *1046-771 ttl* - Đồng thời với Tây Chu

a. Tộc Hoa – Nước Sở – Lạc Hồng

Năm 1833 tH, *1046 ttl*, sau thời gian tụ tập các bộ lạc du mục ở vùng Thiểm Tây khô cằn giá lạnh, bộ tộc Chu thành lập Nhà Chu ở thung lũng Sông Vị. Từ đó, tộc Hoa thành hình. Tộc Hoa thuộc nền văn hóa gốc du mục.[36]

Về lãnh thổ, dân số, văn minh, văn hóa, sức mạnh

[36] *Xem* tr 145 : 7.1.1a.

quân sự... tộc Hoa đã chỉ bằng một phần nhỏ của dân Việt đương thời.[37]

Đang khi đó, *dân Việt vùng Dương Tử* lại đã có Nước Sở và Nước Việt hùng mạnh. Tuy nhiên, thời kỳ nầy, sách vở Trung Hoa chỉ biết tới nước Sở ở Bắc Dương Tử.

Sách vở Trung Hoa chê ghét phục sức, tính tình, phong tục, ca nhạc nước Sở, vì khác biệt với tộc Hoa du mục. Sở hùng mạnh từ năm 1849-2656 tH, *1030-223 ttl*.[38]

Dân *Việt Lạc vùng Sông Hồng* cũng đã trở thành đông đúc, phồn thịnh, và phát triển vượt bực về mọi phương diện, đặc biệt về văn hóa, văn học, tư tưởng, học thuyết.[39]

Đặc điểm tuyệt vời của Lạc Hồng là đúc Thạp và Trống đồng để lưu truyền nền Văn minh và Văn hóa Việt, và nhất là để mã hóa toàn bộ 4 Học thuyết Việt.[40]

Với chữ viết thuần thục từ hơn 1000 năm, việc dân Lạc Hồng thấu triệt và ghi chép toàn bộ các Học thuyết... cũng là đương nhiên.[41]

b. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 4A

1. *Đồ đồng nước Sở* có nhiều hình và trang trí chim, rắn. (hình).

---

[37] *Xem* tr 152 : 7.2.3 và bản đồ tr 149.

[38] *Xem* tr 155 : 7.3.1b.

[39] *Xem* tr 161 : 7.5.1b.

[40] Đọc *Nguồn gốc Việt Nam của Bốn Học thuyết Á Đông*.

[41] Đây cũng là thời điểm thành hình tộc Hoa du mục lạc hậu.

2. *3000 năm Học thuyết Lạc Hồng*. Trên *Thạp Đào Thịnh và Trống Ngọc Lũ*, Tổ Tiên Lạc Hồng đã lưu truyền toàn bộ Học thuyết Việt.

Sau đây là nguồn gốc tên và chữ :

- 'Âm' do tiếng Việt '*Om*' là cái thạp, chữ 'Âm' 㑹 là do hình vẽ cái 'Om'. - 'Dương' do tiếng Việt '*Rưng*' là cái trống, chữ 'Dương' 昜 là do hình vẽ cái 'Rưng'. - Chữ '*Dịch*' 易 là do hình cái Om trên cái Rưng. (hình).[42]

3. *Chữ Việt Đồ Đồng* 越. Hãnh diện và trao truyền cho con cháu thành công của mình, dân Việt Lạc Sông Hồng đã sáng tạo một chữ Việt thứ ba 鉞 với chữ Kim 金, *đồ đồng*. (hình).[43]

Chữ Việt 鉞 nầy ghi dấu *3000 năm Tuyệt kỹ* đồ đồng, mà cũng là *3000 năm Học thuyết Lạc Hồng*.

---

[42] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 74 : 4.2.1, và tr 79 : 4.3.1.

[43] *Xem* tr 135 : 6.5.4.

4. *Tác phẩm Kinh điển của Lạc Hồng*:

Bốn Học thuyết : Đất Trời Năm Hành, Âm Dương Hoán Dịch, Tiên Rồng Song Hiệp, Đạo Đức Tuệ Linh.

Ngoài ra còn Lịch Rùa, Sách Lạc, Kinh Lễ, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Nhạc...[44]

* *

6.2 Thời Hùng 4B : 564 năm, 2108-2672 tH, *771-207 ttl* - Đồng thời với Đông Chu và Tần

a. Nước Tần – Nước Việt – Việt Lạc

Năm 2108 tH, *771 ttl*, nhóm du mục Khuyển Nhung từ Ninh Hạ xâm chiếm vùng Sông Vị, và thành lập Nước Tần. Nhà Chu chạy về phía đông, nên gọi là Đông Chu.

Du mục Tần tàn bạo hơn du mục Chu. Dân trong vùng sống trong hơn 500 năm loạn lạc (thời Xuân Thu và thời Chiến Quốc). Năm 2658 tH, *221 ttl*, Tần diệt tất cả các nước chung quanh, và thành lập nước Trung Hoa, với Tần Thủy Hoàng.[45]

Các biến động ở miền bắc đã lan xuống phần đất giữa Sông Hoài và Dương Tử của *Dân Việt*. Vùng nầy bị kết chung với miền bắc, mà Trung Hoa gọi là Trung Nguyên.[46]

Miền Nam Dương Tử có *Nước Việt*, thủ đô là Cối Kê

---

[44] *Xem* tr 170 : 8.2.4.

[45] *Xem* tr 163 : 8.1.1-1.2.

[46] *Xem* tr 174 : 8.3.1.

(do Đại Vũ thành lập từ 1600 năm trước), trở thành hùng mạnh. Năm 2396 tH, *473 ttl*, Việt Câu Tiển tiến lên phía bắc, chiếm nước Ngô.[47]

Dân Việt Lạc ở vùng Đồng Đình và Việt Thượng vẫn tiếp tục phát triển trong thanh bình, và sáng tạo nhiều tuyệt tác tri thức cũng như kỹ thuật.[48]

Dân Việt Lạc đã *đánh thắng* 50 vạn *quân Tần*. Năm 2665 tH, *214 ttl*, Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư kéo tinh nhuệ, vừa thống nhất Trung Nguyên, xâm lăng vùng đất Việt Lạc. Đây là lần đầu tiên Việt Lạc bị ảnh hưởng của Trung Hoa. Nhưng sau 3 năm, Đồ Thư bại trận và bị giết.[49]

b. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 4B

1. *Nước Việt Chiết Giang*. Việt Câu Tiển là một trong Ngũ Bá thời Xuân Thu. (hình).

Thanh kiếm của Việt Câu Tiển

2. *Việt Lạc đánh bại* 50 vạn *quân Tần*. Đoàn quân của Tần Thủy Hoàng bị đại bại ở Việt Lạc. (hình).

---

[47] *Xem* tr 175 : 8.3.2b.

[48] *Xem* tr 177 : 8.4.2.

[49] *Xem* tr 178 : 8.4.3.

50 vạn quân Tần Thủy Hoàng

* *

6.3 Thời Hùng 4C : 27 năm, 2672-2699 tH, *207-180 ttl* - Việt Lạc với Triệu Đà

a. Nước Nam Việt - Kết thúc Thời Hùng

Năm 2672 tH, *207 ttl*, tướng Triệu Đà chiếm vùng Quảng Đông và Quảng Tây của Việt Lạc, thành lập nước Nam Việt.

Tuy nhiên, vì muốn lập một đế quốc riêng, Triệu Đà đã tự mình thay đổi theo phong tục, cách sống của Dân Việt Lạc.[50]

Đang khi đó, vùng Việt Lạc Đồng Đình còn có Trường Sa Vương, vùng Việt Lạc Sông Hồng, trung tâm của Việt Lạc, còn có Vua An Dương.

Năm 2699 tH, *180 ttl*, với kế cho Trọng Thủy ở rể làm gián điệp, Triệu Đà chiếm Thành Ốc, trị sở của Việt Lạc.

Thời Hùng kết thúc.[51]

---

[50] *Xem* tr 184 : 9.1.2a.

[51] *Xem* tr 185 : 9.1.2b.

b. Di tích Tiêu biểu Thời Hùng 4C

1. *Truyền kỳ Mỵ Châu*. Kinh nghiệm mất nước đã trở thành Truyền kỳ dạy Việc Giữ Nước. (bản đồ).

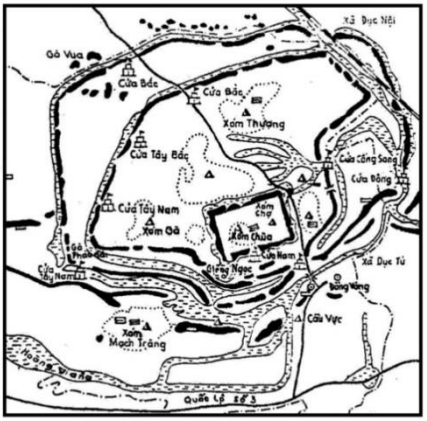

Di tích Thành Ốc - Cổ Loa (gần Hà Nội)

2. *Tượng Mỵ Châu không đầu*. Vì trọn tình Nhà, Mỵ Châu được thờ kính. Nhưng vì có trách nhiệm trong việc làm mất Nước, (bị chém đầu), và được thờ với tượng không đầu. (hình).[52]

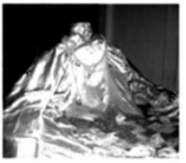

Tượng Mỵ Châu ở Cổ Loa

* * * *

[52] Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 9.

7. THỜI SUY VI : 1086 NĂM, 2699-3785 tH, *180 ttl - 906 dl*

Thời Suy Vi có 5 giai đoạn :

7.1 Thời Phụ Dung, 210 năm, 2699-2909 tH, *180 ttl - 30 dl*

Trong 69 năm, 2699-2768 tH, *180-111 ttl*, vùng Sông Hồng (và trong 96 năm, 2672-2768 tH, *207-111 ttl*, các vùng Nam Việt), dầu sống dưới triều Nhà Triệu, dân Việt Lạc vẫn tiếp tục sống nếp sống và thể chế của Tổ Tiên, nên chỉ là một nước phụ dung.[53]

Từ 2768-2909 tH, *111 ttl-30 dl*, Nam Việt trở thành một nước phụ dung đóng thuế cho triều Hán. (Như việc triều cống của các thời sau).[54]

Năm 2909 tH, *30 dl*, Việt Lạc bị Hán Quang Vũ đưa quan lại tới trực tiếp cai trị, áp đặt chính sách Trung Hoa.[55]

* *

[53] *Xem* tr 187 : 9.2.2b. - Đọc thêm *Việt Sử Toàn Thư*, tr 58; và tr 86-87.

[54] *Xem* tr 186 : 9.2.2a. - Đọc thêm *Việt Sử Toàn Thư*, tr 101-102, 105.

[55] *Xem* tr 187 : 9.2.3. - Đọc thêm *Việt Sử Toàn Thư*, tr 106.

7.2 Nhà Trưng, 13 năm, 2909-2922 tH, *30-43 dl* : Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam

a. Nhà Trưng

Từ năm 2909 tH, *30 dl*, toàn thể Việt Lạc đã vùng lên chống giặc Hán, Đức Trưng Trắc trở thành Thủ Lãnh.[56]

Năm 2919 tH, *40 dl*, Việt Lạc tái chiếm toàn thể vùng đất Việt Lạc. Ngày nay, ngoài phần đất Nước ta, còn gồm Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, Vân Nam, Quí Châu, Hồ Nam, và một phần Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Giang Tây, Phúc Kiến.

Đây là phần đất thuộc hai Vùng Đồng Đình và Lĩnh Nam. Vì vậy, Đức Trưng Vương được tôn xưng là Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.[57]

b. Di tích Tiêu biểu Thời Nhà Trưng

Trong 2000 năm qua, dân Việt Lạc khắp nơi, *từ Mê Linh tới Hồ Đồng Đình*, đều lập đền thờ thờ kính Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam. (hình).

---

[56] *Xem* tr 188 : 9.3.1. - Đọc thêm *Việt Sử Toàn Thư*, tr 107.

[57] *Xem* tr 189 : 9.3.2 và bản đồ tr 189.

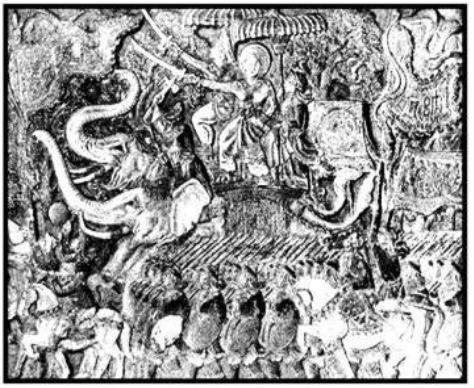

* *

7.3 Bắc Thuộc lần 1, 498 năm, 2922-3420 tH, *43-541 dl*

Năm 2922 tH, *43 dl*, giặc Hán áp đặt chế độ trực trị, khởi đầu thời Bắc thuộc.[58]

Từ 2922-3420 tH, *43-541 dl*, dài 498 năm, sự lệ thuộc có nhiều giai đoạn và nhiều tình huống khác nhau, tùy theo tình hình và những thay đổi triều đại, đặc biệt tùy những xáo trộn trong nội bộ Trung Hoa.

Đây cũng là thời kỳ giặc Tàu cướp phá, soán đoạt, mạo nhận, cũng như xóa bỏ nguồn gốc những gì hay tốt, không chỉ vật dụng, mà còn cả nền văn minh, học thuyết, văn hóa của Việt Lạc, đặc biệt của Việt Lạc Sông Hồng.

Bà Triệu khởi nghĩa, năm 3127 tH, *248 dl*.[59]

* *

[58] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, tr 115.

7.4 Nhà Tiền Lý, 61 năm, 3420-3481 tH, *541-602 dl*

Đức Nam Việt Đế, (Lý Nam Đế), khởi nghĩa năm 3420 tH, *541 dl*, thành công từ năm 3423 tH, *544 dl*. Lần đầu tiên sách vở Trung Hoa ghi lại một vua Việt Lạc với Đế hiệu. Niên hiệu là Thiên Đức, quốc hiệu là Vạn Xuân.

Nhà Tiền Lý dài 61 năm.[60]

* *

7.5 Bắc Thuộc lần 2, 304 năm, 3481-3785 tH, *602-906 dl*

Mai Hắc Đế, khởi nghĩa năm 3601 tH, *722 dl*.[61]

Bố Cái Đại Vương, khởi nghĩa năm 3670 tH, *791 dl*.[62]

* *

7.6 802 năm Bắc Thuộc

Bắc thuộc lần 1, 2922-3420 tH, *43-541 dl*, gồm 498 năm.

Bắc thuộc lần 2, 3481-3785 tH, *602-906 dl*, gồm 304 năm.

Tổng cộng 2 lần Bắc thuộc là *802 năm*.

* * * *

---

[59] Đọc thêm *Việt Nam Sử Lược*, q1, tr 44.

[60] Đọc thêm *nt*, tr 53.

[61] Đọc thêm *nt*, tr 59.

[62] Đọc thêm *nt*, tr 60.

8. THỜI PHỤC HƯNG : TỪ 3785 tH, *906 dl*

8.1 Từ năm 3785 tH, *906 dl*

Từ năm 3785 tH, *906 dl*, dân Việt vùng Giao Châu, Bắc phần Việt Nam ngày nay, giành quyền tự trị, mở đầu thời Phục Hưng nền tự chủ và nếp sống Việt. Từ đó, ranh giới phía bắc của Giao Châu trở thành ranh giới nước Đại Việt.

Năm 3785 tH, *906 dl*, Khúc thừa Dụ được dân bầu ('chúng cử') thành thủ lãnh cai trị Giao Châu. Năm sau, quân Tàu kéo qua, nhưng đại bại. Năm 3810 tH, *931 dl*, tướng Dương Diên Nghệ nối tiếp cuộc khởi nghĩa.[63]

Năm 3817 tH, *938 dl*, tướng Ngô Quyền đại thắng giặc Nam Hán ở sông Bạch Đằng, thành lập Nhà Ngô.[64]

Từ đây, tuy cần được nhuận chính theo đúng tinh thần tự chủ, nhưng đã có nhiều tài liệu Việt Nam.

* *

[63] Đọc thêm *nt*, tr 66.

[64] Đọc thêm *nt*, tr 67

8.2 Tộc Việt năm 4879 tH, *2018 dl*

	Dân số	Vùng đất	
		km²	sqm
Việt Nam	95.000.000	331.000	127.760
Nam Trung Hoa	906.000.000	2.829.000	1.091.990
Myanmar	54.000.000	677.000	261.300
Thái Lan	69.000.000	513.000	198.000
Lào	7.000.000	238.000	91.860
Đài Loan	23.000.000	36.000	13.890
Thế Giới	30.000.000	---	---
TỔNG SỐ	**1.184.000.000**	**4.624.000**	**1.784.864**

(bản đồ).

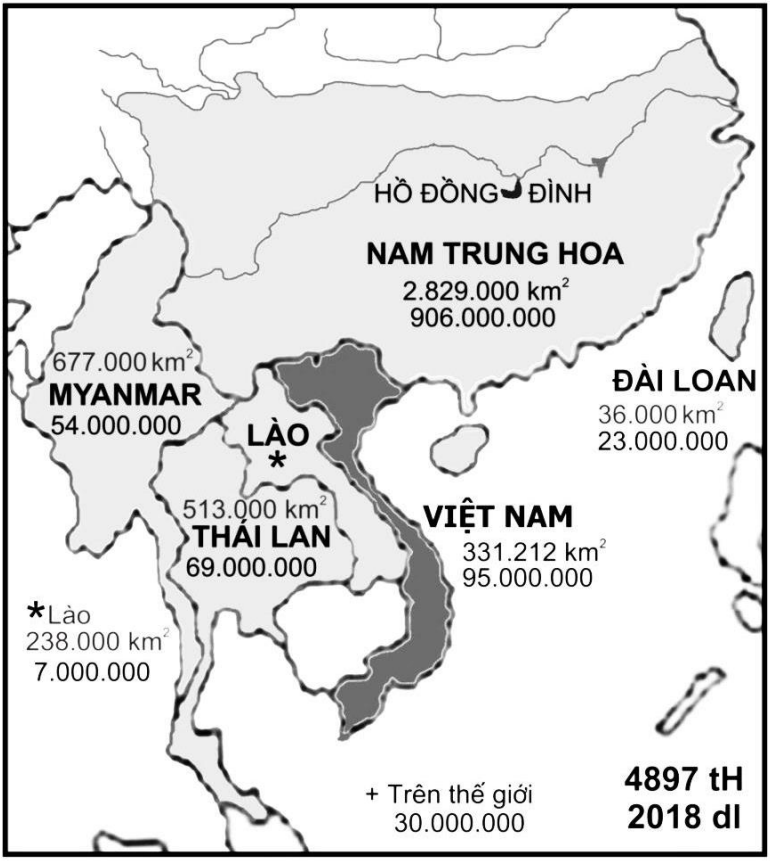

TỘC VIỆT năm 4897 tH, 2018 dl - 1.184.000.000 Người
4.624.000 km² / 1.784.864 sqm

PHẦN 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ, VĂN HÓA

11

BỐN CHỮ VIỆT LINH THIÊNG

Kính dâng Tổ Tiên Linh Hiển

Bốn chữ 'Việt' gồm tóm toàn thể Lịch Sử và Văn Hóa Việt. Chữ Việt 越 ghi nhận 7000 năm Khởi nguyên Tộc Việt, chữ Việt 粵 4200 năm Văn hiến, văn học và chính trị, của Việt Lạc, chữ Việt 鉞 3000 năm Tuyệt kỹ và triết học của Việt Lạc, và chữ Việt Việt của Việt Nam hiện tại và tương lai, từ năm 2000 dl.

1. 7000 NĂM

Trải hơn 7000 năm, từ Hai Ngài Khởi Tổ, từ vùng Hồ Đồng Đình, Tộc Việt đã phát triển thành một Tộc Dân đông đúc và trỗi vượt.

Trong kho tàng vô giá của Tổ Tiên, tên 'Việt' và chữ viết tên 'Việt' lại là di sản linh thiêng và quý báu nhất. Trong tên và chữ 'Việt', Tổ Tiên đã lưu truyền trọn vẹn tinh hoa và niềm hãnh diện của Dòng Tộc.

* * * *

2. BA CHỮ VIỆT XƯA

Thời trước, chúng ta có 3 chữ để viết tên Việt : 越, 粵, 鉞.

2.1 Chữ Việt Vượt Biển 越

Biệt tài trên sông nước là niềm hãnh diện của Tộc Việt từ thời ở vùng Hồ Đồng Đình cho đến hiện nay.

Trên đường nam tiến và đi về giữa Tây Giang và Sông Hồng, tài vẫy vùng sông hồ ở Đồng Đình đã phát triển thành tuyệt nghệ vượt biển. [1]

Vì vậy, hình ảnh vị Thủ Lãnh chỉ huy trên Thuyền vượt biển đã trở thành hình ảnh biểu hiệu đặc biệt và linh thiêng cho tài năng và niềm tin của dân Việt. Từ đó, hình ảnh nầy trở thành chữ Việt 越. (hình).[2]

Tuy nhiên, chữ Việt nầy đã được dùng để chỉ toàn thể Tộc Việt, kể từ thời Khởi nguyên, *5000 ttl.*

* *

2.2 Chữ Việt Sách Lạc 粵

Theo truyền thuyết, năm Đế Nghiêu thứ 5, 688 tH,

---

[1] *Xem* tr 61 : 3.5.

[2] *Xem* chi tiết tr 64 : 3.5.3b.

2191 ttl, Sứ giả Việt Thượng dâng Rùa Thần ngàn năm, trên mu có khắc chữ về chuyện trời đất vận chuyển và lịch trình cày cấy.[3]

Đại Vũ cũng được Rùa Thần tặng Sách Lạc năm 809 tH, *2070 ttl*. Sách Lạc được biểu trưng bằng 9 nhóm chấm trên lưng Rùa Thần. (hình).[4]

Vào thời thành lập nhà Chu năm 1833 tH, *1046 ttl*, Chu Văn Vương cũng học Sách Lạc, và viết Kinh Dịch.

Trong mấy ngàn năm qua, Sách Lạc được tôn xưng là Sách Thần.

Hãnh diện với trình độ văn minh và văn hóa tiên tiến, Dân Việt Lạc Sông Hồng, Việt Nam ngày nay, đã dùng chính hình ảnh 'Rùa Thần mang Sách Lạc' làm biểu hiệu của mình.

Từ đó, hình 'Sách Lạc trên lưng Rùa Thần' trở thành chữ 'Việt' 粵 của Việt Thượng, chữ 'Việt Sách Lạc'. (hình).[5]

* *

[3] *Xem* tr 88 : 4.4.3e.

[4] Về Sách Lạc, *xem* tr 103 : 5.3.3a.

2.3 Chữ Việt Đồ Đồng 鉞

Thời Đồ Đồng của Việt Lạc đã bước vào thời tuyệt kỹ của kỹ thuật đúc trống đồng năm 1879 tH, *1000 ttl*.[6]

Qua trang trí, hoa văn, và hình dạng độc đáo của Thạp và Trống Đông Sơn, đặc biệt của Thạp Đào Thịnh và Trống Ngọc Lũ, Tổ Tiên Lạc Hồng đã mã hóa và lưu truyền toàn bộ ý niệm và học thuyết Việt.

Hãnh diện với kỹ thuật tuyệt hảo trong nghệ thuật đúc đồng, và nhất là để ghi nhớ việc lưu truyền các Học thuyết trên thạp và trống đồng, Tổ tiên Việt Nam đã tạo thêm một chữ 'Việt' mới.

Thay vì dùng hình ảnh vị Thủ Lãnh 戉 và phần Lái Thuyền vượt biển 走 thành chữ Việt **越**, Tổ Tiên dùng hình vị Thủ Lãnh với chữ Kim **金**, đồ đồng, thành chữ Việt **鉞**. (hình).

* * * *

[5] *Xem* chi tiết tr 104 : 5.3.3c..

[6] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 27 : 2.4.4a.

3. Ý NGHĨA 3 CHỮ VIỆT

3.1 Ba chữ Việt 3 Giai Đoạn

Chữ Việt Vượt Biển 越 là chữ Việt đánh dấu thời lớn mạnh của Việt Thượng, và vượt biển tới vùng Sông Hồng. Tuy nhiên, từ nhiều ngàn năm qua, chữ Việt nầy chỉ toàn thể người Tộc Việt, khởi nguyên cách đây *7000 năm*.

Chữ Việt Sách Lạc trên lưng Rùa Thần 粵 là chữ Việt phổ biến chữ viết, kỹ thuật, học thuyết, và văn hóa Việt Lạc Sông Hồng, - chữ Việt ơn ích giúp Đế Nghiêu năm *2191 ttl* và các thời sau, - chữ Việt *4200 năm Văn Hiến Việt Lạc* rạng ngời. (2191 + 2013 = 4204).

Chữ Việt Đồ Đồng 鉞 là chữ Việt Thạp Trống Đông Sơn tuyệt kỹ, - chữ Việt của Dân Lạc xác chứng tinh hoa kỹ thuật Lạc Hồng từ năm *1000 ttl*, - chữ Việt lưu chứng *3000 Năm Kỹ thuật Việt Lạc* xuất chúng và *Học thuyết Việt Lạc* cao siêu. (1000 + 2013 = 3013).

* *

3.2 Ba chữ Việt 3 Đặc Trưng

Chữ Việt Vượt Biển 越 là chữ Việt của Dân Việt lướt sóng dưới sự hướng dẫn và phù hộ của Tổ Tiên, (các đàn chim) - chữ Việt từ Đất Tổ Đồng Đình vượt rừng vượt biển, tung cánh khắp bốn phương, - chữ Việt quyết tâm, tinh lanh, dũng cảm, - chữ Việt tự hào của toàn thể Tộc Việt.

Chữ Việt Sách Lạc 粵 là chữ Việt của Việt Lạc thấu suốt việc đất trời cao siêu, (với Đế Nghiêu) - chữ Việt chỉ dạy các Thánh Vương an dân thịnh nước, (với Đại Vũ) -

chữ Việt giải quyết mọi biến dịch trong cuộc sống, (với Chu văn Vương, sách Dịch) - chữ Việt đem thanh bình, thịnh vượng, và hạnh phúc cho con người.

Chữ Việt Đồ Đồng 鉞 là chữ Việt của Việt Lạc hãnh diện nền văn minh đồ đồng tinh xảo hơn ngàn năm, - chữ Việt thêm lẫy lừng với những tuyệt tác Đông Sơn, - chữ Việt bảo chứng kỹ thuật và nghệ thuật Tộc Việt, - chữ Việt tàng trữ văn minh và tinh hoa các Học Thuyết vô giá của Lạc Hồng.

* *

3.3 Ba chữ Việt 3 Sắc Thái

Ở phương diện khác,

Chữ *Việt Vượt Biển* 越 là *Chữ Việt Thần Võ*, - chữ Việt khai phá, thắng vượt, - chữ Việt trị an diệt tà, - chữ Việt cường thịnh.

Chữ *Việt Sách Lạc* 粵 là *Chữ Việt Thánh Văn*, - chữ Việt an dân thịnh nước, - chữ Việt văn học nghệ thuật, - chữ Việt hạnh phúc.

Chữ *Việt Đồ Đồng* 鉞 là *Chữ Việt tuyệt kỹ*, - chữ Việt phát triển, văn minh, - chữ Việt thăng tiến kỹ nghệ, khoa học, - chữ Việt ấm no.

* *

3.4 Ba chữ Việt một Việt Nam

Cả 3 chữ 越 粵 鉞, gồm trọn 3 chữ, đều là Việt, là dân Việt, là Tộc Việt, là Việt Lạc.

Cả 3 chữ đều là Việt Thần Võ, Việt Thánh Văn, Việt

Tuyệt Kỹ, đều là Việt cường thịnh, Việt hạnh phúc, Việt ấm no.

Cả 3 chữ đều là Khởi nguyên Tộc Việt trỗi vượt, là Văn Hiến Việt Lạc rạng ngời, là Học Thuyết Việt Lạc cao siêu, là Kỹ thuật Việt xuất chúng.

Cả 3 chữ, gồm trọn 3 chữ, đều là Việt, Việt Lạc, Đại Việt, Đại Nam, Việt Nam.[7]

* * * *

4. CHỮ VIỆT QUỐC NGỮ

Đây là chữ *Việt* thứ tư, chữ *Việt* theo mẫu tự la tinh, - chữ *Việt* của Hiện Tại và Tương Lai, - chữ *Việt* theo cách viết thông dụng nhất của nhân loại hiện nay, - chữ *Việt* thời VIỆT NAM bừng sáng và tỏa chiếu khắp địa cầu. (hình).

VIỆT

Chữ VIỆT với nghĩa là Vượt, Vượt mọi chướng ngại, Vượt mọi biên giới, Vượt mọi rào cản văn hóa, chính trị, kinh tế, kỹ thuật, khoa học, quân sự, tôn giáo, chủng tộc... chữ Việt đến với mọi người, ở mọi nơi.[8]

---

[7] Ngoài 3 chữ *Việt*, còn có chữ *Lạc Rùa Thần* 龜 ghi dấu thời Tổ Tiên ta tới Sông Hồng và tên *Lạc*, năm *4000 ttl*, cách đây 6000 năm. *Xem* tr 67 : 3.5.3e.

Chữ *Hùng Chim Thiêng* 熊 ghi dấu khởi đầu Thời Hùng, năm *2879 ttl*, cách đây gần 5000 năm. Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 42 : 3.2.5.

Đây là *Chữ Việt Xuyên Vượt*, - chữ *Việt* của năm 4879 tH, năm *2000 dl*, của Thời Bảo Bình, - chữ *Việt* 7000 năm tích tụ tâm huyết và thần trí của Tổ Tiên, -chữ *Việt* của Dân Việt trở thành tác nhân thăng tiến Thế giới, - chữ *Việt* phổ biến nền Văn hóa Tình Người để vực dậy Loài Người, - chữ Việt thể hiện những kỳ diệu của Kỷ nguyên Bảo Bình.[9]

Đây là chữ ***Việt*** gồm trọn 4 chữ 越, 粵, 鉞, VIỆT, chữ Việt gồm trọn Thần Võ, Thánh Văn, tuyệt kỹ, và Xuyên Vượt, chữ *Việt* của Thế Hệ Hôm Nay trao truyền cho Con Cháu.

---

[8] *Siêu việt, ưu việt*.

[9] Đọc *Việt Nam thời Bảo Bình*, bài 11. - Kỷ nguyên Bảo Bình thể hiện thời 2000-4000 dl.

12

NGUỒN GỐC TIÊN RỒNG

LẠC LONG QUÂN VÀ ÂU CƠ : MƯU ĐỒ ĐỒNG HÓA TỘC VIỆT VÀO TỘC HOA

1. TỔNG QUAN

1.1. Con Cháu Tiên Rồng

a. Niềm Tự Hào

Từ ngàn xưa, dân Việt vẫn tự hào mình là *Con Cháu Tiên Rồng*.

Đây là niềm tự hào nền tảng của Nòi Giống. Đại chúng Việt luôn căn cứ vào nguồn gốc Tiên Rồng để thấy mình khác biệt, nếu không là trỗi vượt, đối với những giống dân khác.

Trong suốt lịch sử, niềm tự hào Tiên Rồng đã trở thành nền tảng thâm sâu nhất của tâm hồn Dân Việt.

Vì vậy, bài nói về Khởi Tổ phải là một bản ca tụng ơn đức thần thánh của Các Ngài, những ân đức mà mấy trăm

triệu con cháu được hưởng nhờ trong suốt 7000 năm qua.

b. Tân học lúng túng

Tuy nhiên, ở thời gần đây, trong khi đại chúng Việt hãnh diện phát huy các biểu tượng của Tổ Tiên, thì lớp người tân học lại tỏ ra lúng túng trong việc giải thích Truyền kỳ.

Vì vậy, trước khi có thể đúc kết về Hai Ngài Khởi Tổ linh thiêng, chúng ta phải dài dòng nhận định về hiện trạng.

* *

1.2 Truyện Hồng Bàng

a. Bản văn

Hiện nay đối với người có học, nguồn gốc Con Cháu Tiên Rồng có thêm nhiều chi tiết căn cứ vào *Truyện Hồng Bàng*.

Phần nhận định nầy căn cứ trên *bản văn 'Truyện Hồng Bàng'* trích từ quyển *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp, được học giả Lê Hữu Mục dịch và xuất bản bằng chữ quốc ngữ năm 1960.

Bản gốc bằng chữ nho của quyển Lĩnh Nam Chích Quái là bản đã được Cụ Vũ Quỳnh hiệu chính năm 1492, cách đây hơn 500 năm.[1]

---

[1] Trước đây, khi chữ quốc ngữ chưa phổ thông, Truyện Hồng Bàng chỉ được một số ít nhà nho biết tới. Đại chúng đã

α

b. Tác giả Truyện Hồng Bàng

Theo dịch giả Lê Hữu Mục, "Maspéro chứng minh *Truyện Hùng Vương* (tên khác của Truyện Hồng Bàng) là truyện trích ở các tác phẩm Trung Hoa", ở cuốn *Thủy Kinh Chú* của Lịch Đạo Nguyên, viết năm 535 dl, và ở cuốn *Thái Bình Hoàn Vũ Ký* của Nhạc Sử, 930-1007 dl.[2]

* *

1.3 Lý do lúng túng

Sở dĩ có các phiền phức lúng túng trong việc giải thích Truyện Hồng Bàng, là vì nhiều lý do :

1. Truyện Hồng Bàng mặc nhiên được coi là bản văn về Nguồn gốc của Trăm Việt, mà không quan tâm tới Truyền thuyết được truyền tụng rộng rãi trong đại chúng Việt.

2. Thản nhiên chấp nhận bản văn một chuyện kể của năm 535 dl như là những biến cố lịch sử của 4000 năm trước đó.

3. Thản nhiên chấp nhận tất cả mọi chi tiết của một

α ——————

chỉ theo Truyền kỳ truyền miệng.

[2] *Lĩnh Nam Chích Quái*, do Trần Thế Pháp, bản dịch Lê Hữu Mục, xb Huế 1960, tr 16 và 19, và các ghi chú. - Maspéro: *Etudes d'Histoire d'Annam*, IV, BEFEO XVIII, 3, p. 6s.

Thủy Kinh Chú, q. 37. Thái Bình Hoàn Vũ Ký, q. 170, tr 9.

- Không có bất cứ một tài liệu nào nói về *Trần thế Pháp*. Chỉ có câu được Lê Quý Đôn, 1726-1784, ghi trong *Kiến Văn Tiểu Lục* là : "Lĩnh Nam Chích Quái tương truyền là tác phẩm của Trần Thế Pháp". Đọc *nt*, tr 9, 12.

chuyện kể về một Biểu tượng Văn hóa, như là những sự kiện lịch sử của thời tiền sử.

4. Truyện Hồng Bàng chứa đựng nhiều thâm ý hàm hồ về liên hệ chủng tộc và văn hóa giữa dân tộc Việt Nam và dân nước Trung Hoa.

5. Ngoài ra, những suy luận khiếm khuyết và thiên kiến cànglàm cho các giải thích và gán ghép thêm lố bịch.

* *

1.4 Tường Tận và Đích xác

Cần đặt vấn đề tường tận và đích xác về niềm tự hào Nguồn Gốc Con Cháu Tiên Rồng, và về những liên hệ của dân tộc Việt Nam với những dân tộc chung quanh, đặc biệt với người Tộc Hoa.

Vấn đề có thể được khảo sát dưới nhiều khía cạnh. Nhưng bài nầy chỉ đối chiếu nội dung bản văn Truyện Hồng Bàng với Truyền thuyết về Nguồn gốc Tiên Rồng được truyền miệng phổ quát trong đại chúng Việt.

* * * *

2. BẢN VĂN TRUYỆN HỒNG BÀNG

Nguyên văn Truyện Hồng Bàng, trích từ *Lĩnh Nam Chích Quái*, do Trần Thế Pháp, bản dịch Lê Hữu Mục, xb Huế 1960, tr 43-45.

* Để tiện việc theo dõi, *nguyên văn bản dịch* Truyện Hồng Bàng được đánh số thành 108 câu :

"[1]Cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh, sinh ra Đế Nghi,

[2]rồi đi nam tuần đến Ngũ Lĩnh,

[3]gặp được nàng con gái Vụ Tiên đem lòng yêu mến mới cưới đem về,

[4]sinh ra Lộc Tục, dung mạo đoan chính, thông minh túc thành;

[5]Đế Minh lấy làm lạ, cho nối ngôi vua; Lộc Tục cố nhường cho anh, Đế Minh lập Đế Nghi làm tự quân cai trị phương Bắc,

[6]phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, đặt quốc hiệu là Xích Quỉ Quốc.

[7]Kinh Dương Vương xuống Thủy phủ,

[8]cưới con gái vua Đồng Đình là Long Nữ,

[9]sinh ra Sùng Lãm

[10]tức là Lạc Long Quân;

[11]Lạc Long Quân thay cha để trị nước, còn Kinh Dương Vương thì không biết đi đâu.

[12]Lạc Long Quân dạy dân ăn mặc,

[13]bắt đầu có trật tự về quân thần tôn ty,

[14]có luân thường về phụ tử phu phụ;

[15]hoặc có lúc đi về Thủy phủ nhưng

[16]trăm họ vẫn được yên ổn.

[17]Dân lúc nào có việc cần thời kêu Lạc Long Quân : - Bố đi đàng nào, không đến mà cứu chúng ta,

[18](người Nam gọi cha bằng Bố, gọi quân bằng vua là từ đấy),

[19]thì Lạc Long Quân lập tức đến ngay, uy linh cảm ứng không ai có thể trắc lượng được.

[20]Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai cai trị phương Bắc; nhân khi thiên hạ vô sự,

[21]sực nhớ đến chuyện ông nội là Đế Minh nam tuần

[22]gặp được tiên nữ,

[23]Đế Lai bèn khiến Xi Vưu tác chủ quốc sự mà nam tuần qua nước Xích Quỉ,

[24]thấy Long Quân đã về Thủy phủ,

[25]trong nước không vua,

[26]mới lưu ái thê là Âu Cơ

[27]cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại.

[28]Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thế,

[29]trông thấy kỳ hoa dị thảo, trân cầm dị thú, tê tượng, đồi mồi,

[30]kim ngân, châu ngọc, hồ tiêu, nhũ hương, trầm đàn,

[31]các loại sơn hào hải vị không thứ nào là không có;

[32]khí hậu bốn mùa không nóng không lạnh,

[33]Đế Lai ái mộ quá, quên cả ngày về.

[34]Nhân dân nước Nam

[35]khổ về sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa,

[36]đêm ngày mong đợi Long Quân về nên mới đem nhau kêu rằng : - Bố ở phương nào, nên mau về cứu nhân dân.

[37]Lạc Long Quân bỗng nhiên lại về,

[38]thấy nàng Âu Cơ ở một mình, dung mạo đẹp lạ lùng, yêu quá,

[39]mới hóa ra một chàng nhi lang phong tư mỹ lệ, tả hữu thị tùng đông đảo, tiếng đàn ca vang đến hành tại.

[40]Âu Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo;

[41]Long Quân bèn rước nàng về núi Long Trang.

[42]Đế Lai về không thấy Âu Cơ bèn sai quần thần tìm khắp thiên hạ.

[43]Long Quân có thần thuật, biến hiện trăm cách,

[44]nào là yêu tinh quỉ mị, nào là long xà hổ tượng,

[45]kẻ đi tìm úy cụ, không dám lục đảo tận cùng.

[46]Đế Lai trở về Bắc, lại truyền ngôi cho Đế Du, cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bản Tuyền không hơn nên tử trận; họ Thần Nông bèn mất.

[47]Âu Cơ ở với Lạc Long Quân giáp một năm,

[48]sinh ra một bọc trứng,

[49]cho là điềm không hay

[50]nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày,

[51]trong bọc nở ra một trăm trứng,

[52]mỗi trứng là một con trai,

[53]nàng đem về nuôi nấng,

[54]không phải cho ăn, cho bú

[55]mà tự nhiên trưởng đại, trí dũng song toàn, ai cũng

úy phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường.

[56]Long Quân ở lâu dưới Thủy phủ;

[57]mẹ con ở một mình,

[58]nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh;

[59]Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tái;

[60]mẹ con không về Bắc được,

[61]ngày đêm gọi Long Quân : - Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ.

[62]Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp hai mẹ con ở Tương Dạ;

[63]Âu Cơ nói : - Thiếp vốn người Bắc,

[64]cùng ở một nơi với quân,

[65]sinh được một trăm trai

[66]mà không có gì cúc dưỡng,

[67]xin cùng theo nhau chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vò võ.

[68]Long Quân bảo : - Ta là loài rồng, sinh trưởng ở thủy tộc;

[69]nàng là giống tiên, người ở trên đất,

[70]vốn chẳng như nhau,

[71]tuy rằng khí âm dương hợp lại mà có con

[72]nhưng phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu.

[73]Bây giờ phải ly biệt,

[74]ta đem năm mươi trai về Thủy phủ

[75]phân trị các xứ,

[76]năm mươi trai theo nàng ở trên đất,

[77]chia nước mà cai trị,

[78]dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe,

[79]không được bỏ nhau.

[80]Trăm trai đều nghe mệnh, rồi mới từ giả mà đi.

[81]Âu Cơ cùng với năm mươi người con trai ở tại Phong Châu,

[82](bây giờ là huyện Bạch Hạc),

[83]tự suy tôn người hùng trưởng lên làm vua,

[84]hiệu là Hùng Vương, quốc hiệu là Văn Lang;

[85]về bờ cõi của nước thì Đông giáp Nam Hải, Tây đến Ba Thục, Bắc đến Hồ Động Đình, Nam đến nước Hồ Tôn Tinh

[86](bây giờ là nước Chiêm Thành),

[87]chia trong nước làm mười lăm bộ là : Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Quế Dương, Vũ Ninh, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Quế Lâm, Tượng Quận,

[88]sai các em phân trị,

[89]đặt em thứ làm tướng võ, tướng văn; tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng,

[90]con trai vua gọi là Quang [Quan] Lang, con gái gọi là

Mỵ Nương,

[91]quan Hữu ty gọi là Bồ Chính,

[92]thần bộc nô lệ gọi là nô tỳ, xưng thần là khôi,

[93]đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo, thay đời truyền cho nhau đều hiệu là Hùng Vương không đổi.

[94]Dân ở rừng núi xuống sông ngòi đánh cá, thường bị giao long làm hại nên bạch với vua.

[95]Vua bảo rằng : - Núi và loài rồng cùng với thủy tộc có khác, bọn chúng ưa đồng mà ghét dị cho nên mới xâm hại.

[96]Bèn khiến lấy mực chạm hình trạng thủy quái ở thân thể, từ đó tránh được nạn giao long cắn hại;

[97]cái tục văn thân [vẽ mình] của Bách Việt thực khởi thủy từ đấy.

[98]Ban đầu quốc dân ăn mặc chưa đủ, phải lấy vỏ cây làm áo mặc, dệt cỏ ống làm chiếu nằm;

[99]lấy gạo ngâm làm rượu, lấy cây quang lang, cây soa đồng làm bánh;

[100]lấy cầm thú, cá tôm làm nước mắm, lấy rễ gừng làm muối;

[101]lấy dao cày, lấy nước cấy; đất trồng nhiều gạo nếp, lấy ống tre thổi cơm;

[102]gác cây làm nhà để tránh nạn hổ lang;

[103]cắt ngắn đầu tóc để tiện vào rừng núi,

[104]con đẻ ra lót lá chuối cho nằm;

[105]nhà có người chết thì giã gạo để cho hàng xóm nghe mà chạy đến cứu giúp;

[106]trai gái cưới nhau trước hết lấy muối làm lễ hỏi, rồi sau mới giết trâu dê làm lễ thành hôn, đem cơm nếp vào trong phòng cùng ăn với nhau cho hết, rồi sau mới thương thông;

[107]lúc bấy giờ chưa có trầu cau nên phải thế.

[108]Bách Nam là thủy tổ của Bách Việt vậy."

* * * *

3. NHẬN ĐỊNH PHẦN GIA PHẢ

3.1 Tóm Lược Gia Phả

a. Gia phả

Sau đây là tóm lược phần gia phả trong Truyện Hồng Bàng : vua Đế Minh, cháu ba đời của Viêm Đế, đi thăm dân vùng Ngũ Lĩnh, lấy Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục. Lộc Tục được Đế Minh cho làm vua vùng đất đông giáp Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến Hồ Đồng Đình, nam đến nước Hồ Tôn Tinh.

Lộc Tục lấy con vua Đồng Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm thay cha làm vua, lấy hiệu là Lạc Long Quân. Sùng Lãm cướp vợ yêu của Đế Lai tên là Âu Cơ.

Âu Cơ sinh cái bọc chứa 100 trứng, nở ra 100 con trai. Sùng Lãm đi vắng, Âu Cơ dẫn bầy con về Bắc Quốc, nhưng về không được, đành trở lại. Sùng Lãm chia con làm hai, 50 đứa theo Sùng Lãm xuống thủy phủ, 50 đứa

theo Âu Cơ ở lại trên đất để cai trị dân... Một trăm đứa con trai đó là những vị tổ đầu tiên của Trăm Việt.[3]

b. Những Điểm Chính

Như vậy, phần gia phả của Truyện Hồng Bàng có các điểm sau đây :

1. Sùng Lãm và Âu Cơ sinh 100 con trai, và chúng là thủy tổ của Bách Việt, được hiểu là của toàn thể Tộc Việt.

2. Bà Nội của Sùng Lãm tên là Vụ Tiên, ở vùng núi Ngũ Lĩnh.

3. Mẹ của Sùng Lãm là Long Nữ, và là con của vua Đồng Đình, ở thủy phủ.

4. Ông nội, ông cố, ông sơ của Sùng Lãm đều là người phàm, dòng vua, và đều là người Hoa, ở phương Bắc.

5. Sùng Lãm nối ngôi cha, lấy hiệu là Lạc Long Quân.

6. Âu Cơ là người Hoa, vợ của Đế Lai, dẫn con về Bắc quốc, mà về không được.

7. Trong 100 con trai, 50 đứa theo Sùng Lãm về ở thủy phủ, 50 đứa kia theo Âu Cơ ở lại Nước Nam và chia nước mà cai trị.

8. Dưới sự cai trị của dòng họ đó là đám dân đen đang phục vụ họ và đang bị họ phiền nhiễu.

---

[3] Vì tộc Hoa thành hình nhờ bộ tộc Chu tụ tập các bộ lạc du mục, nên giới thống trị Hoa cưỡng định rằng mọi tộc dân khác cũng đều do quí tộc Hoa phát sinh. - *Xem* tr 145 : 7.1.1a.

9. Địa phận vùng đất của Tộc Việt là vùng phía nam sông Dương Tử và vùng Ngũ Lĩnh.

10. Vùng đất nầy thuộc về vua Trung Hoa, nhưng chia cho Lộc Tục cai trị, nên được coi là phần đất Tộc Việt.

* *

3.2 Truyện Hồng Bàng Đánh lận Xảo quyệt

a. Bề ngoài Trùng hợp

Truyện Hồng Bàng ghi lại nhiều chi tiết bề ngoài có vẻ trùng hợp với Truyền thuyết lưu truyền phổ quát trong toàn thể dân Việt. Nhưng *bên trong luôn có chi tiết lệch lạc*.

1. Từ ngàn xưa, dân Việt coi mình là *Con Cháu Tiên Rồng*. Truyện Hồng Bàng lại ghi đó chỉ là do Bà Nội và Mẹ của Sùng Lãm. Bà nội của Sùng Lãm có tên với chữ Tiên (Vụ Tiên), và mẹ của Sùng Lãm có họ Long (Long Nữ) [câu số 3, 8].[4]

2. Từ ngàn xưa, dân Việt lưu truyền vùng đất khởi nguyên là *Hồ Động Đình*. Truyện Hồng Bàng cho đó chỉ là quê hương của Long Nữ [c.8].[5]

---

[4] Chữ *Long* là do chữ *Rồng* đọc theo giọng Hoa. Tiếng Hoa không có âm 'R' của tiếng Việt. Âm 'R' của Hoa, Việt nghe là 'L'. Tiếng Hoa cũng không có giọng, không có dấu : 'ồng' thành 'ong'.

Hán Việt Tự Điển do Đào Duy Anh, nxb Trường Thi, Sài gòn 1957, không có chữ âm 'R'. Trong *Hán Việt Tự Điển* do Thiều Chửu, nxb TP HCM 2002, bảng tra chữ cũng không có chữ 'R'.

3. Từ ngàn xưa, dân ta tự xưng là *Việt Lạc*. Truyện Hồng Bàng dùng đó mà đặt tên *hiệu* cho Sùng Lãm là Lạc Long Quân [c.10].

4. Dầu hoàn toàn ra ngoài văn mạch, Truyện Hồng Bàng cũng gán cho Lạc Long Quân nói với Âu Cơ : '*Ta là loài Rồng... nàng là giống Tiên*' [c.68, 69]. - Theo đúng văn mạch Truyện Hồng Bàng, Sùng Lãm phải nói : '*Ta hiệu là* Lạc Long Quân [c.10], *ta* có *bà nội tên tục là* Tiên [c.3], và *có mẹ tên họ là* Long [c.8], còn *nàng là* người phàm' [c.26].

5. *Biểu tượng Rồng* của dân Việt *ở* vùng sông biển, và *biểu tượng Tiên ở* vùng đất, núi. Truyện Hồng Bàng gán thêm đó là nơi cai trị của Lạc Long Quân và Âu Cơ [c.74-77].

6. Với *biểu tượng* '*50 con theo Mẹ, 50 con theo Cha*' của Truyền thuyết Việt, Truyện Hồng Bàng ấn định rằng 50 đứa theo cha về *ở* luôn thủy phủ, giao quyền cai trị dân Việt trong tay 50 đứa theo bà mẹ người Hoa [c.81, 83].

7. Theo Truyền thuyết Việt, Cha Rồng đã dặn '*Khi cần thì gọi, ta về ngay*'. Truyện Hồng Bàng cũng cho Lạc Long Quân trở về, nhưng để cướp vợ của người anh chú bác ruột [c.37-41].

8. Vùng đất Tộc Việt rộng lớn khắp toàn vùng, lên tới đường ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh. Truyện Hồng Bàng không chỉ hạn hẹp *lãnh thổ của dân Việt* vào phía nam Hồ Đồng Đình [c.85, 86], mà còn kể tên các bộ

---

[5] *Xem* tr 50 : 3.3.1 và bản đồ.

của mảnh đất nhỏ bé ở cực nam [c.87].[6]

9. Theo Truyền thuyết Việt, mọi người dân Việt đều có cùng nguồn gốc Tiên Rồng, đều từ *Một Bọc Trăm Con*. Truyện Hồng Bàng cho 100 trai là con của dòng họ *triều vua người Hoa* [c.1, 4-11, 47-48].

b. Thay đổi Nội dung

Như vậy, Truyện Hồng Bàng đã dựa trên một số điểm nồng cốt của Truyền Thuyết Việt để *thay đổi nội dung đích thực* của truyền thuyết.

Đây chính là ứng dụng xảo quyệt của sách lược '*Ngoại nho nội pháp*' trong chủ nghĩa Nô hóa Thiên hạ của giới thống trị Trung Hoa.[7]

* *

3.3 Truyện Hồng Bàng Mưu Đồ Đồng Hóa

Truyện Hồng Bàng không dừng lại ở chỗ đánh lận. Sau khi sửa đổi nội dung của Truyền thuyết Việt, Truyện Hồng Bàng mưu đồ *dùng chính Truyền thuyết Việt* để **đồng hóa toàn thể tộc dân Việt** và *toàn thể vùng đất* mấy ngàn năm của Tộc Việt thành của Trung Hoa.

a. Đồng hóa Tiên Rồng thành người tộc Hoa

Theo *Truyền thuyết* phổ quát trong toàn Việt Lạc, thì Tộc Việt do Bọc Trăm Con, có Mẹ là Tiên, có Cha là Rồng.

---

[6] *Xem* tr 49: 3.2 và tr 61 : 3.5.

[7] *Xem* tr 328 : 16.3.1.

Ở *Truyện Hồng Bàng*, 100 đứa trai có bà nội mang *họ* Long (Long Nữ), và bà cố nội có *tên* Tiên (Vụ Tiên). (Theo phụ hệ cực đoan, người Hoa cho rằng mẹ và bà không ảnh hưởng tới huyết thống của con cháu).[8]

Dòng họ nội của Sùng Lãm là dòng vua Trung Hoa, và tất cả đều là người phàm [c.1, 3, 5, 6, 8]. Lạc Long Quân chỉ là *hiệu* của Sùng Lãm [c.10].

Về phần Âu Cơ, nàng là vợ của vua phương Bắc Đế Lai [c.20]. Đế Lai 'nhớ đến chuyện ông nội là Đế Minh nam tuần gặp được *tiên nữ*.' [c.21-22], nên Đế Lai cũng đi tìm [c.23], và đưa Âu Cơ đi theo [c.26-27]. Như vậy, Âu Cơ không thể là Tiên.

Lại nữa, Âu Cơ luôn xác quyết nàng là người phương Bắc, người Hoa [c.63], trở về lại phương Bắc [c.58], mà về không được [c.60].

* Như vậy, bên ngoài có vẻ là Rồng, Tiên, nhưng thực sự *Lạc Long Quân và Âu Cơ là người Hoa 100%*. Ngoài ra, theo sách vở Trung Hoa, họ Âu mới xuất hiện năm *306 ttl*, sau Bà Tổ Tộc Việt gần 5000 năm.

b. Đồng hóa Trăm Họ Việt thành người tộc Hoa

Truyện Hồng Bàng kết thúc bằng câu : 'Bách nam là thủy tổ của Bách Việt vậy' [c.108].

Theo đó, 100 trai con của hai người Hoa Lạc Long

---

[8] Long Nữ có nghĩa là nàng họ Long. - Tác giả Truyện Hồng Bàng là người Hoa.

Quân và Âu Cơ đã là những vị tổ đầu tiên của Trăm Việt.

* Tuy nhiên, Truyện Hồng Bàng cũng đã ghi nhận rằng *trước khi có Trăm Trai đã có Trăm Họ* [c.12, 16, 17], và Trăm Họ đã sống thành một nước có vua quan [c.6, 11, 34], có quốc hiệu [c.6], có đời sống yên vui [c.16], đã ăn ngon mặc đẹp [c.30, 31], và trù phú hơn phương Bắc [c.29-33].

Như vậy, *làm sao 100 đứa con* của Sùng Lãm và Âu Cơ lại có thể là những vị *tổ đầu tiên* của muôn *triệu người đã sống trước chúng* từ mấy ngàn năm ?

c. Đồng hóa Lãnh thổ Việt thành Lãnh thổ Hoa

Tộc Việt sinh sống trên vùng Đồng Đình từ những năm *5000 ttl*, và tới Thời Hùng, từ năm *2879 ttl*, đã tỏa lan ra khắp vùng Nam Bắc lưu vực Sông Dương Tử. Như vậy, Dân Việt đã có mặt trong khắp vùng từ hơn 1800 năm trước khi tộc Hoa thành hình ở phương Bắc.[9]

Vậy mà Truyện Hồng Bàng lại cho rằng đó là lãnh thổ của người Hoa, thuộc quyền cai trị của dòng họ vua chúa người Hoa, và được chia cho đứa con lai Lộc Tục [c.2, 5, 6].

* Truyện Hồng Bàng đã *cướp toàn thể vùng đất rộng lớn của Tộc Việt* và đặt dưới quyền cai trị của dòng tộc Hoa.

* Với việc đặt tên hiệu cho 'Tổ' của Tộc Việt là *Lạc*

---

[9] Thời Hùng từ năm *2879 ttl*. Tộc Hoa thành hình năm *1046 ttl*. - *Xem* tr 74 : 4.2.1.

Long Quân [c.10], Truyện Hồng Bàng hạn hẹp Cha *Rồng sinh Trăm Con* thành Tổ của chỉ một nhánh *Lạc*. Tất cả các nhánh Việt khác đều đã bị coi là đồng hóa vào Trung Hoa.

** Tuy nhiên, như vậy Truyện Hồng Bàng cũng thêm chứng cứ cho Truyền thuyết *Trăm Con là của Việt Lạc*.

** Cũng vậy, cùng với ranh giới bờ cõi của Vua Hùng, Truyện Hồng Bàng xác nhận ranh giới của Việt Lạc 'Bắc đến Hồ Đồng Đình' [c.83].

d. Đồng hóa Văn hóa Việt vào văn hóa Hoa

Từ khởi nguyên cho tới cách đây chưa đầy hai ngàn năm, xã hội Tộc *Việt thiên về mẫu hệ*, con gái là chính, dòng họ đều theo bên mẹ, và theo tên họ của mẹ.[10]

Vậy mà *Truyện Hồng Bàng* kể dòng cha là chính. Tất cả dòng bên nội đều được ghi nhớ tỉ mỉ, với cả tên riêng và tên hiệu của từng người, [c.1, 3, 5, 6, 8], từ Đế Minh tới Lộc Tục, rồi Sùng Lãm, rồi 100 trai. Trong khi đó, Truyện Hồng Bàng không biết tên ông bà ngoại, và cũng không có cả tên riêng của 'mẹ' Âu Cơ.[11]

Lại nữa, theo quan niệm mẫu hệ, *Lạc* phải là *tên của*

---

[10] *Xem* tr 59 : 3.4.6. - Ở phương Bắc, năm *221 ttl*, Tần Thủy Hoàng buộc đổi từ họ mẹ qua họ cha.

[11] Âu Cơ chỉ có nghĩa 'người đẹp Đất Âu', không phải tên riêng của một người. Lịch sử Trung Hoa còn có những Tần cơ, Vệ cơ, Sở cơ, Yến cơ...

Bà Tổ của dân Việt Lạc. Truyện Hồng Bàng lại đổi họ Lạc thành một phần trong *biệt hiệu* của 'cha' Sùng Lãm, Lạc Long Quân.

* Rõ ràng, Truyện Hồng Bàng đã *chuyển đổi truyền thống mẫu hệ* đương thời của dân Việt Lạc thành văn hóa phụ hệ của người Hoa.

e. Hủy hoại Truyền thống Việt

Điểm quan trọng nhất của *Truyền thuyết Việt* là biểu tượng Tiên Rồng được tôn thành *Hai Biểu Tượng Linh Thiêng*, biểu trưng cho Hai Ông Bà Tổ của Tộc Việt, vượt lên thời đầu lịch sử. Đồng thời, Bọc Trăm Con là *biểu tượng của xã hội* và Dòng Tộc Việt.

Truyện Hồng Bàng lại đặt Tiên, Rồng và Bọc Trăm Con vào *trong lịch sử*, và gán cho một loạt '*tổ tiên ông bà cha mẹ*' của Tiên và Rồng.

* Như vậy, Truyện Hồng Bàng *hủy hoại tính cách Biểu Tượng và Linh Thiêng* quan trọng nhất của Truyền thống Văn hóa Việt, và biến Truyền kỳ của Dân Việt thành phản tự nhiên, phản khoa học.[12]

* *

---

[12] Về Biểu Tượng Tiên Rồng, đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 2, đoạn 4.1, và bài 13.

Truyện Hồng Bàng còn xuyên tạc tính cách Biểu Tượng bằng việc giải thích tục xâm hình Long là để tránh thủy quái [c.96]. Có thể đánh lừa được thủy quái bằng hình vẽ sao ?

α

3.4 Truyện Hồng Bàng nặng lời Miệt thị Tộc Việt

Bản văn Truyện Hồng Bàng không chỉ mưu đồ đồng hóa nguồn gốc Việt, xâm chiếm lãnh thổ Việt, chuyển đổi văn hóa Việt, và hủy hoại truyền thống Việt, mà còn nặng lời miệt thị dòng giống Việt.

1. Sùng Lãm tuy là gốc Hoa, nhưng hắn lại là đứa *gian manh háo sắc và vô tâm*. Hắn dùng thủ đoạn chiếm đoạt vợ của người anh chú bác ruột [c.39, 43-45], và bỏ bê trách nhiệm làm vua [c.36-39, 56], làm chồng [c.57, 67], làm cha [c.65-66].

2. Cũng vậy, tuy là người Hoa, nhưng Âu Cơ *lăng loàn mất nết*, trốn vua, trốn chồng theo trai tơ [c.40-41]. Cả hai đứa đều vô luân.

3. Theo Truyện Hồng Bàng, toàn thể trăm đứa con đều nhận biết mình là dòng dõi người Hoa [c.63], và đều đã theo mẹ Âu Cơ đi về Bắc quốc [c.58]. Nhưng về không được [c.60], nên mới *đành phải ở lại* Nước Nam !

Và rồi, vì vua nước Nam nhẫn tâm bỏ về thủy phủ, nên chúng *đành phải* chia nhau *cai trị dân Nam !* [c.74, 76, 77].

4. Truyện Hồng Bàng mưu đồ muốn người Tộc Việt tin rằng mình gốc Hoa, nhưng *chính người Hoa* thì luôn coi dân Việt là '*Nam man*', là dân mọi rợ ở phương Nam,

α ———————

Tổ Tiên ta xâm hình Long lên người là để nhắc nhớ, tự hào, và hưởng nhận sức sống từ Biểu Tượng linh thiêng của Dòng Tộc Việt.

và không xứng đáng là người Hoa.

* * * *

4. MẸ TIÊN CHA RỒNG

4.1 Khởi Tổ

Khởi Tổ là Hai Vị đầu tiên đã sinh ra đàn con cháu phát triển thành Tộc Việt.

Theo đà sinh sôi của nhân loại, để thành một tộc dân đông đúc và phát triển như Tộc Việt hôm nay, Hai Vị Khởi Tổ có thể đã sống khoảng *7000 năm trước*.[13]

Ngày nay, chúng ta không còn dấu vết gì của Các Ngài. Nhưng sự hiện hữu của *mấy trăm triệu* con cháu Tộc Việt đã là bằng chứng hiển nhiên.

* *

4.2 Nhận thức về Con Người

a. Kính quý Mẹ Cha

Từ đầu Thời Hùng, cách đây 5000 năm, *người Tộc Việt* đã nhận ra mình là thành phần của một tộc dân lớn, không những bao trùm khắp các vùng phía nam Sông Hoài Tần Lĩnh, mà còn phát triển đặc biệt ở vùng Việt Thượng Sông Hồng.[14]

Với thời gian, *văn hóa Việt* thành hình và trỗi vượt với

---

[13] *Xem* tr 68 : 3.6.1.

[14] *Xem* tr 67 : 3.5.4.

những nhận định xác đáng về Con Người.

Qua cuộc sống thường ngày, Dân Việt nhận biết mỗi con người là một phối hiệp toàn vẹn của Mẹ và Cha. Mẹ Cha có những đặc tính riêng, nhưng lại bổ túc và hòa hiệp đồng đều trong mỗi Con Người.

Cha nổi bật với sức sống dũng mãnh và tài trí biến hóa, Mẹ thì hiền dịu yêu thương và cảm thông linh mẫn.

Trong tình kính quý và hãnh diện, dân Việt *coi Mẹ là Bà Tiên* và *gọi Cha là Ông Rồng*. Tiên Rồng trở thành *Biểu Tượng* của Mẹ của Cha, *Mẹ Tiên Cha Rồng*, mà cũng biểu trưng những đặc tính nền tảng của từng Con Người.[15]

b. Anh Em Một Bọc

Kinh nghiệm sống với Mẹ Cha đưa tới nhận định : cuộc sống con người luôn tùy thuộc vào người khác. Con người không thể sống trọn vẹn nếu không chung sống với những con người khác. Đó là *đặc tính Xã Hội bẩm sinh* của Con Người.

Cuộc sống với Gia đình, với Mẹ Cha anh chị em, đưa tới hai nhận định nền tảng cho cuộc sống xã hội. Đó là con người hoàn toàn bình đẳng và thương nhau tận tình, như giữa những người có cùng một Mẹ một Cha, và được sinh ra cùng một lần.

Những nhận định tuyệt vời đó đưa tới *hình ảnh biểu*

---

[15] Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 2, đoạn 4.1 và 4.2.

tượng Mọi Con Người đều đã được *Mẹ Tiên Cha Rồng* sinh ra cùng một lần, trong *Một cái Bọc* chứa *Một Trăm Anh Em*.[16]

c. Biểu Tượng cao quý

Theo đà phát triển, với tình kính quý và biết ơn sâu xa đối với Hai Vị Tổ Đầu Tiên của Tộc Việt, Tổ Tiên ta đã *tôn Hai Ngài thành Biểu Tượng Tiên Rồng Linh Thiêng* cao quý nhất của Dân Việt.

Dân Việt âu yếm gọi Hai Ngài Khởi Tổ là *Mẹ Tiên* và *Cha Rồng*, tự xưng là Con Cháu Tiên Rồng, và vui sướng *gọi nhau là Anh Em* cùng Một Bọc, *đồng bào*.[17]

* *

4.3 Hai Ngài Khởi Tổ Linh Thiêng

Hai Ngài Khởi Tổ Tiên Rồng chính là Biểu Tượng Linh Thiêng nhất và là niềm tự hào cao cả nhất trong tâm hồn mọi người dân Việt.

Giờ đây, *Hồn Thiêng* của Hai Ngài vẫn linh hiển, và với *sứ mạng* Trời ban sinh ra cả một giống dân đông đúc trỗi

---

[16] Đọc *nt*, bài 2, mục 5.2.

[17] Chứ không phải là hai người Hoa 'Lạc Long Quân' và 'Âu Cơ'. Chúng đã được tên quan lại Trung Hoa Lịch Đạo Nguyên bịa đặt cách đây chưa đầy 1600 năm.

Đồng bào : Đồng là cùng, chung. Bào là Bọc Mẹ, cái nhau, bào thai. Mọi người đều là Anh Em cùng Một Bọc Tiên Rồng. - Đọc *nt*, bài 10, mục 5.2b gc.

vượt, là Tổ trên hết các Tổ của Tộc Việt, là Nguồn Sinh mọi Thánh Thần Anh Linh Việt, Hai Ngài cao trọng và uy thế khôn tả, đáng để mọi người *tôn vinh và cầu khẩn*.

* *

4.4 Nguồn gốc Tộc Việt : Truyền kỳ Tiên Rồng

Để ghi nhớ ơn đức của Hai Ngài Khởi Tổ, và lưu lại bài học nền tảng tuyệt vời của Văn hóa Việt, Nguồn gốc Tộc Việt cũng được truyền thống Văn hóa Việt thăng hoa, kết tinh thành *Truyền kỳ Tiên Rồng*, và đã được truyền miệng phổ quát trong toàn thể đại chúng Việt, xuyên qua suốt mấy ngàn năm :

"Giống dân Việt khởi nguồn từ khi Bà Tiên và Ông Rồng phối hiệp nhau, và Bà Tiên sinh ra cái bọc chứa một trăm người con.

'Sau đó Ông Rồng nói với Bà Tiên : 'Ta là giống Rồng, nàng thuộc dòng Tiên, nên nàng đem năm mươi con lên núi, ta đem năm mươi con xuống biển. Khi cần thì gọi, ta về ngay.'

'Từ đó dòng giống Việt ngày một phát triển."

13

18 VUA HÙNG
9 VUA HÙNG BÀ - 9 VUA HÙNG ÔNG

1. TỘC VIỆT VÀ TỘC HOA

1.1 Tộc Việt Thời Khởi nguyên

Tộc Việt khởi nguyên nhờ Hai Ông Bà Khởi Tổ ở Hồ Đồng Đình, phía nam trung lưu sông Dương Tử, khoảng năm *5000 ttl*, cách đây 7000 năm. Trong 2000 năm đầu, dân Việt đã tỏa lan khắp vùng. Phía Nam xuống tới vùng Sông Hồng.[1]

Theo điều kiện địa lý và khí hậu, theo di tích khảo cổ của thời cách đây 5000 năm, vùng Á Đông Xưa có 2 trung tâm phát triển nông nghiệp Lúa Nước là vùng Hồ Đồng Đình và vùng Sông Hồng.

Vùng nông nghiệp Lúa Nước phát triển ở những đồng bằng nhiều nước, nhiều mưa, nhiều nắng ấm. Do đó, có

---

[1] *Xem* tr 61 : 3.5.

nhiều thổ sản, thủy sản, phương tiện... khác hẳn vùng khô cằn giá lạnh.

Như nhiều vùng khác trên thế giới, vùng nông nghiệp lúa nước cũng là nguồn phát xuất những truyền thuyết súc tích, thâm thúy, và xa xưa nhất của nhân loại hiện nay.[2]

* *

1.2 Tộc Hoa khởi nguyên

Ngày nay, lịch sử đã xác định Tộc Hoa thành hình do việc bộ lạc Chu tập họp một số bộ lạc du mục vùng Thiểm Tây, phía tây bắc đường ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh, rồi thành lập Nhà Chu năm *1046 ttl*, cách đây 3000 năm.[3]

Thiểm Tây là vùng đồng cỏ khô cằn giá lạnh, chỉ thích hợp với nghề chăn nuôi du mục, trồng lúa khô, lúa mạch, bo bo, bắp... và phát sinh ra nền văn hóa gốc du mục.[4]

Khi tụ họp và thành hình Nhà Chu, tộc Hoa chỉ là những bộ lạc du mục lạc hậu sơ khai. Họ chưa có những tập họp đông đúc, chưa có hình dạng tổ chức xã hội phức tạp, chưa thể chiếm lĩnh những vùng đất riêng.

Về phương diện văn hóa, họ chưa tới thời kỳ ghi nhận

---

[2] Như vùng Lưỡng Hà nay thuộc Iraq, và vùng hạ lưu sông Nile ở Ai Cập.

[3] *Xem* tr 145 : 7.1.

[4] *Xem* tr 37 : 2.4.4-4.6.

và sáng tạo những truyền thuyết súc tích, mạch lạc, và có hệ thống. (bản đồ).

Hai Vùng NAM BẮC Trung Hoa
với đường ranh thiên nhiên SÔNG HOÀI - TẦN LĨNH

* * * *

2. THỜI HÙNG

2.1 Hai nguồn Truyền thuyết Việt, Hoa

a. Truyền thuyết Việt Lạc : Thời Hùng *2879-180 ttl*

Theo truyền thuyết Việt Lạc, Thời Hùng khởi đầu từ năm *2879 ttl*. Năm *2879 ttl* đánh dấu sự kiện Tộc Việt đã tỏa lan trên khắp vùng đất rộng lớn từ Hồ Đồng Đình, ra tới biển, Bắc giáp ranh thiên nhiên Sông Hoài Tần Lĩnh, Tây tới Sông Cửu Long, và phía Nam tới vùng đường ranh Hải Vân.[5]

Thời Hùng chấm dứt năm *180 ttl*, khi đoàn quân của Triệu Đà chiếm đóng Cổ Loa, trị sở của Việt Lạc.[6]

b. Sách vở Trung Hoa

Theo sách vở Trung Hoa, thời Tam Hoàng khởi đầu năm *2852 ttl*.

Như vậy, Thời Hùng của Việt Lạc gồm trọn các thời Tam Hoàng, Ngũ Đế, Hạ, Thương, Chu, Tần và 26 năm đầu Nhà Hán của sách vở Trung Hoa.

Như vậy, tộc Hoa, thành hình năm *1046 ttl*, sau thời Tam Hoàng Ngũ Đế hơn 1800 năm.

Như vậy, tất cả truyền thuyết thời trước *1046 ttl*, và những truyền thuyết thuộc nền văn hóa lúa nước, không phải là của Tộc Hoa du mục. (bản đồ).

---

[5] *Xem* tr 67 : 3.5.4.

[6] *Xem* tr 184 : 9.1.2.

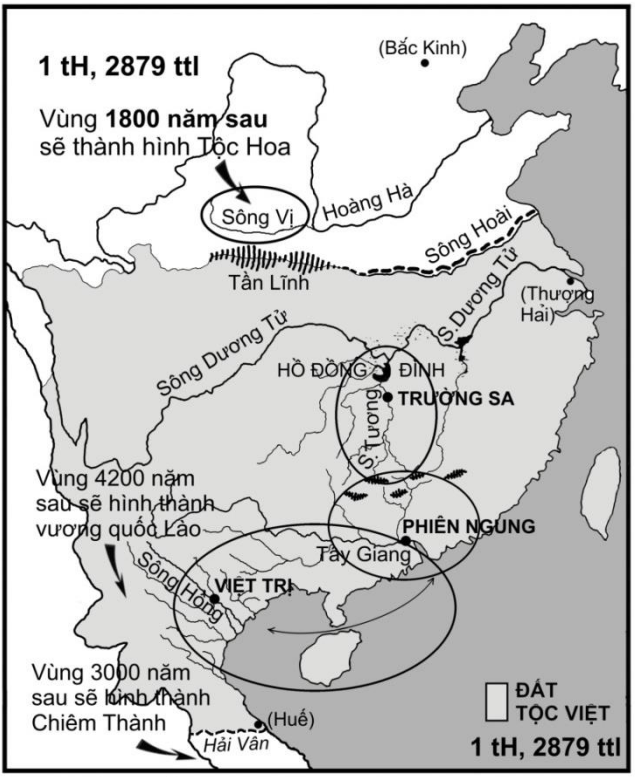

Đất TỘC VIỆT đầu Thời Hùng, năm 1tH, 2879 ttl

Ngoài ra, vì lạm nhận một phần truyền thuyết của Tộc Việt làm Tổ tiên của tộc Hoa, nên truyền thuyết về các triều đại trong sách vở Trung Hoa, từ khởi nguyên tới *1046 ttl*, chỉ là một phần nhỏ của tiền sử Tộc Việt. Tộc Việt còn nhiều phần đất rộng lớn khác mà sách vở Trung Hoa không đề cập tới.

[Việc phân biệt khá dễ dàng, nhờ dựa vào các yếu tố phân biệt giữa Tộc Việt với nền văn hóa nông nghiệp lúa

nước, và tộc Hoa với nền văn hóa du mục.][7]

Ngày nay, với niên đại gần giống nhau giữa Thời Hùng *2879 ttl* và thời Tam Hoàng *2852 ttl*, Thời Hùng có thể được chia theo 4 thời kỳ sẵn có. Mỗi Thời kỳ lại có 2 hoặc 3 giai đoạn.

* *

2.2 Bốn Thời kỳ Thời Hùng

1. Thời Hùng 1 : 1-809 Thời Hùng (tH), *2879-2070 ttl*, gồm cả thời Tam Hoàng Ngũ Đế. Thời nầy có 2 giai đoạn :

Thời Hùng 1A : 1-179 tH, *2879-2700 ttl*, gồm cả thời Tam Hoàng.

Thời Hùng 1B : 179-809 tH, *2700-2070 ttl*, gồm cả thời Ngũ Đế.

2. Thời Hùng 2 : 809-1279 tH, *2070-1600 ttl*, gồm cả thời Hạ :

Thời Hùng 2A : 809-1079 tH, *2070-1800 ttl*, gồm cả Tiền Hạ.

Thời Hùng 2B : 1079-1279 tH, *1800-1600 ttl*, gồm cả Hậu Hạ.

3. Thời Hùng 3 : 1279-1833 tH, *1600-1046 ttl*, gồm cả thời Thương, với :

Thời Hùng 3A : 1279-1579 tH, *1600-1300 ttl*, gồm cả

---

[7] *Xem* tr 147 : 7.1.2. Về Nền Tảng Khác Biệt giữa Tộc Việt và Tộc Hoa, xem tr 19 : bài 1.

Tiền Thương.

Thời Hùng 3B : 1579-1833 tH, *1300-1046 ttl*, gồm cả Hậu Thương / Ân.

4. Thời Hùng 4 : 1833-2699 tH, *1046-180 ttl*, đồng thời với Tây Chu / Sở, và Đông Chu / Tần, gồm :

Thời Hùng 4A : 1833-2108 tH, *1046-771 ttl*, đồng thời với Tây Chu / Sở.

Thời Hùng 4B : 2108-2672 tH, *771-207 ttl*, đồng thời với Đông Chu / Tần.

Thời Hùng 4C : 2672-2699 tH, *207-180 ttl*, Việt Lạc với Triệu Đà.

* * * *

3. VUA HÙNG

3.1 Lạc và Hùng

Đã có ý kiến cho rằng có lẫn lộn giữa hai chữ nho Lạc và Hùng, vì vậy mới có 'Lạc vương' và 'Hùng vương'.

Vấn đề chỉ vì quá câu nệ vào chữ viết. Trên thực tế, liên tục trong suốt mấy ngàn năm, cho đến hiện nay, đại chúng Việt vẫn tôn xưng và cầu khẩn '18 Vua Hùng'. Đang khi đó, dân ta vẫn luôn tự xưng là 'Lạc' hoặc 'Việt Lạc'. Vì vậy, không thể có lẫn lộn giữa âm 'Lạc' và âm 'Hùng'.

Lạc vương là nói chung 'vua của dân Lạc'. Ta còn có Lạc hầu, Lạc tướng, Lạc điền, Lạc dân...[8]

Vua Hùng, Hùng Vương, là miếu hiệu đại chúng Việt Lạc tôn xưng 18 Vị Tiêu Biểu đã góp phần đặc biệt trong việc tăng triển Dân tộc và Văn hóa Việt Lạc.

Có thể đã có hàng trăm Lạc vương, nhưng chỉ có '18 Vua Hùng', tức là 18 Vị được Dân Lạc thờ kính làm Quốc Tổ. Tất cả 18 Vị đều đã sống vào Thời Khởi Nguyên hoặc Thời Hùng, nhưng không nhất thiết đã làm vua.

* *

3.2 Việc Thờ Kính các Vua Hùng

a. Truyền thống

Từ nhiều ngàn năm trước, Tộc Việt đã có truyền thống thờ kính Tổ Tiên. Việc thờ kính Tổ Tiên của từng người cũng đưa tới việc thờ kính các Vị Tổ của Tộc Dân và của Nước.

Truyền thuyết xưa nhất của dân ta, luôn nhắc đến Vua Hùng như là biểu tượng cao quý và quyền uy nhất của xã hội Việt. Vua Hùng có mặt trong mọi Truyền Kỳ liên quan tới đời sống xã hội, gia đình, làng nước.[9]

Cách đây hơn 3000 năm, trên tất cả Thạp và Trống Đông Sơn thời tuyệt kỹ, đều có đàn Chim cách điệu hóa thành Chữ Hùng linh thiêng.[10]

---

[8] Do *Giao Châu Ngoại Vực Ký* (thế kỷ 4 dl) ghi nhận.

[9] Như ở các Truyền Kỳ Chử Đồng, Trầu Cau, Tiết Liêu, An Tiêm, Mỵ Châu, Phù Đổng... Đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt*, các bài liên hệ.

Hình Chim cách điệu nầy trở thành đường nét của chữ Hùng 熊.

Đầu Chim mỏ dài thành nét 厶. Thân và đuôi dài thành 月. Cánh và chân thành 匕. Phần dưới có thêm bộ hỏa 灬 để nhấn mạnh tính cách Linh thiêng.[11]

b. Thời Bắc thuộc

Hiện nay, không còn nhiều chứng tích về các Vua Hùng. Chỉ vì trong suốt thời Bắc thuộc, Trung Hoa đã hủy hoại mọi di tích, mọi tài liệu, và cấm đoán mọi thờ kính công khai các Vị Tổ của Dân Ta.

Trong thời kỳ nầy, việc Thờ Kính Tổ đã phải tổ chức riêng lẻ và thầm lén, hoặc ngụy trang dưới những hình thức và danh xưng khác.

[Có thể gặp dấu vết nơi cốt lõi của niềm tin, và của đối tượng thờ kính của đại chúng Việt... ở các đạo giáo, như đạo Lão, đạo Thờ Mẫu, thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế].

---

[10] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 42 : 3.2.5.

[11] Tự nó, bộ Hỏa 灬 cũng có nghĩa linh thiêng. - Hình tứ linh, long lân quy phụng, đều có lửa.

c. Thời Phục Hưng

Từ khi dân Lạc Hồng giành lại phần đất phương Nam của Việt Lạc, khai sáng Thời Phục Hưng, từ năm 906 dl, việc công khai thờ kính Các Vị Tổ đã được tái lập.[12]

Năm 1010 dl, Đức Lý Thái Tổ long trọng khôi phục nghi lễ và Đền Thờ Tổ trên núi Hy Cương và tái lập việc công khai Thờ Kính Tổ trong cả Nước. Đức Lý Thái Tổ cũng đã dâng kính 18 Miếu Hiệu lên 18 Vị 'Vua Hùng', như đang có hiện nay. [Miếu hiệu là danh tước được dâng để thờ kính, để tuyên xưng trong Lễ Tế, không phải là tên riêng của các Vị].[13]

* *

3.3 Mười Tám Vua Hùng

a. Con số 18

Chưa có tài liệu ghi nhận tại sao cách đây 1000 năm Đức Lý Thái Tổ chỉ thờ kính '18 Vua Hùng' cho suốt thời kỳ từ Khởi Nguyên tới hết Thời Hùng, dài hơn 5000 năm.

---

[12] Về năm 906 dl, *xem* tr 220 : 10.8.

[13] 18 Miếu hiệu : 1. Hùng Dương Vương, 2. Hùng Hiền Vương, 3. Hùng Lân Vương, 4. Hùng Hiệp Vương, 5. Hùng Hy Vương, 6. Hùng Huy Vương, 7. Hùng Chiêm Vương, 8. Hùng Vỹ Vương, 9. Hùng Định Vương, 10. Hùng Vi Vương, 11. Hùng Trinh Vương, 12. Hùng Võ Vương, 13. Hùng Việt Vương, 14. Hùng Anh Vương, 15. Hùng Triệu Vương, 16. Hùng Tạo Vương, 17. Hùng Nghị Vương, 18. Hùng Duệ Vương. - (*Việt Sử Thông Lãm*, do Vũ Huy Chân, xb Sàigòn 1973, tr 3 và 74.).

Tuy nhiên, trước Đức Lý Thái Tổ hơn 2000 năm, không những tất cả mọi Nắp Thạp và Mặt Trống Đông Sơn đều có hình Chim cách điệu chữ Hùng 熊, mà trống Ngọc Lũ và trống Sông Đà, 2 trong 4 trống tinh xảo nhất hiện có, đã có hình 18 Chim Hùng linh thiêng.[14]

Như vậy, hơn 2000 năm trước Đức Lý Thái Tổ, đã có truyền thống thờ kính 18 Vị 'Vua Hùng'.

b. Con số 2699

Gần 500 năm sau khi Đức Lý Thái Tổ dâng Miếu Hiệu cho 18 Vua Hùng, mới có Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, [do

---

[14] Trống Sông Đà được phát hiện ở vùng Sông Đà, cuối thế kỷ 19. Tang trống 78 cm, cao 61 cm. Mặt trời cũng 14 tia. Còn có tên Trống Moulié, hiện ở viện bào tàng Guimet, Paris.

Về Trống Ngọc Lũ, đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 27 : 2.4.4.

Ngô Sĩ Liên, viết xong năm *1479 dl*], ghi lại Thời Hùng kéo dài từ năm Nhâm Tuất *2879 tới năm 258 ttl*, gồm 2621 năm.

Theo cách tính hiện nay, Thời Hùng gồm 2699 năm, từ *2879 tới 180 ttl*.[15]

Như vậy, thời gian 2699 năm của Thời Hùng càng chứng tỏ '18 Vua Hùng được thờ kính' không phải là những Vị Vua liên tục nối tiếp nhau trị vì. Thời Hùng cũng không phải là một triều đại.

[Khi tính ra số 2621 năm cho Thời Hùng, sử gia Ngô Sĩ Liên cũng biết không thể ngây ngô đem chia con số 2621 năm cho 18 Vị].

c. Vua An Dương

Ngoài ra, theo thần phả của Đền Vua An Dương ở Cổ Loa, Vua An Dương cũng là 'Hùng Gia Chi Phái', tức là thuộc dòng dõi Họ Hùng.[16]

Dầu vậy, dầu thuộc dòng dõi Họ Hùng, dầu cũng làm vua, dầu cũng sống Thời Hùng, nhưng Vua An Dương đã làm mất nước, nên không được kể là 'Vua Hùng', không được thờ ở Đền Hùng. Ông chỉ là Lạc Vương ở cuối Thời Hùng.

---

[15] *Xem* tr 185 : 9.1.2b.

[16] *Thục An Dương Vương Tiên Đế Ngọc Phả Cổ Lục*, dẫn ở *Thời Đại Hùng Vương*, nhiều tác giả, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976, tr 243.

Không phải hễ là Vua ở Thời Hùng thì được thờ kính.[17]

* * * *

4. VUA HÙNG QUỐC TỔ

4.1 Vua Hùng

Như vậy, Vua Hùng là Biểu Tượng của Những Vị đã Đóng Góp Đặc Biệt vào tiến trình hình thành của Tộc Dân và Văn Hóa Việt từ Thời Khởi Nguyên. Các Ngài là những Vị trỗi vượt thuộc mọi lãnh vực, đặc biệt về Xã hội và Văn hóa, chứ không nhất thiết là người có quyền cai trị.[18]

* *

---

[17] Theo sách vở Trung Hoa, vùng Bắc Dương Tử có Nước Sở, người Tộc Việt, do Hùng Dịch sáng lập, *1030-223 ttl*, có 42 vua cũng mang họ Hùng. - Tuy nhiên, Thời Hùng có trước Nước Sở hơn 1800 năm, Vua Hùng thắng Ân Cao Tôn trước Hùng Dịch 178 năm, đồng thời với Hùng Dịch đã có nhiều Thạp và Trống Đông Sơn ghi khắc việc thờ kính các Vua Hùng...

[18] Chữ '*Vua*, *Vương*' không chỉ có nghĩa là người cai trị một nước, mà còn là một tước vị.

Bà Triệu, khởi nghĩa năm 248 dl, cũng được đại chúng xưng tụng là 'Bà Vua', dầu Bà chỉ tự xưng là Tướng. Ca dao : 'Muốn coi lên núi mà coi, Coi Bà Vua Triệu cỡi voi đánh cồng'.

Tước Vương cũng không có nghĩa là vị vua cai trị, như Đức Hưng Đạo Đại Vương, Đức Hưng Nhượng Vương...

Vì tính cách biểu tượng, tên riêng và tiểu sử của từng Vị đã không còn cần thiết. Tất cả đều được tôn xưng bằng miếu hiệu

4.2 Mười Tám Vua Hùng

Các Ngài còn được biểu tượng hóa với con số cao quý là 'Mười Tám Vị'. Số 18 là 2 lần 9. Số 9 là số đặc thù, trọn vẹn và cao quý nhất của Tộc Việt.

Như vậy, 'Mười Tám Vua Hùng' là những Vị cao quý tột bực, và được kính trọng tột bực, được thờ kính, của Truyền Thống Việt.[19]

* *

4.3 Vua Hùng Bà

Từ Thời Khởi Nguyên, cách đây 7000 năm, cho đến cách đây 1700 năm, *thế kỷ 3 dl*, dân Việt thiên về mẫu hệ, phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Vì vậy, nhiều Vị thuộc Nữ Giới cũng đã đóng góp đặc biệt, trong việc thành hình xã hội và văn hóa Việt.[20]

Trên thạp Đông Sơn, cách đây 3000 năm, có hình vị Thủ Lãnh là một Bà, ngực cao, mông lớn.[21]

α ———————

'Vua Hùng'.

[19] Cũng như với Phụng Long, sau khi nhận thấy tính cách cao quý của văn hóa và của biểu hiệu Tộc Việt, vua chúa Trung Hoa lại dành số 9 cho hoàng tộc. [Con số tốt đẹp của dân Hoa là số 8, bát, bạc].

[20] Theo *Hậu Hán Thư*, q 116 : "Người Giao Chỉ không phân biệt trưởng ấu... không biết tình cha con... không tổ chức gia tộc theo chế độ phụ hệ..." - Theo *Tam Quốc Chí*, q 9 : "Người Giao Chỉ còn nhiều phong tục theo mẫu hệ". - Đọc thêm *Việt Sử Toàn Thư*, tr 34.

Mãi tới 220 năm sau Thời Hùng, năm *40 dl*, trong số các anh hùng tái chiếm toàn thể vùng đất Việt Lạc, vẫn có nhiều đội nữ binh, và số nữ tướng nhiều hơn nam tướng. Lại nữa, người nhận trách nhiệm lãnh đạo toàn dân, cũng lại là một nữ nhân, Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam Trưng Trắc.[22]

Sau Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam hơn 200 năm, năm *248 dl*, khi sử Trung Hoa phải ghi nhận thêm một cuộc khởi nghĩa khác của dân Nam, thì cuộc khởi nghĩa nầy cũng lại do một nữ nhân lãnh đạo. Vị lãnh tụ đó là Cô thanh nữ 23 tuổi, Bà Vua Triệu.

Mãi đến năm *541 dl*, gần 300 năm sau Bà Vua Triệu, và cách đây chưa được 1500 năm, sử Trung Hoa mới để lại cho chúng ta tên một nam nhân làm thủ lãnh dân Việt Lạc, Đức Nam Việt Đế.[23]

* *

---

[21] Trong suốt mấy ngàn năm, trống đồng luôn là hiệu lịnh, là biểu hiệu của uy quyền. Cho tới ngày nay, dân ta vẫn còn tập tục để một Bà đánh tiếng trống khai trương trống đồng mới đúc.

[22] Hiện nay làng Thượng Thanh, huyện Thanh Oai, Hà Tây, còn miếu thờ vị Tướng đã giả gái để được đem quân của mình gia nhập cuộc quật khởi của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

Xem tr 271 : bài 14.

4.4 9 Vua Hùng Bà, 9 Vua Hùng Ông

Như vậy, trong suốt thời gian hơn 2000 năm trước Thời Hùng, 2700 năm trong Thời Hùng, và hơn 400 năm sau Thời Hùng, Dân Việt sống trong chế độ mẫu hệ, nữ giới chủ động và lãnh đạo đời sống xã hội.

Trong suốt thời kỳ hơn 5100 năm đó, số Vị Vua Hùng Bà có thể nhiều hơn Vua Hùng Ông.

Tuy nhiên, với 'Vua Hùng' đã trở thành biểu tượng, với số 9 là con số tuyệt hảo của Dân Việt, và theo đúng truyền thống Mẹ Tiên Cha Rồng 50/50 siêu việt, ta thờ kính 9 Vua Hùng Bà và 9 Vua Hùng Ông.[24]

* *

4.5 Đại lễ Kính 18 Quốc Tổ

Theo truyền thống, Đại Lễ kính 18 Đức Vua Hùng Quốc tổ được cử hành ngày 10 tháng 3 lịch Việt.

Theo lịch Việt, ngày 10 là ngày Dậu, tháng 3 là tháng Thìn. Trong 12 con giáp, Dậu tượng trưng cho Phụng, Thìn là Long. Phụng và Long lại là hiện biểu của Tiên và

---

[23] Ngài khởi nghĩa năm 3420 tH, *541 dl*, thành công từ năm 3423 tH, *544 dl*. Ngài tự xưng là Nam Việt Đế, niên hiệu là Thiên Đức, quốc hiệu là Vạn Xuân. Sử còn ghi Ngài là Lý Nam Đế. *Xem* tr 219 : 10.7.4.

[24] Với số 9 là số cao quý tròn đầy của Tộc Việt, đây có thể là lý do tại sao có con số 18 Vị.

Các Ngài không nhất thiết là vợ chồng.

Rồng.

Do đó, ngày 10 tháng 3 là Ngày Tiên Tháng Rồng, ngày biểu trưng cho Tiên Rồng Song Hiệp, sinh ra Con Người.

Như vậy, cử hành Đại Lễ kính 18 Vua Hùng vào ngày Tết mừng Tiên Rồng Song Hiệp, Tổ Tiên ta xác định 18 Đức Vua Hùng là những Con Người tiêu biểu do Tiên Rồng song hiệp. Các Ngài đã sống Cuộc sống Làm Người một cách tuyệt hảo, và đã Đóng Góp Đặc Biệt vào tiến trình hình thành của Tộc Dân, Văn Hóa, và Đất Nước Việt.

14

ĐẠI ĐẾ ĐỒNG ĐÌNH LĨNH NAM

LÃNH THỔ VÀ SỨC SỐNG CỦA VIỆT LẠC
2909-2922 tH, *30-43 dl*

1. DẪN NHẬP

Trong 1000 năm vừa qua, nhiều Sứ thần Đại Việt ta đã tới cúng tế tại Đền Đức Trưng Vương bên bờ Hồ Đồng Đình.

Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, viết năm *1479 dl*, *ở Phiên Ngung*, gần thủ phủ Quảng Châu của tỉnh Quảng Đông ngày nay, có đền thờ Đức Trưng Vương.

Năm *1793 dl*, vào thời Tây Sơn, khi đặc sứ Ngô Thời Nhiệm cùng phái đoàn đi ngang phía nam *Hồ Đồng Đình*, ông đã đến viếng đền thờ Đức Trưng Vương tại đó. Ông cũng ghi : quân Đức Trưng Vương đã đánh với quân Mã Viện *ở* Hồ Nam.

Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca, nhuận chính năm *1870 dl*,

cũng ghi : 'Đô kỳ đóng cõi Mê Linh, *Lĩnh Nam* riêng một triều đình nước ta'. (câu 339-340). Lĩnh Nam nay là vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, và Bắc phần Nước ta.

* Tài liệu mới và nhận định mới về thực trạng Việt Lạc, về Đức Trưng Vương, về động cơ và nhân sự quật khởi, về địa bàn hoạt động, về sức mạnh của Dân ta năm 2919 tH, *40 dl*, và về Mã Viện, về binh lực của Trung Hoa đương thời.

* * * *

2. TỔNG QUAN

2.1 Tài Liệu

Cho tới gần đây, có rất ít tài liệu về cuộc khởi nghĩa của Dân Việt Lạc vào đầu thế kỷ thứ nhất dương lịch, do Bà Trưng lãnh đạo.

Hầu hết những gì được ghi chép đều đã được trích dẫn từ sách vở Trung Hoa, tức là từ phía đối nghịch.

Bình thường, tài liệu của kẻ thù luôn thiếu xác thực, nhiều chủ quan. Trong trường hợp của dân Việt, phải kể thêm những xuyên tạc, vu khống do mưu đồ đồng hóa suốt mấy ngàn năm của người Trung Hoa.

Gần đây, nhờ những phát hiện ở Việt Nam và trên vùng đất của Việt Lạc xưa, đặc biệt qua các Đền thờ và Thần tích, chúng ta có thêm nhiều chi tiết đã không được sách vở Trung Hoa ghi chép chính xác.

* *

2.2 Danh Xưng

a. Hai Bà Trưng

Đã từ lâu, danh xưng 'Hai Bà Trưng' thường được dùng để chỉ hai chị em Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị. Việc gọi chung Hai Bà gây ấn tượng là cả Hai Chị Em cùng nhau nổi lên chống giặc và cùng hoàn thành công cuộc cứu nước.

Quả thực Hai Chị Em cùng đứng lên cứu dân cứu nước và đã tạo những kỳ công đáng khâm phục. Tuy nhiên, sử sách ghi rõ rằng chỉ có Bà Chị nhận quyền lãnh đạo toàn cuộc khởi nghĩa.

Phần Bà Em, dầu cũng là bậc kỳ tài nổi tiếng đương thời và đóng góp nhiều công lao xuất chúng, nhưng Bà chỉ nhận tước Công chúa Bình Khôi. Cùng với Bà, nhiều vị nữ tướng khác cũng có tước công chúa, như Công chúa An Bình, Công chúa Thánh Thiên, Công chúa Gia Hưng, Công chúa Vĩnh Huy, Công chúa Trinh Thục, Công chúa Nga Sơn, Công chúa Nghi Hòa...

Vì vậy, tuy là hai chị em, nhưng khi Bà Chị được các anh hùng nghĩa sĩ đương thời đặt lên lãnh đạo công cuộc cứu nước, thì chỉ có Bà Chị chính thức đại diện cho toàn dân.

Năm 2919 tH, *40 dl*, chỉ có Bà Chị lên ngôi, thống lãnh toàn thể Việt Lạc.

b. Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam

Vì chủ trương đồng hóa và xóa bỏ mọi dấu vết của Tộc Việt, giới thống trị Trung Hoa đã quyết tâm giấu kín mọi

cuộc khởi nghĩa. Tuy nhiên, khi không thể che đậy những biến động to lớn, sách vở Trung Hoa lại xuyên tạc và hạ giảm sức mạnh, cũng như tầm ảnh hưởng và địa bàn hoạt động của dân bị trị.

Vì thế, hiện nay chúng ta không có danh xưng chính thức của Bà khi Bà lên ngôi. Tuy nhiên, với những phát hiện về địa bàn hoạt động, vùng đất cai trị và ảnh hưởng của Ngài, ta có thể xác định Ngài đã là *Đại Đế* của cả hai vùng Việt Lạc *Đồng Đình* và Việt Lạc *Lĩnh Nam*.

* * * *

3. THỰC TRẠNG VIỆT LẠC 2665-2922 TH, *214 TTL - 43 DL*

3.1 Thời Tần Thủy Hoàng

Năm 2665 tH, *214 ttl*, Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư dẫn 50 vạn quân lính xâm lăng vùng đất Việt Lạc.

Đây là áp lực đầu tiên của Trung Hoa trên một phần đất Việt Lạc. Nhưng sau 3 năm, Đồ Thư bại trận và bị giết.[1]

* *

3.2 Thời Phụ Dung Triệu Đà

a. Nước Nam Việt

Năm 2672 tH, *207 ttl*, Triệu Đà, tướng Nhà Tần, đã chiếm vùng đất nay thuộc Quảng Tây, Quảng Đông.

---

[1] Theo *Việt Nam Sử Lược*, do Trần Trọng Kim, nxb Trung Tâm Học Liệu, Sàigòn 1971, q1, tr 18 tt. - *Xem* tr 183 : 9.1.1.

Nhân việc Tần bị Hán diệt. Triệu Đà giết tất cả quan tướng của Tần, tự xưng Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Nam Việt, đóng đô tại Phiên Ngung, nay là Quảng Châu. Triều Hán đưa quân đánh chiếm, nhưng đại bại.

Triệu Đà đã cố gắng thâu phục lòng dân Việt Lạc trong vùng. Chính Ông đã thay đổi nếp sống, thay đổi trang phục, thay đổi cách xưng hô, theo phong tục Việt Lạc, lấy vợ Việt.

Triệu Đà cũng đặc biệt phát triển về chính trị, quân sự, và văn hóa bản địa, để trở thành một đế quốc biệt lập với triều Hán.

Đang khi đó, Việt Lạc Đồng Đình có Trường Sa Vương, và Việt Lạc Sông Hồng có Vua An Dương.

b. Triệu Đà chiếm Cổ Loa

Năm 2699 tH, *180 ttl*, theo truyền kỳ Mỵ Châu, với kế Trọng Thủy ở rể, Triệu Đà đã đánh bại Vua An Dương, chiếm đóng Cổ Loa, trị sở của Việt Lạc Sông Hồng.

Tuy nhiên, Triệu Đà vẫn để người bản xứ cai trị dân, đời sống người dân không bị thay đổi. Trên thực tế, Việt Lạc Sông Hồng chỉ là một nước phụ dung.[2]

Năm 2768 tH, *111 ttl*, Nam Việt bị Hán xâm lấn.

---

[2] Theo *Sử Ký*, do Tư Mã Thiên. - Đọc thêm *Việt Sử Toàn Thư*, do Phạm văn Sơn, Sàigòn 1960, tr 60, chú thích 1; và đb tr 86-87.

c. Sống theo Truyền Thống

Trong 96 năm, dầu sống dưới quyền cai trị của Nhà Triệu, dân Việt Lạc Nam Việt vẫn tiếp tục sống nếp sống Văn hóa của Tổ Tiên, các Trưởng Lão Việt Lạc tiếp tục cai quản dân theo truyền thống, kinh tế và lực lượng an ninh cũng tiếp tục được củng cố...

Như vậy, thời kỳ nầy chưa thể được coi là thời Bắc thuộc.

Tuy nhiên, vào lúc Nhà Triệu suy, nhiều địa phương vùng Sông Hồng cũng đã quật khởi.

* *

3.3 Thời Phụ Dung Tây Hán

Trong suốt 141 năm, từ 2768 tới 2909 tH, *111 ttl - 30 dl*, tuy danh nghĩa là Nam Việt bị Nhà Hán xâm lăng, sách vở Trung Hoa không nói tới vùng đất Việt Lạc.

Đây là dấu chỉ vào thời kỳ nầy, Việt Lạc vẫn chưa có liên hệ nhiều với Hán.

Lại nữa, theo cách hành xử của Nhà Hán thời đó, Tây Hán 2679-2887 tH, *206 ttl - 8 dl*, quan thứ sử các vùng đất phụ dung chỉ có nhiệm vụ mỗi năm 3 tháng đi thâu thuế về nộp cho triều đình. Đã không có hệ thống cai trị mới, không có quân ngoại xâm trên phần đất Việt Lạc.

Từ năm 2887 tới 2904 tH, *8-25 dl*, là thời loạn lạc của Trung Hoa, việc thu thuế cũng lơ là.

Như vậy, trong suốt thời nầy, Việt Lạc chỉ là một nước phụ dung đóng thuế cho triều Hán.[3]

3.4 Quang Vũ Xâm Lăng

Tình hình thay đổi từ năm 2909 tH, *30 dl*, khi Hán Quang Vũ áp đặt chính sách hà khắc, xua quân và đưa quan lại tới trú đóng các vùng Việt Lạc. Từ đó xuất hiện quân trú đóng, chiếm đoạt, tham ô, tàn ác.

Bốn năm sau, 2913 tH, *34 dl*, xuất hiện thái thú Tô Định.

* *

3.5 Tình Hình Việt Lạc năm 2909 tH, *30 dl*

a. Nếp sống Truyền thống

Theo thực trạng đương thời, từ 2768 tới 2909 tH, *111 ttl - 30 dl*, ngoài việc mỗi năm một lần đóng thuế cho thứ sử, đời sống dân Việt Lạc vẫn không thay đổi. Trung Hoa chưa ảnh hưởng trên nếp sống xã hội, văn hóa, chính trị, kể cả quân sự, an ninh... của Việt Lạc.

Trong suốt 141 năm đó, dân Việt Lạc vẫn tiếp tục sống nếp sống truyền đời của Tổ Tiên.

Việc cai trị vẫn ở trong tay các Trưởng Lão Việt Lạc. Thành phần bảo vệ an ninh cho Làng, Nước, vẫn sinh hoạt bình thường.

Đời sống thường ngày của người Dân, nếp sống văn minh Lúa Nước, kỹ thuật trồng cấy, kỹ nghệ đồ đồng đồ

---

[3] Đọc *Việt Nam Sử Lược*, q1, tr 38; và *Việt Sử Toàn Thư*, tr 105.

gốm, văn học, thơ văn, chữ viết... của Việt Lạc, vẫn tiếp tục phát triển.

Nếp sống Làng thôn, với tất cả đặc tính và sức mạnh của thể chế Làng-Nước Việt Lạc, vẫn sống động và tăng trưởng.

Văn hóa Việt Lạc vẫn ngày một thêm tốt đẹp, sâu sắc.[4]

b. Việt Lạc bị xâm lăng

Từ năm 2909 tH, *30 dl*, do việc xua quân áp đặt quan lại của Hán Quang Vũ, cuộc sống của Dân Nước khắp toàn vùng Việt Lạc, từ Đồng Đình, qua Lưỡng Quảng, tới Sông Hồng, bỗng bị xáo trộn.

Thái thú Tô Định càng làm cho tình hình thêm tồi tệ, thêm giặc tham ô tàn ác, thêm luật lệ mới, thêm sắc thuế mới.[5]

c. Việt Lạc kháng chiến

Do đó, toàn thể Việt Lạc ở khắp nơi đều sẵn sàng đứng lên.

Toàn bộ hệ thống và sức mạnh của xã hội, chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa... đều được vận dụng để đối phó với giặc.

---

[4] Về tầm quan trọng của định chế Làng-Nước Việt Lạc, đọc *Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam*, bài 6, phần 7, và bài 10, đoạn 9.1.

[5] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, tr 107.

Mọi nơi, mọi đơn vị lớn nhỏ, đều sẵn sàng, với lực lượng, tổ chức, và thủ lãnh sẵn có.

Trong tình trạng sôi động đó, do ưu thế của vùng Sông Hồng, do việc liên kết và chủ động của 2 vùng Mê Linh và Châu Diên, (quê của vợ chồng Trưng Trắc và Thi Sách), qua biến cố Tô Định giết hại Lạc Tướng Thi Sách, và do truyền thống mẫu hệ mấy ngàn năm của Việt Lạc, Đức Trưng Trắc đã trở thành Thủ Lãnh kháng chiến của toàn Dân Việt Lạc.

* * * *

4. ĐỘNG CƠ QUẬT KHỞI

4.1 Theo Sách Vở Trung Hoa

a. Vì thù chồng

Theo sách vở Trung Hoa, Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam người đất Mê Linh. Bên ngoại của Bà thuộc dòng Vua Hùng, bên nội là dòng dõi Lạc Tướng. Bà kết hôn với Thi Sách, cũng dòng Lạc Tướng, người vùng Châu Diên.

Cũng theo sách vở Trung Hoa, vì thái thú Tô Định giết chồng Bà, nên Bà nổi dậy đánh đuổi Tô Định năm 2919 tH, *40 dl*, và đóng đô tại Mê Linh.

Sách vở Trung Hoa đều đã nhấn mạnh khía cạnh thù chồng của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam, và giảm nhẹ tinh thần Vì Dân Vì Nước của Ngài, cũng như của toàn dân Việt Lạc thời bấy giờ.

- Việc hạ giá *lý do chiến đấu* của *phái nữ* còn bị sách vở Trung Hoa gán ghép cho nhiều Nữ Tướng anh hùng khác.

Cuộc khởi nghĩa của Công chúa Thánh Thiên được ghi là để trả thù cho cậu. Bà Cao Thị Liên thì do rửa thù cho cha. Nhiều Bà khác cùng vì thù chồng.

b. Vì Tô Định bạo ngược

Ngoài ra, sử sách Trung Hoa cũng đã ghi nhiều chi tiết nhấn mạnh tính tham tàn bạo ngược của Tô Định. Tuy đây là sự thực, nhưng lại cũng là một cớ để đánh lạc hướng động cơ quật khởi của Việt Lạc.

Lý do 'tham tàn quá đáng' luôn được sử sách Trung Hoa nhấn mạnh cho tất cả các quan cai trị thất bại. Họ luôn trút tội lên đầu những kẻ thất bại, để chạy tội cho toàn thể truyền thống và dã tâm xâm lược của họ.

Họ làm như thể dân bị trị luôn vui sướng lụy phục ách bạo tàn của họ, và chỉ chống đối bọn tham quan tồi tệ.

c. Vì luật lệ hà khắc

Tuy nhiên, dầu với thói xuyên tạc cố hữu, một số sách của người Trung Hoa, như *Hậu Hán Thư*, *Việt Kiều Thư*, *An Nam Chí Nguyên*... cũng phải ghi là : "Vì thái thú Giao Chỉ là Tô Định lấy pháp luật mà ràng buộc, nên Trưng Trắc oán giận mà làm phản" (!).

Hậu Hán Thư còn có câu : "Trưng Trắc là con gái Lạc tướng ở Mê Linh, vợ người huyện Châu Diên tên là Thi Sách, rất hùng dũng".

* *

4.2 Chống Giặc Xâm Lăng

Như vậy, sử sách của giặc cũng phải công nhận là Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam khởi nghĩa để chống bạo quyền.

Sự kiện người Nữ Kiệt đất Mê Linh kết duyên với vị Tướng Tài vùng Châu Diên, và rồi Thi Sách bị Tô Định sát hại, cũng cho thấy sự liên kết và tình hình sôi động thời bấy giờ.

Lại nữa, dầu là dòng dõi nhà tướng, Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam cũng không thể chỉ vì thù chồng mà đột nhiên điều động được toàn dân vùng dậy đánh đuổi bọn quan quân Tô Định.

Ngoài ra, dưới sự kềm chế của giặc và với phương tiện liên lạc thời bấy giờ, nếu chỉ vì thù chồng, làm sao Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam có thể điều động đầy đủ sức mạnh binh mã để, chỉ trong mấy tháng, đánh chiếm lại 65 thành từ tay giặc ?

Thực vậy, từ năm 2909 tH, *30 dl*, toàn thể Việt Lạc, dưới sự lãnh đạo của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam, đã vùng lên chống giặc Hán xâm lăng.

* * * *

5. NHÂN SỰ QUẬT KHỞI

5.1 Từ Khắp Vùng Việt Lạc

Dầu cố tình che giấu, sách vở Trung Hoa cũng ghi nhận thời đó dân ta đã có nhiều anh hùng hào kiệt chống giặc phương Bắc.

Tiểu sử của các vị Anh Hùng cộng sự của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam càng chứng tỏ tinh thần Toàn Dân Việt Lạc đương thời. Các Ngài nổi dậy ở khắp nơi, không chỉ ở vùng Sông Hồng, mà còn ở Lưỡng Quảng, Đồng Đình.

Căn cứ trên các thần phả và di tích, hiện nay chúng ta có tên tuổi và tiểu sử của 162 vị danh tướng thời Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam. Nhiều Vị đã có quân sĩ trước khi hợp tác với Đức Đại Đế.[6]

Khi Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam ra quân, đã có Bà *Lê Chân* không những đến từ Hải Dương, mà còn đem theo cả một đội chiến thuyền.

Công chúa *Nguyễn Thánh Thiên*,trước khi về với Đức Đại Đế, cũng đã có binh tướng riêng, và cũng đã có lần đánh bại quân Tô Định.

Bà *Lê Thị Hoa* có chiến khu tại vùng Nga Sơn ở Thanh Hóa.

Bà *Trần Vĩnh Huy* khởi binh từ Cổ Châu, gần Hà Nội ngày nay.

---

[6] Cho đến năm 4824 tH, *1945 dl*, khắp nơi hoạt động của các Ngài đều có đền thờ. Chỉ vùng ven sông Đáy, đã có tới 94 vị Anh Hùng thời Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam được thờ kính.

- *Anh* là người đủ *sáng suốt* để thấy việc phải làm. *Hùng* là người đủ *sức mạnh tinh thần* để làm việc đã thấy. Vì vậy, chữ *anh hùng* có thể dùng chung cho cả nam lẫn nữ, cả văn lẫn võ.

Rồi Nam Thành Vương *Trần Công Minh*,

Long Biên Công *Đặng Dương Hoán*,

Công chúa Lĩnh Nam *Sa Giang*, người Trường Sa, vùng Đồng Đình.

Đại tướng Đồng Đình Công *Đô Thiên*, vùng Quảng Tây.

Liệt nữ *Trần Thiếu Lan*, và *nhiều Vị Anh Hùng* khác cũng đã nhiều năm làm giặc phương Bắc ăn ngủ không yên, trước khi liên kết với Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.[7]

* *

5.2 Việt Lạc Thống Nhất

Địa điểm phát xuất các đoàn quân quật khởi, không chỉ bộc lộ tinh thần bất khuất của toàn thể dân Việt Lạc từ vùng Sông Hồng tới Đồng Đình, mà còn xác định tính cách thống nhất của Việt Lạc đương thời.

Thành phần quật khởi cũng hiện rõ đặc tính thiên mẫu hệ của xã hội Việt Lạc. Ngoài Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam, hơn hai phần ba danh tướng đều là nữ giới, với nhiều đội nữ binh.[8]

* * * *

---

[7] Danh sách và tiểu sử của nhiều Vị được ghi nhận ở phần "Di Tích Lịch Sử" trong bộ *Anh Hùng Lĩnh Nam*, của Trần Đại Sỹ, 4q, nxb Nam Á, Paris 1986. - Nhiều chi tiết cũng trích dẫn từ Bộ sách nầy.

6. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

6.1 65 Thành

a. Theo sách vở Trung Hoa

Sách vở Trung Hoa, mà sau nầy các nhà chép sử Việt Nam chép lại, chỉ ghi nhận phạm vi ảnh hưởng của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam trong khu vực các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố. Đây là vùng đất gồm từ Thừa Thiên ra Bắc Phần Việt Nam, và một phần tỉnh Quảng Tây ở Trung Quốc hiện nay.

Tuy nhiên, nhiều sách ngoại sử Trung Hoa đã ghi là Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam tái lập toàn thể vùng Lĩnh Nam của Việt Lạc.[9]

Sử sách Trung Hoa cũng ghi là Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam đã chiếm giữ '65 thành'.

---

[8] Hiện nay làng Thượng Thanh, huyện Thanh Oai, Hà Tây, còn miếu thờ vị Tướng đã giả gái để được đem quân của mình gia nhập cuộc quật khởi của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

Sau Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam hơn 200 năm, năm 3127 tH, *248 dl*, dân Việt Lạc còn có thêm một Nữ nhân lãnh đạo khởi nghĩa : Bà Vua Triệu. (Thời đó, dân ta thiên về mẫu hệ). Phải gần 300 năm nữa, năm 3423 tH, *544 dl*, mới có một thủ lãnh nam nhân được ghi nhận : Đức Nam Việt Đế, (Lý Nam Đế)).

[9] Chỉ có ngoại sử mới dám ghi nhận một phần sự thực. Chính sử Trung Hoa luôn xuyên tạc, theo chủ trương hủy diệt di tích Tộc Việt.

Nhiều học giả đã lý luận đủ cách để giải thích tại sao chỉ trong bốn quận mà lại có tới 65 nơi đóng quân kiên cố của giặc, với thành cao, với hào lũy.

Thực ra, con số '65 thành' là một sơ suất, trái với chủ trương ém nhẹm, của sách vở Trung Hoa. Nhưng đó lại là dấu chỉ của sự thực.

b. Theo thực trạng đương thời

Theo thực trạng đương thời, vùng đất Việt Lạc không chỉ ở Lĩnh Nam, mà bao gồm cả vùng Đồng Đình.[10]

Theo cách xử sự của triều Tây Hán đối với các nước phụ dung, cho tới năm 2909 tH, *30 dl*, mỗi năm thứ sử chỉ đi một vòng để thâu thuế, mọi việc khác đều do người bản xứ điều động, dân Việt Lạc vẫn tiếp tục phát triển nếp sống truyền đời.

Như vậy, ngay từ khi bị Hán Quang Vũ đưa quan quân bách hại và trấn đóng, toàn thể dân Việt Lạc đồng loạt quật khởi... cũng là chuyện phải có.

Với niềm hãnh diện và tinh thần bất khuất của Việt Lạc, địa bàn quật khởi gồm toàn thể vùng đất Việt Lạc, từ vùng Sông Hồng, qua vùng Quảng Tây Quảng Đông, tới vùng Đồng Đình... là chuyện đương nhiên.

Với lực lượng túc trực trong nếp sống làng thôn của toàn thể Việt Lạc, việc tái chiếm 65 thành trong vòng mấy tháng, và tập họp hàng vạn dân quân... cũng là thực tế.

---

[10] *Xem* tr 140 : 6.6.3.

6.2 Di tích ở Hoa Nam hiện nay

a. Chiến tích

Chiến tích của nghĩa quân Việt Lạc tại vùng đất nay là Hoa Nam, không những được các thần phả ghi chép, mà cũng còn nhiều di tích hiện trường.

Đặc biệt, hiện nay, sau gần hai ngàn năm, tại bờ Hồ Đồng Đình cũng như tại nhiều nơi ở các tỉnh Hồ Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến, Hải Nam... vẫn còn nhiều di tích chiến trận, nhiều đền thờ kính Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam và các danh tướng đương thời.[11]

b. Lịch sử và Đền Thờ

Các vị Anh Hùng sau đây, và nhiều Vị khác ở thời Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam đều đã được dân Tộc Việt thờ kính trong suốt hai ngàn năm qua. Đền thờ của các Ngài đầy dẫy nhiều nơi khắp vùng nay là Nam Trung Quốc, Bắc Phần và Bắc Trung Phần Việt Nam.

Tuy nhiên, trong phạm vi phần nầy, chỉ sơ lược một số di tích tại những vùng ngày nay đã bị sáp nhập vào Trung Quốc.

1. Sử ta ghi : năm 4167 tH, *1288 dl*, vua Trần Nhân Tôn đã sai quan đại thần qua *Khúc Giang*, Quảng Đông, trùng tu đền thờ của Nữ tướng Công chúa Nam Hải Trần Thị Phương Châu. Bà tuẩn quốc tại đây năm 2919 tH, *40 dl*.

---

[11] Đọc thêm *Anh Hùng Lĩnh Nam*.

2. Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, viết năm 4358 tH, *1479 dl*, *ở Phiên Ngung*, gần thủ phủ Quảng Châu của tỉnh Quảng Đông ngày nay, có đền thờ Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

3. Năm 4672 tH, *1793 dl*, vào thời Tây Sơn, khi đặc sứ Ngô Thời Nhiệm cùng phái đoàn đi ngang phía nam *Hồ Đồng Đình*, ông đã đến viếng đền thờ Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam. Ông cũng ghi : quân Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam đã đánh với quân Mã Viện ở Hồ Nam.

4. *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*, nhuận chính năm 4749 tH, *1870 dl*, cũng ghi : "Đô kỳ đóng cõi Mê Linh, *Lĩnh Nam* riêng một triều đình nước ta". (câu 339-340).

5. Cũng tại *Khúc Giang*, Quảng Đông, *hiện có* đền thờ Nữ tướng Công chúa Nguyệt Điện Đàm Ngọc Nga. Tại đây còn nhiều di tích của trận đánh lớn của Bà với quân Mã Viện.

6. Tại *Quảng Tây* và *Quảng Đông* có nhiều đền thờ Nữ tướng Nguyễn Thánh Thiên, tức Công chúa Thánh Thiên. Bà hy sinh tại vùng nầy năm 2921 tH, *42 dl*.

7. Tại suốt dọc bờ biển *Quảng Đông*, *Phúc Kiến*, và đảo *Hải Nam*, hiện còn có rất nhiều đền thờ Bà Công chúa Gia Hưng Trần Quốc. Ở Uất Lâm vẫn còn di tích của trận thủy chiến lừng lẫy. Dân trong vùng tin Bà là Giao Long Tiên Nữ giáng trần.

8. Tại cửa *Thẩm Giang* chảy vào Hồ Đồng Đình, còn có miếu thờ Liệt nữ Trần Thiếu Lan. Suốt hơn ngàn năm qua, mỗi lần các sứ thần nước ta đi ngang qua đây, đều

đến cúng tế Bà. - Đền thờ Bà vừa bị Vệ Binh Đỏ của Mao Trạch Đông thiêu hủy năm 1966 dl, nay chỉ còn nền và mộ của Bà.

9. Tại vùng Hồ Đồng Đình và thủ phủ *Trường Sa* của tỉnh Hồ Nam, cho đến ngày nay, sau gần hai ngàn năm, người dân địa phương còn nhắc nhớ và khiếp sợ trận đánh của Công chúa Phật Nguyệt chiến thắng Mã Viện, Lưu Long, Đoàn Chí. - Bà đại thắng trận thủy chiến trên Hồ Đồng Đình, dầu Mã Viện có bảy vạn quân, và Bà chỉ có năm vạn. Đại tướng Đoàn Chí của giặc bị quân ta giết trong trận nầy.

Công chúa Phật Nguyệt là Tổng trấn khu Đồng Đình-Trường Sa. Hiện Bà còn được thờ tại chùa Kiến Quốc ở Trường Sa, và ở chùa núi Thiên Đài. Bà có tên trong sách sử Trung Hoa.

10. Tại huyện Phong Đô, *Tứ Xuyên*, hiện còn đền thờ Bà Công chúa Lĩnh Nam Sa Giang. Bà là người Trường Sa, và cũng là tướng tài của Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

11. Vùng*Quảng Tây Quảng Đông* hiện còn rất nhiều đền miếu thờ Đại tướng Đồng Đình Công Đô Thiên. Ông cũng là người địa phương, và giữ chức Tổng trấn Trường Sa.

* *

6.3 Toàn Thể Vùng Đất Việt Lạc

Tất cả đều chứng tỏ trong suốt dòng lịch sử 2000 năm qua, toàn dân Việt Lạc, đặc biệt những người ở vùng đất ngày nay đang bị Trung Hoa chiếm giữ, luôn ghi nhớ công

đức, chiến tích, và vùng đất Việt Lạc rộng lớn, mà nghĩa quân của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam đã thâu hồi vào đầu thế kỷ thứ nhất dương lịch.

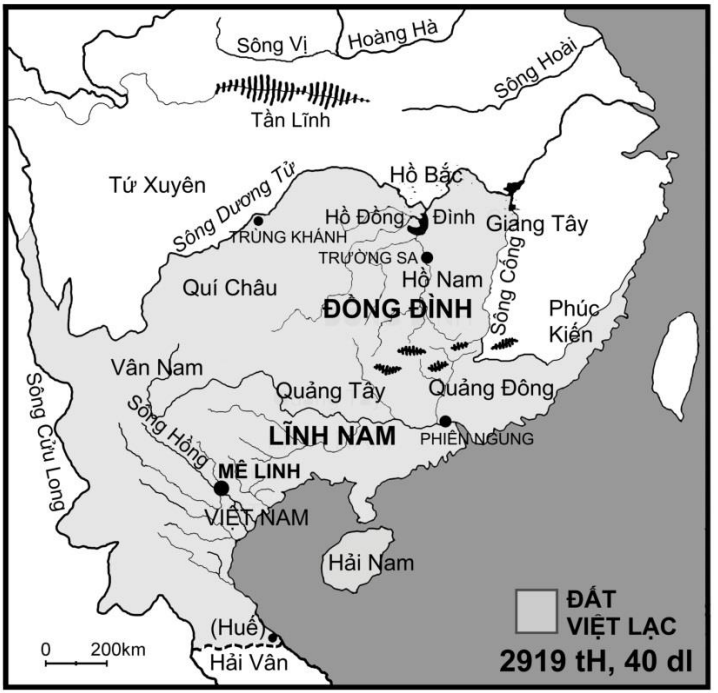

VIỆT LẠC thời Đức ĐẠI ĐẾ ĐỒNG ĐÌNH LĨNH NAM
2919 tH, 40 dl

Như vậy, nghĩa quân Việt Lạc, dưới sự lãnh đạo cũa Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam, đã tái chiếm toàn thể vùng đất Việt Lạc nay là Hồ Nam, Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, và một phần Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Giang Tây, Phúc Kiến.

Thủ đô của toàn vùng là Mê Linh.

Theo Đức Nguyễn Trãi, Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam đặt tên nước là Hùng Lạc.[12]

* * * *

7. SỬ TRUNG HOA VỚI MÃ VIỆN

7.1 Luận Điệu Xuyên Tạc

Sử sách Trung Hoa luôn giảm thiểu tình hình chống đối và sức mạnh của các dân tộc bị trị. Khi không thể che giấu nổi, sử sách Trung Hoa lại luôn toa rập theo một luận điệu mấy ngàn năm không đổi.

Theo luận điệu Trung Hoa, sở dĩ có 'làm phản' chỉ vì tên quan lại tham ô và khiếp nhược. Hơn nữa, dân địa phương sơ khai lạc hậu, quân khởi nghĩa chỉ là bọn ô hợp, thủ lãnh khởi nghĩa là những tội phạm sợ luật pháp trừng trị.

Trong luận điệu đó, các cuộc hành quân đàn áp khởi nghĩa cũng bị sách vở Trung Hoa hạ thấp tầm quan trọng, số quân lính tham dự cuộc đàn áp được giảm thiểu, địa bàn hoạt động được ghi chép co rút lại, và, đặc biệt, những lần thua bại được bỏ qua, hoặc chỉ ghi là do khí hậu địa phương quá khắc nghiệt.

Tuy nhiên, tình hình và phản ứng của triều đình Trung Hoa, cũng như thanh thế và binh lực của tướng

---

[12] Theo *Dư Địa Chí* của Đức Nguyễn Trãi, viết năm 4317 tH, *1438 dl*. - Đọc *Nguyễn Trãi Toàn Tập*, bản dịch Viện Sử Học, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976, tr 215.

giặc Mã Viện, lại đã bộc lộ rõ ràng tầm quan trọng, sức mạnh và địa bàn hoạt động của nghĩa quân thời Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

* *

7.2 Địa Bàn của Mã Viện theo sách vở Trung Hoa

Sách vở Trung Hoa chỉ ghi các chiến thắng của Mã Viện ở bốn quận vùng Giao Châu, tức Giao Chỉ, Hợp Phố, Cửu Chân và Nhật Nam.

Họ cố tình bỏ qua những trận đại bại ở nhiều nơi khác, đặc biệt ở các vùng sau đó đã bị sáp nhập thành phần đất Trung Hoa, như ở Hồ Nam, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến, Hải Nam.

* *

7.3 Lý Do Yếu Kém của Mã Viện

a. Lam sơn chướng khí

Sách vở Trung Hoa ghi rằng : quân tướng của Mã Viện bị lam sơn chướng khí nên bịnh tật rất nhiều, vị chỉ huy thủy quân của ông, đại tướng Đoàn Chí, cũng bị bịnh chết.

'Khí hậu ác độc' của phương Nam đã làm cho binh sĩ Đông Hán tật bệnh nhiều, nào nước lụt, nào mưa nhiều, "*nắng hạ bốc lên như lửa đốt, trên trời diều hâu đang bay bỗng rớt xuống mà chết*" (!).[13]

---

[13] Tại nơi loài người đã sinh sống mấy ngàn năm, làm sao có α

b. Theo sử Trung Hoa

Lam sơn chướng khí luôn là nguyên nhân được mọi sử gia Trung Hoa ghi nhận cho mọi cuộc xâm lăng thất bại tại nước Nam.

Theo sử Trung Hoa, và sử ta chép lại.

1. Năm 2665 tH, *214 ttl*, tướng của Tần Thủy Hoàng là Hiệu úy Đồ Thư và đại tướng Sử Lộc kéo quân xâm lăng Việt Lạc. Nhưng "Đồ Thư bị hại, quân Tần hao tổn tới *vài chục vạn*, phần bị giết, phần *vì không chịu được lam sơn chướng khí*".[14]

2. Năm 2690 tH, *181 ttl*, tướng nhà Hán là Long lân hầu Chu Táo kéo quân sang Nước Nam. Nhưng do "Thủy thổ Phương Nam *không thích hợp* với Hán quân, *nên họ ốm đau, chết hại rất nhiều*... và phải bãi binh".[15]

3. Thời Đức Trưng Vương, tức là Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam, năm 2921 tH, *42 dl*, khi tướng Nhà Hán là Mã Viện sang xâm lấn Nước ta, có đại tướng Đoàn Chí, tướng nhà Hán, "*bị bệnh và chết*". Ngoài ra, "*Khí hậu ác độc*" của phương Nam đã làm cho binh sĩ Đông Hán tật bệnh nhiều, "nào *nước lụt*, nào *mưa nhiều, nắng hạ bốc lên như lửa đốt, trên trời diều hâu đang bay bỗng rớt xuống*

α ———————

thể có hiện tượng "diều hâu đang bay mà chỉ vì nóng quá nên rơi xuống chết" ? Có chăng là núi lửa chợt phun !

[14] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, do Phạm văn Sơn, nxb Thư Lâm, Sàigòn 1960, tr 57.

[15] Đọc *nt*, tr 89.

mà chết" (!).[16]

4. Thời Đức Lý Nam Đế, năm 3423 tH, *544 dl*, có Tả vệ tướng quân Lan Khâm, tướng nhà Lương, kéo quân sang đánh Nước ta, nhưng "*bị bệnh và chết*".[17]

5. Thời Đức Lý Nhân Tôn, năm 3955 tH, *1076 dl*, Chiêu thảo sứ Triệu Tiết, và đại tướng Quách Quì, tướng nhà Tống, "bị hại quá nửa vừa do chiến tranh và cũng *do bất phục thủy thổ*".[18]

Chi tiết hơn : vì "không tính đến *nhiệt khí, lam chướng... và nước độc*' để 'quân tải lương chết mất 8 vạn, quân chiến đấu *ngã nước chết* mất 11 vạn"... 30 vạn quân kéo đi, chỉ còn 2 vạn tám thoát chết chạy về.[19]

6. Thời Đức Trần Thái Tôn, năm 4136 tH, *1257 dl*, có đại tướng Ngột Lương Hợp Thai, tướng Mông Cổ, xâm lăng Nước ta. Nhưng "Quân Mông Cổ mỏi mệt *vì không chịu được thủy thổ*"... rút về Tàu'.[20]

7. Thời Đức Trần Nhân Tôn, Đức Hưng Đạo Vương, năm 4164 tH, *1285 dl*, có hoàng thái tử Thoát Hoan, thượng tướng Toa Đô, nguyên soái Ô Mã Nhi, vạn hộ Lưu Khuê, Lý Hằng, Lý Quán, A Bát Xích, Phàn Tiếp, bị "*ánh*

---

[16] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, tr 109.

[17] Đọc *nt*, tr 133.

[18] Đọc *nt*, tr 210.

[19] Đọc *Vân Đài Loại Ngữ*, do Lê Quý Đôn, 1772, bản dịch Phạm Vũ, nxb Tự Lực, Sàigòn 1974, tr 174.

[20] Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, tr 249.

nắng sém da bỏng thịt, phát tiết những khí độc nặng nề oi ả, khiến quân ốm đau tật bệnh chết hại rất nhiều"... "*sức nóng cháy mây hun đá*"... "ốm đau nhiều do *lam sơn chướng khí.*"... 50 vạn quân với hàng ngàn dũng tướng... đã vì vậy mà rút về.[21]

8. Năm 4166 tH, *1287 dl*, Thoát Hoan lại kéo quân tướng sang, và rồi vì "*khí trời nóng nực*"... "*đất thì nóng nực, khí trời ẩm thấp*"... nên thua Trận Bạch Đằng (!).[22]

9. Thời Hồ Hán Thương, năm 4286 tH, *1407 dl*, Phó tướng Mộc Thạnh, tướng nhà Minh bị hại, và vì "quân Minh *bị ốm đau nhiều* nên phải lui...".[23]

10. Thời Đức Lê Thái Tổ, năm 4305 tH, *1426 dl*, Chinh di tướng quân Vương Thông của nhà Minh, ở trận Tuy Động, "*trời đang mưa, đường lầy lội*", nên bị bại, Thượng thư Trần Hiệp bị chém.[24]

11. Ở trận Chi Lăng, năm 4306 tH, *1427 dl*, An viễn hầu Liễu Thăng,tướng nhà Minh, đến "*chỗ bùn lầy*", nên bị chém. Đô đốc Thôi Tụ, Thượng thư Hoàng Phúc, gặp "*trời mưa bão, không tiến được*"... nên bị bắt.[25]

12. Thời Đức Quang Trung, năm 4668 tH, *1789 dl*, Đề

---

[21] Đọc *nt*, tr 271, 272.

[22] Đọc *nt*, tr 282.

[23] Đọc *nt*, tr 336.

[24] Đọc *nt*, tr 366.

[25] Đọc *nt*, tr 371-372.

đốc Hứa Thế Hanh, Tiên phong Trương Triều Long, Tả dực Thượng Duy Thăng của nhà Thanh, bị "*trời quay gió nồm*"... nên 'bỏ mạng'... Vì vậy, sau đó Sầm Nghi Đống mới tự tử, Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị mới bỏ chạy.[26]

Chỉ có lần Ân Cao Tôn đại bại, năm 1661 tH, *1218 ttl*, là không nói lý do, không nói 'lam sơn chướng khí', vì phải 172 năm sau mới thành hình tộc Hoa.[27]

c. Tổng kết sơ khởi

Như vậy, chỉ kể 12 lần Trung Hoa xua đại quân xâm lấn Nước Nam, dầu sách vở Trung Hoa đã giấu bớt quân số vì bị thất trận, đoàn quân xâm lăng Trung Hoa đã có hơn 30 danh tướng, hằng ngàn đại tướng, và hơn 400 vạn quân sĩ.[28]

Tất cả bọn họ đều được sử sách Trung Hoa ghi là vì bị *lam sơn chướng khí*, bị bịnh tật mà chết, mà thoát chạy về Tàu... chứ dân Nam '*mọi rợ ô hợp hèn nhát*' thì làm sao có thể thắng được hơn *bốn trăm vạn* tinh binh, với *hàng ngàn* kiện tướng và *hơn 30* danh tướng, gồm các thượng thư, các tổng đốc, các hoàng thái tử..... của Thiên Triều !

Trong suốt hơn 2000 năm, mà Trung Hoa chỉ có một luận điệu xuyên tạc gian trá: Trung Hoa chỉ bại trận vì

---

[26] Đọc *nt*, tr 552.

[27] *Xem* tr 124 : 6.3.2.

[28] Theo con số thông thường, tức là hơn 4.000.000 giặc.

Lam sơn chướng khí. - Lịch sử nhân loại có trường hợp gian manh cố chấp nào khủng khiếp hơn ?

d. Thực tế lịch sử

Đang khi đó, sách sử Trung Hoa lại quên ghi thêm : bọn quan quân tranh nhau sang vơ vét nước Nam trong cả ngàn năm thì... không sao cả, không hề bị lam sơn chướng khí.

Sự thực, theo tài liệu đương thời, đất Giao Chỉ ít chướng khí nhất, thích hợp với sự cư trú của con người nhất, dân cư đông đúc và trù phú nhất, đã đóng thuế nhiều hơn tất cả mọi vùng chung quanh gom góp lại.

Theo Từ Tùng Thạch trong *Việt Giang Lưu Vực Nhân Dân Sử*, so sánh dân số thời đó đã cho thấy Giao Chỉ có đông người nhất, số người trong mỗi gia đình cũng đông nhất... chứng tỏ Giao Chỉ là nơi thích hợp với đời sống con người nhất.[29]

Theo *Quảng Đông Tân Ngữ* của Khuất đại Quân : Giao Chỉ mỗi năm nộp thóc hơn 1360 vạn hộc. Tính ra tất cả thuế các châu Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quí Châu cũng không bằng.[30]

* *

[29] Nxb Thượng Hải, 1947.

[30] *Xem* tr 159 : 7.4.2a. - *Vân Đài Loại Ngữ*, do Lê Quí Đôn, 1772, bản dịch Phạm Vũ, nxb Tự Lực, Sàigòn 1974, tr 149.

7.4 Thực trạng của Mã Viện

a. Mã Viện Truyện

Sách vở Trung Hoa còn có *Mã Viện Truyện* để tôn vinh vị Đại tướng thời danh của Đại Hoàng đế Đại Đông Hán Quang Vũ. Nhờ đó, ta có thêm một số chi tiết.[31]

Mã Viện Truyện trang trọng ghi rằng : việc quân sĩ bị chướng khí làm ông ngao ngán. Nhưng sau ông nghĩ lại sứ mạng vua đã long trọng giao phó, nên ông đã cố gắng.

Ông cố gắng là phải, vì mới đây, cũng theo Mã Viện Truyện, hàng trăm đại tướng của thiên triều Đại Hán ở 65 thành đều đã thua chạy trước những đoàn nghĩa quân của Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam. Tất cả những đại tướng khác của Đại Hán đều khiếp sợ, đều không dám đương đầu... nên Đại Hoàng đế Đại Đông Hán Quang Vũ đã phải cầu tới danh tướng lão thành Mã Viện.

Và, để ép buộc Mã Viện và quân sĩ liều chết xuất quân, Đại Hoàng đế Quang Vũ không những đã long trọng ủy thác sứ mạng, mà còn phong thêm chức tước tột bực cho Mã Viện. Toàn thể tướng tá tùy tùng cũng theo đó mà được gia phong.

Cũng theo Mã Viện Truyện, trước khi đi, Mã Viện đã lo sợ đến nỗi đã để lại lời tuyệt mạng cho gia đình.[32]

---

[31] Mã Viện Truyện trong *Hậu Hán Thư*, do Phạm Diệp, thế kỷ 5 dl.

[32] Thực oái oăm và bêu xấu, trong lời tuyệt mạng, một câu đã trở thành danh ngôn của Mã Viện : "(Thôi thì !), làm tướng da α

b. Triều Hán khiếp đảm

Quả thực, thanh thế đoàn quân Việt Lạc của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam không chỉ đã kinh động thiên triều, gây khiếp đảm cho toàn thể đại quân của Đại Đông Hán, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới thanh thế của Quang Vũ, và nhất là tới sự sống còn của đại đế quốc Đại Đông Hán.

Việc lo sợ đúng là có căn cứ.

Chỉ trong trận ra quân đầu tiên ở Hồ Đồng Đình, dưới sự chỉ huy tối cao của Đại Lão Tướng quyền chức tột bực, 7 vạn thủy quân thiên triều đã tan tác trước 5 vạn quân của cô tướng trẻ Phật Nguyệt.

Đại tướng chỉ huy trưởng thủy quân Đoàn Chí cũng bỏ mạng trong trận nầy !

c. May mắn thắng trận

Dầu sao, sách vở Trung Hoa cũng đúng khi khen Mã Viện cố gắng. Dầu sao ông cũng đã may mắn hơn nhiều vua chúa, thái tử, đại tướng, danh tướng... của Thiên triều.

Dầu sao, dầu có nhiều thất bại ở buổi đầu, rốt cuộc, sau nhiều cố gắng, Đại Lão Tướng Phục Ba của Đại Hoàng Đế Quang Vũ lừng danh lịch sử Trung Hoa, cũng đã thắng được Cô Gái Thủ Lãnh 31 tuổi của dân Nam.

α ——————

ngựa bọc thây, hơn là chết tại xó nhà". - Họ Mã, da ngựa !

d. Thất phu ngông cuồng

Sau chiến thắng, Mã Viện còn nhiều cố gắng khác. Nhưng một cố gắng đã làm ông nổi tiếng sử sách. Đó là việc Mã Viện dựng cột đồng với lời nguyền : Trụ đồng chiết, Giao Chỉ diệt.

Trong 2000 năm qua, câu chuyện trụ đồng và lời nguyền đó đã có giá trị ghi lại hành động và phát ngôn ngông cuồng của một tên thất phu cùng quẫn. Hắn bỗng kiêu hãnh đến phát điên, vì chiến thắng không ngờ ! - Sách vở Trung Hoa lại cố tình làm như thể sự ngông cuồng của tên giặc điên Mã Viện sẽ ảnh hưởng tới vận mệnh nước Nam (!).

Đại Lão Tướng thời danh của Quang Vũ Đại Hoàng đế Đại Đông Hán như Phục Ba Đại Tướng Quân Mã Viện mà khiếp sợ gái Việt đến thế sao ?[33]

* *

7.5 Binh Lực của Mã Viện

a. Hai ngàn chiến thuyền có lầu cao

Sách vở Trung Hoa đã nói thoáng qua việc Mã Viện có hai ngàn chiến thuyền loại có lầu cao, và không đề cập tới số quân trên chiến thuyền.

---

[33] Cũng theo *Mã Viện Truyện*, vì Mã Viện đã giấu bớt một xe minh châu và sừng tê đã cướp được từ nước ta, nên khi chết, Mã Viện đã bị lột bỏ mọi tước vị, vợ con không dám đem xác đi chôn.

Tuy nhiên, mỗi chiến thuyền có lầu cao phải có bao nhiêu thủy thủ ?, bao nhiêu tay chèo chống ?, và chở theo bao nhiêu chiến binh, lương thực ở cả các tầng trên dưới lầu ?

Tổng số không thể dưới 50 người cho mỗi chiếc. 2000 chiếc nhân cho 50 người là 100.000 người.

Tuy thời điểm khác nhau, nhưng đời nhà Nguyên có 600 chiến thuyền chở 6 vạn quân. Vậy, 2000 chiến thuyền có lầu cao của Mã Viện đã chở theo ít nhất từ 10 tới 20 vạn quân.[34]

b. Toàn thể binh lực thiên triều

Sử sách Trung Hoa cũng ghi là Mã Viện đã dẫn theo 2 vạn quân.

Làm sao 2 vạn lính có thể đánh chiếm 65 thành vừa mất vào tay nghĩa quân Việt Lạc ?

Số quân 2 vạn cũng quá ít ỏi, nhất là khi so sánh với 50 vạn quân của Đồ Thư trước đó 250 năm. Và dầu với số quân gấp 25 lần, Đồ Thư cũng đã thảm bại.[35]

Trên thực tế, so sánh với những cuộc chiến khác trong lịch sử Trung Hoa, dầu Mã Viện có gấp 10 lần con số 2 vạn quân, cũng không đủ cho việc đánh phá 65 thành.

Dầu gấp 20 lần con số 2 vạn, cũng không xứng với tầm

---

[34] Chỉ riêng một trận ở Hồ Đồng Đình, Mã Viện cũng đã mất 7 vạn quân thủy chiến, dưới tay Công chúa Phật Nguyệt.

[35] Đại tướng của Tần Thủy Hoàng, năm 2665 tH, *214 ttl*.

nghiêm trọng và nổi khiếp sợ của thiên triều Trung Hoa, như đã được ghi nhận trong Mã Viện Truyện.

Dầu gấp 25 lần con số 2 vạn, như số quân của Đồ Thư trước đó 250 năm, cũng chưa xứng với thanh thế chủ soái của vị Đệ nhất Đại Tướng thời danh vừa được Đại Hoàng Đế tấn phong tước vị tột bực.

Thực vậy, theo thói thường binh tướng, để xứng đáng với việc tấn phong chức tước tột bực cho một danh tướng, để xứng đáng với lễ ra quân long trọng, để đương đầu với đoàn nghĩa quân Việt Lạc vừa đuổi chạy hàng trăm vị đại tướng, để giải cứu Đại Đông Hán khỏi nguy cơ diệt vong, và để tương xứng với hàng chục vạn quân trên 2000 chiến thuyền lầu cao... Đại Hoàng Đế Đại Đông Hán Quang Vũ cũng đã phải trao cho Mã Viện toàn thể binh lực của thiên triều.

Và dầu với toàn thể binh lực thiên triều, Mã Viện cũng đã có lúc phải ngao ngán vì thất bại dưới sức mạnh và quyết tâm của nghĩa quân Việt Lạc, với sự điều động của Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

* * * *

8. ĐỨC ĐẠI ĐẾ

Từ năm 2909 tới 2922 tH, *30-43 dl*, Việt Lạc kháng chiến chống xâm lăng.

Từ năm 2919 tH, *40 dl*, Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam đã lãnh đạo tái chiếm toàn thể vùng đất Việt Lạc. Ngày nay, phần đất phía Bắc gồm Hồ Nam, Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, và một

phần Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Giang Tây, Phúc Kiến.

Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam về thần ngày 6 tháng 2 năm 2922 tH, *43 dl*, khi mới 31 tuổi.

Trong suốt lịch sử Nhân loại, cho đến hiện nay, chưa hề có một Nữ Nhân nào tạo chiến công hiển hách, thần tốc, tái chiếm vùng đất mênh mông, như Đức Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam.

Nam nhân có được mấy người ?

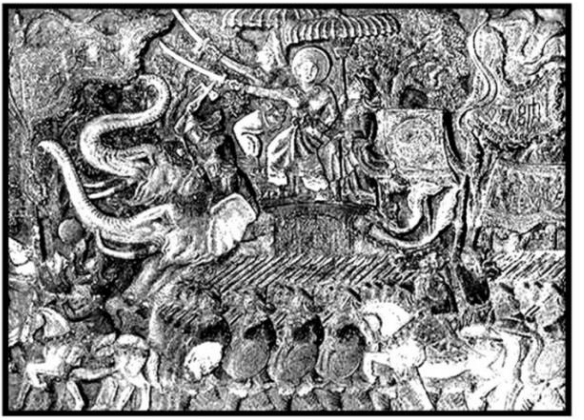

15

ĐÃ 13 LẦN VIỆT NAM ĐẠI THẮNG GIẶC PHƯƠNG BẮC

A. 13 LẦN ĐẠI THẮNG

Trong mưu đồ xâm chiếm của Giặc Phương Bắc, không kể nhiều cuộc hành quân nhỏ, đã có 13 lần Giặc Phương Bắc xua đại quân xâm lấn phương Nam, đặc biệt Việt Nam.

Trong 13 lần đó, trừ lần đầu tiên Giặc Ân xâm lấn Việt Lạc ở vùng Hồ Đồng Đình cách đây hơn 3200 năm, những lần khác đều bắt đầu từ Tần Thủy Hoàng, cách đây 2200 năm.

Những cuộc xâm lấn nầy, phần nhiều là do giới thống trị Hoa khởi hấn, nhưng cũng có những lần do các nước tộc Việt ở phương Bắc xâm lăng.

Về lãnh thổ, lần đầu tiên và 3 lần tiếp theo đã ảnh hưởng tới toàn thể dân Việt Lạc từ Hồ Đồng Đình tới Đèo Hải Vân. Tuy nhiên, trong tất cả những cuộc chiến đấu

chống ngoại xâm đó, dân Việt Lạc Sông Hồng, Việt Nam ngày nay, đều là thành phần chủ chốt.

Sau đó, từ lần thứ 5, những cuộc xâm lấn được giới hạn trong vùng đất nay là Việt Nam.

Trong tất cả 13 lần đó, Dân ta đều đại thắng các đoàn quân Phương Bắc. Đã 13 lần, Dân ta đại thắng !

* *

Lần thứ 1 : Đức PHÙ ĐỔNG đại thắng Giặc ÂN

Theo sách vở Trung Hoa, năm 1661 tH, *1218 ttl*, Ân Cao Tôn đã đánh Quỉ Phương, vùng Đồng Đình. Ân Cao Tôn đóng quân tại đất Kinh, phía tả ngạn sông Dương Tử. Thời đó, vùng đất của Việt Lạc trải rộng từ Hồ Đồng Đình tới Hải Vân.

Sau 3 năm, Ân Cao Tôn 'không thắng'.

Theo Truyền kỳ Phù Đổng của Việt Lạc, Ân Cao Tôn đã xâm lấn nước ta ba năm và đã bị đánh bại.

Như vậy, theo Truyền kỳ Phù Đổng, cách đây *3200 năm*, dân Việt Lạc đã là một quốc gia vững mạnh. Nước nầy đã có tổ chức chặt chẽ, có vua quan, có làng xã, có cúng tế, có lúa gạo, có vải áo, có lũy tre... đã đúc được ngựa sắt, roi sắt, đã có tinh thần dân tộc cao độ... và, theo sách vở Trung Hoa, đã chiến thắng giặc Ân vào thời kỳ hùng mạnh nhất của chúng.[1]

* *

Lần thứ 2 : VIỆT LẠC đại thắng Giặc TẦN

Năm 2665 tH, *214 ttl*, Tần Thủy Hoàng, vị vua đầu tiên của Trung Hoa, sai tướng Đồ Thư kéo 50 vạn quân xâm lăng vùng đất Việt Lạc. Nay thuộc tỉnh Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông. Đây là đoàn quân tinh nhuệ vừa giúp Tần Thủy Hoàng đánh chiếm sáu nước và thành lập nước Trung Hoa.

Nhưng mấy năm sau, Đồ Thư đã bị quân Việt đánh bại, quân giặc chết quá nửa, Đồ Thư bị giết.[2]

* Theo cách hành quân của Trung Hoa, mỗi người lính đem theo một phu phục dịch. Số người vận chuyển lương thực cũng không được kể là lính. Vì vậy, số người Trung Hoa xâm nhập có thể nhiều gấp 3 lần con số quân lính được kể tới, dầu là con số trung thực.

* *

Lần thứ 3 : NAM VIỆT đại thắng Giặc TÂY HÁN

Năm 2698 tH, *181 ttl*, triều Hán sai Long Lân hầu Chu Táo kéo quân sang xâm phạm Lĩnh Nam, đánh Nam Việt. Theo sách vở Trung Hoa, quân Hán không chịu được thủy

---

[1] *Xem* tr 124 : 6.3.2. Nhà Ân còn được gọi là Nhà Hậu Thương. - Vào thời kỳ nầy, *tộc Hoa chưa thành hình*. Phải hơn 100 năm sau, bộ lạc Chu mới gom góp các bộ lạc du mục khác ở vùng Thiểm Tây, và thành lập Nhà Chu, năm 1046 ttl. Từ đó, tộc Hoa mới thành hình và phát triển.

[2] Đọc thêm *Việt Nam Sử Lược*, do Trần Trọng Kim, nxb Trung Tâm Học Liệu, Sàigòn 1971, q1, tr 18. - *Xem* tr 178 : 8.4.3.

thổ phương Nam, nhiều người phải bịnh tật, bởi vậy phải thua chạy về bắc. Sau đó, triều Hán xét việc Nam chinh không lợi, nên không đánh nữa (!).[3]

* *

Lần thứ 4 : Đức ĐẠI ĐẾ ĐỒNG ĐÌNH LĨNH NAM đại thắng Giặc ĐÔNG HÁN và tái chiếm toàn thể vùng đất Việt Lạc

Năm 2909 tH, *30 dl*, Hán Quang Vũ áp đặt chế độ trực trị trên vùng đất Việt Lạc. Do đó, toàn dân Việt vùng lên kháng chiến, và bầu Đức Trưng Trắc là Thủ Lãnh.[4]

Sau 10 năm, 2919 tH, *40 dl*, Dân ta đã đánh đuổi toàn bộ quân Tàu ra khỏi vùng đất Việt Lạc, chiếm lại 65 thành.

Thời gian qua, sách sử Trung Hoa đã giảm thiểu vùng đất và sức mạnh của dân Việt thời đó. Ngày nay, đã có đủ chứng cứ xác định vị trí, tình hình và vùng đất bao la của việc quân dân Việt đánh chiếm lại 65 thành, và đánh bại đại quân hùng hậu của hoàng đế Quang Vũ nhà Hán.

Thời đó, vùng đất Việt Lạc nay là Hồ Nam, Quí Châu, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, và một phần Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Giang Tây, Phúc Kiến của Trung Hoa, xuống tới Hải Vân... Và Hán Quang Vũ đã phải vận

---

[3] Đọc thêm *Việt Nam Sử Lược*, q1, tr 30; *Việt Sử Toàn Thư*, do Phạm văn Sơn, nxb Thư Lâm, Sàigòn 1960, tr 89.

- Về thủy thổ phương Nam, *xem* tr 295 : 14.7.3.

[4] *Xem* thêm tr 275 : bài 14.

dụng toàn thể binh lực của 'thiên triều'.

Đức Trưng Nữ Vương đáng được tôn hiệu *Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam*.[5]

* *

Lần thứ 5 : Đức NAM VIỆT ĐẾ đại thắng Giặc LƯƠNG

Năm 3420 tH, *541 dl*, Đức Nam Việt Đế, húy là Lý Bôn, đánh đuổi quân trú đóng Trung Hoa, giành độc lập. Năm 3423 tH, *544 dl*, Ngài xưng là Nam Việt Đế, niên hiệu Thiên Đức, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân. Lập ra Nhà Tiền Lý.

Đây là lần đầu tiên sách sử Trung Hoa ghi lại quốc hiệu và niên hiệu của dân ta.

Nhà Tiền Lý kéo dài 61 năm, từ 3420 tới 3481 tH, *541 tới 602 dl*.[6]

* *

Lần thứ 6 : Đức NGÔ NAM ĐẾ đại thắng Giặc NAM HÁN

Từ năm 3785 tH, *906 dl*, Đức Khúc Thừa Dụ đã giành quyền tự trị khỏi tay người Trung Hoa. Truyền được 3 đời.

Năm 3817 tH, *938 dl*, vua Trung Hoa Nam Hán sai thái tử là Hoằng Tháo kéo quân xâm lấn. Với trận cọc gỗ bọc

---

[5] Đọc thêm *Việt Nam Sử Lược*, q1, tr 39-40.

[6] Đọc thêm *nt*, tr 53-56.

sắt trên sông Bạch Đằng, Đức Ngô Nam Đế, húy là Ngô Quyền, đã đại thắng quân Hán, giết chết thái tử Hoằng Tháo. Hoàng đế Nam Hán là Lưu Cung cũng kéo quân tiếp ứng theo đường bộ. Nghe tin, ông khóc và rút về.[7]

* *

Lần thứ 7 : Đức LÊ ĐẠI HÀNH đại thắng Giặc TỐNG

Năm 3860 tH, *981 dl*, vua Tống sai tướng Hầu nhân Bảo kéo quân xâm lấn, theo hai đường bộ và thủy. Vì vua nước ta là Đinh Tuệ mới 8 tuổi, nên quân sĩ tôn tướng Lê Hoàn lên ngôi, tức là Đức Lê Đại Hành. Với một trận Chi Lăng, quân ta phá tan đoàn quân Tàu, giết Hầu nhân Bảo. Đoàn quân giặc theo đường biển vội vàng rút lui.[8]

* *

Lần thứ 8 : Đức LÝ NHÂN TÔN đại thắng Giặc TỐNG - Danh Tướng LÝ THƯỜNG KIỆT

Năm 3951 tH, *1072 dl*, vua Lý nhân Tôn lên ngôi. Vì vua mới 7 tuổi, nên việc quân đều ở trong tay danh tướng Lý Thường Kiệt.

Năm 3954 tH, *1075 dl*, Lý thường Kiệt và Tôn Đản kéo 10 vạn quân tái chiếm vùng châu Khâm, châu Liêm và châu Ung, nay thuộc Quảng Đông, Quảng Tây.[9]

---

[7] Đọc thêm *nt*, tr 66-68.

[8] Đọc thêm *nt*, tr 89-90.

[9] Vốn thuộc vùng đất Việt Lạc.

Năm 3955 tH, *1076 dl*, vua Tống sai Quách Quì và Triệu Tiết kéo hơn 30 vạn quân sang xâm lấn Nước ta. Nhưng chúng bị đánh tan ở sông Như Nguyệt. Giặc Tàu kéo tới hơn 30 vạn, chỉ còn 2 vạn 8 trở về ![10]

* *

Lần thứ 9 : Đức TRẦN THÁI TÔN đại thắng Giặc MÔNG CỔ

Năm 4133 tH, *1254 dl*, quân Mông Cổ đánh chiếm nước Đại Lý, ở vùng Vân Nam. Mông Cổ đương thời là đế quốc to lớn và hùng mạnh nhất thế giới, chiếm đóng từ Á sang Âu.

Năm 4136 tH, *1257 dl*, từ Vân Nam, tướng Ngột Lương Hợp Thai (Uriyangqatai) đem 3 vạn quân Mông Cổ và hơn 1 vạn quân Đại Lý tấn công Đại Việt, chiếm Thăng Long, đốt phá và giết mọi người trong thành.[11]

Vua Trần thái Tôn lo sợ, hỏi ý kiến Trần Thủ Độ. Trần thủ Độ khẳng khái : "Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin Bệ Hạ đừng lo !".

Chỉ mấy ngày sau, vua Trần thái Tôn dẫn quân phản công, đánh thắng quân Mông Cổ trong trận Đông Bộ Đầu.

---

[10] Đọc thêm *Vân Đài Loại Ngữ*, do Lê Quý Đôn, (viết năm 1773 dl), nxb Tự Lực, Sàigòn 1974, tr 174-175, dẫn *Nhị Trình Di Thư*, do Trình Di, và *Uyên Giám*, do Hoàng đình Kiên.

[11] Ngột Lương Hợp Thai là công thần thứ 3 của Nhà Nguyên, từng tham gia các trận đánh chiếm nước Kim, nước Đức, Ba Lan, Bagdad, và diệt nước Đại Lý.

Trên đường rút lui, quân Mông Cổ còn bị quân ta chận đánh tan tành ở vùng Qui Hóa.[12]

* *

Lần thứ 10 : Đức TRẦN NHÂN TÔN đại thắng Giặc NGUYÊN (Lần 1) - Danh Tướng HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG

Năm 4150 tH, *1271 dl*, Hốt Tất Liệt (Khubilai) trở thành Đại Hãn của đế quốc Mông Cổ, đổi quốc hiệu thành Nguyên. Năm 4158 tH, *1279 dl*, quân Nguyên chiếm trọn đất Trung Hoa. Đế quốc Mông Cổ bao trùm 40 quốc gia từ Á sang Âu.

Năm 4162 tH, *1283 dl*, Hốt Tất Liệt sai con là Thoát Hoan (Toghan), cùng với các danh tướng Toa Đô (Suodu), Ô Mã Nhi, kéo 50 vạn quân xâm lăng Đại Việt. Quân Nguyên còn có thủy binh từ Chiêm Thành đánh lên. Khi đó, toàn thể quân Đại Việt chỉ có 20 vạn.

Trước tình hình nguy biến, nhiều người muốn hàng hoặc tìm kế hoãn binh. Nhưng các tướng Trần Quốc Tuấn và Trần Khánh Dư cương quyết xin đem quân trấn giữ.

Vua Trần Nhân Tôn liền triệu tập các bô lão trong dân tại điện Diên Hồng để hỏi ý kiến. Toàn thể đồng thanh xin Đánh !

Trước thế giặc quá mạnh, quân ta phải rút về Vạn Kiếp. Ở phía Nam, quân Nguyên từ Chiêm Thành cũng đã

---

[12] Đọc thêm *Việt Nam Sử Lược*, q1, tr 126-128.

chiếm Nghệ An.

Vua Nhân Tôn lại lo sợ, "muốn hàng để cứu muôn dân". Nhưng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đáp : "Bệ Hạ nói câu ấy thật là lời nhân đức. Nhưng Quê hương Dân tộc thì sao ? Nếu Bệ Hạ muốn hàng, xin chém đầu tôi trước đã !"

Thoát Hoan dùng đại bác bắn phá, và vào được Thăng Long. Triều đình ta chạy về Thanh Hóa.

Khi đó tướng Trần Bình Trọng bị bắt. Thoát Hoan dụ hàng và hỏi : "Có muốn làm Vương không ?" Trần Bình Trọng quát to : "Ta thà làm quỷ Nước Nam, còn hơn làm vương đất Bắc !"

Tháng 5 năm 4164 tH, *1285 dl*, tướng Trần Nhật Duật phá được quân Toa Đô ở cửa Hàm Tử.

Sau đó, tướng Trần Quang Khải đưa quân đi thuyền từ Thanh Hóa ra đánh tan quân Nguyên ở bến Chương Dương, rồi dùng phục binh chiếm lại Thăng Long.

Đức Hưng Đạo Vương thì đem quân đánh ở Tây Kết, và giết được Toa Đô. Quân ta bắt được 3 vạn quân Nguyên và vô số chiến thuyền, khí giới.

Hưng Đạo Vương lại sai phục kích chận mọi đường quân Nguyên có thể rút lui, và tự mình dẫn đại quân lên Bắc Giang đánh Thoát Hoan. Quân Nguyên thua chạy, tới bến Vạn Kiếp bị phục kích, chết quá nửa.

Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, in năm 1697 dl, quân Nguyên kéo qua 50 vạn và sáu tháng sau, chỉ còn 5 vạn rút về.[13]

Lần thứ 11 : Đức TRẦN NHÂN TÔN đại thắng Giặc NGUYÊN (Lần 2) - Danh Tướng HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG

Cuối tháng 12 năm 4166 tH, *1287 dl*, Thoát Hoan lại theo hai đường thủy bộ, kéo thêm 50 vạn quân xâm lấn, với hơn 800 chiến thuyền, cùng với đoàn tàu 100 chiếc chở lương thực. Phía Đại Việt có khoảng từ 20 tới 30 vạn quân.[14]

Quân Nguyên chiếm được Thăng Long, nhưng sợ bị cắt đường liên lạc, nên tập trung ở Vạn Kiếp. Bộ chỉ huy của Đại Việt rút về vùng Đồ Sơn, Hải Phòng.

Tướng Trần Khánh Dư đưa quân phục ở bến Vân Đồn và phá tan đoàn thuyền lương.

Tháng 3 năm 4167 tH, *1288 dl*, cạn lương, Thoát Hoan sai Ô mã Nhi mở đường theo sông Bạch Đằng. Hưng Đạo Vương lại dùng kế đóng cọc bịt sắt xuống sông Bạch Đằng.[15]

Với trận Bạch Đằng, quân ta tiêu diệt hoàn toàn thủy quân của giặc Nguyên. Nghe tin thủy quân tan vỡ, Thoát Hoan kéo chạy về qua vùng Bắc Giang và Lạng Sơn, và cũng bị quân Đại Việt chận đánh tan tành.[16]

* *

---

[13] Đọc thêm *nt*, tr 137-150; *Việt Sử Toàn Thư*, tr 246-248.

[14] Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.

[15] Như Đức Ngô Nam Đế năm 938 dl.

Lần thứ 12 : Đức LÊ THÁI TỔ đại thắng Giặc MINH

Năm 4285 tH, *1406 dl*, giặc Minh kéo quân xâm lấn nước ta. Nhà Hồ thua. Giặc Minh, với Trương Phụ, bắt đầu chính sách đồng hóa dân ta với dân Tàu.

Năm 4297 tH, *1418 dl*, nông dân Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, Thanh Hóa, tự xưng là Bình Định Vương, gởi hịch kể tội giặc Minh và nêu rõ mục đích đánh đuổi quân giặc cướp nước.

Năm 4305 tH, *1426 dl*, sau 8 năm gian khổ, với nhiều lần nguy cấp, Bình Định Vương thắng trận Tụy Động, và bao vây thành Đông Quan, Thăng Long.

Cuối năm 4306 tH, *1427 dl*, giặc Minh lại đưa thêm 2 đạo quân sang đánh Đại Việt. Đạo quân do Liễu Thăng cầm đầu với hơn 10 vạn lính, 2 vạn ngựa. Đạo quân do Mộc Thạnh dẫn 5 vạn lính và 1 vạn ngựa. Nhưng tại Chi Lăng, quân ta giết Liễu Thăng, phá tan toàn bộ quân tiếp viện của giặc, bắt sống hơn 3 vạn quân Tàu. Mộc Thạnh nghe tin, bỏ chạy. Quân Nam theo đánh, giết hơn 1 vạn giặc Minh.

Nghe tin, Vương Thông đang chiếm đóng Đông Quan [Thăng Long], viết thư cầu hòa, và xin cho chúng rút quân về Tàu. Số tù binh, hàng binh và vợ con được thả về Tàu lên hơn 10 vạn người.[17]

* *

[16] Đọc thêm *Việt Nam Sử Lược*, q1, tr 151-161.

Lần thứ 13 : Đức QUANG TRUNG đại thắng Giặc THANH

Năm 4667 tH, *1788 dl*, Tôn Sĩ Nghị kéo 20 vạn quân Nhà Thanh, chia làm 3 đạo, tiến đánh Đại Việt, chiếm đóng Thăng Long.

Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đang ở Huế, được tin, tính chuyện tiến đánh. Quan quân xin Ngài lên ngôi Hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung.

Đức Quang Trung kéo quân ra tới Nghệ An, nghỉ 10 ngày để mộ thêm lính. Tất cả được 10 vạn quân và 100 con voi.

Đức Quang Trung cho ăn Tết sớm, đêm 30 kéo quân đi, và hẹn ngày mùng 7 Tết sẽ ăn Tết lại tại Thăng Long.

Trận đánh thần tốc đã phá hết các đồn giặc, đến nỗi chúng không kịp báo tin cho nhau. Chỉ trong mấy ngày, quân ta đánh chiếm từ Giản Thủy, tới Phú Xuyên, Hà Hồi, Ngọc Hồi... Sáng mùng 5 Tết, quân ta vào Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị không kịp mặc giáp, lên ngựa tháo chạy. Giặc Tàu chạy theo, chết đuối chật sông Hồng. Các đạo quân giặc ở phía Bắc cũng tất tả rút chạy. Tất cả đều chỉ trong 5 ngày.[18]

* * * *

[17] Đọc thêm *nt*, tr 217-234.

[18] Đọc thêm *Việt Nam Sử Lược*, q2, tr 130-134.

B. TRUNG HOA : TÊN KHỔNG LỒ CHIẾN BẠI

1. Tổng kết Sơ khởi

Như vậy, chỉ kể những lần Trung Hoa xua đại quân xâm lấn Nước Nam, dầu sách vở Trung Hoa đã giấu bớt quân số vì bị thất trận, tổng số các đoàn quân xâm lăng Trung Hoa đã có hơn *40 danh tướng*, hằng *ngàn đại tướng*, và hơn *400 vạn quân sĩ*.[19]

Đang khi đó, kể cả dân số, tài nguyên, quân sĩ, phương tiện chiến đấu... dân ta không bao giờ tương xứng với quân Trung Hoa xâm lược. Nhưng bất cứ lần nào, Đại Việt cũng đại thắng !

* *

2. Trung Hoa bị Chiếm đóng

Điểm đáng chú ý là trong 900 năm vừa qua, trong khi Việt Nam đánh bại mọi cuộc xâm lăng của Trung Hoa, thì *chính Trung Hoa lại bị* Kim, Mông, Mãn, Âu, *chiếm đóng và thống trị*.

Đáng chú ý hơn nữa, trong tất cả những lần Kim, Mông, Mãn... xâm chiếm Trung Hoa, lần nào thực lực xâm lấn, kể cả dân số, lãnh thổ, sản lượng, kỹ thuật, chiến cụ, quân đội... cũng đều *không bằng một phần mười* của Trung Hoa đương thời. Nhưng Trung Hoa đã luôn là kẻ chiến bại.

---

[19] Theo số đếm thông thường, tức là hơn 4.000.000 giặc.

Ngoài ra, những nhóm người *man di và ít oi* đó, lại thống trị Trung Hoa 'vĩ đại' tổng cộng *hơn 500 năm*. Kim 108 năm (1126-1234 dl), Mông 134 năm (1234-1368 dl), Mãn 267 năm (1644-1911 dl), trong đó có 72 năm chung với Âu (1839-1911 dl). Đó là chưa kể từ năm 1949 dl tới nay, Trung Hoa lại nằm dưới gọng kềm chủ nghĩa Cộng sản phát xuất từ Âu.

Trong suốt *hơn 5 thế kỷ* đó, kể cả hiện nay, *người dân* Trung Hoa buông xuôi, khuất phục, còn giới *nho sĩ* Trung Hoa lại chỉ biết phủ phục tuân lịnh 'vị Thiên tử' ngoại xâm để thẳng tay hành hạ và đàn áp người dân.

Thực vậy, Trung Hoa luôn là tên khổng lồ chiến bại. Nguyên nhân chính là ách thống trị của bọn 'thiên tử, thiên triều' tham tàn bạo ngược, đã biến người dân Trung Hoa thành những tên nô lệ đói ăn truyền kiếp. Trong suốt 3000 năm qua, hơn 99% người dân Trung Hoa chỉ là những tên nô lệ đói khát, tự ti, khiếp nhược, không lý tưởng, không nhân phẩm, chỉ biết tham lợi bất chấp thủ đoạn.[20]

Khi mọi người dân chỉ là những tên nô lệ đói ăn truyền kiếp, khiếp nhược, không ý chí, không tinh thần dân tộc, không đoàn kết... thì sức mạnh trình diễn của bọn quan quyền 'thiên triều' Trung Hoa cũng chỉ là cái *vỏ mỏng manh che đậy sự rời rạc của hàng tỉ mảnh vụn vị kỷ,*

[20] Về chủ thuyết Thiên Tử Thế Thiên và hệ quả, *xem* tr 323 : bài 16.

hèn nhát. Chiếc bong bóng căng cứng nầy sẽ sớm vỡ tan với chỉ một thoáng cọ xát.

Đây là thực tế lịch sử ngàn năm, và cũng là hiện tại.

* * * *

C. ƯU THẾ CỦA CHÚNG TA

Hơn nữa, trong tất cả mọi cuộc chiến chống Phương Bắc, Tổ Tiên chúng ta đã chỉ tự sức *chiến đấu đơn độc* một mình. Các Ngài đã không có bất cứ một yểm trợ nào do bất cứ từ đâu tới. Nhưng bất cứ lần nào, Việt Nam cũng đại thắng Trung Hoa ! Tất cả 13 lần, đều đại thắng.

Về phần chúng ta, *hiện nay*, chúng ta lại đang được yểm trợ từ khắp nơi. Trước hiểm họa Trung Hoa bành trướng, xâm lăng, trộm cướp, gian manh, phá hoại các nền kinh tế, lũng đoạn các thể chế... mọi người, *mọi dân nước trên toàn thế giới*, đều sẵn sàng tiếp tay chúng ta triệt hạ mối họa chung là Giặc Trung Hoa. Bạn hữu chúng ta lại nhiều ưu thế hơn Giặc Tàu.

Với bất cứ giá nào, ở bất cứ phương diện nào, các cường quốc hiện đại không thể nhường Trung Hoa cưỡng đoạt vị thế hùng mạnh nhất thế giới, nhất là khi toàn thể binh lực Trung Hoa cũng không bằng một phần nhỏ các hạm đội đối nghịch...

Hơn nữa, *toàn thể dân Việt* hiện nay, ở khắp làng xóm hang cùng ngõ hẻm, đều nôn nức vùng lên chiến đấu Đánh Giặc Tàu. Tinh thần dân tộc và đoàn kết chưa từng bộc lộ rõ ràng và mạnh mẽ như hiện nay. Mọi người đều sẵn sàng.

Cũng phải kể thêm *mấy triệu người Việt trên thế giới* cũng đang sẵn sàng đóng góp nhân lực, tài lực, vật lực, và nhất là trí lực, chuyên môn, kiến thức, kỹ thuật, kinh nghiệm, và ảnh hưởng... ở mọi lãnh vực ngoại giao, chính trị, kinh tế, tài chính, quân sự, xã hội... Tất cả đều được huy động tối đa để Đánh Giặc Tàu !

Chúng ta có nhiều ưu thế hơn Tổ Tiên chúng ta gấp bội.

CHÚNG TA sẽ ĐẠI THẮNG giặc TÀU, lần thứ 14.

16

NGUY CƠ ĐẠI HỌA VÀ TỬ HUYỆT CỦA TRUNG HOA

CHỦ THUYẾT THIÊN TỬ THẾ THIÊN HÀNH ĐẠO

1. DẪN NHẬP

1.1 Xuyên suốt Lịch sử

Trong hơn 3000 năm qua, từ ngày Tộc Hoa thành hình với Nhà Chu ở thung lũng Sông Vị năm *1046 ttl*, lịch sử Tộc Việt, và nhiều tộc dân vùng Á Đông, đã dính liền với cuồng vọng thôn tính của dân Hoa.[1]

Qua suốt lịch sử, giới thống trị Trung Hoa đã áp đặt một quan niệm thống trị cực đoan, với nhiều hệ quả tai hại. Họ đã thành hình chủ thuyết 'Thiên Tử Thế Thiên Hành Đạo', và chủ trương vua Trung Hoa là *con Trời thay*

[1] Về tộc Hoa thành hình, *xem* tr 143 : 7.1.1.

Trời thi hành Đạo Trời, để thống trị vạn vật.

Quan niệm '*Thiên tử thế thiên hành đạo*, thiên tử, thiên triều', đã là chủ lực của toàn bộ nền chính trị Trung Hoa, đã *tạo ra não trạng Trung Hoa*, với nhiều *hệ lụy khốc hại* cho nhiều dân tộc, đặc biệt cho chính dân Trung Hoa.

'Thiên tử thế thiên hành đạo' đã biến giới thống trị Trung Hoa thành bọn gian hùng, điêu ngoa, tự phụ, cuồng si với tham vọng thống trị thiên hạ... biến Trung Hoa thành *nguy cơ đại họa* cho toàn thể Nhân loại.

* *

1.2 Nguồn gốc Chủ thuyết Thiên tử thế thiên hành đạo

a. Tộc Hoa

Chủ thuyết nầy thành hình từ thời Chu, Tần, và được khai thác triệt để từ thời Hán, *206 ttl - 220dl*.

Từ khi bị ảnh hưởng của tộc Hoa, từ năm *1046 ttl* với nhà Chu, và đặc biệt từ năm *771 ttl* với nhà Tần, *xã hội vùng* lưu vực Hoàng Hà, đã chia thành hai giai cấp rõ rệt.

- Dân Hoa gốc du mục, lạc hậu về văn hóa, nhưng tàn bạo, nên chiến thắng, và trở thành giới thống trị.

- Cư dân địa phương thuộc văn hóa nông dân lúa nước, giàu có, văn hóa cao, và hiền hòa, nên bị trở thành giai cấp bị trị.

Mặc cảm chiến thắng toàn năng, cộng với tự ti vì lạc hậu về văn hóa, đã khiến giới thống trị Hoa *tiếm nhận tất cả những gì hay tốt* của cư dân địa phương làm của Hoa,

và đồng thời, quyết tâm *tiêu diệt mọi niềm tự hào* khỏi người dân bị trị.

Với đặc tính của nền văn hóa du mục, với tâm lý cao ngạo độc tôn, dân Hoa đã tôn vinh vua Hoa thành 'con Trời', thay Trời thống trị vạn vật. Quan chức Hoa thành 'Thiên triều', thành thần thánh, thay mặt 'Thiên tử' trực tiếp thống trị người dân.[2]

Hễ được kể thuộc thành phần quyền chức, quan lại Trung Hoa liền *tự nhận* mình được *số Trời tiền định* gia nhập Thiên triều, trở thành thần thánh vượt trên mọi người dân, và trở thành cuồng si trong tham vọng thống trị, khinh khi, bức hiếp và coi thường mạng sống người dân.

b. Mọi Thời

Chủ thuyết 'Thiên tử thế thiên hành đạo' đã được giới thống trị Trung Hoa tận dụng xuyên suốt mọi triều đại, và đã chi phối mọi quan niệm của Trung Hoa đối với thế giới.

Có thời, *Khổng Tử, 551-479 ttl*, đã cố công đưa ra những tiêu chuẩn thích đáng cho giới quyền chức. Nhưng mọi triều đại Trung Hoa, đặc biệt Hán, Đường, Tống, đã *cắt xén và sửa đổi*, biến Khổng học thành *phương tiện* phục vụ cho Thiên tử, cho Thiên triều.[3]

---

[2] Về văn hóa du mục, *xem* tr 37 : 2.4.4 và tr 39 : 2.4.6.

[3] Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam các Học Thuyết Á Đông*, tr 220 : α

Cũng do đó, thiên triều ngày càng trở thành quái ác với người dân lương thiện, và ngày càng trở thành tụ điểm thu hút bọn gian hùng cuồng vọng.[4]

* * * *

2. CHỦ THUYẾT QUÁI ĐẢN

2.1 'Thiên tử thế thiên hành đạo'

Theo chủ thuyết 'Thiên tử thế thiên hành đạo', bất cứ ai, do bất cứ nguồn gốc hoặc thủ đoạn gì, hễ *chiếm được ngai vàng* Trung Hoa là đã *được Trời tiền định trở thành Con Trời* để thay Trời thi hành Đạo Trời.

Do đó, ý muốn của vua Trung Hoa là ý Trời. Vua Trung Hoa là vua của toàn thể Nhân loại. Vạn vật dưới bầu trời, thiên hạ, đều thuộc về vua Trung Hoa. Vua Trung Hoa có toàn quyền sinh sát trên mọi con người, là chủ nhân mọi tài sản trên trái đất.

Do đó, toàn thể Nhân loại, và toàn thể vạn vật, có bổn phận thiêng liêng là khuất phục vua Trung Hoa.

* *

2.2 Thiên triều Thống trị

Hễ *làm vua là có thiên mệnh*, là đã được thiên định thành Con Trời, để thay Trời thống trị muôn dân. Nhưng thiên tử *cần quan lại* để thể hiện *quyền sinh sát* trên vạn

α ——————

9.1.3.

[4] *Xem* tr 180 : 8.6.

vật.

Do đó, triều đình, quan lại Trung Hoa, là thần thánh lớn nhỏ của thiên tử, là 'thiên triều thần thánh'. Thiên triều lãnh mệnh của thiên tử để *trực tiếp thống trị* muôn dân. Người dân phải tuân phục quan chức như tuân phục thần thánh.[5]

Vì vậy, trong suốt dòng lịch sử Trung Hoa, *giới sĩ phu Trung Hoa* luôn luôn *phủ phục thờ lạy bất cứ ai* đã trở thành 'thiên tử', *dầu là bạo chúa, dầu là ngoại xâm*, để được công nhận là thành phần của 'thiên triều', để được toàn quyền thống trị và sinh sát mọi người dân.

* *

2.3 Nhân loại hạ tiện

Ngoài thiên triều Trung Hoa thần thánh, mọi người dân Trung Hoa và toàn thể Nhân loại đều hạ tiện.

Người dân Trung Hoa bị truất bỏ mọi quyền sống tự lập. Người dân Trung Hoa hoàn toàn lệ thuộc vào thiên triều, chỉ là nô lệ truyền kiếp của thiên triều. Trong suốt dòng lịch sử Trung Hoa, thiên triều luôn tùy tiện hành hạ, bóc lột, và tàn sát người dân.[6]

---

[5] Thần thánh của Trung Hoa đều là các vua quan lớn nhỏ. Ông nào cũng mập mạp, phè phỡn, ăn no mặc đẹp. Ba ông Phúc Lộc Thọ là 3 thủ tướng của 3 triều vua. Chỉ trừ Lão Tử. - Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 150 : 7.1.2.

[6] Trong mọi cuộc tranh giành quyền lực, người dân Trung

Mọi giống dân bốn phía quanh Trung Hoa đều là mọi rợ man di, là *tứ di*. Tứ di nhờ ở gần Trung Hoa, và nhờ 'thiên triều' Trung Hoa mà có những điều tốt đẹp, văn minh.[7]

Các dân xa hơn tứ di, là *khỉ và đười ươi*. Chiêm Thành bị gọi là Nước của Khỉ, *Hồ Tôn Quốc*.[8]

Các dân xa xôi hơn đều là *quỉ*. Người châu Phi da đen là *quỉ*, người Âu, Mỹ là *bạch quỉ*.

* *

2.4 Sứ mạng Nô lệ hóa Thiên hạ

Do đó, theo 'mệnh trời', Trung Hoa có sứ mạng cao cả là *Nô lệ hóa Thiên hạ*, biến mọi con người, biến vạn vật dưới bầu trời, thành thần dân, thành nô lệ của Thiên triều Trung Hoa thần thánh.

* * * *

3. THỰC HÀNH QUÁI ÁC

3.1 Sách lược Ngoại Nho Nội pháp

Trong mấy ngàn năm qua, để thể hiện 'sứ mạng thi hành đạo trời', để thực thi chủ trương Nô lệ hóa thiên hạ,

α ———————

Hoa luôn là nạn nhân của những cuộc tàn sát tập thể do mọi phía. Nhiều làng, nhiều thành, nhiều vùng bị tuyệt diệt.

[7] Về Tứ di, *xem* tr 117 : 6.1.3b.

[8] Còn gọi là Hồ Tôn Tinh. - Hồ : mọi, (người hồ). Tôn : khỉ, (Tôn hành giả). Tinh : đười ươi (tinh tinh).

Thiên triều Trung Hoa đã xử dụng sách lược 'Ngoại nho Nội pháp'.

Bên ngoài, ngoại giao, hoặc nơi phần đất chưa thể xâm lăng, thì *núp dưới bóng Khổng học*, tuyên truyền chính sách nhân trị, khoan dung, viện trợ, từ thiện... Nhưng ngầm *bên trong và* đối với những người nằm *dưới ách thống trị*, thì áp đặt *luật pháp khắc khe*, chia rẻ, phá hoại, cướp bóc, đầu độc, thủ tiêu...

* *

3.2 Chính sách Soán đoạt và Hủy diệt

Cũng trong suốt dòng lịch sử, giới thống trị Trung Hoa, thiên triều, đã thực thi chính sách Soán đoạt và Hủy diệt.

Bằng mọi phương cách, bằng mọi thủ đoạn, Trung Hoa soán đoạt mọi sự hay tốt, mọi văn minh, kỹ thuật... của mọi dân mọi nước.

Đồng thời, Trung Hoa tận diệt mọi dấu vết cao trội hoặc khác biệt với Trung Hoa, và áp đặt định kiến mọi giống dân địa phương đều lạc hậu sơ khai, mọi sự hay tốt đều do và nhờ Trung Hoa mà có.[9]

* * * *

[9] Sắc lịnh ngày 21.8.1406 dl của Minh Thành Tổ, gởi Trương Phụ, ghi rõ chính sách của Trung Hoa : "Nhất thiết các thứ sách vở chữ viết, cho đến các câu ca lý dân gian, sách dạy trẻ... thì một mảnh một chữ đều đốt hết... Các bia do An Nam lập ra thì

4. HỆ QUẢ KHỐC HẠI CHO NGƯỜI DÂN TRUNG HOA

4.1 Thân phận Người Dân Trung Hoa

Trong suốt lịch sử, người dân Trung Hoa đã luôn là mồi ngon để giới quyền chức Trung Hoa thỏa mãn mọi cuồng vọng man rợ nhất của nền văn hóa du mục.

Càng cho mình cao sang thần thánh, *được Trời tiền định*, giới quyền chức Trung Hoa càng dùng mọi phương cách *hiếp bức và hạ nhục người dân*. Trong tầm mắt *và sách vở* của 'thiên triều', người dân *phải* thấp hèn, ngu si, hủ lậu, không tông tích, không cội nguồn, không lịch sử, không văn hóa, không nhân phẩm.[10]

Người dân Trung Hoa bị *tước bỏ mọi tư hữu, mọi quyền sống*. Cuộc sống người dân hoàn toàn *lệ thuộc vào 'đại ân đại đức'* của thiên triều gian tham bạo ngược.

Thực tế và lịch sử Trung Hoa là một bảng liệt kê những khốn cùng vô tận của người dân Trung Hoa.

α ———————

phá hủy tất cả, một chữ chớ để còn."

Chính sách Soán đoạt và Hủy diệt nầy không chỉ xảy ra trong quá khứ, mà mọi thời, ngay cả trong hiện tại.

[10] Chỉ có Thiên tử mới được thờ Trời. Chỉ có quan chức mới được tôn vinh Ông Bà Tổ Tiên.

Hoàn toàn trái ngược với Nếp sống Việt Nam. Mọi nhà Việt Nam đều có Bàn Thiên thờ Trời, trước sân, giữa trời, và có Bàn thờ Tổ Tiên trong nhà. - Đọc *Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông*, tr 165 : 7.5.3.

4.2 Gần 600 năm Nô lệ Ngoại Tộc

Trong 900 năm gần đây, Trung Hoa lại bị *gần 600 năm* dưới ách thống trị của *Kim, Mông, Mãn, Âu*.

Điểm đáng chú ý là trong tất cả những lần xâm chiếm Trung Hoa, từ Kim, đến Mông, Mãn, Âu... lần nào thực lực xâm lấn, kể cả *dân số, lãnh thổ, sản lượng, kỹ thuật, quân đội*... cũng đều không bằng *1 phần 10* của Trung Hoa đương thời. Nhưng Trung Hoa đã luôn là *kẻ chiến bại*.

Đáng chú ý hơn, là những nhóm người ít oi đó, lại *thống trị Trung Hoa* tổng cộng *gần 600 năm*. Kim 108 năm (1126-1234 dl), Mông 134 năm (1234-1368 dl), Mãn 267 năm (1644-1911 dl), trong đó có 72 năm chung với Âu (1839-1911 dl), và hiện nay, từ năm 1949, gần 70 năm dưới ách tham tàn của bọn nô lệ chủ nghĩa cộng sản châu Âu.

Trong những thời kỳ nầy, kể cả hiện nay, chủ nghĩa 'Thiên triều và Nô lệ' càng được giới thống trị ngoại tộc củng cố và tận dụng. Càng ngày giới quyền chức Trung Hoa càng hống hách và tàn bạo hơn đối với người dân.

Trong suốt gần 6 thế kỷ nầy, và cả hiện nay, *người dân* Trung Hoa *buông xuôi*, giới *nho sĩ* Trung Hoa lại chỉ biết phủ phục *tuân lịnh* 'vị Thiên tử' *ngoại xâm* để thẳng tay đày đọa người dân.

* * * *

5. HỆ QUẢ HIỆN NAY : NGUY CƠ ĐẠI HỌA VÀ TỬ HUYỆT CỦA TRUNG HOA

5.1 Não trạng Trung Hoa

Sau gần 3000 năm bị mọi triều đại áp đặt, người dân Trung Hoa sống với niềm tin vua là *con Trời*, quan lại là *thần thánh*, người dân là *nô lệ*. Trung Hoa có sứ mạng *Nô lệ hóa* toàn thể thiên hạ, theo sách lược *Ngoại nho nội pháp*, và chính sách *Soán đoạt và Hủy diệt*.

Đối với giới thống trị Trung Hoa, đây là những đương nhiên, không cần bàn cải, không thể thay đổi.

* *

5.2 Mặt nạ Khổng học

Thực thi sách lược *Ngoại nho Nội pháp*, Khổng học mà Trung Hoa trình bày với thế giới, chỉ là chiếc *mặt nạ* che giấu cuồng vọng tham tàn bạo ngược của những kẻ tự cho mình có 'thiên mệnh'. Bên ngoài chúng truyền bá Khổng học, nhưng bên trong chúng dùng mọi thủ đoạn để *Soán đoạt* và *Hủy hoại* mọi hay tốt của nơi chúng sinh sống.

Khổng học còn là tấm màn thống nhất *giả tạo* che giấu sự rời rạc hàng *tỷ mảnh vụn* của 99% người dân Trung Hoa nô lệ.[11]

* *

[11] Đọc thêm *Người Trung Quốc Xấu Xí*, do Bá Dương, xb Đài Loan, bản dịch Nguyễn Hồi Thủ, L.A., 1999.

5.3 Tử huyệt Trung Hoa

Hệ quả hiển nhiên nhất của chủ thuyết 'Thiên tử thế Thiên hành Đạo' là : trong suốt 3000 năm qua, từ *1046 ttl*, những tiếm đoạt, những xuyên tạc, những áp đặt, những hống hách, những lăng mạ, những cưỡng bức, những thâm hiểm, những hung bạo, những đầu độc, những tàn sát... của giới quyền chức Trung Hoa, đã là gánh nặng ngàn cân *nghiền nát tinh thần* và *nhân phẩm* của người dân Trung Hoa.

Người dân Trung Hoa là những tên nô lệ khiếp nhược truyền kiếp 3000 năm, đói khát, tự ti, không lý tưởng, không nhân phẩm... chỉ *tham tư lợi* bất chấp thủ đoạn.[12]

Cũng vì vậy, Trung Hoa *không bao giờ* có được *sức mạnh dân tộc* và *đoàn kết* đúng nghĩa. Tinh thần dân tộc và đoàn kết không thể nảy mầm nơi *99%* dân số truyền kiếp *nô lệ, đói ăn, và khiếp nhược*.

* Đây chính là nguyên nhân của gần 600 năm Trung Hoa lụy phục dưới ách thống trị của những nhóm dân *chỉ có 1/10* sức mạnh của Trung Hoa.

Hơn nữa, chính *600 năm bị nghiền nát* cùng cực nầy càng làm cho tình trạng thành tệ hại hơn và trở thành nhược điểm chí tử, thành *tử huyệt* của Trung Hoa hiện nay.[13]

---

[12] Không chỉ hiện nay, những xảo trá, lường gạt, gian manh, buôn lậu, đầu cơ, hàng giả, hàng nhái, hàng độc, hàng dơ... của người Hoa đã nổi tiếng từ thời xa xưa.

5.4 Giới quyền chức Trung Hoa Cuồng vọng Ảo tưởng

Đang khi đó, giới quyền chức Trung Hoa lại là những tên tự coi mình là có dự phần thiên mệnh, siêu phàm, luôn sống trong *Cuồng vọng thống trị* và *Ảo tưởng khoa trương*.

Đã không có thực lực tiềm tàng, lại hống hách tham tàn, cùng với những tăng trưởng kinh tế bấp bênh, những kỹ thuật trộm cắp, vá víu, những khoa trương tăng trưởng tạm bợ như Đập Tam Hiệp chông chênh, hàng ngàn khu đô thị không người, những đảo nhân tạo túi cát... đang làm cho trái bong bóng Trung Hoa phình lớn và bay cao, nhưng chứa đầy nguy cơ nổ tung tức thời.

Những mua chuộc giới quyền chức tham nhũng ở Châu Phi, và Nam Mỹ, không có giá trị hậu thuẫn thực tế, chính sách đàn áp hung bạo ở Tây Tạng, Mông Cổ, Tân Cương, Tứ Xuyên, và chính sách 'đẻ một con' thiêu rụi tương lai... càng làm cho bong bóng thêm căng cứng,

---

[13] Trong lần Nhật Bản xâm lăng Trung Hoa vừa qua, 1937-1945, *một người lính Nhật, với một cây súng*, đã một mình tiến chiếm và một mình cai trị *một làng* Trung Hoa trong suốt thời chiến.

Nhật Bản cũng đã phổ biến Phim tài liệu cho thấy 5000 tù binh Trung Hoa bị *100 lính Nhật* tập trung, rồi ung dung suốt mấy giờ đồng hồ sắp đặt dàn súng máy để tàn sát. Nhưng *5000 lính Trung Hoa chỉ đứng chờ bị bắn chết*, không một người lính Trung Hoa nào tính chuyện kháng cự lại 100 lính Nhật, hoặc bỏ chạy. (!)

thêm mỏng manh, thêm dễ nổ.

Vì gian tham, hung hãn và cường bạo, Trung Hoa ngày càng khiêu khích và càng trở thành đại họa khuấy động toàn thế giới.

Hơn nữa, với bất cứ giá nào, ở bất cứ phương diện nào, các cường quốc hiện đại không thể khoanh tay để Trung Hoa cưỡng đoạt vị thế thống trị thế giới, nhất là khi toàn thể binh lực Trung Hoa không bằng một phần nhỏ các hạm đội đối nghịch....

* * * *

6. THIÊN HẠ THÁI BÌNH

Thực vậy, chỉ cần một thoáng cọ xát, Trung Hoa sẽ nổ tan thành vài chục mảnh hoang tàn, với *vài mươi 'thiên tử'*.

Khi đó, bọn gian hùng Trung Hoa lại *hung hãn tàn sát lẫn nhau*, để tranh phần giữa mấy mươi cái 'thiên triều' mới.

Khi đó, rất gần thôi, Thiên hạ sẽ Thái Bình.

17

NAM HẢI :
BIỂN CỦA NƯỚC NAM

1. HAI PHƯƠNG NAM, BẮC

Theo Địa lý, Nam Bắc chỉ 2 phương vị : Phương Nam, Phương Bắc.

Ở Á Đông, Phương Nam còn hàm ý vùng có Mặt Trời nắng ấm, phương của sông nước, của phì nhiêu sung túc. Ngược lại, Phương Bắc âm u lạnh lẽo khô cằn.

Thời xa xưa, Sông Hoài Tần Lĩnh là đường ranh thiên nhiên chia 2 vùng, 2 giống dân, với Phương Nam canh nông lúa nước, và Phương Bắc du mục.[1]

Sông Hoài Tần Lĩnh luôn là ranh giới thiên nhiên giữa Phương Nam người Tộc Việt, Phương Bắc người Tộc Hoa. Tuy nhiên, từ thời Hán, *206 ttl - 220 dl*, sông Dương

---

[1] *Xem* tr 41 : 2.5.2 và bản đồ. - Đọc *Việt Sử Toàn Thư*, do Phạm văn Sơn, nxb Thư Lâm, Sàigòn 1960, tr 109.

Tử bị cưỡng định là ranh giới giữa Trung Hoa và Trăm Việt.

Sách vở Trung Hoa hiện vẫn còn dùng chữ *Nam Nhân* để chỉ dân Việt trên phần đất nay là nam Trung Hoa, và *Bắc Nhân* để chỉ Người Hoa.

Chữ *Bắc Thuộc* nêu rõ ý thức thời phụ thuộc Phương Bắc. Phương Bắc nầy lại là những nhóm người hoặc quốc gia thuộc Tộc Việt, chứ không nhất thiết là người tộc Hoa. Số quân xâm lấn và chiếm đóng nước ta hầu hết là dân Việt vùng Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông.[2]

* * * *

2. NAM, BẮC : VIỆT, HOA

Cách đây khoảng 6000 năm, dân Việt đã từ vùng Hồ Đồng Đình tiến *về Nam*. Khi đã định cư, dân Việt vùng Sông Hồng Sông Mạ đã tự xưng là *Dân Nam*.[3]

Thói quen nầy vẫn lưu truyền cho đến hiện nay.

Chữ *Nam* để chỉ Việt Lạc, Lạc Hồng, Đại Việt, phân biệt với *Bắc*, chỉ Trung Quốc.

Khi nói về quốc gia, *Nam* quốc, *Bắc* quốc,

---

[2] Giặc Nam Hán là quốc gia ở vùng Quảng Đông, trước năm 917 dl còn có quốc hiệu là Đại Việt. Đức Ngô Nam Đế (Quyền) đã đánh bại quân Nam Hán tại trận Bạch Đằng năm 938 dl. - Đọc *Việt Nam Sử Lược*, do Trần Trọng Kim, nxb Trung Tâm Học Liệu, Sàigòn 1971, q1, tr 67.

[3] *Xem* tr 64 : 3.5.3.

về triều đình thì *Nam* Triều, *Bắc* Triều,

về lịch sử : *Nam* sử, *Bắc* sử,

thuốc có thuốc *Nam*, thuốc *Bắc*...

Năm 1076, Đức Lý Thường Kiệt có bài ca chiến thắng, với câu đầu là : '*Nam Quốc* sơn hà *Nam Đế* cư'.

Năm 1428, Đức Nguyễn Trãi trong Bình Ngô đại cáo : 'Sơn hà cương vực đã chia, phong tục *Bắc Nam* có khác.'

* * * *

3. NƯỚC ĐẠI NAM

Năm 1839 vua Minh Mạng đổi quốc hiệu *Việt Nam* thành *Đại Nam*.

Hiện nay ta vẫn còn nhiều ấn ngọc, và nhiều tài liệu ngoại giao có đóng ấn vua, với quốc hiệu Đại Nam :

Ấn ngọc '*Đại Nam Thiên Tử Chi Tỷ*', khắc năm 1839, thời vua Minh Mạng.

Ấn ngọc '*Đại Nam Hoàng Đế Chi Tỷ*', khắc năm 1844, thời vua Thiệu Trị.

Hai ấn ngọc nầy dùng đóng trên các văn kiện ban sắc thư cho người nước ngoài, và khi vua đi tuần tra các địa phương. (hình).

ĐẠI NAM THIÊN TỬ CHI TỶ

ĐẠI NAM HOÀNG ĐẾ CHI TỶ

Ấn ngọc '*Đại Nam Thụ Thiên Vĩnh Mệnh Truyền Quốc Tỷ*', khắc năm 1847. Ấn ngọc nầy dùng để tế cáo Đại lễ Tế Trời ở Đàn Nam Giao, hoặc đóng trên những bản sắc mệnh ban bố cho thiên hạ, hoặc cho các nước chư hầu của Đại Nam, là Thái Lan, Ai Lao, Chân Lạp / Campuchia. (hình).[4]

ĐẠI NAM THỤ THIÊN VĨNH MỆNH TRUYỀN QUỐC TỶ

* * * *

4. NAM HẢI : BIỂN CỦA NƯỚC NAM, NAM QUAN : CỬA CỦA NƯỚC NAM

Từ khi dân Việt từ Hồ Đồng Đình tiến vào vịnh Bắc Phần, tên *Biển Nam*, Biển *phương* Nam, đã trở thành thông dụng, từ 6000 năm trước. Tộc Hoa mới thành hình năm *1046 ttl*, cách đây 3000 năm, và họ đọc thành *Nam Hải*.[5]

Khi dân Việt Lạc vùng Sông Hồng, Lạc Hồng, tự xưng là Dân Nam, Nước Nam, Đại Nam, Việt Nam, thì Biển

---

[4] Đọc thêm *Kim Ngọc Bảo Tỷ*, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội 2009, tr 36-37 và 160-165.

[5] Về tộc Hoa thành hình, *xem* tr 145 : 7.1.1a.

Nam, Nam Hải, trở thành tên riêng : *Biển của Nước Nam*, chứ không như người Hoa đã đánh lận là Biển Hoa Nam.

Cũng vậy, *Nam Quan*, ở Lạng Sơn, có nghĩa là *Cửa của Nước Nam*, chứ không có nghĩa là cửa ở phía nam của Trung Quốc.

Ngày nay, dĩ nhiên, Biển Nam, Nam Hải, còn được gọi là Biển Đông.

* * * *

5. BIỂN ĐÔNG VỚI ĐƯỜNG 9 ĐOẠN

5.1 Tóm lược

Tháng 2 năm 1948, *Trung Hoa Dân Quốc* phổ biến bản đồ Biển Đông với Mười Một Đoạn, được coi là phần lãnh thổ Trung Hoa, bao gồm hơn 90% Biển Đông, kể cả hơn một nửa Vịnh Hạ Long của Việt Nam.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Cộng sản Trung Quốc thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Trung Hoa Dân Quốc chỉ còn đảo Đài Loan.

Năm 1953 *Trung Cộng* bỏ hai đoạn trong Vịnh Hạ Long, trở thành 'Đường 9 Đoạn'.

Năm 1993, chính phủ *Đài Loan* lại công bố rằng Đường 9 Đoạn phân định ra vùng nước lịch sử của Trung Hoa.

Ngày 6 tháng 5 năm 2009 Trung Cộng trình lên Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc tấm bản đồ Đường 9 Đoạn trên Biển Đông, và tuyên bố quyền tối cao đối với "các đảo ở Biển Đông và các vùng biển lân cận".

Ngày 12 tháng 7 năm 2016, toà Permanent Court of Arbitration ở The Hague, Netherlands, căn cứ vào Phụ Lục 7 của *Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển 1982*, đã tuyên bố yêu sách Đường 9 Đoạn của Trung Quốc không có cơ sở pháp lý, Trung Quốc cũng không có "quyền lịch sử" với các vùng biển ở Biển Đông.[6]

* *

5.2 Vài Nhận định

a. Giặc trơ tráo

Tháng 2, 1948, khi *Trung Hoa Dân Quốc* phổ biến "Đường Mười Một Đoạn", là lúc Trung Hoa đang được coi là một cường quốc thắng trận, và là một trong 5 thành viên có quyền phủ quyết của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Nhưng đây cũng lại là thời kỳ nguy ngập nhất của chế độ. Do đó, Trung Hoa Dân Quốc không có giờ xác định bản đồ trên với thế giới.

Dầu vậy, năm 1993, 45 năm sau, dầu chỉ còn là một hòn Đài Loan nhỏ nhoi tiểu nhược, Trung Hoa Dân Quốc vẫn trơ tráo nhắc lại Đường 9 Đoạn, vẫn ngang ngược bám víu ảo vọng.

Phần Trung Cộng, năm 1953 cũng đã nhắc tới "Đường

---

[6] Permanent Court of Arbitration, PCA Case № 2013-19, *The South China Sea Arbitration Award of 12 July 2016*. - Tòa xét rằng không có bằng chứng lịch sử hiển nhiên nào chứng tỏ Trung Quốc đã hành xử chủ quyền trên vùng nước và tài nguyên trong vùng Đường 9 Đoạn.

9 Đoạn". Nhưng lại cũng vướng bận quá nhiều rắc rối nội bộ và không có hậu thuẫn quốc tế, nên đành lơ là. Cho tới năm 2009.

b. Giặc 3000 ngàn năm

Xem ra, cuồng vọng xâm lược 3000 năm của Dân Hoa vẫn không thay đổi, dầu là Hoa Dân Quốc hay Hoa Cộng Sản. Hoa nào cũng là Giặc Tàu.[7]

Nếu xét bản đồ 11 Đoạn và bản đồ 9 Đoạn, thì Giặc Tàu Dân Quốc gian tham hơn Giặc Tàu Cộng Sản.

c. Giặc hết thời

Xét theo tình hình, nếu Giặc Tàu Dân Quốc không bị Giặc Tàu Cộng Sản bức tử năm 1949, thì với uy thế cường quốc thắng trận Thế chiến 2, việc Giặc Tàu Dân Quốc cướp chiếm Biển Đông đã không một chút trở ngại. Thời đó, Giặc Tàu là đại cường quốc, Việt Nam không có tiếng nói nào trên thế giới, cũng chưa có *Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982*.

Theo một khía cạnh khác, thời 1948, khi thấy con cháu không đủ sức giải cứu Biển Đông, Tổ Tiên Việt Nam đã góp phần để hai Giặc Tàu giết nhau, và Giặc Tàu Dân Quốc, chủ mưu cướp Biển Đông, phải đại bại. Nhờ đó, Biển Đông đã không bị cướp.

Năm 2009, sau 61 năm, khi Giặc Tàu Cộng Sản ra mặt

---

[7] Về cuồng vọng thống trị của Trung Hoa, *xem* tr 326 : 16.2.

tranh cướp Biển Đông, thì Thế Giới đã có Luật Biển, và cũng là lúc Thế Giới, vì lợi ích chung, phải toàn lực giải cứu Biển Đông và triệt hạ Giặc Tàu.

d. Giặc giết nhau

Cũng như năm 1949, Giặc Tàu Dân Quốc, chủ mưu chiếm Biển Đông, đã bị đại bại, lần nầy, từ 2009, Giặc Tàu Cộng Sản càng hung hăng ở Biển Đông cũng sẽ càng bị tàn bại như chưa từng có, và tự xé tan thành vài mươi mảnh nhỏ hoang tàn.

Đây cũng là lúc Giặc Tàu, cả Cộng Sản và Dân Quốc, tan mộng xâm lăng, những mảnh Tàu nhỏ sẽ tàn sát lẫn nhau và lại sẽ bị xâm chiếm.

SÁCH THAM KHẢO

An Nam Chí Nguyên, do Cao Hùng Trưng, thế kỷ 17 dl. Bản dịch Hoa Bằng, nxb Đại Học Sư Phạm, Hà Nội 2017.

Anh Hùng Lĩnh Nam, phần *Di Tích Lịch Sử*, do Trần Đại Sỹ, nxb Nam Á, Paris 1986, 4q.

Bronze Drums in Vietnam, do Nguyễn Duy Hinh, The Vietnam Forum 9, 1987.

Chinese Regional Stereotypes, do Wolfram Eber-hard, (Dec 1965). *Asian Survey* (Univ. of California Press) 5 (12): 596–608.

Chinese Writing (*Wenzi-xue-gaiyao*), do Qiu Xigui, Society for the Study of Early China, Univ. of California, Berkeley 2000.

Cuộc Sống Con Người theo Văn Hóa Việt Nam, do Nguyễn Thanh Đức, 2020.

Cương Mục Tiền Biên, do Kim Lý Tường.

Di sản Hán Nôm Việt Nam, Thư mục đề yếu, do Viện Hán Nôm Việt Nam, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1993, 3q.

Dư Địa Chí, do Đức Nguyễn Trãi, viết năm 4317 tH, 1438 dl. Bản dịch Viện Sử Học, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976.

Dong Son Drums in Vietnam, do Phạm Huy Thông, nxb Khoa học Xã Hội, Hà Nội 1990.

Đại Hoang Tây Kinh, trong Sơn Hải Kinh

Đại truyện, trong Kinh Thư.

Đại Việt Sử Ký, do Lê văn Hưu, hoàn thành năm 1272 dl.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, do Ngô Sĩ Liên, hoàn thành năm 1479 dl. Bản dịch Phạm Công Trứ và Lê Hy, nxb Khoa Học Xã hội, Hà Nội 1993.

Đại Việt sử lược. Bản dịch Nguyễn Gia Tường, nxb TP HCM 1993.

Echoes from Old China: Life, Legends, and Lore of the Middle Kingdom, do K. S. Tom, University of Hawaii Press, 1989.

Erlitou and the Formation of Chinese Civilization : Toward a New Paradigm, do Sarah Allan. The Journal of Asian Studies, Cambridge Univ. Press 66 (2), 2007, tt 461–496.

Etudes d'Histoire d'Annam, IV, BEFEO XVIII.

Giao Châu Ký, thế kỷ 4 dl, dẫn ở Thủy Kinh Chú, q.14.

Hạ Thương Chu niên biểu, do Hạ Thương Chu đoạn Đại Công Trình, 2000. / www.

Han Xiaorong, *The present Echoes of the Ancient Bronze Drum: Nationalism and Archeology in Modern Vietnam and China*, Explorations in Southeast Asian Studies, Vol. 2, No. 2, Fall 1998, Hawaii University.

Hán Việt Từ Điển, do Đào Duy Anh, nxb Trường Thi, Sàigòn 1957.

Hán Việt Tự Điển, do Thiều Chửu, nxb TP HCM 2002.

Hán Việt Từ Điển Trích Dẫn, do Đặng Thế Kiệt, www Paris 2006-2011.

Hậu Hán Thư, do Phạm Diệp, thế kỷ 5 dl. Bản in Trung Hoa Thư Cục, Thượng Hải 1960.

Khâm định Việt sử Thông giám cương mục, do Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, viết trong những năm 1856-1884. Bản dịch Viện Sử học Việt Nam, nxb Giáo Dục, Hà Nội 1960.

Kiến Văn Tiểu Lục, do Lê Quý Đôn, 1726-1784. Bản dịch Nguyễn Trọng Điềm, Viện Sử học, nxb Trẻ, TP HCM 2013.

Kim Ngọc Bảo Tỷ, do Nguyễn Đình Chiến, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội 2009.

Kinh Dịch. Bản dịch Ngô Tất Tố, nxb Văn Học, TP HCM 2014.

Kinh Đạo Đức. Bản dịch Nguyễn Hiến Lê, nxb Văn Hóa - Văn Nghệ, TP HCM 2017.

Kinh Lễ. Bản dịch Nguyễn Tôn Nhan, nxb Văn học, TP HCM 1996.

Kinh Thi. Bản dịch Tạ Quang Phát, nxb Văn học, TP HCM 2004.

Kinh Thư. Bản dịch của Thẩm Quỳnh, nxb Trung tâm Học liệu, Sàigòn 1968, 1973.

La Justice de l'Ancien Annam, Traduction et Commentaires du Code des Lê, do Raymond Del-oustal, IDEO, Hà Nội 1911.

Lã Thị Xuân Thu, do Lã Bất Vi, hoàn thành năm 239 ttl.

Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, do Phan Huy Chú, hoàn thành năm 1819 dl. Bản dịch Viện Sử học Việt Nam, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1992.

Lĩnh Nam Chích Quái, do Trần Thế Pháp. Bản dịch Lê Hữu Mục, xb Huế 1960.

Mã Viện Truyện, trong Hậu Hán Thư.

Mỹ Thuật Cổ Truyền Việt Nam, do Nguyễn Khắc Ngữ, Nghiên Cứu Sử Địa, Montreal 1981.

Nam Man truyện, trong Hậu Hán Thư.

Nam Việt Chí, thế kỷ 5 dl.

Nếp Sống Tâm Linh Việt Nam, do Nguyễn Thanh Đức.

Nghiên Cứu Chữ Hán, do Vũ Thế Ngọc, nxb East-west Institute, San Jose, CA 1989.

Nguyễn Trãi Toàn Tập. Bản dịch Viện Sử Học, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976.

Nguồn Gốc Việt Nam của Bốn Học Thuyết Á Đông, do Nguyễn Thanh Đức, 2020.

Người Trung Quốc Xấu Xí, do Bá Dương, xb Đài Loan. Bản dịch Nguyễn Hồi Thủ, L.A. 1999.

Nhị Trình Di Thư, do Trình Di (1033–1107) và Trình Hạo.

Quảng Châu ký, do Bùi Uyên, viết năm 420-426 dl.

Quảng Đông Tân Ngữ, do Khuất đại Quân, 1630-1696

dl. Trích ở *Vân Đài Loại Ngữ*.

Sơn Hải Kinh, do Bá Ích, thế kỷ 3 ttl.

Sử Ký, do Tư Mã Thiên, viết năm 109-91 ttl.

Tam Quốc Chí, do Trần Thọ, thế kỷ 3 dl. (Khác với *Tam Quốc Diễn Nghĩa*, thế kỷ 14 dl).

Thái Bình Hoàn Vũ Ký, do Nhạc Sử, 930 - 1007 dl.

The Origins of Chinese Civilization, do David N. Keightly, Univ. of California Press, Berkeley, Los Angeles 1983.

The present Echoes of the Ancient Bronze Drum: Nationalism and Archeology in Modern Vietnam and China, do Han Xiaorong, Explorations in Southeast Asian Studies, Vol. 2, No. 2, Fall 1998, Hawaii Univ-ersity.

The South China Sea Arbitration Award of 12 July 2016, Permanent Court of Arbitration, PCA Case № 2013-19.

Thông Chí, do Trịnh Tiều, 1104-1162 dl.

Thục An Dương Vương Tiên Đế Ngọc Phả Cổ Lục. Dẫn ở Thời Đại Hùng Vương, nhiều tác giả, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976.

Thủy Kinh Chú, do Lịch Đạo Nguyên, viết năm 535 dl.

Trúc Thư Kỷ Niên, thế kỷ 4 ttl.

Trung Quốc Cổ Đại Đồng Cổ, do Trung Quốc Cổ đại Đồng cổ Nghiên cứu hội, Wenwu Press, Bắc Kinh 1988.

Trung Quốc Triết Học Sử, do Phùng Hữu Lan, xb Hồng Kông 1950.

Truyền kỳ mạn lục, do Nguyễn Dữ, đề tựa 1547 dl. Bản dịch chữ Nôm do Nguyễn Thế Nghi, phiên âm do Nguyễn Quang Hồng, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 2001.

Tứ Khố Toàn Thư, hoàn thành năm 1782 dl.

Uyên Giám, do Hoàng đình Kiên, thế kỷ 12 dl.

Vân Đài Loại Ngữ, do Lê Quí Đôn, 1772 dl. Bản dịch Phạm Vũ, Lê Hiền, nxb Tự Lực, Sàigòn 1974.

Việt Giang Lưu Vực Nhân Dân Sử, do Từ Tùng Thạch, Nxb Thượng Hải, Thượng Hải 1947.

Việt Kiều Thư. Bản chép tay của Thư viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, ký hiệu 1731/I.

Việt Nam thời Bảo Bình, do Nguyễn Thanh Đức, xb 2022.

Việt Nam Sử Lược, do Trần Trọng Kim, nxb Trung Tâm Học Liệu, Sàigòn 1971, 2q.

Việt Sử Thông Lãm, do Vũ Huy Chân, Kim Lai ấn quán, Sàigòn 1973.

Việt Sử Toàn Thư, do Phạm văn Sơn, nxb Thư Lâm, Sàigòn 1960.

BẢN ĐỒ

Năm Đường Ranh vùng Á Đông Xưa 41
Hai Vùng Nam Bắc Trung Hoa 43, 259
Vùng Tộc Việt Khởi Nguyên 51, 261
Ba Vùng Phát Triển chính 63
Đất Tộc Việt đầu Thời Hùng 90
Ba vùng Việt đầu Thời Hùng 2A 100
Các Di Chỉ 102
Chu, Sở, Việt năm 2406 tH, 473 ttl 109
Thời Hùng 2B : Việt Lạc và Hậu Hạ 112
Đất Tộc Việt đầu Thời Hùng 3A 119
Đất Tộc Việt đầu Thời Hùng 3B 124
Ân Cao Tôn xâm lăng Việt Lạc 125
Văn Minh Trống Đồng Việt Lạc 135
Việt và Hoa đầu Thời Hùng 4A 151
Việt Lạc thời Đức
Đại Đế Đồng Đình Lĩnh Nam 192, 293
Di tích Thành Ốc - Cổ Loa 215
Tộc Việt năm 4897 tH, 2018 dl 222

CHỮ TẮT

c : câu
dl : dương lịch, tây lịch
đb : đặc biệt
đọc : đọc thêm ở
gc : ghi chú
k : khoảng năm
lv : lịch Việt, âm lịch
nt : nơi trích dẫn trên
nxb : nhà xuất bản
q : quyển
qđ : năm qua đời
sđd : sách đã dẫn
tH : năm Thời Hùng
tr : trang
tt : các trang
ttH : trước Thời Hùng
ttl : trước tây lịch
v. : vua, thời gian trị vì
xem (ở gc) : đọc ở quyển nầy
www : trên mạng

LƯỢC SỬ 7000 NĂM TỘC VIỆT

Lịch Sử của hơn **1.184.000.000** Người
hiện đang ở vùng Đất trên **4.600.000** cây số vuông.
Sự Thực Lịch Sử xuyên qua hơn 2000 năm
bị gian tặc Hoa lạm nhận.

Tộc Việt khởi nguyên trước tộc Hoa hơn 4000 năm.

Hơn 300 năm trước khi tộc Hoa thành hình,
Tộc Việt đã kiện toàn nền Văn hóa Nhân Bản trỗi vượt,
và đã có nền Văn minh với hơn 5000 chữ viết.

Đồng thời với tộc Hoa thành hình,
Việt Lạc đã đúc những tuyệt tác bằng đồng, khắc ghi
Bốn Học Thuyết tinh hoa của Cuộc sống Con Người.

ISBN 978-1-875413-09-6